

DỰ ÁN “MÙA HÈ XANH”

NHÓM 1-HỌC KÌ II

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH DẠY THÊM MÔN NGŨ VĂN 9
HỌC KÌ 2**

Buổi	Số tiết	Nội dung	Ghi chú
1		- Văn bản nghị luận VN và nước ngoài: + <i>Bàn về đọc sách (Chu Quang Tiềm)</i> + <i>Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La-phông-ten (H. Ten)</i>	
2		- Văn bản nghị luận VN và nước ngoài: + <i>Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới (Vũ Khoan)</i> + <i>Tiếng nói của văn nghệ (Nguyễn Đình Thi)</i>	
3		- Các TP câu: + <i>Khởi ngữ</i> + <i>Các TP biệt lập</i> + <i>Nghĩa tường minh và hàm ý</i> + <i>Liên kết câu và liên kết đoạn văn.</i>	
4		- Nghị luận xã hội: <i>Dạng I: Nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống</i>	
5		- Nghị luận xã hội: <i>Dạng I: Nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống (Luyện tập)</i>	
6		- Nghị luận xã hội: <i>Dạng II: Nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí.</i>	
7		- Nghị luận xã hội: <i>Dạng II: Nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí (Luyện tập)</i>	
8		Nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.	
9		Luyện tập nghị luận về đoạn thơ bài thơ.	
10		- Thơ hiện đại VN: + <i>Nói với con (Y Phương)</i>	
11		- Thơ hiện đại VN: + <i>Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)</i>	
12		- Thơ hiện đại VN: + <i>Sang thu (Hữu Thỉnh)</i>	
13		- Thơ hiện đại VN: + <i>Viếng Lăng Bác (Viễn Phương)</i>	

14		Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.	
15		Luyện tập nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.	
16		- Truyện Hiện đại Việt Nam : + <i>Những ngôi sao xa xôi</i> (<i>Lê Minh Khuê</i>).	
17		Ôn tập học kì 2	
18		Ôn tập học kì 2 (tiếp)	
19		Luyện đề	
20		Luyện đề (tiếp)	

BUỔI 1

Ngày soạn : / /2020

Ngày dạy:

VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức : Giúp hs củng cố kiến thức về văn bản Bàn về đọc sách của tác giả Chu Quang Tiềm và văn bản *Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Fonten-ten* (Hi-pô-lít Ten)

2. Kỹ năng:

- Củng cố lại kỹ năng đọc và phân tích một văn bản nghị luận
- Rèn kỹ năng tìm hiểu, phân tích luận điểm, luận chứng trong văn nghị luận, so sánh cách viết của nhà văn và nhà khoa học về cùng một đối tượng

3. Thái độ, phẩm chất:

- Giáo dục thái độ yêu sách, trân trọng sách, ham mê đọc sách...
- Giáo dục cách đối sánh trong văn nghị luận

4. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề- Năng lực sáng tạo- Năng lực hợp tác- năng lực tự quản bản thân- Năng lực cảm thụ thẩm mỹ văn học...

II. Tiến trình lên lớp**Tiết 1****BÀN VỀ ĐỌC SÁCH (Chu Quang Tiềm)****A. Kiến thức cơ bản.**

<i>Hoạt động của Giáo viên - Học sinh</i>	<i>Kiến thức cần đạt</i>
Gv hướng dẫn hs khái quát lại một số những lưu ý cơ bản về tác giả và tác phẩm bằng cách nêu câu hỏi để học sinh trình bày. ?/ Trình bày những hiểu biết về tác giả và tác phẩm? Hs trình bày: -Chu Quang Tiềm là nhà mĩ học và lí luận	<u>I. Tìm hiểu chung</u> <u>1. Tác giả:</u> - Chu Quang Tiềm (1897 – 1986) là nhà mĩ học và lí luận văn học nổi tiếng của Trung Quốc. <u>2. Tác phẩm:</u> “ Bàn về đọc sách trích trong danh nhân

<p>văn học lớn của Trung Quốc</p> <p>?/ Gv yêu cầu hs xác định lại bố cục của văn bản</p> <p>Hs trao đổi theo bàn và trình bày</p>	<p>Trung Quốc , bản về niềm vui, nỗi buồn của người đọc sách</p>
<p>?/ Tại sao chúng ta phải có sách? Phải đọc sách?</p> <p>Hs: Sách là kho tàng tri thức mà nhân loại tích lũy được. Nhờ đọc sách mà ta có thể bổ sung thêm kiến thức bị hụt hẫng, tích lũy được vốn tri thức của nhân loại.</p> <p>Có thể xem sách như một hành trang để bước vào cuộc trường chinh vạn dặm trong cuộc sống.</p> <p>Gv nhận xét bổ sung chốt kiến thức</p>	<p><u>II. Tìm hiểu chi tiết văn bản</u></p> <p><u>1. Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sách có ý nghĩa vô cùng quan trọng trên con đường phát triển của nhân loại bởi nó chính là kho tàng kiến thức quý báu, là di sản tinh thần mà loài người đúc kết được trong hàng nghìn năm. + Sách đã ghi chép cô đúc và lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu mà mọi người tìm tòi, tích lũy được qua từng thời đại. → Sách trở thành kho tàng quý báu của di sản tinh thần mà loài người thu lượm, suy ngẫm suốt mấy nghìn năm nay. - Ý nghĩa của việc đọc sách đối với mỗi người. + Tích lũy nâng cao vốn tri thức. + Có thể làm cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn. + Là điều kiện để tiếp thu thành tựu mới của nhân loại. → Đọc sách là một con đường quan trọng để tích lũy và nâng cao vốn tri thức.
<p>Gv?/ Đọc sách có dễ không? Tại sao chúng ta phải lựa chọn sách khi đọc?</p> <p>+Trong tình hình hiện nay sách vở ngày càng nhiều thì việc đọc sách cũng ngày càng không dễ.</p> <p>Lượng sách in ra ngày càng nhiều, nếu không có sự lựa chọn, xử lý thông tin khoa học, con người dễ bối rối trước kho tàng tri thức khổng lồ mà nhân loại đã tích lũy được.</p> <p>?/ Chu Quang Tiềm đã nêu ra những nguy hại nào thường gặp khi chọn sách để đọc?</p>	<p><u>2. Những khó khăn, nguy hại dễ gặp của việc đọc sách trong tình hình hiện nay.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu. - Sách nhiều khiến người đọc lạc hướng, lãng phí thời gian, sức lực. - So sánh tương phản: + Sách ít, khó kiếm → Đọc kỹ. + Sách nhiều, dễ kiếm → Đọc qua loa.

<p>Tác giả đã dùng những so sánh nào để cho ta thấy được việc đọc sách ngày nay không dễ?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gv nhận xét bổ sung</p> <p>?/ Phân tích các hình ảnh so sánh được sử dụng trong đoạn ? Các hình ảnh so sánh ấy có tác dụng gì?</p> <p>Hs trao đổi theo bàn ,trình bày</p>	<p>- Hình ảnh so sánh: chiếm lĩnh học vấn giống như đánh trận cần phải đánh vào thành trì kiên cố....</p>
<p><i>GV cho học sinh thảo luận nhóm</i></p> <p><i>Nhóm 1,3,5: Theo ý kiến của tác giả chúng ta cần lựa chọn sách như thế nào?</i></p> <p><i>Nhóm 2,4,6: Chu Quang Tiềm đã bàn về phương pháp đọc sách như thế nào?</i></p> <p>Nhóm 3 trình bày – Nhóm 1 nhận xét</p> <p>– Học sinh chất vấn – GV nhận xét – Ghi bảng.</p> <p>Trong khi đọc tài liệu chuyên sâu không xem thường việc đọc sách thường thức, loại sách ở lĩnh vực gần gũi, kế cận với chuyên môn của mình. Tác giả bài viết đã khẳng định thật đúng “ trên đời không có học vấn nào là cô lập, tách rời các học vấn khác”. Vì thế ‘không biết rộng thì không thể không chuyên, không thông thái thì không thể không nắm gọn’. Ý kiến này chứng tỏ kinh nghiệm từng trải của một học giả lớn.</p> <p>GV giới thiệu các loại sách chuyên môn và thường thức cho học sinh. → Kiến thức không hề có sự cô lập. Vì thế việc kết hợp đọc các loại sách chuyên môn và sách thường thức sẽ giúp ta đánh giá nhìn nhận vấn đề khái quát và chính xác.</p>	<p><u>3 Phương pháp đọc sách.</u></p> <p>- Cần lựa chọn sách khi đọc.</p> <p>+ Đọc sách không cốt lấy nhiều, điều quan trọng là phải chọn cho tinh, đọc cho kỹ.</p> <p>+ Sách đọc nên chia làm mấy loại, sách đọc có kiến thức phổ thông và trau dồi học vấn chuyên môn. → Đọc sâu.</p> <p>+ Đọc cần chú ý đến sách phổ thông thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, có sự bổ sung cho nhau. → Đọc rộng.</p> <p>- Phương pháp đọc sách đọc sách đúng đắn:</p> <p>+ Không nên đọc lướt mà đọc kĩ, vừa đọc vừa suy ngẫm.</p> <p>+ Không nên đọc theo hứng thú cá nhân mà đọc có kế hoạch, có hệ thống.</p>
<p>Gv hướng dẫn học sinh tổng kết lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật</p>	<p><u>III. Đặc sắc nghệ thuật, nội dung</u></p> <p><u>1. Nghệ thuật</u></p> <p>- Bố cục chặt chẽ, hợp lí.</p> <p>- Dẫn dắt tự nhiên, xác đáng bằng giọng chuyện trò, tâm tình của một học giả có uy tín đã làm tăng tính thuyết phục của văn bản</p>

- Lựa chọn ngôn ngữ giàu hình ảnh với những cách ví von cụ thể và thú vị...

2. Nội dung:

Ý nghĩa văn bản, tầm quan trọng ý nghĩa của việc đọc sách và cách lựa chọn sách, cách đọc sách sao cho hiệu quả.

B. Luyện tập:

Gv chia lớp thành bốn nhóm, phát phiếu học tập, các nhóm thảo luận, trình bày.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: *(1) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại. Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. Các thành quả đó sợ dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật của nhân loại. Chúng ta mong tiến lên từ văn hoá, học thuật của giai đoạn này, thì nhất định phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát. Nếu xóa bỏ hết các thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ thì chưa biết chừng chúng ta đã lùi điểm xuất phát về đến mấy trăm năm, thậm chí là mấy nghìn năm trước. Lúc đó, dù có tiến lên cũng chỉ là đi giạt lùi, làm kẻ lạc hậu.*

(2) Đọc sách là muốn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi, là một mình hưởng thụ các kiến thức, lời dạy mà biết bao người trong quá khứ đã khổ công tìm kiếm mới thu nhận được. Có được sự chuẩn bị như thế thì một con người mới có thể làm được cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới.

(Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên?

Câu 2: Nội dung chính của đoạn trích?

Câu 3: Trong đoạn (1), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu 4: Theo anh/chị tại sao tác giả cho rằng: Đọc sách là muốn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích

lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi, là một mình hưởng thụ các kiến thức, lời dạy mà biết bao người trong quá khứ đã khổ công tìm kiếm mới thu nhận được.

Câu 5: Qua lời bàn của Chu Quang Tiềm, anh/ chị thấy sách có tầm quan trọng như thế nào? Việc đọc sách có ý nghĩa gì?

Câu 6: Theo anh/ chị, vì sao muốn tích lũy kiến thức, đọc sách có hiệu quả thì trước tiên cần phải biết chọn lựa sách mà đọc?

Câu 7: Anh/chị hãy nêu quan điểm của mình về ý nghĩa của việc đọc sách đối với lớp trẻ ngày nay.

Gợi ý:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích là nghị luận.

Câu 2. Nội dung chính của đoạn trích: Bàn về việc đọc sách và nhấn mạnh đọc sách là một con đường quan trọng của học vấn, và con đường học vấn không thể thiếu sách.

Câu 3: Trong đoạn (1) tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận: phân tích.

Câu 4. Sách là kết tinh văn minh nhân loại, là nơi hội tụ mọi tinh hoa của loài người về mọi lĩnh vực nhân văn và khoa học, đánh dấu những bước đường đi lên của mọi dân tộc, mọi quốc gia trên hành trình qua nhiều thiên niên kỉ. Sách hội tụ bao kiến thức để mở rộng tầm nhìn, nâng cao trí tuệ, bồi đắp tâm hồn cho mọi thế hệ.

Câu 5: Qua lời bàn của Chu Quang Tiềm, ta thấy sách có tầm quan trọng rất lớn, đó là con đường của học vấn vì sách là kho tàng tích lũy kiến thức của nhân loại. Muốn tiến bộ thì phải đọc sách, phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát. Việc đọc sách có ý nghĩa: tiếp thu kiến thức, cập nhật những vấn đề mới để không bị lạc hậu. Từ đó ta mới có thể vững vàng trên con đường học vấn.

Câu 6: Vì sao muốn tích lũy kiến thức, đọc sách có hiệu quả thì trước tiên cần phải biết chọn lựa sách mà đọc? Vì: sách có nhiều loại sách, nhiều lĩnh vực: khoa học, xã hội, giải trí, giáo khoa... Mỗi chúng ta cần biết mình ở độ tuổi nào, có thể mạnh về lĩnh vực gì. Xác định được điều đó ta mới có thể tích lũy được kiến thức hiệu quả. Cần hạn chế việc đọc sách tràn lan lãng phí thời gian và công sức...

Câu 7.

Sách là nguồn cung cấp tri thức khổng lồ mà ta sẽ khó có thể khai thác hết. Có rất nhiều các loại sách: sách khoa học, sách văn học, sách kinh doanh,... Mỗi loại sách đó sẽ cho ta những kiến thức và hiểu biết khác nhau và phù hợp với từng đối tượng khác nhau. Doanh nhân sẽ tìm sách kinh doanh để đọc. Bác sỹ sẽ đọc sách về ngành y. Còn học sinh chúng ta nên đọc những loại sách khoa học, văn học và lịch sử để bổ sung kiến thức về các môn học. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều các loại sách có những nội dung không văn minh. Vậy nên, việc chọn sách để đọc là vô cùng quan trọng, bởi những kiến

thức trong sách sẽ ảnh hưởng đến nhận thức và suy nghĩ của chúng ta. Việc đọc sách không chỉ giúp chúng ta mở rộng hiểu biết về chuyên môn mà sách còn giúp chúng ta hoàn thiện bản thân và nuôi dưỡng tâm hồn mỗi người. Sách dạy ta đạo làm người, cách đối nhân xử thế với cha mẹ và những người xung quanh. Sách dạy ta phải sống lương thiện và sống có ích. Ngoài ra sách còn dạy ta biết yêu thương bản thân mình và yêu thương nhân loại. Sách giúp ta biết khóc khi gặp những cảnh ngộ đáng thương bằng cách đi theo từng diễn biến tâm trạng của những nhân vật trong chuyện. Sách khiến ta biết cười để thấy tâm hồn mình rộng mở và chào đón những điều tốt đẹp sẽ đến với ta.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: “ Lịch sử càng...tự tiêu hao lực lượng”

1. Theo tác giả, sách “ có thể làm trở ngại cho nghiên cứu học vấn”. Điều đó biểu hiện như thế nào?

2. “ Chiếm lĩnh học vấn giống như đánh trận, cần phải đánh vào thành trì kiên cố, đánh bại quân địch tinh nhuệ, chiếm cứ mặt trận xung yếu”.

- Chỉ ra phép tu từ được dùng trong câu trên.

- Em hiểu câu văn trên như thế nào?

3. Đọc sách như thế nào cho hiệu quả? Hãy chia sẻ suy nghĩ của em bằng đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ?

Gợi ý:

1. Theo tác giả, sách “ có thể làm trở ngại cho nghiên cứu học vấn”. Điều đó biểu hiện :

- Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu.

- Sách nhiều dễ khiến người đọc lạc hướng.

2. “ Chiếm lĩnh học vấn giống như đánh trận, cần phải đánh vào thành trì kiên cố, đánh bại quân địch tinh nhuệ, chiếm cứ mặt trận xung yếu”.

- Phép tu từ được dùng trong câu trên là phép so sánh.

- Câu văn có ý nghĩa khẳng định sự gian khổ của việc chiếm lĩnh học vấn hay cũng là việc đọc sách; đồng thời khuyên con người về cách đọc sách đúng đắn: cần đọc có trọng tâm, trọng điểm.

3. Cần đảm bảo các ý sau:

- Đọc sách phải phù hợp với lứa tuổi, đúng nhu cầu học tập và trình độ nhận thức của bản thân.

- Đọc sách cần coi trọng chất lượng hơn số lượng. Do đó phải đọc kĩ, vừa đọc vừa nghiền ngẫm, nên tóm tắt ghi chép lại những ý quan trọng để tránh bị lãng quên.

- Vừa đọc vừa liên hệ với thực tế trải nghiệm của bản thân để suy ngẫm về những quan điểm trong sách, có thể đồng tình hoặc phản biện. Có thể viết nhận xét, đánh giá về sách.

- Đọc sách cần sự kiên trì.
- Đọc nghĩa là học, học phải đi đôi với hành, nghĩa là áp dụng được những điều học được từ cuốn sách và thực tế.
- Phải nâng niu trân trọng, giữ gìn sách
- Liên hệ bản thân: Em đã biết cách đọc sách hiệu quả chưa?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“ Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ. Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được mười quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần.”

1. Nêu chủ đề của văn bản “ Bàn về đọc sách”. Đoạn trích trên đề cập đến khía cạnh nào của chủ đề?
2. Đoạn văn được viết theo kiểu lập luận nào?
3. Vì sao tác giả cho rằng: “ Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ”
4. Đọc sách là một con đường quan trọng để tích lũy, nâng cao học vấn. Em hãy trình bày suy nghĩ (*Khoảng 200 chữ*) về vấn đề đọc sách trong hoàn cảnh thế giới công nghệ thông tin đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay

Gợi ý:

1.

- Bàn về sự cần thiết của việc đọc sách và phương pháp đọc sách.
- Đoạn văn đề cập đến phương pháp đọc sách(cách đọc sách).

2. Đoạn văn được viết theo kiểu lập luận diễn dịch.

3. Câu “ Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ.”, tác giả cho rằng như thế vì: Nếu không chọn cho tinh, dễ bị chạy theo số lượng, đọc mà không hiểu được bao nhiêu, đồng thời lãng phí thời gian và sức lực.

Đọc ít mà đọc kĩ thì sẽ tập hợp thành “ nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm, tích lũy kiến thức..” Từ đó học vấn mới được nâng cao.

4. Yêu cầu hình thức:

- Đoạn văn khoảng 200 chữ
- Trình bày rõ ràng, sạch sẽ, mạch lạc, không sai chính tả, diễn đạt.

Yêu cầu nội dung: Các ý cơ bản:

* **Tầm quan trọng của đọc sách:** Dù xã hội có phát triển đến đâu thì đọc sách vẫn giữ vai trò quan trọng. Đọc sách là con đường quan trọng tiếp nhận, chiếm lĩnh tri thức của nhân loại sách bồi dưỡng tâm hồn hướng con người đến những điều tốt đẹp...

* **Trong hoàn cảnh công nghệ thông tin đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay:**

- Không ít người tỏ ra thờ ơ với việc đọc sách các thư viện vắng người, cửa hàng sách ế ẩm nhiều quyển sách có giá trị nhưng chỉ phát hành với số lượng ít ỏi.
- Thay vì đọc sách, người ta tìm kiếm thông tin cần thiết trên mạng hoặc qua các thiết bị nghe nhìn hiện đại: Ti vi, đài, điện thoại thông minh có kết nối internet... so với việc đọc sách báo, các phương tiện nghe nhìn ấy có những lợi thế hơn và phù hợp, thuận tiện hơn với nhịp sống hiện đại.

*** Hệ quả của việc ít đọc sách:**

- Mất đi cơ hội được tiếp cận và chiếm lĩnh kho tàng tri thức đồ sộ, phong phú của nhân loại kiến thức bị hạn chế. Mạng Internet có khối lượng thông tin lớn, nội dung phong phú, nhanh và cập nhật nhưng khi đọc xong, thông tin đọng lại trong người đọc không được bao nhiêu. Người đọc không thể “gặm nhấm”, “nhâm nhi” từng câu văn cũng như linh hồn mà tác giả gửi gắm vào đó giống như đọc sách truyền thống.

- Mất đi cơ hội để bồi dưỡng, nâng cao đời sống tâm hồn...

Hiện nay, KHCN phát triển, sách mềm, sách điện tử đã ra đời song không nhiều, nội dung chưa phong phú. Vì vậy, việc đọc sách mềm và sách điện tử không thể thay thế cho việc đọc sách giấy.

*** Giải pháp:**

- Xã hội cần đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giới thiệu sách.
- Thư viện trường học cần bổ sung đầu sách với nội dung đa dạng, phong phú, hấp dẫn, phù hợp với nhu cầu, sở thích của học sinh.
- Cá nhân cần tạo thói quen đọc sách hàng ngày chọn sách hay, phù hợp với mục đích, nhu cầu đọc kĩ, suy ngẫm để tạo thành kiến thức, nếp nghĩ cho bản thân.
- Người đọc cần phải biết kết hợp hài hòa giữa văn hóa đọc truyền thống và văn hóa đọc hiện đại để đạt được hiệu quả cao nhất.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu :

Bất cứ lĩnh vực học vấn nào ngày nay đều đã có sách vở chất đầy thư viện, trong đó những tác phẩm cơ bản, đích thực, nhất thiết phải đọc chẳng qua cũng mấy nghìn quyển, thậm chí chỉ mấy quyển. Nhiều người mới học tham nhiều mà không vụ thực chất, đã lãng phí thời gian và sức lực trên những cuốn sách vô thưởng vô phạt, nên không tránh khỏi bỏ lỡ mất dịp đọc những cuốn sách quan trọng, cơ bản. Chiếm lĩnh học vấn giống như đánh trận, cần phải đánh vào thành trì kiên cố, đánh bại quân địch tinh nhuệ, chiếm cứ mặt trận xung yếu. Mục tiêu quá nhiều, che lấp mất vị trí kiên cố, chỉ đá bên đông, đâm bên tây, hóa ra thành lối đánh “tự tiêu hao lực lượng”.

Câu 1. Trong đoạn trích trên tác giả phê phán cách đọc sách nào? (0,5đ)

Câu 2. Em hiểu như thế nào về từ “học vấn” được sử dụng trong đoạn trích (0,5đ)

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ được sử dụng trong câu (1đ)

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1. Tác giả phê phán cách đọc sách “*tham nhiều mà không vụ thực chất*”

Câu 2. Nghĩa của từ “học vấn” trong đoạn trích: những hiểu biết thu nhận được qua quá trình học tập.

Câu 3. Phép tu từ được sử dụng: So sánh : “*Chiếm lĩnh học vấn giống như đánh trận*”

-Tác dụng:

+ Đưa ra lời khuyên dễ hiểu về đọc sách: đọc sách là công việc khó khăn, cần phải chuyên sâu, có trọng tâm, đọc những quyển cơ bản, có ích, có giá trị, tránh đọc tràn lan, thiếu chọn lọc.

+ Khẳng định tầm quan trọng của việc đọc sách, cổ vũ mọi người tích cực đọc sách.

Tiết 3

CHÓ SÓI VÀ CỪU TRONG THƠ NGỤ NGÔN CỦA LA PHÔNG- TEN -Trích- (Hi-pô-lít Ten)

<i>Hoạt động của GV- HS</i>	<i>Kiến thức cần đạt</i>
<p>Gv?Nêu lại vài nét chính về tác giả? Hs trình bày Gv nhận xét bổ sung</p> <p>Gv? Em hãy cho biết vị trí của đoạn trích? Văn bản trên thuộc kiểu văn bản gì ? Hs trình bày</p>	<p>I. Khái quát chung 1.Tác giả - Là triết gia, sử gia, nhà nghiên cứu văn học Pháp, viện sĩ Viện Hàn lâm Pháp 2. Tác phẩm - Vị trí: Văn bản trích từ chương II , phần thứ hai của công trình nghiên cứu <i>La Phông Ten và thơ ngụ ngôn của ông(1853)</i> - Kiểu văn bản: Nghị luận văn chương (đối tượng nghị luận là một tác phẩm văn học)</p>
<p>-GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi -> Đại diện trình bày -> HS nhận xét và bổ sung (1) Dưới con mắt của nhà khoa học Buy-Phông, loài cừu có những biểu hiện gì? (2) Cách nhìn nhận của nhà khoa học về loài cừu có chính xác không ,vì sao? (3) Với Cách nhìn nhận chính xác và khoa học ,em hiểu gì về mục đích của Buy Phông khi viết về loài Cừu ? Hs trình bày Gv nhận xét bổ sung</p>	<p>II. Phân tích 1.Hình tượng con Cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông -ten * Dưới con mắt của nhà khoa học Buy-Phông - Thường tụ tập thành bầy - Co cụm lại với nhau - Không biết chôn tránh nỗi nguy hiểm - Chỉ biết làm theo con đầu đàn -> Cung cấp những thông tin khoa học về đối tượng .</p>
<p>GV:yêu cầu HS chú ý vào đoạn thơ của La Phông –ten ? Trong thơ của La Phông-Ten, Cừu non được miêu tả có phải là loài cừu nói</p>	<p>* Trong thơ của La Phông-Ten - Cừu ở đây là con cừu cụ thể (một chú cừu non bé bỏng) đặt trong một hoàn cảnh đặc biệt đó là đối mặt với chó sói bên bờ suối.</p>

<p>chung không?</p> <p>? La Phong-Ten đã nhìn nhận về Cừu với những đặc tính gì ?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>GV: chốt</p> <p>?Qua các chi tiết trên ,em hiểu gì về cách cảm nhận của La Phong Ten ?</p> <p>? Như vậy em thấy cái nhìn của nhà khoa học và nhà thơ có gì khác nhau. Tại sao lại có sự khác nhau đó ?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gv chốt kiến thức</p>	<p>- Cừu trong thơ của La Phong-Ten có những đặc tính giống với Buy- Phong nhận định nhưng con Cừu còn là con vật tội nghiệp, buồn rầu, dịu dàng, hiền lành ,nhân nhục, thông minh, tốt bụng , thương con...</p> <p>-> La Phong-Ten đã động lòng thương cảm với bao nỗi buồn rầu và tốt bụng như thế...</p> <p>- Loài vật cũng có tình cảm -> thương yêu loài vật</p> <p><=> La Phong-Ten muốn rút ra bài học ngụ ngôn đối với con người (đây là sáng tạo của người nghệ sĩ)</p>
<p>(1) Dưới ngòi bút của nhà khoa học Buy- Phong, hình tượng chó Sói được hiện lên qua những chi tiết nào ?</p> <p>(2)Từ những chi tiết trên Buy Phong đã làm nổi bật đặc điểm nào của loài sói ?</p> <p>? Theo em nhà khoa học Buy Phong nhìn nhận có đúng không. Vì sao ? Vậy mục đích của Buy-phông khi miêu tả về 2 con vật này là gì ?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gv bổ sung</p>	<p>3. Hình tượng con chó Sói</p> <p>* Cách nhìn của Buy Phong</p> <p>- Ghét mọi sự kết bè kết bạn, Bộ mặt lấm lét , hoang dã,hung dữ và hành động đầy bản năng man rợ.</p> <p>- Cung cấp cho người đọc những thông tin khoa học về đối tượng một cách chính xác chứ không khai thác đời sống tâm hồn của đối tượng</p>
<p>? La Phong - Ten nhìn Sói trong hoàn cảnh nào ?</p> <p>? Bản tính của chó Sói được La Phong - Ten khắc hoạ như thế nào ?</p> <p>? Qua hình ảnh con chó Sói, nhà văn đã gửi đến chúng ta những suy ngẫm gì về cuộc sống ?</p> <p>Hs trình bày</p> <p>Gs nhận xét chốt kiến thức</p>	<p>* Cách nhìn của La Phong – Ten</p> <p>- Con Sói đói meo, gầy gò xương đi kiếm mồi , gặp một chú Cừu non, muốn ăn thịt Cừu</p> <p>- Tác giả muốn gửi gắm thông điệp: đó là cái lí của kẻ mạnh, kẻ ác, chúng luôn tìm cớ để che đậy cho hành động tội ác của mình.</p> <p>- La Phong - Ten thấy được nhiều mặt của nó: từ bản năng đến cuộc sống đó là những con thú tàn bạo song đói khát.</p> <p>=> Cái nhìn của La Phong - Ten là cái nhìn đầy thương cảm, nhân đạo của một con người giàu lòng thương yêu.</p>
	<p>III. Đặc sắc nghệ thuật, nội dung</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <p>- So sánh hình tượng con cừu và con chó sói trong thơ ngụ ngôn của La Phong – Ten với</p>

Gv yêu cầu hs khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật	những dòng viết về hai con vật ấy của nhà khoa học Buy-phông 2, Nội dung - Đặc trưng của sáng tác nghệ thuật là in đậm dấu ấn cách nhìn, cách nghĩ riêng của tác giả
---	---

B. Luyện tập

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Bài tập 1 Để xây dựng hình tượng con cừu trong bài Chó sói và cừu non, nhà thơ La Phong-ten lựa chọn khía cạnh chân thực nào của loài vật này, đồng thời có những sáng tạo gì? Hs suy nghĩ và làm ra vở Gv chữa bài chốt kiến thức	Để xây dựng hình tượng con cừu trong bài Chó sói và cừu non, nhà thơ La Phong-ten lựa chọn khía cạnh chân thực đó là tính cách của con cừu khi gặp phải thiên địch của nó - loài chó sói. Tác giả đã đặt con cừu trong hoàn cảnh gặp con chó sói hồng hách, ngang ngược bên bờ suối. Hoàn cảnh đó làm nổi bật lên tính chất hiền lành, nhút nhát - cũng là một đặc điểm tiêu biểu cho tính nết của loài cừu. Cũng từ đó tác giả đã sáng tạo nhân cách hoá con cừu, miêu tả cả chó sói và cừu như những con người cụ thể.
Bài tập 2 Từ sự so sánh về hình tượng chó sói và cừu trong thơ La phong Ten và nhà khoa học Buy-Phông, em hiểu như thế nào về nhận định: Buy – phông dựng một vở bi kịch về sự độc ác, còn La Phong – ten dựng một vở hài kịch về sự ngu ngốc? Hs trao đổi theo nhóm (2 bàn một nhóm) Gv gọi đại diện nhóm nêu ý kiến Các nhóm khác nhận xét Gv nhận xét chốt kiến thức	Buy phông dựng một vở bi kịch về sự độc ác: Buy phông dùng quan điểm, góc nhìn của nhà khoa học để nói về loài sói dưới góc độ là thú dữ hoang dã. Buy phông nhìn thấy kẻ ác thú khát máu trong con sói đã gieo hoạ cho những con vật yếu hèn để mọi người ghê tởm và sợ hãi loài vật này. La Phong – ten dựng một vở hài kịch về sự ngu ngốc: La Phong – ten sử dụng góc nhìn của nghệ thuật xây dựng hình tượng, miêu tả đời sống tâm hồn, sự vật bằng tưởng tượng. La phong ten nhìn thấy ở con vật này những biểu hiện bề ngoài của dã thú, nhưng bên trong thì ngu ngốc tầm thường để người đọc ghê

	tỏm nhưng không sợ hãi chúng.
--	-------------------------------

III. Củng cố - Dặn dò

- Hs nắm chắc nội dung kiến thức đã học qua hai văn bản nghị luận
- Đọc lại các bài tập đã làm trên lớp , nếu chưa hoàn thành thì hoàn thành đầy đủ vào vở.
- Bài tập về nhà:

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về ý kiến của tác giả Chu Quang Tiềm: *Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách , nhưng đọc sách vẫn là con đường quan trọng của học vấn.*

- Ôn tập tiếp bài *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* (Vũ Khoan) và bài *Tiếng nói của văn nghệ* (Nguyễn Đình Thi).

BUỔI 2

Ngày soạn:

Ngày dạy:

ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI (Tiếp) VĂN BẢN: CHUẨN BỊ HÀNH TRANG BƯỚC VÀO THẾ KỈ MỚI – VŨ KHOAN TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ - NGUYỄN ĐÌNH THI

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Cùng cố kiến thức về nội dung và nghệ thuật của hai văn bản nghị luận đã học: *Chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới* và *Tiếng nói của văn nghệ*.
- Mở rộng nâng cao nội dung kiến thức của hai văn bản trên.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng học sinh trong việc vận dụng kiến thức cơ bản làm các dạng bài tập
- Vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong việc viết văn và rèn kỹ năng viết văn .

3. Thái độ:

- Học tập tác phong con người trong thế kỉ mới.
- Niềm say mê, yêu thích văn nghệ

4. Năng lực:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực cảm thụ, năng lực tư duy, năng lực sáng tạo...

II. Tiến trình lên lớp:

- * Ôn định:
- * Kiểm tra bài cũ:
- * Bài mới:

Tiết 1: Văn bản: Chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới – Vũ khoan

A. Hệ thống kiến thức đã học.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV: Khái quát nhanh nội dung phần giới thiệu chung văn bản:</p> <p>? Em hiểu gì về tác giả Vũ Khoan?</p> <p>? Nêu hoàn cảnh ra đời của văn bản?</p> <p>? Nêu khái quát nội dung chính của văn bản?</p> <p>? Nghệ thuật đặc sắc của văn bản?</p>	<p>I. Khái quát chung:</p> <p>1. Tác giả (SGK)</p> <p>2. Xuất xứ:</p> <p>Văn bản ra đời đầu năm 2001, đăng trên tạp chí “Tia sáng” - 2001, in vào tập “Góc nhìn của tri thức”, nhà xuất bản trẻ Thành phố Hồ Chí Minh - 2002.</p> <p>3. Nội dung và nghệ thuật:</p> <p>a. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam; Từ đó cần phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, hình thành những thói quen tốt khi đất nước đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thế kỉ mới <p>b. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ thích hợp làm cho câu văn vừa sinh động, cụ thể, lại vừa ý vị, sâu sắc mà vẫn ngắn gọn. - Sử dụng ngôn ngữ báo chí, gần với đời sống, cách nói trực tiếp, dễ hiểu, giản dị; - Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu,

<p>GV: Khái quát nhanh nội dung phần tích văn bản:</p> <p>? Hãy chỉ ra đề tài và luận điểm chính của văn bản?</p> <p>? Bài viết có mấy luận cứ cơ bản? Hãy liệt kê những luận cứ đó?</p> <p style="text-align: center;">Thảo luận (2 phút) Cử đại diện trình bày Các nhóm nhận xét chéo GV nhận xét – chốt</p> <p>? Hãy chỉ ra những điểm mạnh, điểm</p>	<p>thuyết phục.</p> <p>II. Phân tích văn bản</p> <p>1. Đề tài và luận điểm cơ bản của bài viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài nêu rõ trong nhan đề: Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới. - Luận điểm: “Lớp trẻ Việt Nam... nền kinh tế mới” (câu văn đầu bài viết) <p>2. Hệ thống luận cứ trong văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị của bản thân con người. + Từ cổ chí kim, con người bao giờ cũng là động lực phát triển của lịch sử. + Trong thời kì nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ thì vai trò của con người lại càng nổi trội. - Bối cảnh của thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước. + Thế giới hiện nay khoa học, công nghệ phát triển như huyền thoại; sự giao thoa, hội nhập ngày càng sâu rộng giữa các nền kinh tế. + Nước ta đồng thời phải giải quyết ba nhiệm vụ: thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tiếp cận ngay với nền kinh tế tri thức. - Những điểm mạnh, điểm yếu của con người VN cần được nhận rõ khi bước vào nền kinh tế mới trong thế kỉ mới. - Kết luận: Bước vào thế kỉ mới, đặc biệt là thế hệ trẻ cần phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, rèn cho mình thói quen tốt ngay từ những việc nhỏ để đáp ứng nhiệm vụ của đất nước. <p>3. Điểm mạnh, điểm yếu trong tính cách, thói quen của con người Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm mạnh: + Thông minh, nhạy bén với cái mới. + Cần cù, sáng tạo. + Đoàn kết trong kháng chiến. + Thích ứng nhanh <p>-> Đáp ứng yêu cầu sáng tạo của 1 XH hiện</p>
---	--

<p>yếu của con người Việt Nam? Từ đó em có nhận xét gì?</p> <p>Gọi 2 HS lên bảng liệt kê (1 HS liệt kê điểm mạnh; 1 HS liệt kê điểm yếu) GV, HS nhận xét GV chốt</p> <p>? Nhận xét gì về thái độ của tác giả khi phân tích những điểm mạnh và điểm yếu của con người VN?</p>	<p>đại, thích ứng với hoàn cảnh đấu tranh bảo vệ đất nước. Tận dụng được cơ hội đổi mới.</p> <p>- Điểm yếu:</p> <p>+ Yếu về kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành</p> <p>+ Thiếu đức tính tỉ mỉ, kỉ luật lao động thiếu coi trọng qui trình công nghệ.</p> <p>+ Đồ kĩ trong làm kinh tế</p> <p>+ Kì thị với kinh doanh, sùng ngoại hoặc bài ngoại, thiếu coi trọng chữ tín</p> <p>-> Khó phát huy trí thông minh, không thích ứng với nền kinh tế tri thức, không phù hợp với sản xuất lớn gây khó khăn trong quá trình kinh doanh và hội nhập</p> <p>- Muốn mọi người VN Không chỉ biết tự hào về giá trị truyền thống tốt đẹp mà còn phải biết băn khoăn lo lắng về những yếu kém cần phải khắc phục...</p>
--	---

B. Luyện tập:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài 1: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:</p> <p><i>"... Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học "thời thượng", nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề. Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì thật khó bề phát huy trí thông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng."</i></p> <p>(Trích Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, Vũ Khoan, Ngữ văn 9, tập hai)</p>	<p>Bài 1:</p> <p>GỢI Ý:</p> <p>Câu 1: Đoạn trích trên đề cập tới cái mạnh và cái yếu của con người Việt Nam.</p> <p>Câu 2: Phép liên kết trong hai câu thơ đầu là phép thế: <i>"Bản chất trời phú ấy"</i></p> <p>Câu 3: Thiên hướng chạy theo những môn học "thời thượng":</p> <p>"Những môn học thời thượng" mà tác giả đề cập đến là những môn học được một bộ phận người ưa chuộng, thích thú nhưng chỉ mang tính chất tạm thời không có giá trị lâu bền.</p> <p>Câu 4: Các em hãy nêu cảm nhận của mình thông qua đoạn trích và cần ghi nhớ 2 điều về cái mạnh và cái yếu mà tác giả đã nhắc tới:</p> <p>- Cái mạnh của con người Việt Nam là sự thông minh và nhạy bén với cái mới.</p> <p>- Cái yếu của con người Việt Nam là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản</p> <p>=> Điều cần thiết cho mỗi học sinh lúc này là cần phải thay đổi quan điểm học tập.</p>

Câu 1. Đoạn trích đề cập đến vấn đề gì?

Câu 2. Xác định phép liên kết hình thức trong hai câu đầu của đoạn trích.

Câu 3. Em hiểu thế nào là thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”?

Câu 4. Từ nội dung được đề cập trong đoạn trích, em thấy cần phải làm gì để phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân (trình bày trong khoảng 5 - 7 dòng)?

HS thảo luận nhóm

Cử đại diện trình bày

HS – GV nhận xét

-> GV chốt

Bài 2:

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Bước vào thế kỷ mới, nước ta sẽ hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới. Bản tính thích ứng nhanh sẽ giúp dân ta tận dụng những cơ hội, ứng phó với thách thức do tiến trình hội nhập đem lại. Nhưng thái độ kỳ thị đối với sự kinh doanh, thói quen ảnh hưởng bao cấp, nếp nghĩ sung ngoại hoặc bài ngoại quá mức đều sẽ cản trở sự phát triển của đất nước. Thói quen không ít người tỏ ra "khôn vặt", "bóc ngắn cắn dài", không coi trọng chữ "tín" sẽ gây tác hại khôn lường trong quá trình kinh doanh và hội nhập."

(Ngữ văn 9, tập 2, tr.28, NXB Giáo dục)

Câu hỏi

1) Đoạn văn trên nằm trong văn bản nào? Của tác giả nào?

2) Xác định thành ngữ được sử dụng trong đoạn văn.

3) Trong đoạn văn trên, tác giả chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu nào của

Cần coi trọng tri thức, học cốt ở tinh không cốt ở đa. Phải xác định gắn học lí thuyết với thực hành, không nên máy móc theo sách giáo khoa, học là để lấy kiến thức, để vận dụng kiến thức và không vì lợi ích trước mắt mà chạy theo những môn học thời thượng .

Bài 2:

GỢI Ý:

1) Đoạn văn trên nằm trong văn bản "Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới" của tác giả Vũ Khoan

2) bóc ngắn cắn dài

3) Những điểm mạnh: Bản tính thích ứng nhanh; tận dụng những cơ hội; ứng phó với thách thức.

Những điểm yếu: Thái độ kỳ thị đối với sự kinh doanh; thói quen ảnh hưởng bao cấp, nếp nghĩ sung ngoại hoặc bài ngoại; thói quen tỏ ra "khôn vặt", "bóc ngắn cắn dài", không coi trọng chữ "tín".

4) HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

- Nội dung:

+ Khẳng định internet chiếm một phần quan trọng trong cuộc sống hiện đại ngày nay.

+ Tích cực: kết nối thế giới, đưa con người đến gần với nhau hơn. Tri thức mở ra cho con người là vô biên khi chỉ cần một cú click là có thể có tất cả trong tay. Thế giới được hiện đại hóa một cách tối ưu.

+ Tiêu cực: con người lệ thuộc vào công nghệ. Mất quá nhiều thời gian để online, truy cập internet mà không có thời gian cho những thú vui bồi dưỡng tâm hồn. Mải mê với những mối quan hệ ảo mà quên mất những người thân yêu thực sự bên cạnh.

+ Sử dụng internet thông minh để có thể khai thác được những thành tựu công nghệ hiện đại, là một công dân có ích cho xã hội, một công dân toàn cầu tốt.

<p>người Việt Nam khi bước vào thời kỳ hội nhập với nền kinh tế thế giới?</p> <p>4) Hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về sử dụng Internet trong thời kỳ hội nhập và phát triển của đất nước ta hiện nay (trình bày khoảng 12 – 15 dòng).</p> <p>HS làm việc cá nhân</p> <p>GV gọi 1-3 hs bất kì đứng dậy trả lời</p> <p>GV nhận xét -> chốt</p>	+ Rút ra bài học cho bản thân.
--	--------------------------------

Tiết 2: Văn bản: Chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới – Vũ Khoan

B. Luyện tập (tiếp)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài 3: Em hãy đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu ở bên dưới:</p> <p><i>Trong một “thế giới mạng”, ở đó hàng triệu người trong phạm vi toàn cầu gắn kết với nhau trong một mạng In-to-net thì tính cộng đồng là một đòi hỏi không thể thiếu được. Nhân dân ta có truyền thống lâu đời đùm bọc, đoàn kết với nhau theo phương châm “nhiều điều phải lấy giá gương”. Bản sắc này thể hiện mạnh mẽ nhất trong cảnh đất nước lâm nguy, ngoại bang đe dọa. Nhưng tiếc rằng phẩm chất cao quý ấy thường lại không đậm nét trong việc làm ăn, có thể do ảnh hưởng của phương thức sản xuất nhỏ, tính đố kỵ vốn có của lối sống theo thứ bậc không phải theo năng lực và lối nghĩ “trâu buộc ghét trâu ăn” đối với người hơn mình ở làng quê thời phong kiến. Ta có thể quan sát thấy điều đó ngay trong cả những việc nhỏ nhất: Ví dụ vào thăm bảo tàng thì người Nhật tùm tùm vào với nhau chăm chú nghe thuyết minh, còn người Việt Nam ta lại lập tức tản ra xem những thứ mình thích; người Hoa ở nước ngoài thường cuu mang nhau song người Việt lại thường đố kỵ nhau...</i></p> <p>(Vũ Khoan, Chuẩn bị hành trang vào</p>	<p>Bài 3:</p> <p>GỢI Ý:</p> <p>Câu 1: Phương thức biểu đạt chủ yếu: Nghị luận</p> <p>Câu 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Tác giả đã chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu của người Việt Nam. - Điểm mạnh: Truyền thống lâu đời đùm bọc, đoàn kết, yêu thương nhau trong đấu tranh chống ngoại xâm. - Điểm yếu: Tính đố kỵ, ghen ghét trong làm ăn kinh doanh, trong cuộc sống. * Nguyên nhân của điểm yếu ấy là do: <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng của phương thức sản xuất nhỏ. - Tính đố kỵ vốn có của lối sống theo thứ bậc không phải theo năng lực. - Lối nghĩ “trâu buộc ghét trâu ăn” đối với người hơn mình ở làng quê thời phong kiến. <p>Câu 3: Để khắc phục điểm yếu chúng ta cần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát huy truyền thống đùm bọc, đoàn kết, yêu thương nhau trong làm ăn kinh doanh cũng như trong cuộc sống. - Đẩy mạnh việc làm ăn, sản xuất theo quy mô lớn. - Mỗi người cần một phát huy hết năng lực của bản thân để cống hiến thật nhiều cho đất nước...

thế kỷ mới, SGK Ngữ văn 9 - Tập 2)

1. Nêu phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn bản.
2. Tác giả đã chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu nào của người Việt Nam? Nguyên nhân điểm yếu ấy là gì?
3. Để khắc phục điểm yếu mà tác giả đã nêu ra, chúng ta cần phải làm gì?
HS làm việc độc lập
GV gọi HS trả lời
nhận xét – GV chốt

Bài 4:

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

“... Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỷ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội”.

(SGK Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục 2009, trang 26)

Câu 1: Đoạn trích trên được trích trong văn bản nào? Của ai? Hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm có gì đặc biệt?

Câu 2: Xác định thành phần biệt lập trong câu *“Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất”*.

Câu 3: Từ “hành trang” được Vũ Khoan dùng trong bài viết có nghĩa là gì?

Câu 4: Em đã, đang và sẽ làm gì để chuẩn bị hành trang cho bản thân mình để vững bước vào thế kỷ 21?

Câu 5: Về chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới, tác giả Vũ Khoan cho rằng: *“Sự chuẩn bị bản thân con người là quan*

Bài 4:

GỢI Ý:

- Đoạn văn được trích từ văn bản *“Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới”* của tác giả Vũ Khoan.

1. Hoàn cảnh sáng tác của bài có nét đặc biệt: viết vào dịp Tết cổ truyền, thời điểm chuyển giao giữa hai thế kỷ, hai thiên niên kỷ.

2. Từ được in đậm trong câu *“Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất.”* là thành phần biệt lập tình thái.

3. “Hành trang” được Vũ Khoan dùng trong bài viết có nghĩa là hành trang tinh thần như tri thức, kỹ năng, thói quen... để đi vào một thế kỷ mới.

4. - HS liên hệ những việc đã và sẽ làm để chuẩn bị hành trang cho bản thân mình để vững bước vào thế kỷ 21:

+ Tích cực học tập, lũy kiến thức.(về khoa học, về đời sống)

+ Rèn luyện về đạo đức, sức khỏe, kỹ năng sống để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

5. Nội dung:

* Giới thiệu xuất xứ: câu nói trích trong bài báo *“Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới”* của Vũ Khoan. Đối tượng đối thoại của tác giả là lớp trẻ Việt Nam, chủ nhân của đất

trọng nhất". Viết đoạn văn khoảng 01 trang giấy thi trình bày ý kiến của em về vấn đề trên.

HS làm việc độc lập

GV gọi HS trả lời theo thứ tự câu hỏi nhận xét – GV chốt

GV: Bài viết cần đảm bảo:

- Đảm bảo thể thức một đoạn văn
- Xác định đúng vấn đề nghị luận
- Triển khai nội dung đoạn văn với lí lẽ và dẫn chứng phù hợp, có thể gồm các ý sau:
- Sáng tạo: diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng mới mẻ.
- Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

nước ta trong thế kỉ XXI.

- Sự chuẩn bị bản thân con người (hành trang vào thế kỉ mới) ở đây được dùng với nghĩa là hành trang tinh thần như tri thức, kĩ năng, nhân cách, thói quen lối sống... để đi vào một thế kỉ mới.

* Tại sao bước vào thế kỉ mới, hành trang quan trọng nhất là sự chuẩn bị bản thân con người?

- Vì con người là động lực phát triển của lịch sử.

- Vai trò con người càng nổi trội trong thế kỉ XXI, khi nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ, sự hội nhập kinh tế, văn hoá toàn cầu diễn ra là cơ hội, thách thức sự khẳng định mỗi cá nhân, dân tộc.

* Cần làm gì cho việc chuẩn bị bản thân con người trong thế kỉ mới:

- Mỗi người cần thấy được trách nhiệm, bổn phận của cá nhân đối với việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.

- Chuẩn bị hành trang tri thức: Tích cực học tập tiếp thu tri thức.

- Chuẩn bị hành trang phẩm chất: Rèn luyện đạo đức, lối sống đẹp, có nhân cách, kĩ năng sống chuẩn mực.

- Chuẩn bị hành trang kĩ năng, ngoại ngữ, thể chất.

- Phát huy điểm mạnh, từ bỏ thói xấu, điểm yếu.

- Phê phán những con người chưa có tinh thần chuẩn bị hành trang chu đáo bước vào tương lai nên không làm được việc, bản thân khó thành công thậm chí trở thành gánh nặng cho xã hội.

- Trong mọi thời đại thì hành trang là vấn đề luôn cần thiết.

Tiết 3: Văn bản: Tiền nói của văn nghệ - Nguyễn Đình Thi

A. Hệ thống kiến thức đã học.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV: Khái quát nhanh nội dung phần giới thiệu chung văn bản:	I. Khái quát chung

<p>? Khái quát nét chính về tác giả? ? Nêu hoàn cảnh ra đời của văn bản này?</p> <p>GV nhận xét và chốt lại các ý.</p> <p>GV: Khái quát nhanh nội dung phần tích văn bản: ? Nêu nội dung chính của văn bản?</p> <p>? Nghệ thuật đặc sắc của văn bản?</p>	<p>1. Tác giả (SGK)</p> <p>2. Hoàn cảnh ra đời: - Được viết năm 1948, thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp</p> <p>II. Nội dung và nghệ thuật:</p> <p>1. Nội dung chính: - Văn nghệ có khả năng kì diệu trong đời sống. - Phản ánh và tác động đến đời sống, tâm hồn con người. - Văn nghệ làm giàu đời sống con người, hoàn thiện nhân cách con người.</p> <p>2. Nghệ thuật: - Có bố cục chặt chẽ, hợp lí, cách dẫn dắt tự nhiên. - Có lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh, dẫn chứng phong phú, thuyết phục. - Có giọng văn chân thành, say mê làm tăng sức thuyết phục và tính hấp dẫn của văn bản.</p>
---	--

B. Luyện tập:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài 1: Cho đoạn văn: ...Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy. Bắt rễ ở cuộc đời hằng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người. Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và căm hờn được nhiều hơn, tai mắt biết nhìn, biết nghe thêm tế nhị, sống được nhiều hơn. Nghệ thuật giải phóng được cho con người khỏi những biên giới của chính mình, nghệ thuật xây dựng con người, hay nói cho đúng hơn, làm cho con người tự xây dựng được.</p> <p>(Ngữ văn 9 tập 2)</p> <p>Câu hỏi:</p>	<p>Bài 1: GỢI Ý: 1- Đoạn văn trích từ văn bản: Tiếng nói của văn nghệ - Tác giả: Nguyễn Đình Thi - Giới thiệu về tác giả: + Sinh năm 1924, mất năm 2003; quê ở Hà Nội + Hoạt động văn nghệ đa dạng: làm thơ, viết văn, soạn nhạc, viết kịch, viết lí luận phê bình + Nhà lãnh đạo văn hóa nghệ thuật uy tín (Tổng thư kí Hội Văn hóa cứu quốc, Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam) + Được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT năm 1996 2 - Nội dung của đoạn văn: sức mạnh kì diệu của nghệ thuật đối với người đọc - Hình thức: câu văn hoàn chỉnh 3 - Chép lại được câu ghép (câu đầu hoặc câu cuối)</p>

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Của ai? Hãy giới thiệu ngắn gọn về tác giả.
2. Hãy diễn đạt nội dung của đoạn văn trên bằng một câu văn hoàn chỉnh.
3. Chép lại và phân tích cấu tạo của một câu ghép có trong đoạn văn.
4. Một số sự kiện văn hóa, thể thao gần đây cũng đã tác động tích cực đối với xã hội, đối với thế hệ trẻ và với mỗi người. Hãy chọn và trình bày suy nghĩ của em về một trong những sự kiện đó bằng một bài văn ngắn (khoảng một trang giấy thi).

HS thảo luận 15 phút
liệt kê các nội dung vào giấy
đại diện trình bày
Trên cơ sở đó câu 4 làm độc lập

Bài 2: Em hãy đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

(...) *Chúng ta nhận rõ cái kì diệu của văn nghệ khi chúng ta nghĩ đến những người rất đông, không phải ở trốn trong một cơ quan bí mật, không phải bị giam trong một nhà pha, mà bị tù chung thân trong cuộc đời u tối, vất vả không mở được mắt. Những người đàn bà nhà quê lam lũ ngày trước, suốt đời đầu tắt mặt tối, sống tối tăm, vậy mà biến đổi khác hẳn, khi họ ru con hay hát gheo nhau bằng một câu ca dao, khi họ chen nhau say mê xem một buổi chèo. Câu ca dao tự bao giờ truyền lại đã gieo vào bóng tối những cuộc đời ấy một ánh sáng, lay động những tình cảm, ý nghĩ khác thường. Và ánh đèn buổi chèo, những nhân vật ra trò, những lời nói, những câu hát, làm cho*

- Phân tích được cấu tạo:

4 - HS lựa chọn và trình bày được suy nghĩ của bản thân về sự tác động tích cực của một sự kiện văn hóa, thể thao gần đây đối với xã hội, nhất là đối với giới trẻ.

* Nội dung có thể gồm các ý sau:

- Tóm tắt lại sự kiện và lí giải lí do lựa chọn sự kiện đó

- Chỉ rõ sự kiện đó đã tác động tích cực thế nào tới xã hội, tới thế hệ trẻ

- Liên hệ bản thân: từ sự kiện đã nêu em nhận thức được điều gì (*Nghị lực, niềm tin, tinh thần đoàn kết,...*), thay đổi hành động thế nào, mong muốn ra sao,...

* Hình thức: đúng đặc trưng bài văn nghị luận (bố cục ba phần), đảm bảo độ dài, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc

Bài 2:

GỢI Ý:

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản *Tiếng nói của văn nghệ* của tác giả Nguyễn Đình Thi.– Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.

2. Nội dung của đoạn văn: Sức mạnh kì diệu của văn nghệ.

3.Cách viết văn nghị luận của tác giả chặt chẽ, tự nhiên, giàu hình ảnh và cảm xúc; có dẫn chứng về đời sống thực tế, lí lẽ sắc bén thuyết phục.

4. Về kĩ năng: Viết một đoạn văn, theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân- hợp...; sử dụng một hoặc một số thao tác lập luận; lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng hợp lí; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ.

- Về nội dung: Sau đây là một số ý mang tính định hướng.

+ Ý 1: Ca dao là một thể loại văn học dân gian; diễn tả đời sống tư tưởng, tình cảm của người dân lao động; đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Ý 2: Những ảnh hưởng tích cực của ca dao đến bản thân hiện nay: Ca dao gần với đời sống sinh hoạt hàng ngày (*hát ru, vui*

<p><i>những con người ấy trong một buổi được cười hả dạ hay rỏ giấu một giọt nước mắt. Văn nghệ đã làm cho tâm hồn họ thực được sống. Lời gửi của văn nghệ là sự sống.</i></p> <p>(Ngữ văn 9 tập 2)</p> <p>Câu hỏi:</p> <p>Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào, của ai? Đoạn văn sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?</p> <p>Câu 2: Xác định nội dung của đoạn văn.</p> <p>Câu 3: Từ đoạn văn, em có nhận xét gì về cách viết của tác giả?</p> <p>Câu 4: Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về những ảnh hưởng tích cực của ca dao đến em hiện nay.</p> <p>HS làm ra giấy Gọi HS trình bày GV thu bài về chấm</p>	<p>chơi, giải trí); giúp bản thân mở mang trí tuệ, thêm sự hiểu biết, nhất là về đời sống tâm hồn của ông cha; đặc biệt bồi đắp cho ta lối sống cao đẹp, góp phần hình thành nhân cách (<i>lay động những tình cảm, ý nghĩ khác thường</i>); bản thân được trau dồi ngôn ngữ, biết thưởng thức cái hay, cái đẹp của tiếng mẹ đẻ ...</p> <p>+ Ý 3: Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.</p>
--	---

III. Củng cố - Dặn dò

1. Củng cố:

- HS nhắc lại kiến thức đã học trong 3 tiết:
- ? Hệ thống nội dung và nghệ thuật trong 2 văn bản đã học?

2. Dặn dò:

- Hoàn thiện tất cả các bài tập vào vở ghi.
- Làm bài tập sau:

Đọc kỹ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“(1)Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta khiến chúng ta phải bước lên đường ấy. (2)Bắt rễ ở cuộc đời hằng ngày của con người, nghệ thuật lại tạo ra sự sống cho tâm hồn người.(3) Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và cảm hờn được nhiều hơn, tai mắt biết nhìn, biết nghe thêm tế nhị, sống được nhiều hơn”.

(Trích: Tiếng nói của văn nghệ của Nguyễn Đình Thi)

- Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?
- Các câu trong đoạn văn trên liên kết với nhau chủ yếu bằng phép liên kết nào?
- Tìm động từ trong câu 3: *Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và cảm hờn được nhiều hơn, tai mắt biết nhìn, biết nghe thêm tế nhị, sống được nhiều hơn?*
- Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu 1 và cho biết nó thuộc kiểu câu gì?

Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta khiến chúng ta phải bước lên đường ấy.

GỢI Ý:

- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận
- Phép lập: Nghệ thuật
- Động từ: mở rộng, làm, vui buồn, yêu thương, cảm hờn, biết nhìn, biết nghe, sống.
- Nghệ thuật / không đứng ngoài trỏ về cho ta đường đi, nghệ thuật / vào đốt lửa

CN1

VN1

CN2

trong lòng chúng ta, khiến chúng ta phải bước lên đường ấy. -> Câu ghép

VN2

- Chuẩn bị buổi học sau ôn tập Tiếng Việt – Ôn tập các thành phần câu:

- + Khởi ngữ.
- + Các thành phần biệt lập.
- + Nghĩa tường minh và hàm ý.
- + Liên kết câu và liên kết đoạn văn.

=====

Ngày soạn: .../.../2020

Ngày dạy:...../...../2020

BÀI 3: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: CÁC THÀNH PHẦN CÂU

(Khởi ngữ, Các thành phần biệt lập,

Nghĩa tường minh và hàm ý, Liên kết câu và liên kết đoạn)

I. Mục tiêu cần đạt :

- Kiến thức
 - Củng cố lại toàn bộ kiến thức về khởi ngữ, các thành phần biệt lập, nghĩa tường minh và hàm ý, liên kết câu và liên kết đoạn.
 - Thực hành làm các dạng bài tập
- Kỹ năng
 - Rèn kỹ năng phát hiện và phân tích các dữ liệu bài tập.
 - Rèn kỹ năng sử dụng các đơn vị kiến thức tiếng Việt vừa ôn vào trong các hoạt động giao tiếp
- Thái độ, phẩm chất
 - Học sinh có ý thức tự giác trau dồi ngôn ngữ tiếng Việt
 - Trân trọng, tự hào về sự giàu đẹp của Tiếng Việt
- Năng lực

Năng lực tự học, năng lực tư duy, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

5. II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:**A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)**

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p><i>Hoạt động nhóm: Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 6 người. Nhóm 1,2: Trình bày kiến thức về khởi ngữ; Nhóm 3,4: Các thành phần biệt lập; Nhóm 5,6: Nghĩa tường minh và hàm ý (kiến thức ôn tập đã được giáo viên nhắc lớp về ôn tập)</i></p> <p><i>Các nhóm có thể trình bày kiến thức theo sơ đồ hoặc gạch đầu dòng.</i></p> <p><i>Các nhóm nhận xét.</i></p> <p><i>Giáo viên khắc chốt kiến thức.</i></p> <p>Khởi ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu. Khởi ngữ còn được gọi là đề ngữ hay thành phần khởi ý. – Trước khởi ngữ có thể thêm những quan hệ từ như về, còn, đối với, ... – Trong quan hệ với các thành phần câu còn lại, khởi ngữ vừa đứng riêng biệt lại vừa gắn bó với các thành phần khác của câu: <ul style="list-style-type: none"> + Quan hệ trực tiếp: khi khởi ngữ có quan hệ trực tiếp với yếu tố nào đó trong phần còn lại thì yếu tố ở khởi ngữ có thể được lặp lại y nguyên hoặc có thể được lặp lại bằng một từ thay thế. <p>Ví dụ: – Hiểu, tôi cũng hiểu rồi.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bộ phim này, tôi xem nó rồi. <ul style="list-style-type: none"> + Quan hệ gián tiếp: <p>Ví dụ: Về các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ, chúng ta có thể tin ở tiếng ta, không sợ nó thiếu giàu và đẹp...</p> <p>(Phạm Văn Đồng)</p>	<p>I. Khởi ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu. – Trước khởi ngữ có thể thêm những quan hệ từ như về, còn, đối với, ...
<p>Các thành phần biệt lập</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thành phần biệt lập là thành phần nằm 	<p>II. Các thành phần biệt lập:</p>

ngoài cấu trúc ngữ pháp của câu, được dùng để diễn đạt thái độ, cách đánh giá của người nói đối với việc được nói đến trong câu hoặc đối với người nghe. Khác với thành phần phụ là trạng ngữ và khởi ngữ, các thành phần biệt lập không có quan hệ trực tiếp với các thành phần khác trong câu.

– Các thành phần biệt lập gồm:

+ Thành phần tình thái: được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu. Thành phần tình thái trong câu có những loại và tác dụng khác nhau, biểu hiện qua những yếu tố tình thái khác nhau. Có yếu tố tình thái gắn với độ tin cậy của sự việc (chắc chắn, chắc hẳn, chắc là, hình như,...); yếu tố gắn với ý kiến của người nói (theo tôi, ý ông ấy,...); yếu tố chỉ thái độ của người nói đối với người nghe (à, ừ, nhỉ, nhé,...).

+ Thành phần cảm thán: được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận, ...).

Ví dụ: Trời ơi, sao hôm nay tôi may mắn vậy.

+ Thành phần gọi – đáp: được dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp.

Ví dụ:

– Này, thầy nó ạ.

(Kim Lân)

—» Thành phần gọi.

– Vâng, mời bác và cô lên chơi.

—> Thành phần đáp.

+ Thành phần phụ chú: được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

Ví dụ: Vậy mà hỏi cô Thông – tên người

1. Thành phần tình thái

- Dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

2. Thành phần cảm thán

- Dùng để bộc lộ tâm lí của người nói

3. Thành phần gọi đáp

- Dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp.

4. Thành phần phụ chú

- Dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

đàn bà họ nội xa kia – chỗ ở của mợ mày, rồi đánh giầy cho mợ mày, bảo dù sao cũng phải về.

(Nguyễn Hồng)

Nghĩa tường minh và hàm ý

Dựa vào nghĩa tường minh để xác định hàm ý trong câu. Tuy nhiên, không phải bao giờ người nghe cũng nhận ra hàm ý. Do đó, muốn sử dụng hàm ý, cần đảm bảo hai điều kiện:

- Người nói (viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu.
- Người nghe (đọc) có năng lực giải đoán hàm ý.

• Có nhiều cách để tạo hàm ý trong câu:

+ Một trong những cách phổ biến là cố tình vi phạm các phương châm hội thoại và quy tắc xung hô.

Ví dụ: – Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

Anh kia liền giũ nguy vạt áo ra, bảo:

– Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!

(Lợn cưới, áo mới)

Các từ ngữ in đậm vi phạm phương châm về lượng, có hàm ý khoe khoang.

+ Sử dụng hành động nói gián tiếp cũng là một cách để tạo hàm ý.

Ví dụ: – Củ gì thế này? – Bác lái xe hỏi.

– Củ tam thất cháu vừa đào thấy. Cháu gửi bác gái ngâm rượu uống. **Hôm nọ bác chẳng bảo bác gái vừa ốm dậy là gì?**

(Nguyễn Thành Long)

Câu in đậm là câu hỏi nhưng được dùng với hàm ý khẳng định: Hôm trước bác bảo bác gái vừa ốm dậy nên cháu biếu bác gái để bồi bổ sức khỏe.

III. Nghĩa tường minh và hàm ý:

- Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.

- Hàm ý là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng người nghe có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.

– Trong giao tiếp, sử dụng hàm ý có nhiều tác dụng như thể hiện tính lịch sự, tế nhị, đồng thời giúp cho cách diễn đạt trở nên phong phú, linh hoạt.	
--	--

B. Luyện tập:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: Học sinh làm việc cá nhân.</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Bài tập 1</p> <p>Chuyển các câu sau thành câu có thành phần khởi ngữ:</p> <p>a) Tôi không đi chơi được.</p> <p>b) Không bao giờ ta đọc qua một lần một bài thơ hay mà rời ngay xuống được.</p> <p>c) Con không bao giờ mặc tấm áo ấy nữa.</p>	<p>- GV chốt kiến thức.</p> <p>Gợi ý:</p> <p>a. Đi chơi thì tôi không đi được.</p> <p>b. Một bài thơ hay, ta không bao giờ đọc qua một lần mà rời ngay xuống được.</p> <p>c. Tấm áo ấy, con không bao giờ mặc nữa.</p>
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: Hs làm việc cá nhân</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Bài tập 2</p> <p>Tìm và gọi tên các thành phần biệt lập:</p> <p>a. Chao ôi, có thể là tất cả những cái đó.</p> <p>b. Cả bọn trẻ xúm vào, và rất nường nhẹ, giúp anh đi nốt nửa vòng trái đất - từ mép tấm nệm ra mép tấm phản, khoảng cách ước chừng năm chục phân.</p> <p>c. Hay quá, tiểu đoàn công binh đấy!</p> <p>d. Sương chùng chình qua ngõ</p> <p>Hình như thu đã về.</p>	<p>- GV chốt kiến thức.</p> <p>Gợi ý:</p> <p>a. Chao ôi => Thành phần cảm thán.</p> <p>b. – từ mép tấm nệm ra mép tấm phản, khoảng cách ước chừng năm chục phân => Thành phần phụ chú</p> <p>c. Hay quá => Thành phần cảm thán</p> <p>d. Hình như => thành phần tình thái Thay “Nhanh lên cậu, muộn lắm rồi.”</p>

Tiết 2:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hoạt động nhóm đôi - Hoạt động cặp đôi</p> <p>Bài tập 3 Tìm thành phần phụ chú trong các trường hợp sau và cho biết ý nghĩa của chúng.</p> <p>a) Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. (Thanh Tịnh)</p> <p>b) Em để nó ở lại – Giọng em ráo hoảnh – Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng nó ngồi cách xa nhau. (Khánh Hoài)</p>	<p>Gợi ý:</p> <p>a) Một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh: giải thích cho cụm từ buổi mai hôm ấy</p> <p>b) Giọng em ráo hoảnh: bình luận về cách nói của người em.</p>
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân - HS thực hiện</p> <p>Bài tập 4: Xác định thành phần biệt lập trong các câu văn sau và cho biết chúng thuộc thành phần biệt lập nào?</p> <p>a) Chẳng lẽ ông ấy không biết. b) Anh Sơn - vốn dân Nam Bộ gốc, làm điệu bộ như sắp ca một câu vọng cổ. c) Ôi những buổi chiều mưa ướt đầm lá cọ! d) Thưa ông, ta đi thôi ạ!</p> <p>- Hình thức tổ chức luyện tập: Hoạt động cặp đôi - HS thực hiện.</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>Gợi ý:</p> <p>a) Chẳng lẽ: thành phần tình thái. b) vốn dân Nam Bộ gốc: thành phần phụ chú. c) Ôi: thành phần cảm thán. d) Thưa ông: thành phần gọi - đáp.</p>
<p>Bài tập 5 Tìm câu có chứa hàm ý trong ví dụ sau và cho biết nội dung hàm ý. Hàm ý đó được tạo ra bằng cách cố ý vi phạm phương châm hội thoại nào?</p> <p>a. Đoạn 1: A: Lan học có giỏi không? B: Lan hát và múa rất hay.</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>Gợi ý:</p> <p>a. - Câu chứa hàm ý: Lan hát và múa rất hay. - Hàm ý: Lan học không giỏi - Về hình thức là vi phạm phương châm</p>

<p>b. Đoạn 2:</p> <p>Minh hỏi Nga:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạn đó bảo cho tổ của Xuân và Mai chiều nay họp lớp chưa? - Tổ báo cho tổ của Mai rồi. 	<p>quan hệ. Tuy nhiên đây là sự vi phạm cố ý để tạo hàm ý, do sự tế nhị trong nói năng.</p> <p>b.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu chứa hàm ý: Tổ báo cho tổ của Mai rồi. - Hàm ý: Chưa báo cho tổ của Xuân - Vi phạm phương châm về lượng
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: Nhóm bàn - HS thực hiện - Bài tập 6 <p>Tìm những câu có hàm ý và cho biết nội dung hàm ý trong đoạn đối thoại giữa em bé với những người ở trên mây và sóng (trong bài thơ “Mây và sóng” Tago)</p> <p>Mẹ ơi, trên mây có người gọi con : <i>“Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vầng trăng bạc”.</i> Con hỏi: <i>“Nhưng làm thế nào mình lên đó được ?”</i> Họ đáp: <i>“Hãy đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời, cậu sẽ được nhắc bổng lên tận tầng mây”</i> <i>“Mẹ mình đang đợi ở nhà” – con bảo “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được”.</i> <i>Thế là họ mỉm cười bay đi.</i> <i>Nhưng con biết có trò chơi thú vị hơn, mẹ ạ.</i> <i>Con là mây và mẹ sẽ là trăng.</i> <i>Hai bàn tay con ôm lấy mẹ, và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm.</i> <i>Trong sóng có người gọi con:</i> <i>“Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn. Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mà không biết từng đến nơi nao.”</i> Con hỏi: <i>“Nhưng làm thế nào mình ra</i></p>	<p>Gợi ý:</p> <p>Câu có hàm ý mời mọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vầng trăng bạc.” - “Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn. Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mà không biết từng đến nơi nao”. <p>Câu có hàm ý từ chối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Mẹ mình đang đợi ở nhà” - “Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?”

<p>ngoài đó được?”</p> <p>Họ nói: “Hãy đến rìa biển cả, nhắm nghiền mắt lại cậu sẽ được làn sóng nâng đi.”</p> <p>Con hỏi: “Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?”</p> <p>Thế là họ mỉm cười nháy múa lướt qua</p> <p>Nhưng con biết trò chơi khác hay hơn. Con là sóng và mẹ sẽ là bến bờ kì lạ.</p> <p>Con lăn,lăn,lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ....</p>	
--	--

Tiết 3:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Hình thức tổ chức: Hoạt động nhóm: Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 6 người. Nhắc lại các phép liên kết câu và liên kết đoạn.</p> <p>HS Các nhóm trình bày kiến thức theo sơ đồ, gạch đầu dòng,...</p> <p>Các nhóm nhận xét.</p> <p>GV chốt ý:</p> <p>Các câu trong một đoạn văn và các đoạn văn trong một văn bản phải luôn có sự liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức:</p> <p>– Liên kết về nội dung:</p> <p>+ Liên kết chủ đề (các câu phải phục vụ chủ đề chung của đoạn văn, các đoạn văn phải thể hiện được chủ đề chung của toàn văn bản).</p> <p>+ Liên kết lô-gíc (các câu trong đoạn văn và các đoạn văn trong văn bản phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí).</p> <p>– Liên kết hình thức gồm các phép liên kết:</p> <p>+ Phép lặp từ ngữ: sử dụng lặp đi lặp lại một (một số) từ ngữ nào đó ở các câu khác nhau để tạo sự liên kết.</p> <p>+ Phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng:</p>	<p>Liên kết câu và liên kết đoạn:</p> <p>– Liên kết về nội dung:</p> <p>+ Liên kết chủ đề</p> <p>+ Liên kết lô-gíc</p> <p>– Liên kết hình thức gồm các phép liên kết:</p> <p>+ Phép lặp từ ngữ</p> <p>+ Phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng</p> <p>+ Phép thế</p> <p>+ Phép nối</p>

<p>sử dụng các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng ở các câu khác nhau để tạo sự liên kết.</p> <p>+ Phép thế: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu đứng trước.</p> <p>+ Phép nối: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước.</p>	
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: Hs làm việc cá nhân</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Bài tập 1</p> <p>Chỉ ra các phương tiện liên kết hình thức đã được sử dụng để liên kết câu trong mỗi đoạn văn sau:</p> <p>a) <i>Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ cố ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là goá chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bần xâm phạm đến...</i></p> <p>(Nguyễn Hồng)</p> <p>b) <i>Đứng ngắm cây sầu riêng, tôi cứ nghĩ mãi về cái dáng cây kì lạ này. Thân nó khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột, thiếu cái dáng cong, đứng nghiêng, chiều quần, chiều lượn của cây xoài, cây nhãn. Lá nhỏ xanh vàng, hơi khép lại, tưởng như lá héo. Vậy mà khi trái chín, hương toả ngát ngào, vị ngọt đến đam mê.</i></p> <p>(Mai Văn Tạo)</p>	<p>- GV chốt kiến thức.</p> <p>Gợi ý:</p> <p>Vận dụng kiến thức về liên kết câu để xác định các phương tiện liên kết đã sử dụng:</p> <p>a) – Phép lặp: mẹ tôi – mẹ tôi.</p> <p>– Phép thế: có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi – những rắp tâm tanh bần.</p> <p>b) – Phép thế: cây sầu riêng – nó.</p> <p>- Phép liên tưởng: cây – thân – lá – trái.</p>
<p>Bài tập 2</p> <p>- Hoạt động nhóm</p> <p>- HS thảo luận</p> <p>Chỉ ra lỗi liên kết trong các đoạn văn sau và</p>	

<p>nêu cách sửa các lỗi ấy.</p> <p>a) <i>Từ xa xưa, nhân loại đã có ý thức bảo vệ môi trường. Nhưng trong những nền văn hoá cổ xưa, trong tín ngưỡng của các dân tộc và các tôn giáo trên thế giới đều chứa đựng ý thức đó. Họ đã biết tôn trọng và sống hoà hợp với thiên nhiên, coi trái đất như người mẹ đã tạo ra và nuôi dưỡng sự sống cũng như tạo ra các giá trị văn hoá tinh thần của loài người. Ngày nay, nhân loại đã bước vào thế kỉ XXI – thời điểm mà tài nguyên đã bị khai thác cạn kiệt, môi trường thiên nhiên bị ô nhiễm, tàn phá nghiêm trọng. Bởi vì vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng trở nên bức xúc và cấp thiết. Thế kỉ XXI được coi là thế kỉ môi trường, là thời cơ hành động của cả nhân loại.</i></p> <p>b) <i>Khu vườn không rộng. Cái sân nhỏ bé. Mỗi cây có một đời sống riêng, một tiếng nói riêng. Những con chim sâu ríu rít. Cây lan, cây huệ nói chuyện bằng hương, bằng hoa. Hoa hồng đẹp và thơm. Cây mơ, cây cải hỏi chuyện bằng lá. Cây bầu, cây bí nói bằng quả.</i></p>	<p>Gợi ý:</p> <p>a) – Đoạn văn mắc lỗi về liên kết nội dung và hình thức. – Cần chú ý lỗi về liên kết hình thức thể hiện qua các từ ngữ có tác dụng nối các câu như nhưng, bởi vì. Cách chữa: có thể bỏ hoặc thay các từ ngữ đó bằng các từ ngữ phù hợp. <i>Ví dụ:</i> Từ xa xưa, nhân loại đã có ý thức bảo vệ môi trường. Trong những nền văn hoá cổ xưa, trong tín ngưỡng của các dân tộc và các tôn giáo trên thế giới đều chứa đựng ý thức đó. Họ đã biết tôn trọng và sống hoà hợp với thiên nhiên, coi trái đất như người mẹ đã tạo ra và nuôi dưỡng sự sống cũng như tạo ra các giá trị văn hoá tinh thần của loài người. Ngày nay, nhân loại đã bước vào thế kỉ XXI – thời điểm mà tài nguyên đã bị khai thác cạn kiệt, môi trường thiên nhiên bị ô nhiễm, tàn phá nghiêm trọng. Bởi vậy, vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng trở nên bức xúc và cấp thiết. Thế kỉ XXI được coi là thế kỉ môi trường, là thời cơ hành động của cả nhân loại.</p> <p>b) – Đoạn văn mắc lỗi về liên kết chủ đề (liên kết nội dung). Các câu trong đoạn không cùng hướng đến một chủ đề chung. – Cách chữa: thêm một số từ ngữ, câu hoặc bỏ câu không có nội dung liên quan để thiết lập chủ đề giữa các câu. <i>Ví dụ:</i> Khu vườn không rộng, chỉ bằng một cái sân nhỏ bé, nhưng có rất nhiều loài cây. Mỗi cây có một đời sống riêng, một tiếng nói riêng. Cây lan, cây huệ,</p>
--	---

<p>c) <i>Dê Đen đi đàng này lại. Dê Trắng đi đàng kia sang. Dê Đen và Dê Trắng cùng qua một chiếc cầu hẹp. Chúng húc nhau, cả hai đều rơi tõm xuống suối. Con nào cũng muốn tranh sang trước, không con nào chịu nhường con nào.</i></p>	<p>cây hồng.nói chuyện bằng hương, bằng hoa. Cây mơ, cây cải nói chuyện bằng lá. Cây bầu, cây bí nói bằng quả.</p> <p>c) – Đoạn văn mắc lỗi về liên kết lô-gíc (liên kết nội dung). Trật tự các sự việc nêu trong các câu không hợp lí (trật tự không gian, thời gian, trật tự nguyên nhân – kết quả).</p> <p>– Cách chữa: sắp xếp lại trật tự các câu hoặc thêm từ ngữ làm rõ quan hệ nhân – quả.</p> <p>Ví dụ: Dê Đen và Dê Trắng cùng qua một chiếc cầu hẹp. Dê Đen đi đàng này lại. Dê Trắng đi đàng kia sang. Con nào cũng muốn tranh sang trước, không con nào chịu nhường con nào. Chúng húc nhau. Cả hai đều rơi tõm xuống suối.</p>
<p>Bài tập 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: Trò chơi trắc nghiệm. - HS thực hiện <p>Câu 1: Từ in đậm trong câu “Con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu”. là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> A. Cái mạnh của con người Việt Nam B. Sự thông minh C. Nhạy bén với cái mới D. Sự thông minh nhạy bén với cái mới <p>Câu 2: Dòng nào sau đây không chứa những từ ngữ thường dùng trong phép nối?</p> <ul style="list-style-type: none"> A. Và, rồi, nhưng, mà, còn, vì, nếu, tuy, để... B. Vì vậy, nếu thế, thế thì, vậy nên... C. Nhìn chung, tóm lại, hơn nữa, vả lại, với lại... D. Cái này, điều ấy, việc đó,...hắn, họ, nó... 	<p>Gợi ý đáp án:</p> <p>Câu 1: Từ in đậm trong câu “Con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu”. là gì?</p> <p>D. Sự thông minh nhạy bén với cái mới</p> <p>Câu 2: Dòng nào sau đây không chứa những từ ngữ thường dùng trong phép nối?</p> <p>D. Cái này, điều ấy, việc đó,...hắn, họ, nó...</p>

<p>Câu 3: Các từ ngữ thường được sử dụng trong phép thế?</p> <p>A. Đây, đó, kia, thế, vậy...</p> <p>B. Cái này, việc ấy, vì vậy, tóm lại...</p> <p>C. Và, rồi, nhưng, vì, để, nếu...</p> <p>D. Nhìn chung, tuy nhiên, dù thế, nếu vậy...</p> <p>Câu 4: Hai câu “Nhà thơ hiểu rằng những tật xấu của chó sói là do nó vụng về vì chẳng có tài trí gì, nên nó luôn đói meo, và vì nó đói nên nó hóa rồ. Ông để cho Buy-phông dựng một vở bi kịch về sự độc ác, còn ông dựng một vở hài kịch về sự ngu ngốc.” liên kết với nhau bằng phép liên kết chính nào?</p> <p>A. Phép lặp từ ngữ</p> <p>B. Phép trái nghĩa</p> <p>C. Phép đồng nghĩa</p> <p>D. Phép thế</p>	<p>Câu 3: Các từ ngữ thường được sử dụng trong phép thế?</p> <p>A. Đây, đó, kia, thế, vậy...</p> <p>Câu 4: Hai câu “Nhà thơ hiểu rằng những tật xấu của chó sói là do nó vụng về vì chẳng có tài trí gì, nên nó luôn đói meo, và vì nó đói nên nó hóa rồ. Ông để cho Buy- phông dựng một vở bi kịch về sự độc ác, còn ông dựng một vở hài kịch về sự ngu ngốc.” liên kết với nhau bằng phép liên kết chính nào?</p> <p>D. Phép thế</p>
---	--

III. Củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học
- Giao bài tập về nhà

Phân tích tính liên kết về nội dung trong đoạn văn sau:

Nhân dân ta có truyền thống lâu đời đùm bọc, đoàn kết với nhau theo phương châm “nhiều điều phải lấy giá gương”. Bản sắc này thể hiện mạnh mẽ nhất trong cảnh đất nước lâm nguy, ngoại bang đe dọa. Nhưng tiếc rằng phẩm chất cao quý ấy thường lại không đậm nét trong việc làm ăn, có thể do ảnh hưởng của phương thức sản xuất nhỏ, tính đố kỵ vốn có của lối sống theo thứ bậc không phải theo năng lực và lối nghĩ “trâu buộc ghét trâu ăn” đối với người hơn mình ở làng quê thời phong kiến.

(Vũ Khoan)

Gợi ý: Xác định chủ đề của đoạn văn: điểm mạnh và điểm yếu trong tính cách, thói quen của con người Việt Nam. Các câu trong đoạn đều hướng đến việc thể hiện nội dung đó. Trình tự các câu được sắp xếp hợp lý (hai câu trước nêu phẩm chất cao quý của người Việt Nam là đoàn kết, câu cuối nêu nhược điểm trong tính cách của người Việt là sự đố kỵ).

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 24: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**Dạng 1: Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống****I. Mục tiêu cần đạt :****1. Kiến thức:** HS hiểu và nhớ được:

- Đối tượng của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Yêu cầu cụ thể, cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

2. Kỹ năng:

- Quan sát các hiện tượng của đời sống.
- Làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

3. Thái độ:

Giáo dục học sinh ý thức trách nhiệm, bày tỏ thái độ của mình đối với những sự việc hiện tượng và các vấn đề có ý nghĩa trong đời sống.

4. Năng lực:

Hình thành và phát triển các năng lực: Năng lực giải quyết vấn đề, Năng lực giao tiếp, Năng lực sáng tạo, Năng lực hợp tác.

II. Tiến trình lên lớp**Tiết 1:****A. Hệ thống lại kiến thức đã học**

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: tổ chức hoạt động cá nhân. - HS trình bày khái niệm NL về sự việc, hiện tượng đời sống; đối tượng nghị luận, đề bài, cách làm kiểu bài NL về sự việc, hiện tượng đời sống. 	<p>I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ</p> <p>1. Thế nào là nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống ?</p> <p>- . Nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đang diễn ra trong thực tế đời sống xã hội mang tính chất thời sự, thu hút sự quan tâm của nhiều người (như ô nhiễm môi trường, nếp sống văn minh đô thị, tai nạn giao thông, bạo hành gia đình, lối sống thờ ơ vô cảm, đồng cảm và chia sẻ...).</p> <p>2. Đối tượng nghị luận</p> <p>– Đối tượng nghị luận là các sự việc hiện tượng đời sống đáng suy nghĩ trong cuộc sống hàng ngày, nhất là các hiện tượng liên quan trực tiếp đến tuổi trẻ và có ý nghĩa đối với xã hội...</p>

– Các hiện sự việc hiện tượng này có thể có ý nghĩa tích cực như: ý chí, nghị lực, tình yêu thương... nhưng cũng có thể là những hiện tượng tiêu cực cần phê phán như: sự lười nhác, những thói quen xấu, tham nhũng...

3. Những điểm cần lưu ý trong đề bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống

- Đề bài:

+ Có đề cung cấp sẵn sự việc, hiện tượng dưới dạng một câu chuyện, một mẫu tin để người làm bài sử dụng.

+ Có đề không cung cấp nội dung sẵn, mà chỉ gọi tên, người làm bài phải trình bày, mô tả sự việc, hiện tượng đó.

+ Mệnh lệnh trong đề thường là: nêu nhận xét, nêu ý kiến, nêu suy nghĩ của mình, bày tỏ thái độ, trình bày suy nghĩ...

– Nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống thường có ba loại nhỏ:

+ Trình bày suy nghĩ về một hiện tượng trong đời sống xã hội: như nghị lực, ý chí, tình yêu thương...

+ Trình bày suy nghĩ về hai hiện tượng trong đời sống xã hội trở lên: như thất bại và thành công, cho và nhận... Loại này cần xem xét quan hệ giữa hai hiện tượng.

+ Từ một hiện tượng thiên nhiên, trình bày suy nghĩ về đời sống xã hội như: Giữa một vùng khô cằn sỏi đá, cây hoa dại vẫn mọc lên và nở những đóa hoa thật đẹp; câu chuyện hai biển hồ ở Palétxtin... Suy nghĩ của anh (chị) về hiện tượng trên.

4. Dàn ý làm bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống

*** Mở bài:**

– Dẫn dắt ngắn gọn vào sự việc, hiện tượng cần nghị luận.

– Nêu luôn thái độ đánh giá chung về hiện tượng đó.

*** Thân bài: văn nghị luận về sự việc hiện tượng đời sống.**

LD1: Thực trạng, các biểu hiện cụ thể trong cuộc sống của sự việc hiện tượng được nêu như thế nào?

Yêu cầu:

– Có thể nêu mối quan hệ của hiện tượng này với ngữ liệu

phần Đọc hiểu.

– Cần nêu những ví dụ, những trường hợp cụ thể, chi tiết và chân xác.

– Nếu nhớ rõ, có thể trích nguồn hoặc thông tin.

– Nếu không nhớ rõ thì tuyệt đối không được ghi sai lệch thông tin, làm giảm tính thuyết phục của bài viết.

LD2. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên

Yêu cầu:

– Nguyên nhân của hiện tượng xã hội bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, nguyên nhân sâu xa và trực tiếp.

– Nguyên nhân đưa ra cần hợp lý, chính xác.

LD 3. Nêu đánh giá, nhận định về mặt đúng – sai, lợi – hại, kết quả – hậu quả, bày tỏ thái độ biểu dương hay phê phán đối với sự việc hiện tượng nghị luận

Yêu cầu:

– Thái độ đánh giá khách quan, rõ ràng.

– Có thể nêu những cách đánh giá mang màu sắc cá nhân, nhưng phải thuyết phục và hợp lý.

LD 4. Biện pháp khắc phục hậu quả hoặc phát huy kết quả.

Yêu cầu:

– Biện pháp đưa ra cần thiết thực, khả thi, không chung chung, trừu tượng.

– Biện pháp bao gồm cả biện pháp của xã hội – cơ quan, Nhà nước – cá nhân; cả ý thức – hành động của cá nhân.

LD 5. Liên hệ bản thân, rút ra bài học nhận thức và hành động cho mình.

Yêu cầu:

– Bài học cho bản thân cần phù hợp với quan điểm, thái độ cá nhân nêu trước đó.

– Cần nêu hai bài học: một bài học nhận thức, một bài học hành động.

*** Kết bài**

– Nêu suy nghĩ về tầm quan trọng của sự việc hiện tượng đã nghị luận.

– Đưa ra thông điệp, hay lời khuyên cho mọi người.

– Nêu suy nghĩ về sự thay đổi của sự việc hoặc hiện tượng

B. Luyện tập

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập : nhóm nhỏ</p> <p>- HS thực hiện lập dàn ý</p> <p>Bài tập 1: Suy nghĩ gì về hiện tượng “gây ô nhiễm môi trường do xả rác bừa bãi” của người dân nước ta hiện nay.</p>	<p>Gợi ý:</p> <p>a) Mở bài</p> <p>- Giới thiệu vấn đề “vứt rác bừa bãi” và thực trạng ô nhiễm môi trường do xả rác bừa bãi ở nước ta hiện nay.</p> <p>b) Thân bài</p> <p>* Giải thích khái niệm</p> <p>- Vứt rác bừa bãi là vứt rác không đúng nơi quy định, không đúng chỗ, gây nên ô nhiễm môi trường.</p> <p>- Bất cứ lúc nào có rác là vứt, mọi nơi mọi lúc.</p> <p>- Vứt theo thói quen, tiện đâu vứt đó, không cần biết chỗ mình là ở đâu, thùng rác nằm ở chỗ nào.</p> <p>* Thực trạng hiện tượng vứt rác bừa bãi</p> <p>- Người dân vô tư xả rác bừa bãi ngay trên chính vỉa hè, lề phố</p> <p>- Khi đi ăn nhà hàng, mặc dù chủ nhà hàng đã để sẵn một thùng rác nhỏ dưới bàn ăn nhưng khi dùng xong giấy ăn hoặc tăm tre họ vẫn thản nhiên vứt xuống nền nhà...</p> <p>- Khi đến các quán nước, sàn nhà đầy những tàn thuốc lá cùng với những bã kẹo cao su,...</p> <p>- Người ngồi trên xe gắn máy vứt giấy gói thức ăn hay ném vỏ hộp sữa xuống đường</p> <p>- Người ngồi trên xe ô tô, xe buýt, xe du lịch thì vứt rác ra đường qua cửa sổ hay thậm chí còn khạc nhổ ngay trên xe.</p> <p>- Đi bộ ven hồ ta vẫn có thể thấy những que kem đang ăn dở, những mẫu thuốc lá hay những vỏ kẹo được vứt vung vãi dưới lòng đường, tệ hơn là ở trên mặt hồ nước trong xanh</p> <p>- Những khu du lịch, du khách tiện đâu vứt đó, không quan tâm đến địa điểm hay mức độ của nó.</p> <p>- Chính bởi hành động vứt rác bừa bãi mà cầu, cống,</p>

đường xá bị ô nhiễm nghiêm trọng

*** Nguyên nhân**

- Do sự thiếu ý thức bảo vệ môi trường và nơi mình sinh sống của người dân.
- Một số người ích kỉ, chỉ biết lo cho bản thân mà không biết đến cộng đồng, xã hội
- Thùng đựng rác nơi công cộng còn thiếu hoặc đặt ở vị trí không thuận tiện cho việc vứt rác.
- Việc xử lí vi phạm còn nhẹ, chưa thường xuyên.

*** Tác hại của hành động vứt rác bừa bãi**

- Gây ô nhiễm môi trường nước, không khí...
- Là tác nhân gây phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người.
- Làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh.
- Gây tốn kém tiền của cho nhà nước.
- Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại.

*** Đề xuất biện pháp khắc phục**

- Tuyên truyền giáo dục và nâng cao ý thức người dân trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng.
- Viết khẩu hiệu, bảng tuyên truyền treo ở những nơi công cộng
- Các trường lớp cần vận động học sinh bỏ rác đúng nơi quy định và áp dụng những hình thức kỷ luật đối với những bạn làm sai quy định.
- Tăng lượng thùng rác ở các tuyến đường, tránh tình trạng một tuyến đường chỉ có một hoặc không có thùng rác nào, khiến người dân thấy bất tiện khi phải cầm rác vì không có thùng rác để bỏ vào.
- Tổ chức các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh, chiến dịch 3R...
- Có biện pháp xử lí nghiêm khắc đối với những trường hợp xả rác bừa bãi.

	c) Kết bài - Nêu suy nghĩ của bản thân về vấn đề “vứt rác bừa bãi”: Vứt rác bừa bãi là thực trạng rất đáng phê phán - Tuyên truyền và động viên mọi người trong việc bảo vệ môi trường.
--	--

Tiết 2:**B. Luyện tập :**

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- Hình thức tổ chức luyện tập : cá nhân - HS thực hiện lập dàn ý Bài tập 2: Em có suy nghĩ gì về tình trạng nghiện trò chơi điện tử của học sinh hiện nay.	Gợi ý: Ý 1: 1. Giải thích hiện tượng nghiện trò chơi điện tử: - Nghiện điện tử là tình trạng ham mê thái quá các trò chơi điện tử. Đây là tình trạng phổ biến, đáng báo động của học sinh, sinh viên hiện nay. - Biểu hiện: bỏ học trốn học , dành hầu hết thời gian chìm đắm trong các trò chơi điện tử, thậm chí quên ăn quên ngủ. Ý 2: Bàn luận a. Phân tích tác hại, hậu quả của hiện tượng nghiện trò chơi điện tử: - Đối với cá nhân người nghiện chơi điện tử: + học hành sa sút + Luôn ở trạng thái thấp thỏm, đối phó + Tổn hại sức khỏe + Làm cho bố mẹ, gia đình lo buồn + Tổn thất kinh tế + Dẫn đến những hành vi phạm pháp. - Đối với xã hội: + Học sinh là lớp trẻ, là mầm non tương lai của đất nước, nếu lực lượng này không chuyên tâm học tập mà chỉ mãi mê vui chơi thì sẽ gây tác hại cho lực lượng lao động chủ yếu sau này. + Trật tự an ninh bị rối loạn. b. Phân tích nguyên nhân của tình trạng nghiện trò chơi điện tử: - Nguyên nhân khách quan: + Trò chơi điện tử là sản phẩm hấp dẫn của công

<p>- Hình thức tổ chức luyện tập : cặp đôi</p> <p>- HS thực hiện lập dàn ý</p> <p>Bài tập 3: Trình bày ý kiến của em về nạn bạo hành trong xã hội hiện nay.</p>	<p>nghệ thông tin.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Do sự quản lý chưa chặt chẽ của nhà nước và gia đình. - Nguyên nhân chủ quan: <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh còn trẻ người non dạ, hiếu động, dễ bị cuốn hút vào ma trận của các trò chơi điện tử. + Do bản thân còn có suy nghĩ bông bột, nông nổi, chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ đến gia đình. <p>c.. Biện pháp khắc phục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước tăng cường quản lý và xử phạt đối với các hành vi vi phạm. - Nhà trường tăng cường giáo dục. - Gia đình tăng cường giáo dục, quản lý sát sao hơn - Bản thân học sinh phải ý thức sâu sắc tác hại của trò chơi điện tử để có cách sử dụng đúng, phát huy tính giải trí, giảm căng thẳng trong cuộc sống. <p>Ý 3. Bài học cho bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần say mê học tập, không để bạn bè rủ rê, lôi kéo để nghiện trò chơi điện tử. - Giải trí phải hướng tới những trò chơi và hoạt động hữu ích lành mạnh. <p>Gợi ý bài tập 3:</p> <p>Ý 1: Giải thích khái niệm: Nạn bạo hành- sự hành hạ xúc phạm người khác một cách thô bạo, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của người khác.</p> <p>Ý 2: Thực trạng, biểu hiện: Nạn bạo hành thể hiện ở nhiều góc độ, nhiều phương diện của đời sống xã hội: không chỉ là sự hành hạ thể xác người khác bằng bạo lực mà còn hành hạ về tinh thần.</p> <p>Nạn bạo hành diễn ra trong gia đình, trường học, xã hội; phụ nữ, trẻ em thường là nạn nhân của bạo hành.</p> <p>Ý 3: Nêu nguyên nhân của hiện tượng. Do bản tính hung hăng, thiếu kiểm chế của một số người</p>
--	---

	<p>Do ảnh hưởng của phim ảnh mang tính bạo lực.</p> <p>Do áp lực cuộc sống.</p> <p>Do sự thiếu kiên quyết trong cách xử lý nạn bạo hành.</p> <p>Ý 4: Tác hại to lớn của hiện tượng.</p> <p>Làm tổn hại đến sức khỏe, tinh thần của con người.</p> <p>Làm ảnh hưởng tới tâm lý, sự phát triển nhân cách, đặc biệt là cử chỉ.</p> <p>Ý 5: Ý kiến, thái độ của bản thân, đề xuất giải pháp.</p> <p>Cần lên án đối với nạn bạo hành.</p> <p>Cần xử lý nghiêm khắc với những người trực tiếp thực hiện hành vi bạo hành.</p> <p>Cần quan tâm giúp đỡ kịp thời với những nạn nhân của bạo hành.</p>
--	---

Tiết 3:

Luyện tập :

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: cặp đôi, cá nhân</p> <p>- HS trao đổi cặp đôi thống nhất ý</p> <p>- HS hoạt động cá nhân diễn đạt các ý thành đoạn văn hoàn chỉnh</p> <p>Bài tập 4: Tuổi trẻ học đường suy nghĩ và hành động để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.</p>	<p>Dàn ý</p> <p>A. Mở bài :</p> <p>- Đặt vấn đề : trong nhiều năm trở lại đây, vấn đề tai nạn giao thông đang là điểm nóng thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận bởi mức độ thiệt hại mà vấn đề này gây ra.</p> <p>- Tuổi trẻ học đường những công dân tương lai của đất nước cũng phải có những suy nghĩ và hành động để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.</p> <p>B. Thân bài:</p> <p>1. Thực trạng tai nạn giao thông ở Việt nam hiện nay:</p> <p>+ Đang diễn ra hàng ngày hàng giờ trên cả nước, 33 -34 người chết và bị thương/1 ngày</p> <p>+ Trong số đó, có không ít các bạn học sinh, sinh viên là nạn nhân hoặc là thủ phạm gây ra các vụ tai nạn giao thông.</p> <p>2. Hậu quả của vấn đề:</p>

+ Thiệt hại lớn về người và của, để lại những thương tật vĩnh viễn cho các cá nhân và hậu quả nặng nề cho cả cộng đồng.

+ Gây đau đớn, mất mát, thương tâm cho người thân, xã hội.

3. Nguyên nhân của vấn đề :

+ ý thức tham gia giao thông của người dân còn hạn chế, thiếu hiểu biết và không chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông (lạng lách, đánh võng, vượt đèn đỏ, coi thường việc đội mũ bảo hiểm. . .)

+ Thiếu hiểu biết về các quy định an toàn giao thông (lấy trộm ốc vít đường ray, chiếm dụng đường . . .)

+ Sự hạn chế về cơ sở vật chất (chất lượng đường thấp, xe cộ không đảm bảo an toàn...)

+ Đáng tiếc rằng, góp phần gây ra nhiều tai nạn giao thông, còn có những bạn học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường....

4. Hành động của tuổi trẻ học đường góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông:

+ Tham gia học tập luật giao thông đường bộ ở trường lớp. Ngoài ra, bản thân mỗi người phải tìm hiểu, nắm vững thêm các luật lệ và quy định đảm bảo an toàn giao thông.

+ Chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn giao thông: không lạng lách, đánh võng trên đường đi, không đi xe máy khi chưa có bằng lái, không vượt đèn đỏ, đi đúng phần đường, dừng đỗ đúng quy định, khi rẽ ngang hoặc dừng phải quan sát cẩn thận và có tín hiệu báo hiệu cho người sau biết, đi chậm và quan sát cẩn thận khi qua ngã tư...

+ Đi bộ sang đường đúng quy định, tham gia giúp đỡ người già yếu, người tàn tật và trẻ em qua đường đúng quy định.

+ Tuyên truyền luật giao thông: trao đổi với

<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân</p> <p>- HS lập dàn ý</p> <p>Bài tập 5: Suy nghĩ về hiện tượng nhiều “cây ATM gạo” được mở trong mùa dịch COVID19.</p>	<p>người thân trong gia đình, tham gia các hoạt động tuyên truyền xung kích về an toàn giao thông để góp phần phổ biến luật giao thông đến tất cả mọi người, tham gia các đội thanh niên tình nguyện đảm bảo an toàn giao thông...</p> <p>C. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - An toàn giao thông là hạnh phúc của mỗi người mỗi gia đình và toàn xã hội. - Tuổi trẻ học đường với tư cách là chủ nhân tương lai của đất nước, là thế hệ tiên phong trong nhiều lĩnh vực, có sức khỏe, có tri thức... cần có những suy nghĩ đúng đắn và gương mẫu thực hiện những giải pháp thiết thực để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông. . . <p>Gợi ý bài tập 5:</p> <p>a.Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giới thiệu về những hành động đầy tính nhân văn của con người trong đại dịch COVID 19 -Giới thiệu về một biểu hiện của lối sống nhân văn: cây ATM gạo. <p>b.Thân bài:</p> <p>*Cây ATM gạo là gì</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiếc máy này do anh Hoàng Tuấn Anh - CEO Công ty PHGLock (quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh) tận dụng máy móc có sẵn của công ty chế tạo. - Máy hoạt động như cây ATM, chỉ cần nhấn nút, gạo sẽ tự động tuôn ra, mỗi lần được 1,5kg gạo, dành cho 2-3 người ăn trong khoảng 1 tuần. - Tại địa điểm nhận gạo có khu vực đo thân nhiệt, rửa tay sát khuẩn và các làn đường riêng cho từng người, đảm bảo khoảng cách giữa những người đến nhận gạo.
---	---

-Bên cạnh đó, Ban tổ chức còn bố trí khu vực ưu tiên nhận gạo mà không phải xếp hàng dành cho người già yếu, người khuyết tật và phụ nữ mang thai

- Chỉ một thời gian ngắn sau khi “ATM gạo” đầu tiên ra đời, “ATM gạo” đã nhanh chóng lan tỏa khắp TP và các tỉnh lân cận.

- Đây là một sáng tạo độc đáo, giúp ích cho người nghèo trong thời gian dịch bệnh COVID19 hoành hành.

****Ý nghĩa của cây ATM gạo***

-ATM gạo như một vị cứu tinh cho người nghèo trong thời điểm dịch bệnh không thể đi làm kiếm tiền trang trải cuộc sống.

-ATM gạo thể hiện tính nhân văn, tình cảm tương thân tương ái giữa con người với con người trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống, làm cho mọi người xích lại gần nhau hơn.

-“ATM gạo” đã khơi dậy và lan tỏa tình tương thân tương ái, được người dân đồng lòng hưởng ứng còn các mạnh thường quân khắp nơi đã tích cực chở gạo tới tới hỗ trợ người nghèo.

-ATM gạo đã là minh chứng cho truyền thống đồng cảm và sẻ chia giữa con người với con người, giá trị của tình người trong khó khăn. Những hình thức đó ấm lòng người dân. Ấm lòng không chỉ vì số lượng tặng, mà còn vì tính sáng tạo, vì lòng thao thức trước cảnh thiếu, khổ của con người.

- Lối sống đồng cảm, sẻ chia bắt nguồn từ truyền thống nhân ái của dân tộc ta: : “Lá lành đùm lá rách”, “Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”...

-Xã hội ngày càng phát triển, nhiều lối sống

	<p>hiện đại được du nhập vào nước ta nhưng nhân dân ta vẫn giữ được lối sống đồng cảm, sẻ chia.</p> <p>- Bên cạnh đó cũng cần phê phán lối sống ích kỷ, vô cảm do bị cuốn theo những tham vọng vật chất của nhiều người trong xã hội hiện nay.</p> <p>* Liên hệ bản thân</p> <p>Phải biết sống đồng cảm, sẻ chia không chỉ trong suy nghĩ, tình cảm mà phải hành động thực tế .</p> <p>– Có tinh thần giúp đỡ, hi sinh cho những người xung quanh mình.</p> <p>c.Kết bài</p> <p>Khẳng định lại giá trị, ý nghĩa</p>
--	---

III. củng cố - Dặn dò

- Xác định đúng đối tượng của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Nhớ cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Bài tập về nhà: Luyện viết thành bài văn hoàn chỉnh các đề NL về sự việc hiện tượng đời sống đã học.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 5: LUYỆN TẬP NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức: Đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
 2. Kỹ năng: Làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
 3. Thái độ, phẩm chất:
- Tự nhận thức*: Các sự việc, hiện tượng tích cực hoặc tiêu cực trong cuộc sống.

-*Suy nghĩ, phê phán, sáng tạo*: Phân tích, bình luận và đưa ra ý kiến cá nhân về một số sự việc, hiện tượng tích cực – tiêu cực trong cuộc sống.

-*Ra quyết định*: Lựa chọn cách thể hiện quan điểm trước những sự kiện, hiện tượng tích cực hay tiêu cực, những việc cần làm, cần tránh trong cuộc sống.

4. Năng lực: giải quyết vấn đề và sáng tạo, biết đề xuất lựa chọn các giải pháp phù hợp.

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Kiểm tra bài cũ:</p> <p>Gv cho hs nhắc lại dàn ý của một bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.</p> <p>Bài 1:</p> <p>I/ Đọc – hiểu văn bản</p> <p>Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:</p> <p><i>“Các em học sinh thân mến, có lẽ các em sẽ ngạc nhiên khi hôm nay thầy sẽ nói với các em về căn bệnh mà ít nhiều chúng ta sẽ mắc phải. Căn bệnh này tuy không làm chết người ngay lập tức nhưng nguy hiểm lắm, nếu nhiều người không quyết tâm</i></p>	<p>Dàn ý chung</p> <p>Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.</p> <p>Thân bài:</p> <p>+ Giải thích: Nếu như trong bài có khái niệm, thuật ngữ cần làm rõ.</p> <p>+ Chỉ ra những biểu hiện, thực trạng: Hiện tượng đó đã và đang diễn ra như thế nào ?</p> <p>+ Phân tích các nguyên nhân về sự việc, hiện tượng cần nghị luận.</p> <p>+ Nguyên nhân chủ quan: do cá nhân</p> <p>+ Nguyên nhân khách quan: do gia đình, nhà trường, xã hội.</p> <p>- Chỉ ra hậu quả về vấn đề, hiện tượng cần nghị luận.</p> <p>+ Đối với cá nhân</p> <p>+ Đối với cộng đồng, xã hội</p> <p>- Đề xuất những giải pháp khắc phục, ngăn chặn sự việc, hiện tượng tiêu cực</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động (liên hệ bản thân)</p> <p>* Kết bài: Khẳng định lại tầm quan trọng của vấn đề.</p>

chạy chữa thì họ có thể trở thành những người vô dụng. Nguy hiểm hơn nữa nếu xã hội có nhiều người mắc bệnh này thì sẽ trở nên nghèo nàn lạc hậu, không bao giờ tiến bộ được. Căn bệnh này làm cho con bệnh dần dần trở thành người có nhân cách thấp kém, sống theo lối bầy đàn và không giúp ích gì cho xã hội.

Đó là thầy đang muốn nói về căn bệnh lười, một căn bệnh có nguy cơ lan rộng một cách nhanh chóng. Bệnh này có những biểu hiện và triệu chứng như sau: lười học, lười nghe giảng, lười làm bài tập, lười suy nghĩ, lười phản biện, lười đặt câu hỏi.

Tại sao như vậy? Lười đọc sách hoặc chỉ đọc những cuốn sách nhảm nhí, lười đọc kiến thức tham khảo; lười lao động, lười làm việc chân tay kể cả những điều phục vụ cho chính bản thân mình; lười tập thể dục thể thao, rèn luyện thân thể. Kể ra thì còn nhiều triệu chứng lười nữa. Chắc rằng mỗi em đều cảm thấy mình đã mắc phải những triệu chứng đó.

Mỗi một người đều có một thời gian sống rất hữu hạn, nếu họ mắc phải bệnh lười thì khoảng thời gian sống đó càng trở nên rất ngắn ngủi. Con bệnh sống một cách uể oải, họ không suy nghĩ gì, không làm được một việc gì mặc cho thời gian vẫn trôi đi từ giờ này sang giờ khác, ngày này qua ngày khác, thậm chí năm này qua năm khác”.

(Một phút chữa bệnh lười – PGS. TS Văn Như Cương)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên ? Hãy cho biết mối quan hệ giữa người nói và người nghe ?

Câu 2. Nội dung chính được đề cập đến trong đoạn trích trên là gì?

Câu 3: Trong câu văn “ Đó là thầy đang muốn nói về căn bệnh lười, một căn bệnh có nguy cơ lan

I/ Đọc – hiểu văn bản

Câu 1/ PTBĐ chính: Nghị luận

Mối quan hệ: thầy – trò

Câu 2/ Lời nhắn nhủ của người thầy giáo với học sinh về tác hại nghiêm trọng của bệnh lười.

Câu 3/ bệnh – nghĩa chuyên – phương thức: ẩn dụ

Câu 4/ Mỗi em học sinh cần phải nhận thức được tác hại nghiêm trọng của bệnh lười, tự biết tránh xa và chữa trị nó.

II/ Làm văn

Đề bài: Nghị luận về bệnh lười biếng của học sinh hiện nay.

1/ Mở bài: Hiện nay bệnh lười biếng ở học sinh đã trở thành một trong những căn bệnh vô cùng nguy hiểm gây nên bao nỗi lo lắng cho các bậc phụ huynh và toàn xã hội.

2/ Thân bài

Giải thích: Lười biếng là trạng thái mà cơ thể không muốn học tập, lao động hay làm việc bất chấp mọi hậu quả có thể xảy ra.

Thực trạng và biểu hiện:

+ Bên cạnh nhiều học sinh chăm chỉ vẫn còn khá nhiều em lười biếng.

+ Lúc đầu chỉ là những biểu hiện đơn giản như lười làm bài, lười phát biểu, dần dần lười suy nghĩ, lười lao động. Lười biếng sẽ tạo thành một căn bệnh nan y khó chữa.

rộng một cách nhanh chóng từ “bệnh” được dùng theo nào ? Nêu phương thức chuyển nghĩa ?
 Câu 4. Thông điệp nào trong đoạn trích trên có ý nghĩa nhất với em ?

II/ Làm văn

Hãy nêu suy nghĩ của em về bệnh lười của học sinh ngày nay.

Hs thảo luận nhóm lập dàn ý sau đó trình bày – GV chốt đáp án.

Nguyên nhân

+ Ý thức của mỗi người học sinh còn quá kém chỉ muốn trốn tránh mà không muốn bắt tay vào làm, chỉ biết dựa dẫm vào cha mẹ dù đã đủ tuổi trưởng thành để có thể tự lập, làm những việc phù hợp với mình.

+ Phần đa học sinh đều chưa ý thức được những hậu quả, tác hại mà căn bệnh gây ra.

+ Internet ngày càng phát triển đem lại rất nhiều thuận lợi nhưng nó cũng triệt tiêu đi sự sáng tạo của học sinh bởi chỉ cần 1 cú click chuột là đã có nhan nhản những bài văn mẫu trên mạng, những bài giải có sẵn đáp án dần dần khiến học sinh ngày càng trở nên lười suy nghĩ, thụ động.

+ Các bậc phụ huynh quá quan tâm, nuông chiều con, không để con làm bất cứ việc gì khiến các bạn học sinh ngày càng trở nên lười biếng.

Hậu quả: nghiêm trọng

+ Kết quả học hành ngày một sa sút dẫn đến chán nản, không có ý chí cố gắng học hành, dần buông xuôi, kiến thức không có tương lai ảm đạm.

+ Không sống tự lập được, chỉ biết dựa dẫm vào người khác.

+ Không vận động dẫn đến sức khỏe ngày càng sa sút, không suy nghĩ dần dần sẽ trở nên thụ động, sẽ chẳng có tương lai nếu

	<p>tiếp tục lười biếng.</p> <p>Biện pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi cá nhân phải tự biết nâng cao ý thức của mình và có biện pháp để chữa bệnh lười. Hãy lập cho mình một thời gian biểu các công việc cần hoàn thành và quyết tâm hoàn thành các công việc đã đề ra. + Luôn rèn cho mình khả năng tự làm, tự suy nghĩ, quyết tâm chăm chỉ để loại bỏ bệnh lười. + Các gia đình cần có phương pháp giáo dục con đúng đắn, hợp lý, không nuông chiều con, hãy tạo điều kiện để con làm những việc phù hợp với sức khỏe của mình sau những giờ học. <p>3/ Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khẳng định lại vấn đề + Liên hệ bản thân
--	---

Tiết 02: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG (LUYỆN TẬP)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Hs đọc và xác định yêu cầu của đề.</p> <p>Bài tập 1: Trong những năm gần đây hiện tượng cháy rừng xảy ra thường xuyên gây thiệt hại vô cùng nghiêm trọng. Hãy nêu suy nghĩ của em về vấn đề trên.</p> <p>Gv tổ chức cho hs hoạt động nhóm và trình bày dàn ý.</p> <p>Gv chữa bài. Hs hoàn thành bài</p>	<p>1/ Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dẫn dắt giới thiệu về nạn cháy rừng. + Nêu nhận định chung <p>2/ Thân bài</p> <p>a/ Giải thích</p> <p>Rừng là gì ?</p> <ul style="list-style-type: none"> + Rừng là một quần xã sinh vật trong đó cây rừng là thành phần chủ yếu. + Là tài nguyên quý của quốc gia, có giá trị vô cùng to lớn đối với đời sống của con người.

viết vào vở.

b/ Thực trạng

+ Hiện nay trên cả nước có rất nhiều những vụ cháy rừng xảy ra, rất nghiêm trọng.

+ Dẫn chứng, số liệu

- Vào năm 2019 đã có hơn 156 vụ cháy rừng ở VN

- Đầu năm 2020 đến nay đã xảy ra 26 vụ cháy rừng.

+ Một số vụ cháy rừng đáng chú ý đã diễn ra trong thời gian gần đây như:

+ Ngày 5/5/2020 cháy 30ha rừng ở Quảng Bình

+ Cháy rừng ở Úc

c/ Nguyên nhân

+ Khách quan

Biến đổi khí hậu, trái đất nóng lên, nhiệt độ thay đổi thất thường, vào mùa hanh khô, cây khô héo, dễ bén lửa.

+ Chủ quan

Do con người tác động: dùng lửa để đốt rừng với mục đích làm nương rẫy dẫn đến nguy cơ cháy rừng.

d/ Hậu quả: vô cùng nghiêm trọng gây tổn thất nặng nề đối với kinh tế, đời sống của mỗi con người và toàn xã hội.

+ Nhiều động vật đang trên đà tuyệt chủng

+ Ảnh hưởng ô nhiễm không khí trầm trọng

+ Con người đang dần mất đi lá phổi xanh

+ Lũ lụt ở đồng bằng, do không có cây rừng giữ nước

đầu nguồn

+ Đất sỏi mòn, không còn màu mỡ

+ Ảnh hưởng đến khí hậu toàn cầu (trái đất nóng lên, nước biển dâng cao có nguy cơ nhấn chìm các quốc đảo và các nước thuộc lục địa ven biển, ...)

e/ Giải pháp

+ Tích cực trồng cây gây rừng

+ Xử lý nhanh chóng, kịp thời khi cháy rừng diễn ra

<p>Bài tập 2: Bạo lực học đường ở học sinh hiện nay.</p> <p>Hs thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thực trạng. + Nguyên nhân: + Hậu quả. + Giải pháp <p>Các nhóm thảo luận và trình bày. Gv chốt ý.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử phạt nghiêm khắc những hành vi chặt phá rừng. + Tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng cháy, chữa cháy. + Xây dựng các dự án phát triển rừng cho từng địa phương, đặc biệt là khu vực đầu nguồn. <p>Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khẳng định lại tác hại nghiêm trọng của cháy rừng. + Liên hệ bản thân <p>Bài tập 2:</p> <p>A. MB: Mỗi ngày lên mạng internet ta chứng kiến biết bao clip được các bạn trẻ đưa lên. Đó không phải là những tấm gương, hành động cao đẹp mà là những vụ đánh nhau, gây rối thậm chí là xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Bạo lực học đường đang trở thành một vấn đề nóng đối với toàn xã hội.</p> <p>B. TB:</p> <p>* Thực trạng:</p> <p>Chỉ cần lên Google gõ cụm từ “ học sinh đánh nhau” thì chỉ cần 0,08 giây tìm kiếm sẽ cho ta 3.143.000 kết quả có liên quan. Đây là con số khủng khiếp và đáng báo động. Hoặc chỉ cần vào Youtube bạn sẽ thấy những hình ảnh, những video clip quay cảnh đám đá vô nhân tính của các cô cậu học sinh đang đám đá, xé áo, túm tóc lẫn nhau gây ám ảnh cho người xem về một thế hệ tuổi trẻ nhưng nhân cách đang bị băng hoại nghiêm trọng.</p> <p>Nguyên nhân của các vụ đánh nhau trên thường là do hs cá biệt thành lập băng nhóm để ức hiếp bạn bè; do ảnh hưởng từ phim ảnh bạo lực, do ghen tị về thành tích học tập, do mâu thuẫn nhỏ trong bạn bè dẫn đến xích mích, nổi nóng thiếu kiềm chế; bên cạnh đó còn là một số nguyên nhân khó tưởng tượng như: thích thì đánh cho nó chừa, nhìn đều...</p> <p>Vấn đề bạo lực học đường hiện nay đang ở mức</p>
---	--

báo động cấp thiết, có nguy cơ bùng nổ lan rộng. Và sẽ càng nguy hiểm hơn nếu bản thân các em tìm cách tự trả thù theo kiểu xã hội đen mà không cần đến sự giúp đỡ của các thầy cô, nhà trường.

* **Nguyên nhân:** Học sinh bị tiêm nhiễm lỗi ứng xử bên ngoài nhà trường, thậm chí là từ chính cha mẹ, người lớn trong gia đình. Bản thân các em có cái tôi cá nhân quá lớn, gia đình chưa có sự uốn nắn, điều chỉnh kịp thời đối với các hành vi lệch lạc.

* **Hậu quả:** BLHĐ để lại những hậu quả nghiêm trọng, khó lường như gây tổn thương, dư chấn về tinh thần và thể xác, có trường hợp còn dẫn tới thiệt mạng như vụ HS lớp 10 ở Đồng Nai đâm chết bạn ngay ở cửa lớp. Điều này giống lên một hồi chuông cảnh tỉnh về sự suy đồi đạo đức của một bộ phận giới trẻ.

* **Giải pháp** nào cho BLHĐ:

Toàn XH cần phải củng cố nâng cao chất lượng môi trường XH văn minh, tiến bộ, có biện pháp ngăn chặn và có chế tài đối với những hoạt động có tác hại đến môi trường văn hóa XH, nghiêm cấm các game bạo lực.

Quan tâm nâng cao văn hóa gia đình, loại bỏ bạo lực ra khỏi đời sống gia đình. Phối hợp chặt chẽ ba môi trường GD: gia đình – nhà trường – XH. HS cần nghiêm túc kiểm điểm bản thân, biết kiềm chế tránh nổi nóng, biết nhận lỗi khi làm sai và phải có lòng vị tha.

Nhà trường cần phát huy vai trò của đội ngũ GVCN, nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của các em HS. Quan tâm nhiều hơn tới HS cá biệt nhưng nếu các em tái phạm hành vi thì cũng cần có biện pháp xử lý nghiêm khắc. Tình thương và trách nhiệm là phương thuốc hiệu nghiệm nhất ngăn chặn BLHĐ.

C. Kết bài:

Vì một môi trường học đường lành mạnh, HS hãy NÓI KHÔNG VỚI BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG. Mỗi người lớn trong gia đình phải là một tấm gương cho con em noi theo.

Tiết 3:

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài tập 1:</p> <p>a/ Trái đất đang phải đối mặt với rất nhiều vấn nạn trong đó có rác thải nhựa đã và đang làm cho môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng. Hãy nêu suy nghĩ của em về vấn đề ấy.</p> <p>b/ Điện thoại di động là một trong những phương tiện thông tin liên lạc hữu ích của con người hiện nay. Thế nhưng, một bộ phận học sinh lại sử dụng nó chưa đúng cách, với mục đích chưa tốt. Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng trên.</p> <p>Hs thảo luận nhóm, lập dàn ý chi tiết và trình bày.</p> <p>Gv chốt kiến thức.</p>	<p>Bài tập 1:</p> <p>a.</p> <p>Đặt vấn đề</p> <p>+ Dẫn dắt vào vấn đề rác thải nhựa đang gây ô nhiễm nghiêm trọng.</p> <p>Giải thích:</p> <p>Rác thải nhựa là những đồ dùng bằng nhựa như ống hút, túi nilông, hộp xốp mà con người đã sử dụng một lần hoặc hai ba lần sau đó vất đi trong những thùng rác hoặc ven đường.</p> <p>Thực trạng & biểu hiện</p> <p>Rác thải nhựa có mặt ở khắp nơi từ công viên, trường học, bệnh viện đặc biệt là trong các khu chợ.</p> <p>Học sinh thường xuyên mua trà sữa đựng trong những chiếc hộp nhựa, sữa chua hay đồ ăn vặt đựng trong các hộp xốp. Sau khi ăn và uống xong, liền quăng vào thùng rác hoặc gần bàn.</p> <p>Những bà nội trợ sử dụng rất nhiều túi nilông để đựng rau củ, đồ ăn khi đi chợ và khi túi đã dơ sẽ quăng vào thùng rác.</p> <p>Nguyên nhân</p> <p>Do những đồ dùng bằng nhựa đã trở nên quá phổ biến với người tiêu dùng bởi sự tiện lợi và giá thành khá rẻ.</p> <p>Hiểu biết của chúng ta về chất thải nhựa còn quá kém</p> <p>Do trình độ công nghệ còn nhiều lạc hậu, công nghệ tái chế và xử lý chất thải còn lạc hậu.</p> <p>Nhiều người dân còn ham lợi nhuận.</p> <p>Hậu quả</p> <p>Trực tiếp ảnh hưởng tới sức khỏe cũng như môi trường sống của con người.</p>

Làm ô nhiễm nguồn nước, không khí, thoái hoá đất

Làm ảnh hưởng tới nguồn thủy hải sản.

Đất nước phải chịu rất nhiều chi phí để xử lý rác thải và bảo vệ môi trường.

Biện pháp

Nâng cao ý thức của người dân trong việc sử dụng đồ nhựa.

Chỉ sử dụng túi nilông khi thật cần thiết, thay vào đó là túi vải, túi giấy.

Thay những chai nhựa bằng bình nước có thể sử dụng nhiều lần, bình giữ nhiệt

Mỗi chúng ta cần có ý thức hơn khi đi mua đồ

Tuyên truyền cho người dân về tác hại của rác thải nhựa như chai nhựa, hộp xốp.

Các cơ quan chức năng cần tuyên truyền và sản xuất các loại túi thân thiện với môi trường.

Doanh nghiệp phải cam kết sử dụng túi nilon thân thiện với môi trường.

Liên hệ

+ Chỉ sử dụng túi khi thật cần thiết.

b.

Đặt vấn đề

+ Ngày nay hầu hết phụ huynh đều trang bị cho con em mình chiếc điện thoại để tiện liên lạc, theo dõi hoặc phục vụ việc tìm tư liệu học tập trên in-ternet

+ Một bộ phận không nhỏ hs sử dụng điện thoại di động chưa đúng cách, đúng mục đích.

Giải thích:

Điện thoại di động là điện thoại cầm tay có kích thước nhỏ, gọn, có hòa mạng giúp trao đổi thông tin liên lạc. Ngày nay những chiếc điện thoại thông minh còn có nhiều chức năng như nghe nhạc, chơi game, xem phim.

Biểu hiện

+ Dùng không đúng cách: trong giờ học, khi

	<p>tham gia giao thông, khi đêm đã khuya.</p> <p>+ Dùng sai mục đích: quay cóp, lên mạng chép bài, chép văn mẫu, đăng clip xấu.</p> <p>Nguyên nhân</p> <p>+ Do sự bùng nổ của công nghệ thông tin</p> <p>+ Do cha mẹ quá nuông chiều con</p> <p>+ Do học sinh chưa nhận thức được đúng đắn và lạm dụng chức năng của điện thoại.</p> <p>Hậu quả</p> <p>+ Dùng điện thoại tra đáp án tạo thói quen lười suy nghĩ, ỷ lại.</p> <p>+ Học hành sa sút, hỏng kiến thức</p> <p>+ Dễ gây ra bệnh vô cảm</p> <p>Khắc phục</p> <p>+ Mỗi học sinh cần tự giác trong học tập, biết sử dụng điện thoại đúng cách.</p> <p>+ Gia đình cần quan tâm, gần gũi các em hơn.</p> <p>+ Nhà trường siết chặt hơn công tác quản lý học sinh, tổ chức nhiều sân chơi lành mạnh, thú vị</p> <p>Liên hệ bản thân</p> <p>+ Chỉ sử dụng điện thoại di động khi cần thiết, đúng mục đích.</p>
--	--

III. củng cố - Dặn dò

- Hs xem lại các bài tập đã làm, nhớ cách làm một bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.

- **Bài tập về nhà:** lập dàn ý chi tiết cho đề sau:

Hiện tượng ném đá trên mạng xã hội đã đang phổ biến gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Hãy nêu suy nghĩ của em về vấn đề trên.

BUỔI 6

Ngày soạn: / /2020

Ngày dạy: / /2020

**ÔN TẬP CHUYÊN ĐỀ: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (Tiếp)
DẠNG II: NGHỊ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức

- Củng cố kiến thức về cách làm bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lý.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng viết đoạn văn, bài văn NL hoàn chỉnh.

3. Thái độ, phẩm chất

- Bồi dưỡng tình yêu văn học, có hứng thú khi làm bài thi.

- Yêu quê hương đất nước, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

4. Năng lực:

- **Các năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực sử dụng CNTT

- **Các năng lực chuyên môn:** Năng lực sử dụng ngôn ngữ

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

A. Hệ thống lại kiến thức đã học

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
? Thế nào là nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý?	I. Khái niệm Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... của con người. II. Yêu cầu bài nghị luận về một về một vấn đề

<p>? Yêu cầu về nội dung, hình thức, mục đích và thái độ của kiểu bài này là gì?</p>	<p>tư tưởng, đạo lí</p> <p>- <i>Về nội dung:</i></p> <p>Phải làm sáng tỏ các vấn đề tư tưởng, đạo lí bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích...để chỉ ra chỗ hay, chỗ sai của một tư tưởng nào đó, nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.</p> <p>- <i>Về hình thức:</i></p> <p>Bài viết phải có bố cục 3 phần, có luận điểm đúng đắn, mạch lạc; lời văn chính xác sống động, lí lẽ sắc sảo, thuyết phục, những dẫn chứng minh họa phải chọn lọc, tiêu biểu, phong phú cả mặt tốt, mặt xấu, mặt đúng, mặt sai. Biết lập luận, xem xét vấn đề ở nhiều chiều, nhiều góc độ khác nhau</p> <p>(xưa- nay, lý thuyết - thực tiễn,...)</p> <p>- <i>Về mục đích:</i> Cần xác nhận được các vấn đề tư tưởng, đạo lý ấy đúng- sai, phù hợp hoặc chưa phù hợp đồng thời phải hướng người đọc, người nghe đến nhận thức và hành động theo chuẩn mực, đạo lý đó.</p> <p>- <i>Về thái độ:</i> Người viết cần phải có thái độ, quan điểm, lập trường rõ ràng khi nhìn nhận, xem xét, đánh giá một vấn đề thuộc tư tưởng, đạo lý, phải hiểu những chuẩn mực về tư tưởng, đạo đức của xã hội mà mọi người chấp nhận, biết liên hệ thực tế cuộc sống để xem xét, bàn bạc.</p>
<p>? Bố cục bài văn gồm mấy phần? Vai trò của từng phần</p>	<p>III. Bố cục</p> <p>- <i>Mở bài:</i> Giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lí đề yêu cầu(Trích câu danh ngôn, ca dao, tục ngữ hoặc tên câu chuyện...).</p> <p>- <i>Thân bài:</i></p> <p>+ Hiểu bản chất tư tưởng, đạo lí cần bàn là gì (giải thích): làm rõ khái niệm, giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa văn bản của từ ngữ, khái niệm; rút ra ý nghĩa khái quát.</p> <p>+ Bàn tỏ thái độ:</p> <p>. Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề, nêu vị trí, vai trò và biểu hiện của tư tưởng, đạo lí đó trong đời sống(lí lẽ và dẫn chứng).</p> <p>. Phê phán, bác bỏ những biểu hiện sai lệch liên quan đến vấn đề; lật lại vấn đề nghị luận để xem xét những mặt sai trái của nó(lí lẽ và dẫn chứng).</p> <p>+ Liên hệ bản thân, rút ra bài học: Từ vấn đề nghị luận, người viết rút ra được bài học gì về</p>

<p>Cách làm đối với dạng đề mang tư tưởng nhân văn và phản nhân văn.</p>	<p>nhận thức và hành động cho bản thân. - <i>Kết bài</i>: Khẳng định lại ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề vừa bàn: vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào trong đời sống, xã hội, liên hệ thực tế cuộc sống từ vấn đề vừa bàn rồi mở rộng vấn đề. IV. Hệ thống những vấn đề cơ bản: - Đề mang tư tưởng nhân văn: lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí nghị lực, tôn sư trọng đạo... Đề thi thường ra dưới dạng một ý kiến, một câu nói, một hay vài câu thơ hoặc tục ngữ, ngạn ngữ... - Đề mang tư tưởng phản nhân văn: thói dối trá, lối sống ích kỷ, phản bội, ghen tị, vụ lợi cá nhân, bệnh vô cảm... Đề thi thường ra dưới dạng một ý kiến, một câu nói, tục ngữ, ngạn ngữ...</p>
<p>* TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN</p>	<p>* TƯ TƯỞNG PHẢN NHÂN VĂN</p>
<p>I. Mở đoạn: nêu vấn đề</p>	<p>I. Mở đoạn: nêu vấn đề</p>
<p>II. Thân đoạn</p>	<p>II. Thân đoạn</p>
<p>1. Giải thích: nếu là câu nói, ý kiến có hai vế thì giải thích hai vế rồi giải thích cả câu.</p>	<p>1. Giải thích: nếu là câu nói, ý kiến có hai vế thì giải thích hai vế rồi giải thích cả câu.</p>
<p>2. Bàn luận a) Biểu hiện (thường trả lời câu hỏi tại sao? Thế nào?) b) Ý nghĩa ?</p>	<p>2. Bàn luận a) Biểu hiện (thường trả lời câu hỏi tại sao? Thế nào?) b) Tác hại ?</p>
<p>3. Phê phán, bác bỏ tư tưởng trái ngược.</p>	<p>3. Biểu dương, ngợi ca tư tưởng nhân văn đối lập với phản nhân văn đã phân tích ở trên</p>
<p>3. Bài học nhận thức và hành động – Về nhận thức ta có: đúng hay sai? – Về hành động ta cần: cần làm gì?</p>	<p>4. Bài học nhận thức và hành động. – Về nhận thức ta có: đúng hay sai? – Về hành động ta cần: cần</p>
<p>III. Kết đoạn: đánh giá chung về vấn đề</p>	<p>III. Kết đoạn: đánh giá chung về vấn đề.</p>

Tiết 2 + 3:

B. Luyện tập :

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- GV tổ chức cho HS làm đề luyện tập theo nhóm: Nhóm 1: Đề 1: Suy nghĩ về sức mạnh của tình yêu thương. Nhóm 2: Đề 2: Suy nghĩ của em về tình mẫu tử.</p>	<p>- GV chốt kiến thức (Đáp án)</p>

<p>Nhóm 3: Đề 3: Trình bày suy nghĩ của mình về câu nói: <i>“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.</i> - Các nhóm thực hiện yêu cầu lập dàn ý cho đề bài của nhóm mình. - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV chốt kiến thức chuẩn.</p>	
<p style="text-align: center;"><u>Đáp án gợi ý:</u> * Đề 1</p> <p><u>I. Mở bài</u> - Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận: sức mạnh của tình yêu thương.</p> <p><u>II. Thân bài</u> 1. Giải thích thế nào là tình yêu thương người: - Tình yêu thương là gì? Đó chính là sự sẻ chia mà mỗi người dành cho nhau, một thứ tình cảm thiêng liêng xuất phát từ nơi con tim. - Là làm những điều tốt đẹp cho người khác và nhất là những người gặp khó khăn hoạn nạn. - Là thể hiện tình cảm yêu thương và quý mến người khác.</p> <p>2. Bàn luận: a) Biểu hiện của tình yêu thương: - Trong gia đình: Tình yêu thương thể hiện ở sự đồng cảm và một tinh thần đồng loại mà con người dành cho con người nhưng nó vô cùng gần gũi như: + Ông bà thương con cháu, cha mẹ thương con, con thương cha mẹ. + Cha mẹ chấp nhận hi sinh, cực nhọc để làm việc vất vả và nuôi dạy con cái nên người. + Con cái biết nghe lời, yêu thương cha mẹ là thể hiện tình yêu thương của mình đối với ba mẹ. + Tình yêu thương còn thể hiện ở sự hòa thuận quý mến lẫn nhau giữa anh em với nhau. - Trong xã hội: - Con người trở nên hạnh phúc, vui vẻ, một con người biết yêu thương chính là người có nhân cách đẹp, và luôn hướng đến những thứ tốt đẹp, hoàn mỹ hơn. - Là động lực vững chắc để bạn vượt mọi khó khăn và thử thách trong cuộc sống. - Tình yêu thương con người là truyền thống đạo lí: <i>“Bầu ơi thương lấy bí cùng</i> <i>Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”</i> - Tình thương dành cho những con người có số phận đau khổ, bất hạnh. - Quan tâm, chia sẻ vật chất cho những người sống khó khăn, thiếu thốn, cần sự giúp đỡ ở quanh mình. - Lên án, đấu tranh chống lại những thế lực đày đoạ, bóc lột, ngược đãi con người.</p> <p>b) Ý nghĩa của tình yêu thương: - Sưởi ấm tâm hồn những con người cô đơn, đau khổ, bất hạnh, truyền cho họ sức mạnh, nghị lực để vượt lên hoàn cảnh. - Tạo sức mạnh cảm hoá kì diệu đối với những người “lầm đường lạc lối”; mang lại niềm</p>	

hạnh phúc, niềm tin và cơ hội để có cuộc sống tốt đẹp hơn.

- Là cơ sở xây dựng một xã hội tốt đẹp, có văn hóa.

3. Phê phán, bác bỏ những người không có tình yêu thương con người:

- Phê phán những người trong xã hội sống thiếu tình thương, vô cảm, dửng dưng trước nỗi đau chung của đồng loại, họ bị sự ồn ào của cuộc sống, bị lu mờ bởi vật chất nên để tình yêu thương nguội lạnh. Vì cái tôi, vì cuộc sống đơn điệu của bản thân mà họ bỏ mặc những thứ xung quanh.

- Phê phán những người không biết quan tâm, chia sẻ và đồng cảm với mọi người xung quanh cứ khư khư trong vỏ bọc của riêng mình. Và từ đó, luôn sống trong ngờ vực, đố kỵ, ganh ghét ...=>Chúng ta nên chỉ cho họ thấy sống là cần biết cho đi, chứ không chỉ là sự nhận lại, để họ có thể được hòa nhập vào thế giới tràn ngập yêu thương.

4. Bài học nhận thức và hành động:

- Tình yêu thương có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống

- Chúng ta hãy nâng niu hạnh phúc gia đình; hãy sống yêu thương, biết sẻ chia, đồng cảm với những cảnh ngộ trong cuộc đời.

III. Kết bài:

- Tổng kết, khẳng định lại vấn đề: Tình yêu thương có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người, là lẽ sống của mỗi người.

- Mỗi người chúng ta phải biết yêu thương lẫn nhau, yêu thương đồng loại.

Đề 2:

I. Mở bài :

-Tình mẫu tử là một trong những tình cảm thiêng liêng nhất của con người . Kể sao cho hết những yêu thương mà mẹ dành cho con và cũng kể làm sao hết lòng biết ơn vô hạn của những đứa con dành cho mẹ kính yêu

II. Thân bài :

1. Giải thích thế nào là tình mẫu tử

- Tình mẫu tử là tình mẹ con, là những thương yêu, đùm bọc, che chở ... mà người mẹ dành cho con

- Trong đời sống con người có nhiều thứ tình cảm cao đẹp như tình cảm đối với ông bà, anh chị em, tình bạn, tình yêu nước ... nhưng tình mẫu tử vẫn có vị trí đặc biệt thiêng liêng và máu thịt nhất

2. Bàn luận:

- Khẳng định tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng nhất, có sức mạnh diệu kì nhất trong cuộc đời mỗi người :

+ Trong mọi thứ tình cảm thì tình mẫu tử là cao quý và thiêng liêng nhất . Từ xưa đến nay nhân loại đã và sẽ mãi mãi ca tụng về tình mẫu tử vì nó chứa đựng trong đó là lòng vị tha, đức hi sinh và tình yêu thương không giới hạn . Mẹ là dòng suối mát lành. Tình mẹ là điều không thể đo đếm được . Có mẹ, con có cả bầu trời yêu thương, mất mẹ là nỗi đau, là mất mát lớn nhất trong đời con

+ Tình mẫu tử là môi trường tốt nhất cho sự phát triển của tâm hồn và trí tuệ của đứa con

+ Tình mẫu tử là cái gốc thiện, nguồn nuôi dưỡng lương chi, nhân phẩm con người trong cuộc đời; có ý nghĩa với con người khi đứng trước bờ vực của lầm lỡ và tội ác

+ Tình mẫu tử là nơi khởi đầu và cũng là chốn tìm về sau cuối của mỗi người trong cuộc sống vốn đầy thử thách, là điểm tựa cho lòng tin, sức mạnh để mỗi người vượt qua khó khăn, tìm thấy niềm hạnh phúc

3. Phê phán những biểu hiện của vi phạm tình mẫu tử

- Không ít người con chà đạp lên tình mẫu tử : con vô tâm, bất hiếu với cha mẹ, chỉ biết sống đòi hỏi, lãng quên trách nhiệm và bổn phận làm con, không biết quan tâm, chăm sóc mẹ già khi ốm đau
- Vẫn tồn tại hiện tượng cần phê phán về những người mẹ ích kỉ, độc ác bỏ rơi con, không chăm sóc ...

4. Bài học nhận thức và hành động:

- Biết yêu thương, kính trọng và hiếu thảo với mẹ là bổn phận của đạo làm con
- Biết trân trọng những giây phút còn có mẹ trên đời, biết thể hiện lòng hiếu thảo ngay khi còn có thể
- Tu dưỡng bản thân, bồi đắp tâm hồn lẽ sống để sống có ích, đền đáp công sinh thành, dưỡng dục mà mẹ đã dành cho ta

III . Kết luận

Khẳng định lại ý nghĩa tầm quan trọng của tình mẫu tử.

Đề 3:

I. Mở bài:

- Cuộc đời sẽ tẻ nhạt, vô nghĩa biết bao khi con người ta sống không có ước mơ, khát vọng.

- Đúng vậy, ước mơ là nhựa sống để nuôi dưỡng tâm hồn ta lớn lên, sống có mục đích, có tương lai, hạnh phúc. Một câu nói đáng để ta suy ngẫm: *“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”*.

II. Thân bài:

1. Giải thích câu nói:

- Ước mơ: là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được.
- Có người đã ví: *“Ước mơ giống như ngọn hải đăng, chúng ta là những con thuyền giữa biển khơi bao la, ngọn hải đăng thấp sáng giúp cho con thuyền của chúng ta đi được tới bờ mà không bị mất phương hướng”*. Sự ví von quả thật chí lí, giúp người ta hiểu rõ, hiểu đúng hơn về ước mơ của mình.
- Ước mơ đủ lớn: là ước mơ khởi đầu từ điều nhỏ bé, trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt những khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực.
- Câu nói: đề cập đến ước mơ của mỗi con người trong cuộc sống. Bằng ý chí, nghị lực và niềm tin, ước mơ của mỗi người sẽ “đủ lớn”, trở thành hiện thực.

2. Phân tích, chứng minh ý nghĩa câu nói:

Có phải *“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”*?

- *Ước mơ của mỗi người trong cuộc đời cũng thật phong phú*. Có những ước mơ nhỏ bé, bình dị, có những ước mơ lớn lao, cao cả; có ước mơ vụt đến rồi vụt đi; ước mơ bay theo đời người; ước mơ là vô tận. Thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ.
- *Ước mơ đủ lớn cũng như một cái cây phải được ươm mầm rồi trưởng thành*. Một cây sồi cổ thụ cũng phải bắt đầu từ một hạt giống được gieo và nảy mầm rồi dần lớn lên. Như vậy, ước mơ đủ lớn nghĩa là ước mơ bắt đầu từ những điều nhỏ bé và được nuôi dưỡng dần lên. Nhưng để ước mơ lớn lên, trưởng thành thì không dễ dàng mà có được. Nó phải trải qua bao bước thăng trầm, vinh nhục, thậm chí phải nếm mùi cay đắng, thất bại. Nếu con người vượt qua được những thử thách, trở ngại, kiên trung với ước mơ, khát vọng, lí tưởng của mình thì sẽ đạt được điều mình mong muốn.

+ Ước mơ của chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho dân mình. Trải qua bao gian khổ khó khăn và hi sinh, Người đã đạt được điều mình mơ ước.

+ Nhiều nhà tư tưởng lớn, những nhà khoa học cho đến những người bình dân, thậm chí những thân thể khuyết tật... vẫn vươn tới, đập bằng mọi khó khăn, cản trở trong cuộc sống để đạt được mơ ước của mình.

3. Mở rộng vấn đề:

- Nhưng cũng có những ước mơ thật nhỏ bé, bình dị thôi mà cũng khó có thể đạt được:

+ Những em bé bị mù, những em bé tật nguyền do chất độc da cam, những em bé mắc bệnh hiểm nghèo... vẫn hằng ấp ủ những mơ ước, hi vọng. Nhưng cái chính là họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lui tàn hoặc mất đi.

+ Ước mơ cũng không đến với những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, nghị lực, lười biếng, ăn bám...

4. Đánh giá, rút ra bài học:

- Lời bài hát “Ước mơ” cũng là lời nhắc nhở chúng ta: “*Mỗi người một ước mơ, nhỏ bé mà lớn lao trong cuộc đời, ước mơ có thể thành, có thể không...*”. Thật đúng vậy, mỗi một con người tồn tại trên cõi đời này phải có riêng cho mình ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống của đời mình.

- Phê phán: Ước mơ có thể thành, có thể không, xin người hãy tự tin. Nếu sợ ước mơ bị thất bại mà không dám ước mơ, hay không đủ ý chí, nghị lực mà nuôi dưỡng ước mơ “đủ lớn” thì thật đáng tiếc, đáng phê phán. Cuộc đời sẽ chẳng đạt được điều gì mình mong muốn, sống như thế thật tẻ nhạt, vô nghĩa.

- Bài học nhận thức, hành động: Nếu cuộc đời là chiếc thuyền thì ước mơ là ngọn hải đăng. Thuyền gặp nhiều phong ba, ngọn hải đăng sẽ là niềm tin, ánh sáng hướng thuyền. Mất ngọn hải đăng, con thuyền biết đi đâu về đâu? Vì thế, hai chữ “ước mơ” thật đẹp, thật lớn lao. Mỗi người chúng ta hãy có cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào!

III. Kết bài:

- Liên hệ ước mơ, khát vọng của bản thân.

- Cần có ý chí, nghị lực để nuôi dưỡng, biến ước mơ thành hiện thực.

III. củng cố - Dặn dò

- Học thuộc kiến thức về cách làm bài văn Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Hoàn thiện 1 trong 3 đề trên vào vở luyện viết văn, buổi học sau GV sẽ thu và chấm bài.

- Chuẩn bị buổi sau ôn tập: Cách làm bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí. (Tiếp theo)

Kí duyệt của Tổ chuyên môn	Ký duyệt của Ban giám hiệu

Ngày soạn:

Buổi 7

Ngày dạy:

NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**DẠNG II: NGHỊ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ****(Luyện tập)****I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức :

- Đặc điểm, yêu cầu của bài văn nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng, đạo lí .
- Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn, bài văn nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng, đạo lí.

3. Thái độ :

- Tích cực tìm hiểu và bày tỏ quan điểm về những vấn đề tư tưởng đạo lí.
- Tích cực thực hành.

4. Năng lực:

- Giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp...

II. Tiến trình lên lớp**Tiết 1, 2: Luyện tập làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí**

Hoạt động của GV-HS	Kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: Hệ thống kiến thức Hình thức: cá nhân - GV: treo (chiếu) 1 sơ đồ câm ghi: các bước làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí - Yêu cầu HS điền vào sơ đồ và nêu cách làm từng	A. Hệ thống kiến thức Các bước làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí 1. Tìm hiểu đề, tìm ý: * Tìm hiểu đề: - Đọc kĩ đề, gạch chân các từ quan trọng - Xác định: kiểu bài, nội dung nghị luận, phạm vi nghị luận. * Tìm ý: Tự đặt các câu hỏi và trả lời để có các ý

bước	<p>2. Lập dàn ý: Sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục bài văn</p> <p>3. Viết bài: Chú ý liên kết, cách dùng từ, chính tả...</p> <p>4. Đọc lại bài và sửa: chính tả, dùng từ, câu...</p>						
Hoạt động luyện tập	B. Luyện tập						
<p>GV hướng dẫn HS thực hiện từng bước khi làm một bài văn nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng đạo lí</p> <p>? Trước một đề bài, em cần làm gì?</p> <p>? Em hãy thực hiện các bước xác định yêu cầu của đề</p> <p>(Làm cá nhân)</p> <p>? Em hãy thực hiện các bước để tìm ý</p> <p>(Làm nhóm nhỏ- theo bàn, thời gian: 8 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm báo cáo kết quả - Các nhóm nhận xét và bổ sung cho nhau - GV chốt các ý 	<p>Đề bài: Nêu suy nghĩ của em về lời khuyên: Có chí thì nên</p> <p>1. Tìm hiểu đề, tìm ý:</p> <p>* Tìm hiểu đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bài: nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng đạo lí - Vấn đề nghị luận: Ý chí nghị lực tạo nên thành công. - Phạm vi tư liệu, dẫn chứng: Tri thức về ca dao tục ngữ và về đời sống. <p>* Tìm ý:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Câu hỏi</th><th>Ý</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td> <p>“Chí” là gì?</p> <p>“Nên” là thế nào?</p> <p>“Có chí thì nên” nghĩa là thế nào?</p> </td><td> <p>- Là hoài bão, lí tưởng tốt đẹp, ý chí, nghị lực, sự kiên trì.</p> <p>- Là sự thành công, thành đạt trong mọi việc</p> <p>-> Có nghị lực, lòng kiên trì thì sẽ thành công</p> </td></tr> <tr> <td> <p>?Tại sao người có ý chí nghị lực thì dẫn đến thành công?</p> </td><td> <p>- Cuộc sống luôn chứa đựng khó khăn...Ý chí sẽ tạo sức mạnh để vượt qua khó khăn đi đến thành công</p> <p>- Giúp con người có niềm tin vào bản thân, lạc quan, kiên trì theo đuổi ước mơ</p> <p>- Để có thành công cần trải qua quá trình rèn luyện lâu dài, có thể gặp thất bại</p> <p>- Tạo lập tính tự lập cho ta ngay từ lúc còn bé</p> <p>- Cảm thấy cuộc sống có ích và ý nghĩa hơn</p> </td></tr> </tbody> </table>	Câu hỏi	Ý	<p>“Chí” là gì?</p> <p>“Nên” là thế nào?</p> <p>“Có chí thì nên” nghĩa là thế nào?</p>	<p>- Là hoài bão, lí tưởng tốt đẹp, ý chí, nghị lực, sự kiên trì.</p> <p>- Là sự thành công, thành đạt trong mọi việc</p> <p>-> Có nghị lực, lòng kiên trì thì sẽ thành công</p>	<p>?Tại sao người có ý chí nghị lực thì dẫn đến thành công?</p>	<p>- Cuộc sống luôn chứa đựng khó khăn...Ý chí sẽ tạo sức mạnh để vượt qua khó khăn đi đến thành công</p> <p>- Giúp con người có niềm tin vào bản thân, lạc quan, kiên trì theo đuổi ước mơ</p> <p>- Để có thành công cần trải qua quá trình rèn luyện lâu dài, có thể gặp thất bại</p> <p>- Tạo lập tính tự lập cho ta ngay từ lúc còn bé</p> <p>- Cảm thấy cuộc sống có ích và ý nghĩa hơn</p>
Câu hỏi	Ý						
<p>“Chí” là gì?</p> <p>“Nên” là thế nào?</p> <p>“Có chí thì nên” nghĩa là thế nào?</p>	<p>- Là hoài bão, lí tưởng tốt đẹp, ý chí, nghị lực, sự kiên trì.</p> <p>- Là sự thành công, thành đạt trong mọi việc</p> <p>-> Có nghị lực, lòng kiên trì thì sẽ thành công</p>						
<p>?Tại sao người có ý chí nghị lực thì dẫn đến thành công?</p>	<p>- Cuộc sống luôn chứa đựng khó khăn...Ý chí sẽ tạo sức mạnh để vượt qua khó khăn đi đến thành công</p> <p>- Giúp con người có niềm tin vào bản thân, lạc quan, kiên trì theo đuổi ước mơ</p> <p>- Để có thành công cần trải qua quá trình rèn luyện lâu dài, có thể gặp thất bại</p> <p>- Tạo lập tính tự lập cho ta ngay từ lúc còn bé</p> <p>- Cảm thấy cuộc sống có ích và ý nghĩa hơn</p>						

	<p>? Nêu những tấm gương giàu ý chí đã đạt được thành công</p> <p>? Trái với ý chí, nghị lực là gì? Người không có ý chí thường phải chịu hậu quả gì?</p> <p>? Ta nhận được bài học gì từ lời khuyên?</p> <p>? Ta cần làm gì để có được ý chí?</p>	<p>- Người có ý chí luôn nhận được sự quý trọng, cảm phục, tin tưởng của những người xung quanh</p> <p>- Thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký thiếu đi đôi tay ..</p> <p>- Anh Nick Vujick sinh ra với tứ chi khiếm khuyết ...</p> <p>- Anh Bạch Đình Vinh bị bại liệt toàn thân, chân thương nội tạng, mặt bị biến dạng, mất tiếng nói...</p> <p>- Lối sống ỷ lại, dựa dẫm, không có ý chí tiến thủ... trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội</p> <p>- Bài học: Ý chí, lòng quyết tâm là phẩm chất mỗi người cần có.</p> <p>+ Không lùi bước trước khó khăn</p> <p>- Rèn luyện:</p> <p>+ Phải đặt ra mục đích</p> <p>+ Kiên trì thực hiện mục đích</p> <p>+ Đứng dậy sau thất bại</p>
<p>GV hướng dẫn HS lập dàn ý</p> <p>? Sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục bài văn nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng đạo lí</p> <p>(HS làm theo nhóm nhỏ- theo bàn. Thời gian: 8 phút)</p> <p>- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung</p> <p>- GV nhận xét và chốt dàn ý</p>	<p>2. Lập dàn ý</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Để đạt được thành công, chúng ta đều phải cố gắng, kiên trì hết mình.</p> <p>- Vì vậy, cha ông ta có lời khuyên: “Có chí thì nên”</p> <p>b. Thân bài</p> <p>b1. Giải thích:</p> <p>- Chí: là hoài bão, lí tưởng tốt đẹp, ý chí, nghị lực, sự kiên trì.</p> <p>- Nên: là sự thành công, thành đạt trong mọi việc</p> <p>-> “Có chí thì nên”: Có ý chí, nghị lực và sự kiên trì thì nhất định sẽ vượt qua được mọi khó khăn, trở ngại để đi đến thành công</p> <p>b2. Chứng minh:</p> <p>- Cuộc sống luôn chứa đựng khó khăn...</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> - Để có thành công cần trải qua quá trình rèn luyện lâu dài, có thể gặp thất bại - Ý chí sẽ tạo sức mạnh để vượt qua khó khăn đi đến thành công - Cảm thấy cuộc sống có ích và ý nghĩa hơn - Giúp con người có niềm tin vào bản thân, lạc quan, kiên trì theo đuổi ước mơ. - Tạo lập tính tự lập cho ta ngay từ lúc còn bé - Người có ý chí luôn nhận được sự quý trọng, tin tưởng của những người xung quanh - Thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký thiếu đi đôi tay luyện viết bằng chân và trở thành thầy giáo - Anh Nick Vujick sinh ra với tứ chi khiếm khuyết trở thành nhà diễn thuyết nổi tiếng thế giới - Anh Bạch Đình Vinh bị bại liệt toàn thân, chấn thương nội tạng, mặt bị biến dạng, mất tiếng nói... nhưng vẫn đỗ 3 trường đại học <p>b3. Mở rộng, liên hệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phê phán: lối sống ỷ lại, dựa dẫm, không có ý chí tiến thủ... trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội - Bài học: Ý chí, lòng quyết tâm là phẩm chất mỗi người cần có. <p>+ Không lùi bước trước khó khăn</p> <p>- Rèn luyện:</p> <p>+ Phải đặt ra mục đích</p> <p>+ Kiên trì thực hiện mục đích</p> <p>+ Đứng dậy sau thất bại</p> <p>+ Chấp nhận khó khăn, coi khó khăn là môi trường rèn luyện.</p> <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại vấn đề: Như nhà bác học Ê-đi-xon đã từng nói “1% là nhờ trí thông minh còn 99% là nhờ cố gắng”.
<p>? Khi viết bài, ta cần lưu ý điều gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần liên kết câu, liên kết đoạn 	<p>3. Viết bài:</p> <p>Tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn mở bài: <p>“Không có việc gì khó</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Dùng từ chọn lọc, viết chuẩn chính tả... - Chia mỗi nhóm viết 1 đoạn văn: (trong nhóm, từng cá nhân viết đoạn: thời gian: 10phút) - Nhóm 1: Viết đoạn mở bài và kết bài - Nhóm 2: Viết đoạn giải thích - Nhóm 3: Viết đoạn chứng minh - Nhóm 4: Viết đoạn liên hệ, mở rộng - Đại diện nhóm đọc đoạn văn của mình - Các bạn cùng nhóm, khác nhóm nhận xét: nhiệm vụ của đoạn, dung lượng, liên kết, lập luận... - GV nhận xét, đánh giá. - GV cho học sinh tham khảo 1 số đoạn văn 	<p>Chỉ sợ lòng không bền Đào núi và lấp biển Quyết chí ắt làm nên”</p> <p>Lời Bác dạy là hành trang tôi luôn mang theo trên con đường chinh phục ước mơ. Đó là ý chí, nghị lực, lòng quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách. Điều này cũng được cha ông ta gửi gắm qua lời khuyên: “Có chí thì nên”</p> <p>- Đoạn văn giải thích:</p> <p>Câu tục ngữ “có chí thì nên” nghe tưởng chừng ngắn gọn và đơn giản nhưng trong đó lại ẩn chứa một ý nghĩa lớn lao. “Chí” ở đây thể hiểu là nghị lực, lòng quyết tâm theo đuổi ước mơ, khát vọng. Với mỗi người, “chí” được được bộc lộ rõ nhất là hành động đến cùng để thực hiện ước mơ chân chính. Còn “nên” là đạt được những kết quả, thành công như mong muốn của bản thân đã đặt ra. Như vậy, cùng với cặp từ “Có..thì”, câu tục ngữ gồm 2 vế có quan hệ chặt chẽ với nhau, vế thứ nhất là điều kiện, vế thứ 2 là kết quả để khẳng định vai trò quan trọng của ý chí trong cuộc sống. Con người cần phải có sự quyết tâm, kiên trì, lý tưởng thì mọi gian nan, thử thách đều sẽ vượt qua và đạt được kết quả như mong muốn.</p> <p>- Đoạn văn chứng minh sức mạnh của ý chí:</p> <p>Lời khuyên của câu tục ngữ là bài học quý cho mỗi người. Vì sao vậy? Vì con đường đời không phải lúc nào cũng bằng phẳng mà chứa đựng bao chông gai, thử thách. Khi gặp khó khăn trở ngại mà ta vội nản lòng bỏ cuộc liệu có thể đạt được ước mơ không? Còn người có chí thì sẽ kiên trì quyết tâm vượt qua khó khăn để thực hiện ước mơ đến cùng. Không quá khó để chúng ta biết được những tấm gương sáng của ý chí nghị lực, đây là những con người dám làm, dám sống, dám thử thách để có thành công. Chúng ta chắc chắn không quên được những bài diễn thuyết của chàng trai không tay, không chân Nick Vujicic, và sẽ bật khóc vì cảm động trước hình ảnh anh ấy đang chơi bóng, bơi lội. Càng không</p>
--	--

<p>Sau khi được các bạn và thầy cô góp ý, từng HS sẽ sửa lại bài viết của mình.</p>	<p>thể quên được người thầy đáng kính Nguyễn Ngọc Ký đã ngày đêm miệt mài luyện chữ bằng chính đôi chân của mình, và nghị lực của thầy đã được đền đáp bởi những dòng chữ đẹp. Hay vận động viên Ánh Viên, chị ấy đã cố gắng luyện tập không ngừng nghỉ để đạt được những huy chương vàng về cho đất nước Việt Nam... Từ những tấm gương trên, ta thấy được chẳng điều gì có thể ngăn bước khi chúng ta có ý chí và nghị lực. Hơn nữa, có ý chí nghị lực sẽ tạo cho chúng ta bản lĩnh và lòng dũng cảm đối mặt, sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn và thử thách, dám nghĩ, dám làm, dám sống hết mình. Nguyễn Sơn Lâm, một chàng trai thấp bé, chỉ cao chưa đến một mét, bước đi khó khăn phải dùng đến nạng mới di chuyển được nhưng lại giỏi ba thứ tiếng, đi thi Viet Nam Idol, chinh phục được đỉnh Phanxipang, là người khuyết tật đầu tiên đặt chân lên đỉnh núi mà không cần bất kỳ ai giúp đỡ. Phải là một người thật sự có bản lĩnh và lòng dũng cảm mới có thể làm được điều phi thường đó. Không chỉ vậy, ý chí nghị lực cũng giúp chúng ta khắc phục được những lần thất bại, rèn ta sự tin tưởng, niềm tin, thúc đẩy mỗi người luôn phải biết hướng đến tương lai, tiến về phía trước. Tôi đã từng được nghe nhiều câu nói chứa trong đó là những thông điệp về ý chí nghị lực như: "Hãy hướng về ánh sáng, mọi bóng tối sẽ ngã sau lưng bạn", "Không có mục tiêu nào quá lớn, không có ước mơ nào quá xa vời", "Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố"... Đây như là lời nhắn nhủ mọi người hãy luôn vững tin, hãy nghị lực vươn lên. Ngoài ra, ý chí nghị lực cũng giúp con người cảm thấy thêm tự tin về bản thân, tự tin với công việc của mình làm. Ta sẽ thấy cuộc sống có ích và ý nghĩa hơn. Ta sẽ có niềm tin vào bản thân, lạc quan, kiên trì theo đuổi ước mơ. Dù bạn có gặp thất bại thì hãy luôn cảm thấy vui vẻ rồi khắc phục vấp ngã, coi đó như một bước đẹp chứ đừng bao giờ nản chí. Như Jack Ma, Bill Gate, nếu họ từ bỏ, gục ngã từ thất bại thì ngày hôm nay sẽ không có những công ty</p>
---	--

	<p>phần mềm Microsoft, hay công điện tử Alibaba... Gian nan nếu bạn biết rèn luyện vực lên thì sẽ đến với thành công.</p> <p>- Đoạn văn liên hệ, mở rộng vấn đề</p> <p>Ý chí có ý nghĩa lớn lao như vậy nhưng trong cuộc sống vẫn có rất nhiều người không có nghị lực, ỷ lại vào người khác, hoặc buông xuôi, bỏ cuộc khi gặp khó khăn. Sinh ra trong một gia đình giàu có, họ chỉ dựa vào gia đình mình, tiêu tiền của bố mẹ mà không hề cố gắng. Trong kinh doanh, khi gặp thị trường biến động mà bỏ cuộc thì tránh sao khỏi thua lỗ? Trong hồ tập mà thấy kiến thức khó rồi nản chí thì làm sao có thể tiến bộ? Những người như vậy khó có thể thành công trong cuộc sống. Tuy nhiên nếu dùng lòng quyết tâm kiên trì để làm việc xấu đến cùng thì hậu quả sẽ rất nghiêm trọng. Vì vậy, ta không khuyến khích mọi người kiên trì làm việc xấu. Nghị lực không tự nhiên mà xuất hiện, nó cũng không tồn tại mãi mãi, chính vì vậy chúng ta cần thường xuyên rèn luyện ý chí. Trước hết, ta phải có mục tiêu cao đẹp, sau đó kiên trì vượt khó để đạt được mục tiêu, biết đứng dậy sau thất bại, đúc kết kinh nghiệm làm lại từ đầu...Tôi tin rằng chắc chắn thành công sẽ mỉm cười với chúng ta.</p> <p>4. Đọc lại bài và sửa:</p>
--	--

Tiết 3: Luyện tập viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí

Hoạt động 1: Cùng cố kiến thức về đoạn văn	A. Hệ thống kiến thức về đoạn văn
<p>? Nếu đề bài yêu cầu viết 1 đoạn văn, ta cần lưu ý điều gì?</p> <p>Em thường gặp những dạng đề về viết đoạn văn nào ?</p>	<p>1. Yêu cầu của đoạn văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về hình thức: chỉ gồm 1 đoạn văn: bắt đầu từ chữ cái viết hoa đầu dòng đến dấu chấm xuống dòng - Về dung lượng: khoảng 200 chữ - Về cấu trúc: <ul style="list-style-type: none"> + Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận (từ 1 đến 2 câu) + Thân đoạn: Làm rõ vấn đề cần nghị luận (khoảng 8-10 câu) + Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề nghị luận (từ 1 đến 2 câu)

	<p>câu)</p> <p>2. Một số dạng đoạn văn mà đề yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đoạn văn giải thích vấn đề - Viết đoạn văn nêu vai trò, tác dụng, ý nghĩa của vấn đề - Viết đoạn văn nêu giải pháp, trách nhiệm, bài học... trước một vấn đề nào đó.
Hoạt động luyện tập	B. Luyện tập
<p>Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân</p> <p>GV ghi (chiếu) 3 đề bài</p> <p>1. Viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu <u>cách hiểu</u> của em về 1 tình bạn đẹp</p> <p>2. Viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về <u>ý nghĩa</u> của tình bạn.</p> <p>3. Viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu <u>cách xây dựng</u> 1 tình bạn đẹp.</p> <p>-Yêu cầu HS xác định đề:</p> <p>Về kiểu bài</p> <p>Về cấu trúc bài làm</p> <p>Mỗi đề bài yêu cầu nghị luận vấn đề gì?</p>	<p>1. Tìm hiểu đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bài: Nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng đạo lí - Cấu trúc: đoạn văn - Vấn đề nghị luận: <p>+ Đề 1: <u>Thế nào</u> là tình bạn đẹp.</p> <p>+ Đề 2: <u>Ý nghĩa</u> của tình bạn.</p> <p>+ Đề 3: <u>Cách xây dựng</u> 1 tình bạn đẹp</p> <p>2. Tìm ý, lập dàn ý</p>
<p>Hình thức tổ chức luyện tập: làm nhóm</p> <p>Chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm xây dựng dàn ý cho 1 đề</p> <p>Nhóm 1: Đề 1: Viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu <u>cách hiểu</u> của em về 1 tình bạn đẹp</p>	<p>a. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: tình bạn đẹp</p> <p>b. Thân đoạn: Giải thích tình bạn đẹp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình bạn đẹp: là tình bạn được xây dựng trên cơ sở đồng cảm, vô tư, không vụ lợi, tính toán. - Những biểu hiện của tình bạn đẹp: <p>+ Bạn bè đối xử với nhau chân thành, thân ái, có thiện ý, biết hi sinh cho nhau.</p> <p>+ Biết đấu tranh với những cái xấu của nhau để hướng đến những điều tốt đẹp. (VD: khuyên bạn không nói năng thiếu lễ độ, không đánh cãi nhau,... hay có những biểu hiện tiêu cực như hút thuốc, trốn tiết, ...)</p>

	<p>c. Kết đoạn: Tình bạn đẹp là tình cảm mỗi người cần có và trân trọng.</p>
<p>Nhóm 2: Đề 2: Viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về <u>ý nghĩa</u> của <u>tình bạn</u>.</p>	<p>a. Mở đoạn: Tình bạn có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đời mỗi người</p> <p>b. Thân đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ta có thể học tập nhiều điều từ bạn: kiến thức, kĩ năng, phẩm chất... - Những người bạn tốt sẽ động viên, giúp đỡ, hỗ trợ để ta đạt được ước mơ - Tình bạn giúp niềm vui được nhân đôi, nỗi buồn giảm đi một nửa. - Tình bạn giúp ta vượt qua thất bại, lầm lỡ trong cuộc đời - Trong thời kì hội nhập, tình bạn sẽ khiến chúng ta có đủ năng lực để thích ứng với các mối quan hệ xã hội, giúp chúng ta có khả năng hội nhập với cộng đồng dân tộc và nhân loại. - Dẫn chứng: Nguyễn Khuyến-Dương Khuê, Lưu Bình - Dương Lễ... <p>c. Kết đoạn: Hãy cùng nhau xây dựng tình bạn đẹp!</p>
<p>Nhóm 3: Đề 3: Viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu <u>cách xây dựng</u> 1 <u>tình bạn đẹp</u>.</p> <p>Các nhóm báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p>a. Mở đoạn: Xây dựng tình bạn đẹp là mong muốn của mỗi người.</p> <p>b. Thân đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy chọn cho mình những người bạn có nét tính cách tương đồng với mình một chút để dễ trò chuyện, dễ hiểu và thông cảm với nhau. <ul style="list-style-type: none"> - Để giữ gìn tình bạn phải sống chân thành, bảo vệ và tin tưởng lẫn nhau. Nhưng bảo vệ không có nghĩa là bao che cái xấu mà phải thẳng thắn khuyên bảo để giúp nhau cùng tiến bộ. - Hãy đối xử tốt với bạn, giúp đỡ nhiều bạn bè để họ cảm nhận được trái tim ấm áp của bạn - Đừng quá ích kỷ, hẹp hòi, nhỏ nhen, quá đề cao bản thân. - Cần thận để chọn người bạn tốt để tránh xa những kẻ trục lợi, lừa thầy phản bạn. Xây dựng cho mình những tình bạn đẹp để động viên, giúp đỡ, sẻ chia nhau

	trong học tập lẫn cuộc sống. c. Kết đoạn: Để có 1 tình bạn đẹp mỗi chúng ta hãy là 1 người bạn tốt
? Từ 3 đề bài trên, em rút ra bài học gì cho mình khi viết ddaonj văn nghị luận bàn về 1 khía cạnh của vấn đề?	* Lưu ý: - Chỉ tập trung bàn bạc, giải quyết vấn đề mà đề bài yêu cầu. - Không viết dưới dạng bài văn thu nhỏ. - Đảm bảo dung lượng.

III. Củng cố- Dặn dò:

?Nhắc lại những dạng đề nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí.

?Nêu cách làm từng dạng đề

- Ôn lại lý thuyết.

- Viết các đoạn văn theo dàn ý ở tiết 3

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 8 :NGHỊ LUẬN VỀ ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức: Hướng dẫn học sinh hiểu về kiểu làm văn nghị luận đoạn thơ, bài thơ. Biết cách làm bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.
2. Kỹ năng: Phân tích, cảm nhận về nội dung cũng như nghệ thuật của một đoạn thơ, bài thơ.
3. Thái độ, phẩm chất: Cảm nhận được vẻ đẹp của thơ ca, hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống.
4. Năng lực: Cảm thụ thơ, viết bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-GV hướng dẫn học sinh ôn lại khái niệm nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.	I. Ôn lại khái niệm: Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ là trình bày <u>nhận xét</u> , <u>đánh giá</u> của mình về <u>nội dung</u> và <u>nghệ thuật</u> của đoạn thơ, bài thơ ấy.
-GV yêu cầu HS nêu một số đề nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. -GV: Phân biệt cho HS dạng “phân tích” và “cảm nhận” + Khi đề bài yêu cầu phân tích , tức là đòi hỏi phải xem xét tác phẩm một cách toàn diện, khách quan từ hình thức đến nội dung. Phải tìm hiểu ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu... Điều quan trọng là khi gặp dạng đề này, cần phân tích dẫn chứng trước, rút ra nhận xét, đánh giá sau. + Cảm nhận là trình bày những suy nghĩ, cảm xúc, nhận xét, đánh giá của mình về cái hay, cái đẹp của tác phẩm. Cảm nhận thường xoáy vào những ấn tượng chủ quan của người viết về những điểm sáng nghệ thuật trong tác phẩm thơ. Vì vậy, người viết cần lắng nghe, chất lọc những cảm xúc, những rung động của chính mình xem yếu tố nào gây ấn tượng sâu đậm nhất. Ấn tượng về tác phẩm càng sâu đậm bao nhiêu	II. Ví dụ đề minh họa - Phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để thấy được vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội của những người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp. - Cảm nhận về tình bà cháu qua bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt. - Phân tích ba khổ thơ đầu của bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải để thấy được cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên đất trời và mùa xuân đất nước.

thì bài viết cảm nhận càng xúc động, sâu sắc bấy nhiêu.

B. Cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Ví dụ: Phân tích đoạn đầu bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để thấy được cơ sở hình thành tình đồng chí.</p> <p>- GV hướng dẫn cách làm và đưa ra ví dụ minh họa cho HS nắm được từng bước.</p> <p>I/ Mở bài</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Chính Hữu là một trong những nhà thơ trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác vào năm 1948 in trong tập “Đầu súng trăng treo” là một trong những bài thơ nổi tiếng của ông.</p> <p>- Giới thiệu vấn đề nghị luận;</p> <p>- Trích dẫn đoạn thơ.</p> <p>Bài thơ đã thể hiện thành công hình ảnh người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp với vẻ đẹp bình dị và giàu tình đồng chí, đồng đội. Trong đó, đoạn thơ đầu tiên đã cho người đọc thấy được cơ sở hình thành tình đồng chí:</p> <p>“<i>Quê hương anh nước mặn đồng chua</i> <i>Đồng chí!</i>”</p> <p>- HS dựa trên gợi ý của GV viết một mở bài hoàn thiện trong vòng khoảng 10 phút.</p> <p>-GV mời một số HS đọc mở bài của mình để lớp nghe, nhận xét, góp ý. GV sẽ đánh giá mở bài của HS chỉ ra chỗ tốt, chưa tốt để các em rút kinh nghiệm.</p> <p>- GV hướng dẫn, gợi ý để những em học khá, giỏi có thể có những cách mở bài gián</p>	<p>(Có rất nhiều cách làm nhưng đây là cách tôi thấy đơn giản nhất và các em HS dễ vận dụng vô làm nhất, đặc biệt là đối với đối tượng HS TB và TB yếu.)</p> <p>DÀN Ý CHUNG</p> <p>I/ Mở bài</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm;</p> <p>- Giới thiệu vấn đề nghị luận; (Nếu có nhận định trong đề bài thì phải trích nguyên văn nhận định đó trong phần mở bài)</p> <p>- Trích dẫn đoạn thơ. (Nếu phân tích đoạn thơ)</p>

tiếp hay hơn.

Tiết 2: GV tiếp tục hướng dẫn các em cách làm phần TB và KB

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>II/ Thân bài</p> <p>a. Nêu khái quát về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, ý nghĩa nhan đề, mạch cảm xúc: Bài thơ theo thể tự do, có hai mươi dòng, chia làm ba đoạn. Cả bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội. Mạch cảm xúc của bài thơ được khơi nguồn từ cơ sở hình thành tình đồng chí, mở rộng ra những biểu hiện của tình đồng chí nơi chiến hào và kết đọng lại hình ảnh đẹp giàu ý nghĩa biểu tượng ở cuối bài thơ.</p> <p>b. Phân tích, nhận xét, đánh giá về nghệ thuật, nội dung: b. Luận điểm 1: Hai dòng thơ đầu tiên, tác giả giới thiệu hoàn cảnh xuất thân của người lính: (B1) <i>“Quê hương anh nước mặn đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”</i> (B2) Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ. Chính Hữu đã thật khéo léo dùng từ ngữ sóng đôi “<i>Quê hương anh</i>” và “<i>Làng tôi</i>”, thêm vào đó là cách sử dụng thành ngữ “<i>nước mặn đồng chua</i>” và từ ngữ gợi tả “<i>đất cày lên sỏi đá</i>” để cho thấy dù ở những miền quê khác nhau nhưng những người lính đều có chung hoàn cảnh xuất thân nghèo khó, họ đều là những người nông dân mặc áo lính. (B3) Nếu những người lính trong bài thơ “<i>Tây Tiến</i>” của Quang Dũng xuất thân là những trí thức Hà Nội có cái hào hoa, phong nhã thì những người lính trong “<i>Đồng chí</i>” xuất thân từ nông dân nên chúng ta thấy ở họ sự mộc mạc, gần gũi đến lạ. (B4) Không chỉ chung nhau hoàn cảnh xuất thân</p>	<p>II/ Thân bài</p> <p>a. Nêu khái quát về ý nghĩa nhan đề, mạch cảm xúc, cái nhìn chung về đoạn thơ / bài thơ...</p> <p>b. Phân tích, nhận xét, đánh giá về nội dung, nghệ thuật đoạn thơ, bài thơ theo các bước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: Nêu luận điểm 1; - B2: Trích dẫn thơ của luận điểm 1 (LD1); - B3: Nhận xét, đánh giá về nghệ thuật, nội dung, các hình ảnh thơ; - B4: Liên hệ, mở rộng (nếu có) - B5: Chốt lại ý LD1, chuyển ý sang LD2 <i>(LD2 lặp lại các bước như của LD1)</i> <p>c. Đánh giá về nghệ thuật, nội dung tiêu biểu của đoạn thơ, bài thơ.</p>

<p>nghèo khó mà những người lính còn có chung nhiệm vụ, lí tưởng. (B5)</p> <p>c. Đánh giá về nghệ thuật, nội dung tiêu biểu của đoạn thơ, bài thơ: Với ngôn ngữ mộc mạc, giản dị và việc sử dụng ngôn từ nghệ thuật một cách đặc sắc (từ ngữ sóng đôi, thành ngữ, ẩn dụ, điệp ngữ,...) Chính Hữu đã cho người đọc hiểu rõ về cơ sở hình thành tình đồng chí.</p>	
<p>III/ Kết bài:</p> <p>Chỉ với bảy dòng thơ ngắn gọn, súc tích, nhà thơ Chính Hữu đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng người đọc về hình ảnh người lính cụ Hồ trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Chính điều này đã góp phần làm nên thành công và sức sống của bài thơ trong lòng bạn đọc bao thế hệ. Là học sinh sinh ra ở thời bình, qua đoạn thơ em càng hiểu và trân trọng hơn tình cảm tốt đẹp của những người lính cụ Hồ trong thời kì kháng chiến chống Pháp.</p> <p>- Sau khi hướng dẫn GV cho HS 10 phút để thực hành viết đoạn kết bài rồi cho các em đọc để chỉnh sửa cho các em rút kinh nghiệm.</p>	<p>III/ Kết bài: Cảm nhận chung về tác phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát về giá trị, ý nghĩa của bài thơ/ đoạn thơ. - Nêu vị trí tác phẩm, tác giả trong nền văn học. - Nêu suy nghĩ, bài học liên hệ bản thân.

Tiết 3:

Luyện tập :

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập:</p> <p>Tiết trước GV sẽ giao nhiệm vụ cho mỗi tổ chuẩn bị một bài thuyết trình độc lập dựa vào dàn ý chung với đề: <i>Trình bày cảm nhận về bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy.</i></p> <p>- GV: Hãy xác định yêu cầu của đề.</p> <p>- HS: Nghị luận về bài thơ “Ánh trăng”. Dạng bài: trình bày cảm nhận.</p> <p>- GV cho Hs thuyết trình theo tổ và chốt lại một số điểm cần lưu ý cho</p>	<p>1. Mở bài:</p> <p>Thơ xưa cũng như nay, thiên nhiên luôn là nguồn cảm hứng sáng tác vô tận cho các nhà văn, nhà thơ. Đặc biệt là ánh trăng. Xưa, Lý Bạch khi đối diện với vàng trăng đã giật mình thảng thốt nhớ cố hương. Nay, Nguyễn Duy, một nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ trẻ sau năm 1975 cũng góp vào mảng thơ thiên nhiên một ánh trăng. Và đối diện trước vàng trăng, người lính đã giật mình về sự vô tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đã qua. Bài thơ “Ánh trăng” giản dị như một</p>

<p>HS. Dàn ý bên chỉ có tính chất tham khảo cho HS.</p>	<p>niềm ân hận trong tâm sự sâu kín ấy của nhà thơ.</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Giới thiệu khái quát, mạch cảm xúc: Mạch cảm xúc của bài thơ được khơi nguồn từ hiện tại đối diện với vầng trăng, từ đó khiến nhà thơ nhớ về những năm tháng gian lao gắn bó với trăng trong quá khứ để rồi cảm xúc lắng lại trong những suy ngẫm, thức tỉnh trong cái “giật mình” đáng trân trọng của nhân vật trữ tình.</p> <p>b. Cảm nhận nội dung và nghệ thuật của bài thơ:</p> <p>* <u>Cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ</u></p> <p>Trước hết là hình ảnh vầng trăng tình nghĩa, hiền hậu, bình dị gắn liền với kỉ niệm một thời đã qua, một thời nhà thơ hằng gắn bó.</p> <p>- Ánh trăng gắn với những kỉ niệm trong sáng thời thơ ấu tại làng quê:</p> <p>“Hồi nhỏ sống với rừng Với sông rồi với biển”</p> <p>- Nhớ đến trăng là nhớ đến không gian bao la. Những “đồng, sông, bể” gọi một vùng không gian quen thuộc của tuổi ấu thơ, có những lúc sung sướng đến hả hê được chan hoà, ngập lặn trong cái mát lành của quê hương như dòng sữa ngọt.</p> <p>- Những năm tháng gian lao nơi chiến trường, trăng thành người bạn tri kỉ, gắn với những kỉ niệm không thể nào quên của cuộc chiến tranh ác liệt của người lính trong rừng sâu: khi trăng treo trên đầu súng, trăng soi sáng đường hành quân. Vầng trăng ấy cũng là “quầng lửa” theo cách gọi của nhà thơ Phạm Tiến Duật. Trăng thành người bạn chia sẻ ngọt bùi, đồng cảm cộng khổ và những mất mát hi sinh, vầng trăng trở thành người bạn tri kỉ với người lính.</p> <p>“Hồi chiến tranh ở rừng Vầng trăng thành tri kỉ Trần trụi với thiên nhiên</p>
---	--

Hồn nhiên như cây cỏ
Ngõ không bao giờ quên
Cái vàng trắng tình nghĩa”

- Con người khi đó sống giản dị, thanh cao, chân thật trong sự hoà hợp với thiên nhiên trong lành: “trần trụi với thiên nhiên - hồn nhiên như cây cỏ”. Cuộc sống trong sáng và đẹp đẽ lạ thường.
- Hôm nay, cái vàng trắng tri kỉ, tình nghĩa ấy đã là quá khứ kỉ niệm của con người. Đó là một quá khứ đẹp đẽ, ân tình, gắn với hạnh phúc và gian lao của mỗi con người và của đất nước.
- Lời thơ kể không tả mà có sức gợi nhớ, âm điệu của lời thơ như trùng xuống trong mạch cảm xúc bồi hồi.

***Cảm nghĩ về vàng trắng hiện tại.**

Vàng trắng - người dung qua đường.

- Sau tuổi thơ và chiến tranh, người lính từ già núi rừng trở về thành phố - nơi đô thị hiện đại. Khi đó mọi chuyện bắt đầu đổi khác:

Từ hồi về thành phố
Quen ánh điện cửa gương
Vàng trắng đi qua ngõ
Như người dung qua đường

- Vàng trắng tri kỉ ngày nào nay đã trở thành “người dung” - người khách qua đường xa lạ, còn con người đâu còn son sắt thủy chung? => Một sự thay đổi phũ phàng khiến người ta không khỏi nhói đau. Tình cảm xưa kia nay chia lìa.
- NT đối lập với khổ 1,2, giọng thơ thâm thì như trò chuyện tâm tình, giải bày tâm sự với chính mình. Tác giả đã lí giải sự thay đổi trong mối quan hệ tình cảm một cách lô gíc.
- Vì sao lại có sự xa lạ, cách biệt này?
- + Sự thay đổi của hoàn cảnh sống - không gian khác biệt, thời gian cách biệt, điều kiện sống cách biệt: Từ hồi về thành phố, người lính xưa bắt đầu quen sống với những tiện nghi hiện đại

như “ánh điện, cửa gương”. Cuộc sống công nghiệp hoá, hiện đại hoá của điện gương đã làm át đi sức sống của ánh trăng trong tâm hồn con người. Trăng lướt nhanh như cuộc sống hiện đại gấp gáp, hối hả không có điều kiện để con người nhớ về quá khứ. Và anh lính đã quên đi chính ánh trăng đã đồng cam cộng khổ cùng người lính, quên đi tình cảm chân thành, quá khứ cao đẹp nhưng đầy tình người. Câu thơ dung dung - lạnh lùng - nhúc nhối, xót xa miêu tả một điều gì bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống. Có lẽ nào sự biến đổi về kinh tế, về điều kiện sống tiện nghi lại kéo theo sự thay da đổi lòng? (liên hệ: bởi thế mà ca dao mới lên tiếng hỏi: “Thuyền về có nhớ bến chăng?”; Tô Hữu, nhân dân Việt bắc ở lại cũng băn khoăn một tâm trạng ấy khi tiễn đưa cán bộ về xuôi:

Mình về thành thị xa xôi

Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng?

Phố đông còn nhớ bản làng

Sáng đêm còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?

=> Từ sự xa lạ giữa người với trăng ấy, nhà thơ muốn nhắc nhở : đừng để những giá trị vật chất điều khiển chúng ta....

Niềm suy tư của tác giả

- Sự xuất hiện trở lại của vầng trăng thật đột ngột, ở vào một thời điểm không ngờ. Tình huống mất điện đột ngột trong đêm khiến con người vốn đã quen với ánh sáng, không thể chịu nổi cảnh tối om nơi căn phòng buyn đing hiện đại. Ba động từ “vội, bật, tung” đặt liền nhau diễn tả sự khó chịu và hành động khẩn trương, hối hả của tác giả để đi tìm nguồn sáng. Và hình ảnh vầng trăng tròn tình cò mà tự nhiên, đột ngột hiện ra vằng vặc giữa trời, chiếu vào căn phòng tối om kia, chiếu lên khuôn mặt đang ngửa lên nhìn trời, nhìn trăng kia.

=> Tình huống gặp lại trăng là bước ngoặt tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong tình cảm và suy nghĩ của nhân vật trữ tình với vầng trăng. Vầng trăng đến đột ngột đã làm sáng lên cái góc tối ở con người, đánh thức sự ngủ quên trong điều kiện sống của con người đã hoàn toàn đổi khác.

- Bất ngờ đối diện với vầng trăng, con người đã có cử chỉ, tâm trạng:

Ngửa mặt lên nhìn mặt

Có cái gì rung rung.

- Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thế đối mặt: “mặt” ở đây chính là vầng trăng tròn. Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỉ ngày nào. Cách viết thật lạ và sâu sắc!

- Cảm xúc “rung rung” là biểu thị của một tâm hồn đang rung động, xao xuyến, gợi nhớ gợi thương khi gặp lại bạn tri kỉ. Ngôn ngữ bây giờ là nước mắt dưới hàng mi. Một tình cảm chùng như nén lại nhưng cứ trào ra đến thốn thức, xót xa. Cuộc gặp gỡ không tay bắt mặt mừng này đã lắng xuống ở độ sâu của cảm nghĩ. Trăng thì vẫn phóng khoáng, vô tư, độ lượng biết bao, như “bể”, như “rừng” mà con người thì phụ tình, phụ nghĩa.

- Trước cái nhìn sám hối của nhà thơ, vầng trăng một lần nữa như gọi lên bao cái “còn” mà con người tưởng chừng như đã mất. Đó là kỉ niệm quá khứ tốt đẹp khi cuộc sống còn nghèo nàn, gian lao. Lúc ấy con người với thiên nhiên - vầng trăng là bạn tri kỉ, là tình nghĩa. Nhịp thơ hồi hả dâng trào như tình người dào dạt. Niềm hạnh phúc của nhà thơ như đang được sống lại một giấc chiêm bao.

- Bài thơ khép lại ở hình ảnh:

“Trăng cứ tròn vành vạnh

.....Đủ cho ta giật mình”

- Trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vì tha biết chừng nào. Ở đây có sự đối lập giữa “tròn vành vạnh” và “kẻ vô tình”, giữa cái im lặng của ánh trăng với sự “giật mình” thức tỉnh của con người.

+ Trăng tròn vành vạnh, trăng im phăng phắc không giận hờn trách móc mà chỉ nhìn thôi, một cái nhìn thật sâu như soi tận đáy tim người lính đủ để giật mình nghĩ về cuộc sống hoà bình hôm nay. Họ đã quên mất đi chính mình, quên những gì đẹp đẽ, thiêng liêng nhất của quá khứ để chìm đắm trong một cuộc sống xô bồ, phồn hoa mà ít nhiều sẽ mất đi những gì tốt đẹp nhất của chính mình.

+ Trăng tròn vành vạnh là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. Ánh trăng chính là người bạn nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta: con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

- Sự không vui, sự trách móc trong lặng im của vầng trăng là sự tự vấn lương tâm dẫn đến cái “giật mình” ở câu thơ cuối. Cái “giật mình” là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình. Cái “giật mình” của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống. Cái “giật mình” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên. Câu thơ thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công sức đấu tranh cách mạng của biết bao người đi trước.

c. Đánh giá: Bài thơ giản dị như một câu chuyện

với mạch tự sự tự nhiên. Nhà thơ Nguyễn Duy đã rất thành công trong việc sử dụng hình ảnh “ánh trăng” giàu ý nghĩa biểu tượng để làm nổi bật ý nghĩa của bài thơ.

3. Kết bài.

- Bài thơ khép lại nhưng đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Nguyễn Duy - một phong cách rất giản dị nhưng mang triết lí sâu xa. Nó gợi ra trong lòng chúng ta nhiều suy ngẫm sâu sắc về cách sống, cách làm người, đạo lí “uống nước nhớ nguồn” ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

- Là HS, qua em nhận thấy mình cần phải phát huy đạo lí “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc, luôn trân trọng quá khứ để không phải hối hận, ăn năn như nhân vật trữ tình trong bài thơ.

III. Củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS nhắc lại dàn ý chung (cách làm bài)
- Giao bài tập về nhà: Viết bài văn phân tích bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy.

Ngày soạn:

Ngày dạy

BUỔI 9: LUYỆN TẬP NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức

Củng cố những kiến thức cơ bản về bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

2. Kỹ năng:

Kỹ năng trình bày bài, kỹ năng lập ý cho bài tập viết bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

3. Thái độ:

Tập trung chú ý trong học tập.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực chung: giao tiếp, giải quyết vấn đề, tự học.

- Năng lực chuyên biệt: sáng tạo, hợp tác, cảm thụ thẩm mĩ thơ văn.

II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. **ĐỀ 1: Nghị luận về một đoạn thơ (4,5 điểm)**

Hoạt động của GV- HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV chiếu đề bài trên màn hình TV</p> <p>Đề bài: <i>Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:</i></p> <p>“ Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...</p> <p>Lặn dần đời bà biết mấy nắng mưa Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm. Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ Ôi!Kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa” <i>(Bếp lửa-Bằng Việt, SGK Ngữ văn 9 tập I)</i></p> <p>1.Gv hướng dẫn HS xác định yêu cầu của đề bài:</p> <p>*Về kĩ năng :</p> <p>- Hiểu đúng yêu cầu của đề bài ; vận dụng tốt các kĩ năng làm văn để viết bài nghị luận văn học; bố cục ba phần rõ ràng ; lập luận chặt chẽ, mạch lạc ; dẫn chứng phong phú, tiêu biểu ;</p> <p>*Về kiến thức :</p> <p>- Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau trên cơ sở hiểu rõ yêu cầu của đề bài, nắm chắc tác phẩm, không suy diễn tùy tiện.</p> <p>2. Cho HS thực hiện nhóm nhỏ (Nhóm 4 theo từng bàn) lập dàn ý cho đề bài. – 10phút, nhóm trưởng điều hành, cử bạn ghi chép.</p> <p>3. GV chiếu : Dàn ý định hướng, chiếu qua các nhóm, căn cứ định hướng nhận xét chéo -> GV nhận xét chốt vấn đề.</p>	<p><u>Định hướng trả lời</u></p> <p>A. Mở bài:(0,25 điểm)</p> <p>Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, nội dung đoạn trích</p> <p>B. Thân bài (4điểm)</p> <p><i>*Suy ngẫm về bà và cuộc đời bà (1,5đ)</i></p> <p>- Từ hình ảnh bếp lửa đã bùng lên thành ngọn lửa</p> <p>- Từ <i>rồi</i> cùng với các từ chỉ thời gian <i>sớm, chiều</i> và các động từ <i>nhen, ủ, chứa</i> gợi công việc đầy lo toan vất vả của bà.</p> <p>- Điệp ngữ <i>một bếp lửa</i> với kết cấu song song đã khẳng định niềm tự hào của người cháu về tấm lòng, tình cảm và bản lĩnh sống của bà.</p> <p>-<i>Ngọn lửa</i> là hình ảnh ẩn dụ ,tượng trưng: tình yêu thương bà dành cho cháu, ngọn lửa của sức sống, niềm tin...</p> <p><i>*Từ những kỷ niệm tuổi ấu thơ bên bà và bếp lửa, người cháu nâng lên thành suy ngẫm về bà và cuộc đời bà (1,75đ)</i></p> <p>-Từ láy <i>lặn dần</i> đảo lên đầu câu thơ nhấn mạnh cuộc đời tần tảo, vất vả, khó nhọc của bà. Hình ảnh ẩn dụ nắng mưa lặp đi lặp lại trong bài thơ diễn tả nỗi ám ảnh khôn nguôi của người cháu về cuộc đời đầy mưa nắng của bà.</p> <p>-Từ <i>nhóm</i> lặp lại 4 lần mở ra nhiều tầng nghĩa khác nhau</p> <p>- Cảm xúc của người cháu: Ôi.....bếp lửa. Bếp lửa của bà kỳ diệu vì nó cháy trong mọi hoàn cảnh, thiêng liêng vì nó trở thành một mảnh tâm hồn không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người cháu</p>

<p>4. GV cho HS hoạt động cá nhân: Viết mở bài, kết bài cho đề văn – 10 phút GV: Thu bài, cho bạn nxet, gv nhận xét → Lưu ý, chốt kĩ năng làm bài nghị luận về 1 đoạn thơ.</p>	<p>=> Bếp lửa và bà đã hóa thân làm một, luôn rực cháy, bất tử và thiêng liêng. Bếp lửa không chỉ là hiện thân của người bà tần tảo sớm hôm, không chỉ là hình ảnh của gia đình mà còn là hiện thân của quê hương, đất nước.</p> <p>* Đánh giá (0,75 điểm)</p> <p>-NT: sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tự sự, miêu tả và bình luận khiến cho ý thơ vừa giàu cảm xúc, vừa sâu sắc</p> <p>-Thể thơ, hình ảnh thơ...</p> <p>*ND: Suy ngẫm của người cháu về bà và cuộc đời bà</p> <p>C. Kết bài (0,25 điểm)</p> <p>- Khẳng định vấn đề nghị luận</p> <p>- Cảm nghĩ riêng của bản thân.</p>
--	---

TIẾT 2

2. Đề 2: Nghị luận về đoạn thơ có gắn nhận định (4,5 điểm)

Hoạt động của GV- HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV chiếu đề bài trên màn hình TV</p> <p><u>Đề bài:</u> Yếu tố hiện thực tươi rói và yếu tố lãng mạn trong trẻ thơ trong đoạn thơ sau:</p> <p>... “<i>Những chiếc xe từ trong bom rơi Đã về đây họp thành tiểu đội Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi.</i></p> <p><i>Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy Vòng mắc chông chênh đường xe chạy Lại đi, lại đi trời xanh thêm.</i></p>	<p><u>Định hướng trả lời</u></p> <p>1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, định hướng nêu ở đề bài: (0,25 điểm)</p> <p>- Phạm Tiến Duật là gương mặt tiêu biểu trong thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì kháng chiến chống Mỹ...</p> <p>- Bài thơ về tiểu đội xe không kính sáng tác năm khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra gay go ác liệt, được in trong tập thơ “<i>Vàng trắng quàng lửa</i>”. Bài thơ đã sáng tạo một hình ảnh độc đáo: những chiếc xe không kính, qua đó khắc hoạ nổi bật hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời kì</p>

*Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước,
Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.”*

(Trích *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - Phạm Tiến Duật, Ngữ văn 9, tập một)

Các hoạt động thực hiện tương tự như ở tiết 1

Sau khi hướng dẫn HS lập đề dàn ý GV cho các em thực hành viết phần **giải thích nhận định, đánh giá**.

kháng chiến chống Mỹ cứu nước với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm, thể hiện ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

- Nêu vấn đề: Dẫn nhận xét và nội dung : toát lên vẻ đẹp của người lính lái xe vận tải Trường Sơn.

2. Giải thích nhận xét (0,5 đ)

- Nói yếu tố hiện thực tươi rói trong thơ chính là chất hiện thực cuộc sống mà tác giả đưa vào thơ. Nó còn thể hiện ở đề tài của bài thơ: phản ánh hiện thực cuộc kháng chiến chống Mỹ đầy khó khăn và gian khổ.

- Lãng mạn là cái đẹp, là sự bay bổng. Yếu tố lãng mạn trong thơ của đoạn thơ toát lên từ vẻ đẹp tâm hồn của người lính với tinh thần lạc quan, tình đồng chí đồng đội keo sơn, giàu tình yêu quê hương đất nước và ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

3. Chứng minh cụ thể qua đoạn thơ: (2,75 điểm)

a. Chất hiện thực và lãng mạn được thể hiện ở vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội và tinh thần lạc quan sôi nổi của người lính.

Khổ 1:

+ Tiết tấu nhịp điệu nhẹ nhàng và được thay đổi từ $\frac{3}{4}$ thành $\frac{4}{3}$ linh hoạt trong các dòng thơ giúp tác giả tái hiện rõ cuộc sống vật chất, tình cảm của người lính: lúc thông thả, khi mạnh mẽ.

+ *Những chiếc xe từ trong bom rơi* là hình ảnh tả thực về những chiếc xe vượt qua bao thử thách khốc liệt của bom đạn chiến trường trở về.

+ Người lính gặp nhau trong những phút dừng chân ngắn ngủi, hợp thành một “tiểu đội xe không kính” - tiểu đội những chàng trai lái xe quả cảm, hiên ngang mà hồn nhiên, tinh nghịch.

+ Trên những chiếc xe không kính, người lính đã biến những khung cửa kính vỡ thành không gian gần gũi để bắt tay nhau “*bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*”, cái bắt tay thay cho lời nói. Họ bắt tay nhau vì yên tâm khi thấy đồng đội mình vẫn an toàn trở về và cũng là để truyền cho nhau hơi ấm, sức mạnh, lòng quyết tâm để lái những chiếc xe vượt lên phía trước. (Liên hệ với cái nắm tay trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu *Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*)

Khổ 2:

- Tác giả đã tái hiện lại một cách chân thực cuộc sống của người lính lái xe. Mọi sinh hoạt đều rất tạm bợ, thiếu thốn: *Bếp Hoàng Cầm dựng giữa trời, chung bát chung đĩa, vồng mắc chông chênh*. Nhưng với họ như vậy là gia đình (Một cách định nghĩa về gia đình thật lạ, thật hóm hỉnh mà chân thành sâu sắc- đó là gia đình của những người lính cùng chung nhiệm vụ, lí tưởng chiến đấu).

- Sau những phút nghỉ ngơi thoáng chốc và bữa cơm thời chiến vội vàng bên nhau, họ lại lên đường. Cách diễn đạt linh hoạt, tự nhiên như đời sống giản dị của người lính tiếp tục được tác giả thể hiện trong khổ thơ.

+ Từ láy *chông chênh* gợi cảm giác bấp bênh, không bằng phẳng - đó là những khó khăn gian khổ trên con đường ra trận.

+ Câu thơ *Lại đi, lại đi trời xanh thêm* có bảy chữ tất cả đều là thanh bằng gợi cảm giác nhẹ nhõm rất ung dung, lạc quan của người lính.

+ Điệp ngữ *lại đi, lại đi* nhấn mạnh nhịp sống chiến đấu và hành quân của tiểu đội xe không kính mà không một sức mạnh, bom đạn nào có thể ngăn cản nổi. Ngỡ như họ không ngừng, không nghỉ càng đi sâu vào chiến trường, chứng tỏ chiến thắng càng lớn, con đường giải phóng rộng hơn xa hơn, vì thế *trời càng xanh thêm*.

+ *Trời xanh* là hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng cho bầu trời tự do và có lẽ *trời xanh thêm* vì lòng người lính luôn có sẵn niềm tin về một ngày

mai tươi sáng.

b. Hiện thực tươi rói và lãng mạn trong trẻo còn được thể hiện ở tấm lòng yêu nước, ý chí quyết tâm giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước.

Khổ còn lại:

Khái quát ý: Hoàn thiện bức chân dung tuyệt vời về người lính lái xe với lòng yêu nước ý chí quyết tâm giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước.

- Hai câu đầu tiếp tục khắc họa những chiếc xe không kính. Bom đạn của chiến tranh không chỉ làm cho những chiếc xe không có kính mà những chiếc xe còn bị hư hỏng nhiều hơn *không có đèn, không có mui, thùng xe có xước...*

- Hai câu thơ đầu tiếp tục khắc họa những chiếc xe không kính để làm nổi bật vẻ đẹp người lính lái xe. Bom đạn của chiến tranh không chỉ làm cho những chiếc xe không có kính mà những chiếc xe còn bị hư hỏng nhiều hơn: *không có đèn, không có mui, thùng xe có xước...*

+ Điệp ngữ *không có* được nhắc đi nhắc lại tới ba lần trong hai câu thơ cùng với phép liệt kê như nhân lên những thử thách khốc liệt của chiến tranh.

+ Hai dòng thơ ngắt ra làm bốn khúc như bốn chặng đường gập ghềnh, khúc khuỷu đầy chông gai.

-> Những chiếc xe không kính một lần nữa giúp người đọc hiểu rõ hơn về hiện thực khốc liệt của chiến tranh và càng người lên vẻ đẹp của người lính lái xe.

- Trên những chiếc xe mang đầy thương tích, người lính vẫn kiên cường vượt lên trên bom đạn, hăm hở lao ra tiền tuyến với một tình cảm cảm thiêng liêng “vì Miền Nam”, vì cuộc chiến đấu giành độc lập thống nhất đất nước.

+ Đối lập với cái *không có* ở hai câu thơ trên là cái *có* ở hai câu cuối: *có một trái tim*.

+ *Trái tim* là một hình ảnh hoán dụ tuyệt đẹp

chỉ người lính lái xe với một trái tim gan góc, kiên cường, trái tim yêu nước mang khát vọng sống cao đẹp: quyết tâm giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước.

-> Cội nguồn, sức mạnh của cả đoàn xe, phẩm chất anh hùng của người lính lái xe tích tụ, kết đọng lại ở cái “trái tim” gan góc, kiên cường.

+ Câu thơ cuối được coi là nhãn tự, là con mắt của bài thơ, bật sáng chủ đề, toả sáng, hoàn thiện bức chân dung của người lính lái xe: Nhà thơ tô đậm những cái “không” để làm nổi bật cái “có”, làm nổi bật chân lí của thời đại: bom đạn, chiến tranh có thể làm cho những chiếc xe bị méo mó, biến dạng...hoặc huỷ hoại những giá trị vật chất nhưng không thể bẻ gãy được những giá trị tinh thần cao đẹp, ý chí quyết tâm của người lính lái xe....

-> Như vậy sức mạnh có thể quyết định chiến thắng nhưng không phải là vũ khí hay công cụ mà là con người có trái tim nồng nàn yêu nước, có niềm tin vững chắc vào tương lai.

3. Đánh giá: (0,5 điểm)

- *Khái quát nghệ thuật, vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn:* Lựa chọn hình ảnh thơ độc đáo, có sáng tạo tinh tế nhưng mang đậm chất hiện thực; ngôn ngữ của đời sống thường ngày, tạo nhịp điệu linh hoạt thể hiện giọng điệu ngang tàng trẻ trung, tinh nghịch nhưng rất tự nhiên; các biện pháp nghệ thuật điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ... Và đặc biệt là sự kết hợp hài hòa bởi yếu tố hiện thực tươi rói và yếu tố lãng mạn trong trẻo để thể hiện vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Vẻ đẹp của người lính lái xe với vẻ đẹp của tình đồng chí đồng đội, niềm lạc quan sôi nổi của tuổi trẻ và ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước giúp người đọc hiểu hơn về thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm tháng hào hùng của dân tộc.

- Có thể liên hệ vẻ đẹp của những cô gái

	<p>thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn trong tác phẩm <i>Những ngôi sao xa xôi</i> - Lê Minh Khuê; người lính trong bài <i>Nhớ</i> - Phạm Tiến Duật.... Họ là những con người:</p> <p style="text-align: center;"><i>Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, Mà lòng phơi phới dậy tương lai. (Nước non ngàn dặm - Tố Hữu)</i></p>
--	---

TIẾT 3**3.ĐỀ 3: So sánh giữa 2 đoạn thơ, bài thơ. (4,5 điểm)**

Hoạt động của GV- HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm, cá nhân</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Đề bài: Vẽ đẹp của người lính qua hai đoạn thơ sau:</p> <p><i>Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày Thương nhau tay nắm lấy bàn tay</i> (Đồng chí – Chính Hữu)</p> <p style="text-align: center;"><i>Không có kính rồi xe không có đèn Không có mui xe, thùng xe có xước Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước Chỉ cần trong xe có một trái tim.</i> (Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Phạm Tiến Duật)</p>	<p style="text-align: center;">Định hướng trả lời</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề tài người lính trong thơ ca - Dẫn dắt vào vấn đề nghị luận <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Phân tích lần lượt từng đoạn thơ:</p> <p>* Đoạn trích bài thơ “Đồng chí”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: 1948 – giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. - Nội dung: Đoạn trích phản ánh hiện thực đầy gian khổ của... trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Đó là căn bệnh sốt rét rừng (<i>cơn ớn lạnh, sốt run người, trán ướt mồ hôi</i>), là thiếu thốn đến cả trang phục cần thiết nhất (<i>áo rách vai, quần có vài mảnh vá, chân không giày</i>), là thời tiết khắc nghiệt (<i>miệng cười buốt giá</i>) - Nghệ thuật: Trong gian khó người lính đã thể hiện tình đồng đội, đồng chí sâu nặng. Họ đồng cam cộng khổ, san sẻ cho nhau (nghệ thuật sóng đôi: <i>anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh</i>), gắn bó, tin yêu vượt qua gian khó (<i>thương nhau tay nắm lấy bàn tay</i>) <p>* Đoạn trích bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: 1969 - giai đoạn ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ. - Nội dung: Đoạn trích....chân thực hiện thực chiến trườngchống Mỹ trên tuyến đường

Trường Sơn mà người lính lái xe phải đối mặt. Chiến trường ác liệt làm những chiếc xe bị biến dạng (*không kính, không đèn, không mui, thùng xe có xước*), tính chất ác liệt ngày càng tăng tàn khốc (phép liệt kê)

- Nghệ thuật: Tác giả đặt người lính lái xe vào thử thách thực tế đầy ác liệt đó (phép tương phản giữa hai câu thơ đầu với hai câu sau). Đối diện với thử thách người lính càng tỏa sáng vẻ đẹp tinh thần, vẻ đẹp của tình yêu nước, yêu miền Nam, ý chí giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (giọng điệu ngang tàng, khẩu khí và hoán dụ *trái tim*).

b. Đánh giá điểm chung, điểm riêng

* Điểm chung:

- Hai đoạn thơ đều sử dụng từ ngữ dễ hiểu, hình ảnh chân thực
- Phản ánh chân thực hiện thực chiến trường để từ đó khắc họa vẻ đẹp của người chiến sĩ (...).
- Bút pháp tả thực

* Điểm khác biệt:

- “Đồng chí” phản ánh chân thực hiện thực gian khó những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và tình đồng chí của người lính với những biểu hiện cụ thể.
- “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” phản ánh đúng tính chất khốc liệt của cuộc kháng chiến chống Mĩ và sức mạnh tinh thần của người lính – yếu tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến.

=> Họ là hình ảnh đại diện cho thế hệ trẻ, mang trong mình hoài bão, ước mơ, sống – cống hiến hết mình cho hòa bình và phồn vinh của đất nước.

c. Bày tỏ suy nghĩ của bản thân

- Trân trọng, ngưỡng mộ, cảm phục ý chí, quyết tâm, bản lĩnh của người lính.
- Có hành động cụ thể noi gương anh bộ đội cụ

HỒ.

3. Kết bài

- Khái quát lại vấn đề nghị luận

III. Củng cố - Dặn dò

- Nắm bắt chắc chắn những nội dung trọng tâm đã ôn trong buổi học.
- BTVN: Làm đề 3 dựa vào dàn ý chi tiết (GV phát tài liệu cho HS).

Ngày soạn :

Ngày dạy :

**BUỔI 10 : ÔN TẬP VĂN BẢN NÓI VỚI CON
(Y PHƯƠNG)**

I. Mức độ cần đạt:**1. Kiến thức:****Giúp học sinh ;**

- Cảm nhận được tình cảm gia đình ấm cúng, tình yêu quê hương thấm thiết, niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của “người đồng mình” và mong mỏi của một người cha với con qua cách diễn tả độc đáo của nhà thơ Y Phương.
- Tình cảm thấm thiết của cha mẹ với con cái.
- Tình yêu và niềm tự hào về vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt của quê hương.
- Hình ảnh và cách diễn đạt độc đáo của tác giả trong bài thơ.

2. Kỹ năng:**Rèn kỹ năng :**

- Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình.
- Phân tích cách diễn đạt độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi.

3. Thái độ

- Trân trọng tình yêu cha mẹ trong cuộc sống, biết kế tục và gìn giữ bản sắc truyền thống của cha ông.

4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

b. Các năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực sử dụng CNTT

c. Các năng lực chuyên môn:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

II. Chuẩn bị:

1. Thầy :

- Soạn bài, tham khảo tài liệu
- Dự kiến phương án tích hợp - liên hệ:
 - + Văn - Văn : Một số văn bản nói về tình cảm gia đình, cha con...
 - + Văn - TV : Điệp từ, nhân hóa, so sánh...
 - + Văn - TLV : Văn miêu tả, tự sự, biểu cảm

2. Trò :

- Đọc thuộc văn bản
- Nắm chắc các kiến thức đã học trên lớp.

III. Hoạt động lên lớp:

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ

Câu hỏi : Đọc thuộc lòng bài thơ ?

3. Vào bài mới

TIẾT 1 .

A. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC

- **Mục tiêu:** Hs nhớ lại những kiến thức về tác giả, văn bản, phương thức biểu đạt, nội dung, nghệ thuật.....
- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận, dự án,
- **Kĩ thuật:** Động não
- **Cách thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm

Hoạt động của GV – HS	Nội dung cần đạt
-GV Hướng dẫn học sinh ôn tập kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm . - Qua phần chuẩn bị ở nhà, các nhóm lên thuyết trình các vấn đề sau trong thời gian (10p): - Thuyết trình về tác giả, hoàn cảnh sáng tác văn bản. - Thuyết trình về nghệ thuật	A. Kiến thức cơ bản

<p>và nội dung của văn bản.</p> <p>- Thuyết trình về bố cục, mạch cảm xúc và giải nghĩa một số từ khó.</p> <p>- Nhóm 1 : Nêu những hiểu biết của em về tác giả ?</p> <p>- Nhóm 2 : Văn bản ra đời trong hoàn cảnh nào ? Nêu khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm ?</p> <p>- Nhóm 3 : ? Xác định bố cục và mạch cảm xúc của bài thơ ? Giải nghĩa các từ : Người đồng mình, lờ, ken, thung .</p>	<p>I. Tác giả:</p> <p>- Y Phương tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước, dân tộc Tày, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Y Phương nhập ngũ năm 1968, phục vụ trong quân đội đến năm 1981 chuyển về công tác tại Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Từ năm 1993, ông là chủ tịch Hội văn học nghệ thuật Cao Bằng. Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.</p> <p>II. Tác phẩm:</p> <p>1. Hoàn cảnh sáng tác: Trong tập Thơ Việt Nam (1945 - 1985)</p> <p>2. Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật.</p> <p>* Nội dung: Bài thơ thể hiện <u>tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình</u>. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống.</p> <p>* Nghệ thuật: Giọng điệu triu mến tha thiết, thể hiện qua lời tâm sự của cha với con, của thế hệ đi trước với thế hệ mai sau.</p> <p>Thơ tự do làm cho cảm xúc cụ thể, rõ ràng.</p> <p><u>Nhịp điệu lúc nhẹ nhàng bay bổng, khi khúc chiết rành rọt, lúc mạnh mẽ âm vang</u> - > lời khuyên của cha thấm sâu vào con.</p> <p>Ngôn ngữ cụ thể mà giàu khái quát, bao hàm nhiều ý nghĩa, hình ảnh thơ độc đáo.</p> <p>3. Mạch cảm xúc và bố cục</p> <p>* Mạch cảm xúc:</p> <p>- Mượn lời nói với con, Y Phương gợi về cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người, bộc lộ niềm tự hào về sức sống bền bỉ của quê hương mình.</p> <p>- Bài thơ <u>đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương, từ những kỷ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống</u>. Cảm xúc, chủ đề của bài thơ được bộ lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thía.</p>
--	---

	<p>* Bố cục: 2 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn 1: (Từ “Chân phải... trên đời”): người cha nói với con về tình cảm cội nguồn. - Đoạn 2: (phần còn lại): Người cha nói về truyền thống quê hương và dặn dò con trên đường đời. <p>4. Giải nghĩa từ:</p> <p>* Người đồng mình: người vùng mình, người miền mình. Đây có thể hiểu cụ thể là những người cùng sống trên một miền đất, cùng một quê hương, cùng một dân tộc.</p> <p>* Lờ: một loại dụng cụ dùng để đánh bắt cá, được đan bằng những nan vót tròn.</p> <p>* Ken: làm cho thật kín bằng cách đệm thêm vào những chỗ hở. Người miền núi thường dùng nhiều tấm ván gỗ dựng chắc sát nhau thành vách nhà. Kem ở đây là động từ, được hiểu như đan, cài, kết.</p> <p>* Thung (thung lũng): dải đất trũng và kéo dài nằm giữa hai sườn đồi, núi</p>
--	--

B. LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** Thông qua làm các đề bài để khắc sâu kiến thức về văn bản đã học.
- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận, dự án.
- **Kĩ thuật:** Động não
- **Cách thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm

Hoạt động của GV – HS	Nội dung cần đạt
<p>GV hướng dẫn học sinh ôn tập văn bản thông qua việc rèn kĩ năng làm các dạng bài tập đọc hiểu, nghị luận văn học.</p> <p>1. Bài tập 1</p> <p>- Hình thức : Yêu cầu các nhóm làm vào phiếu học tập từ câu 1 đến câu 5, trong thời gian 10p, sau đó đại diện các nhóm lên trình bày. các nhóm nhận xét, gv nhận xét và chốt kết quả:</p> <p>- Câu hỏi : Đọc kĩ những câu thơ sau và trả lời câu hỏi: <i>Người đồng mình thương lắm con ơi</i></p>	<p>I. Dạng bài tập đọc hiểu</p> <p>1. Bài tập 1 :</p>

<p><i>Cao đo nỗi buồn</i> <i>Xa nuôi chí lớn</i> <i>Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn</i> <i>Sống trên đá không chê đá gập</i> <i>ghềnh</i> <i>Sống trong thung không chê</i> <i>thung nghèo đói</i> <i>Sống như sông như suối</i> <i>Lên thác xuống ghềnh</i> <i>Không lo cực nhọc</i></p> <p>Câu 1: Nêu nội dung chính của khổ thơ trên? Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ trong hai câu thơ: “Người đồng mình yêu lắm con ơi” , “Người đồng mình thương lắm con ơi”?</p> <p>Câu 2: Giải nghĩa từ “ thung”?</p> <p>Câu 3: Cuộc sống của người đồng mình được tái hiện như thế nào trong những câu thơ trên?</p> <p>Câu 4: Phân tích giá trị của các biện pháp tu từ trong khổ thơ ?</p> <p>Câu 5: Tìm thành ngữ được sử dụng trong khổ thơ và nêu tác dụng của thành ngữ đó?</p>	<p>Câu 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Những phẩm chất cao quý của người đồng mình. - Hai câu thơ: “Người đồng mình yêu lắm con ơi” , “Người đồng mình thương lắm con ơi” chỉ khác nhau ở hai từ : “ yêu” và “ thương”,. Từ “ yêu” phù hợp với cảm xúc tự hào ở khổ thơ 1 khi nói về những nét đáng yêu, đáng quý của “ người đồng mình”. Từ “ thương” phù hợp với mạch cảm xúc ở khổ thơ 2 khi nói về cuộc sống nhọc nhằn, vất vả của “ người đồng mình”. Từ “ yêu” đến “ thương” là cả một sự thấu hiểu, cảm thương chân thành, sâu sắc. Cách dùng từ của nhà thơ thật tinh tế, giàu ý nghĩa. <p>Câu 2: “ thung”(thung lũng) là dải đất trũng và kéo dài nằm giữa hai sườn đồi, núi</p> <p>Câu 3: Nhà thơ đã tái hiện chân thực cuộc sống nghèo khó, vất vả của “người đồng mình” qua các hình ảnh: đá gập ghềnh, thung nghèo đói.</p> <p>Câu 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phép điệp: Điệp cấu trúc “ Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói” nhấn mạnh tâm lòng thủy chung, gắn bó với quê hương của người đồng mình. - Hình ảnh so sánh “ Sống như sông như suối” chỉ lối sống hồn nhiên, trong sáng, mạnh mẽ, phóng khoáng , vượt lên mọi khó khăn của “ người đồng mình”- cũng là điều cha mong ước ở con. <p>Câu 5: Thành ngữ “ Lên thác xuống ghềnh” gợi cuộc sống nhiều thử thách, chông gai, không dễ dàng bằng phẳng của “ người đồng mình”.</p>
<p>2. Bài tập 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức : làm việc cá nhân - GV gọi học sinh trả lời, GV nhận xét, chốt ý. - Câu hỏi ; <p>Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu</p>	<p>2. Bài tập 2</p>

hỏi:

*Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình yêu lắm con
ơi*

*Đan lò cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên
đời” (Nói với con- Y Phương)*

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Tác dụng của việc sử dụng thể thơ đó?

Câu 2: Tác giả đã chỉ ra cội nguồn sinh dưỡng của con là những yếu tố nào?

Câu 3: Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ ở bốn câu thơ đầu?

Câu 4: Em hiểu thế nào về cụm từ “ người đồng mình” ? Tại sao khi nói với con về người đồng mình, người cha lại nhắc tới ngày cưới của cha mẹ

Câu 5: Cuộc sống của “người đồng mình” được tái hiện qua những hình ảnh nào? Qua đó

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ tự do với những câu thơ dài, ngắn khác nhau, rất linh hoạt, phù hợp với việc giải bày, tâm sự. Nhờ đó, nhà thơ dễ dàng bộc bạch tâm tư, xúc cảm, khi ân cần, tha thiết, trầm lắng, khi mạnh mẽ, nghiêm khắc.

Câu 2: Cội nguồn sinh dưỡng của con là gia đình(4 câu đầu và 2 câu cuối khổ 1) với tình yêu sâu sắc, ví đại của cha mẹ; là quê hương- nơi có những “ người đồng mình” chăm chỉ, khéo léo trong lao động, có tâm hồn phóng khoáng, lạc quan; nơi có núi rừng tươi đẹp, hào phóng.

Câu 3: Ở bốn câu thơ đầu, nhà thơ có cách diễn đạt rất đặc biệt: “ chạm tiếng nói”, “ tới tiếng cười”. Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác- tiếng cười phải cảm nhận bằng thính giác nay được tác giả cảm nhận bằng xúc giác- đã khắc họa hình ảnh em bé đang chập chững tập đi thật dễ thương; đồng thời hữu hình hóa niềm vui, niềm hạnh phúc của gia đình nhỏ. **Câu 3:** Cấu trúc đối xứng giữa các cặp câu (1-2, 4-3) tạo âm điệu vui tươi cho đoạn thơ.

Câu 4:

- “ người đồng mình”: là người bản mình, người vùng mình, người dân quê mình gần gũi, thân thương.

- Khi nói với con về người đồng mình, người cha nhắc tới ngày cưới để người con nhắc tới cội nguồn, quê hương, gia đình.

Câu 5: Cuộc sống của “người đồng mình” được tái hiện qua những hình ảnh

Đan lò cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Câu thơ trên gợi đôi bàn tay cần cù, khéo léo, tài hoa trong lao động của con người. Câu sau tả thực cuộc

<p>em có cảm nhận gì về vẻ đẹp của họ?</p> <p>Câu 6: Tìm thành phần biệt lập có trong khổ thơ?</p> <p>Câu 7: Hãy tìm các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng?</p> <p>Câu 8: Câu thơ “ Rừng cho hoa” khiến em liên tưởng đến những câu thơ nào trong một bài thơ đã</p>	<p>sống sinh hoạt đời thường của người đồng mình: vách nhà không chỉ được ken bằng gỗ mà còn được ken bằng những câu hát say sưa; qua đó gợi tâm hồn lạc quan của người đồng mình.</p> <p>Câu 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần gọi đáp “ con ơi” - Thành phần phụ chú “ Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời” <p>Câu 7: Các biện pháp nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điệp cấu trúc giữa các cặp câu 1 và 2, 3 và 4, 8 và 9 tạo sự nhịp nhàng cho đoạn thơ. - Điệp ngữ “ bước tới” và hình ảnh ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “chạm tiếng nói”, “ tới tiếng cười” đã khắc họa hình ảnh em bé tập đi, đồng thời hữu hình hóa niềm vui, niềm hạnh phúc của gia đình nhỏ - Hình ảnh ẩn dụ “ đan lờ cài nan hoa”(những chiếc nan tre dưới bàn tay của “người đồng mình” trở nên đẹp dễ như nan hoa) cho thấy sự khéo léo, tài hoa của “người đồng mình” trong lao động, đồng thời bộc lộ niềm tự hào của nhà thơ về “ người đồng mình” - Hình ảnh ẩn dụ “ vách nhà ken câu hát”(vách nhà không chỉ được ken bằng gỗ mà còn được ken bằng những câu hát) gợi tâm hồn lạc quan của người đồng mình. - Thủ pháp nhân hóa: <ul style="list-style-type: none"> + “Rừng cho hoa”, tả thực vẻ đẹp của những rừng hoa mà thiên nhiên, quê hương ban tặng, gợi sự giàu có hào phóng của thiên nhiên, quê hương. + “ Con đường cho những tấm lòng”, gợi liên tưởng đến những con đường trở về nhà, về bản; gợi đến tấm lòng tình cảm của “người đồng mình” với gia đình, quê hương, xứ sở. - Điệp từ “cho” cho thấy tấm lòng rộng mở, hào phóng, sẵn sàng ban tặng tất cả những gì đẹp nhất, tuyệt vời nhất của quê hương, thiên nhiên. <p>=> Nếu như gia đình là cội nguồn sinh thành và dưỡng dục con thì quê hương bằng văn hóa lao động đã nuôi dưỡng và chở che cho con thêm khôn lớn, trưởng thành.</p> <p>Câu 8: Câu thơ “ Rừng cho hoa” khiến em liên tưởng đến câu thơ trong bài thơ “ đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận</p>
--	--

học ở chương trình Ngữ văn 9 cũng nói về sự hào phóng của thiên nhiên dành cho con người? Cho biết tên tác giả	“ Biền cho ta cá như lòng mẹ Nuôi lớn đời ta tự thuở nào”
--	--

TIẾT 2. LUYỆN TẬP (TIẾP)

- **Mục tiêu:** Thông qua làm các đề bài để khắc sâu kiến thức về văn bản đã học.
- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận, dự án.
- **Kĩ thuật:** Động não
- **Cách thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm.

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV hướng dẫn, rèn học sinh kĩ năng làm các dạng bài nghị luận văn học.</p> <p>1. Bài tập 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức : cá nhân - Câu hỏi : <p>Viết bài văn ngắn nêu suy nghĩ của em về những điều người cha nói với con trong đoạn thơ sau. Trong đoạn Có câu chứa thành phần phụ chú- câu cảm thán)</p> <p><i>Chân phải bước tới cha Chân trái bước tới mẹ Một bước chạm tiếng nói Hai bước tới tiếng cười Người đồng mình yêu lắm con ơi</i></p> <p><i>Đan lờ cài nan hoa Vách nhà ken câu hát Rừng cho hoa Con đường cho những tấm lòng Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời”</i></p>	<p>II. Dạng bài nghị luận văn học</p> <p>1. Bài tập 1</p> <p>Đoạn văn cần nêu được các ý chính :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn thơ trên trích trong bài thơ “ Nói với con” của tác giả Y Phương là lời của người cha nói với con về những cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con. - Quê hương hiện lên qua ba yếu tố: người “đồng mình, rừng, con đường” - Người đồng mình là người dân tộc miền núi rất đáng yêu. Họ lao động cần cù, yêu lao động và gắn bó với nhau. Họ yêu lao động với tinh thần lạc quan “ vách nhà ken câu hát”. Con người ở quê mình sống có nghĩa, có tình. - Rừng và con đường là những hình ảnh ẩn dụ cho thấy được quê hương đã nuôi con khôn lớn, trưởng thành bằng cả vật chất và tinh thần. Rừng và con đường là bóng dáng quê hương. Rừng thì che chở, con đường thì mở lối. Con đã lớn lên từ những tấm lòng cao cả ấy của quê hương - Người cha đã gieo vào lòng con niềm tự hào về vẻ đẹp của quê hương. Và con đã lớn lên trong sự yêu thương, đùm bọc của quê hương, núi rừng này. - Cha nhắc con về ngày cưới của cha mẹ là nhắc tới cội nguồn của con, nhắc tới hạnh phúc gia đình đầm ấm.
<p>Hs đọc yêu cầu đề</p> <p>Mở bài cần có những yêu cầu</p>	<p>2. Bài tập 2 : Phân tích bài thơ Nói với con của nhà thơ Y Phương:</p> <p>1. Mở bài: Cần nêu được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả

<p>gi?</p> <p>Yc học sinh lên viết phần mở bài. HS đọc và nhận xét, gv nhận xét và chiếu kết bài cho hs tham khảo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phong cách sáng tác - Giới thiệu vị trí đoạn trích. - Nêu nội dung của bài thơ.
	<p>Tham khảo mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thơ Y Phương (1948) người dân tộc Tày, ông là một trong những gương mặt tiêu biểu thuộc lớp các nhà thơ dân tộc miền núi. - Thơ ông là tiếng hát ngợi ca con người và cuộc sống miền núi, là sự thức tỉnh ý thức dân tộc, khẳng định sức sống mạnh mẽ của dân tộc mình. - Bài thơ “ Nói với con” được sáng tác 1980, in trong tập thơ Việt Nam 1945- 1985 trong hàn cảnh đất nước ta còn gặp muôn vàn khó khăn, thử thách. - Mượn lời nói với con Y Phương gợi về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người; bộc lộ niềm tự hào về truyền thống cần cù, sức sống bền bỉ, mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình.
<p>? Hãy nêu các luận điểm chính của bài thơ?</p> <p>Luận điểm 1: Nói với con về cội nguồn sinh dưỡng: Gia đình và quê hương (11 dòng đầu)</p> <p>Luận điểm 2: Nói với con về những phẩm chất của người đồng mình và sức sống bền bỉ, mãnh liệt của quê hương (13 dòng tiếp theo)</p> <p>Luận điểm 3: Mong muốn của người cha về con (4 dòng cuối)</p> <p>Gv cho ba nhóm làm ba luận điểm trong thời gian 10p, sau đó đổi chéo kết quả cho nhau kiểm tra(dùng kĩ thuật công đoạn)</p> <p>Nhóm 1: Luận điểm 1: Nói với con về cội nguồn sinh dưỡng: Gia đình và quê hương (11 dòng đầu)</p> <p>Nhóm 2: Luận điểm 2: Nói</p>	<p>2, Thân bài: Gồm 3 luận điểm:</p> <p>Luận điểm 1: Nói với con về cội nguồn sinh dưỡng: Gia đình và quê hương (11 dòng đầu)</p> <p>Luận điểm 2: Nói với con về những phẩm chất của người đồng mình và sức sống bền bỉ, mãnh liệt của quê hương (13 dòng tiếp theo)</p> <p>Luận điểm 3: Mong muốn của người cha về con (4 dòng cuối)</p>

<p>với con về những phẩm chất của người đồng mình và sức sống bền bỉ, mãnh liệt của quê hương (13 dòng tiếp theo)</p> <p>Nhóm 3: Luận điểm 3: Mong muốn của người cha về con (4 dòng cuối)</p> <p>Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, hs các nhóm nhận xét, gv nhận xét.</p>	
--	--

Dự kiến kết quả :

-Nhóm 1: - Bốn câu thơ đầu : Gọi ra bức tranh gia đình hạnh phúc, cha muốn nói với con, con là hạnh phúc của mẹ cha, con được sinh ra và lớn lên trong tình yêu thương, trong sự nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ. Ở bức tranh ấy có cha có mẹ, có con và con là trung tâm của gia đình, con đang ở tuổi chập chững bước đi, bí bô tập nói. Mỗi bước đi của con đều được cha nâng, mẹ đỡ, con được bước đi trong cả đôi bờ yêu thương.

Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười.

- Năm câu thơ tiếp : con trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng, nghĩa tình của quê hương:

+ Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của : “người đồng mình” được nhà thơ gọi lên qua các hình ảnh đẹp:

Đan lò cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Các động từ cài, ken vừa miêu tả công việc cụ thể vừa gợi sự tài hoa, khéo léo, lạc quan của người đồng mình. Cuộc sống của họ luôn vui vẻ, đầy ắp những tiếng hát, lời ca.

+ Rừng núi quê hương cũng rất thơ mộng nghĩa tình, thiên nhiên ấy đã che chở, nuôi dưỡng con người về tâm hồn, lối sống:

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng

Con sinh ra trong một gia đình hạnh phúc, con trưởng thành trên quê hương đầy ắp nghĩa tình. Gia đình và quê hương là hai chiếc nôi sinh con, nuôi con khôn lớn, bồi đắp cho con cả tâm hồn và lối sống. Nhắc lại những câu thơ về cội nguồn cao đẹp của con, cha đã nhắc lại ngày cưới của cha mẹ để một lần nữa cho muốn con ghi sâu: con có một gia đình hạnh phúc, một quê hương sâu nặng nghĩa tình, con đừng bao giờ quên những cội nguồn thiêng liêng, đẹp đẽ ấy.

-Nhóm 2: Luận điểm 2: Nói với con về những phẩm chất của người đồng mình và sức sống bền bỉ, mãnh liệt của quê hương (13 dòng tiếp theo)

- Cách gọi “ người đồng mình”, người trong bản, buôn, thung lũng, dân tộc mình. Các nói mang ngôn ngữ địa phương, mộc mạc mang đặc trưng của người miền núi đầy gần bó, đoàn kết và trân trọng. Cha gọi những người cùng sinh sống trên một vùng quê bằng tiếng gọi triu mến nghệ thuật gần gũi, thân thương. Con lớn lên trong cái nôi nghĩa tình của những con người mộc mạc, thủy chung, tràn đầy niềm tin và lòng lạc quan.

- Cha kể cho con nghe cuộc sống và vẻ đẹp của người “ người đồng mình” vẫn bằng giọng điệu tâm tính và ngôn ngữ mang đậm tư duy dân tộc giản dị mà đầy chất thơ.

+ “ Người đồng mình” có cuộc sống gian nan vất vả chất chồng đo bằng chiều cao của những ngọn núi nhưng bản lĩnh sống vô cùng cao đẹp. Họ biết lấy khó khăn, biết nhìn về đằng xa để tôi luyện ý chí, “ Người đồng mình: luôn bền gan vững chí vươn lên trong mọi hoàn cảnh:

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn

Tác giả đã lấy không gian cao và xa để cụ thể hóa ý chí bền bỉ, kiên định vượt khó của con người quê hương. Hai câu thơ đã đúc kết bản lĩnh và phương châm sống cao đẹp của “ Người đồng mình” .

+ “ Người đồng mình” một lòng một dạ gần bó, thủy chung với quê hương, yêu quê hương tha thiết:

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Điệp cấu trúc : “ Sống ... không chê...” cách nói phủ định để khẳng định chắc nịch tình yêu, sự gần bó thủy chung của con người nơi chôn rau cắt rốn của mình dù có phải “ Sống trên đá gập ghềnh”, “ sống trong thung nghèo đói”.

+ “ Người đồng mình” chân chất, giản dị “ thô sơ da thịt” nhưng tầm vóc tâm hồn trí tuệ và nhân cách sống cao đẹp: Người đồng mình thô sơ da thịt – Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con”. Nghệ thuật ẩn dụ kết hợp nghệ thuật đối làm nổi bật vẻ đẹp mộc mạc, giản dị nhưng tầm vóc lớn lao của con người quê hương.

“ Tự đục đá” : lao động thô sơ, cải tạo đất đai để sinh cơ lập nghiệp, xây dựng quê hương:

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục

Những con người ấy bằng sự lao động cần cù, nhẫn nại đã làm nên quê hương với truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp. Họ đã kê quê hương thêm cao. Những câu thơ là lời ngợi ca, khắc phục, tự hào chính đáng của cha về ý thức tự lực tự cường tinh thần tự tôn dân tộc đáng trân trọng của “ người đồng mình “ .

Nhiều lời gọi mang ngữ điệu cảm thán, kết hợp các điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc cú pháp tạo giọng điệu thiết tha, triu mến, yêu thương:

- Người đồng mình yêu lắm con ơi
- Người đồng mình thương lắm con ơi
- Sống trên đá, không chê ...
- Sống trong thung, không chê...

Tóm lại, từng câu, từng chữ, từng lời cha nói đều chứa chan niềm tự hào chính đáng của cha về quê hương dân tộc. Nói với con về những vẻ đẹp đáng tự hào, đáng “thương” của “ người đồng mình”, cha không chỉ mong con hiểu, con biết tự hào mình đứng sau những lời nói ấy là biết bao nhiêu mong ước thiết tha, cháy bỏng cha tranh gửi nơi con. Cha mong con sống như “ người đồng mình” đã sống.

-Nhóm 3: Luận điểm 3: Mong muốn của người cha về con (4 dòng cuối)

- Sống ân tình thủy chung với quê hương : cha nhắc lại hình ảnh “ thôn sơ da thịt” để con nhớ đặc điểm của “ người đồng mình” là mộc mạc, chân chất, con cũng là “ người đồng mình”, con là một phần máu thịt của quê hương, phải biết gắn bó thủy chung với quê hương.

- Biết tự hào về truyền thống, vượt qua thử thách bằng ý chí, niềm tin vững bước trên đường đời.

Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.

+ Khi con “ lên đường”, là khi khôn lớn, trưởng thành, bước vào cuộc sống, cha tin con “ không bao giờ nhỏ bé được”, con sẽ vượt qua thử thách, chông gai cuộc đời, bằng ý chí, niềm tin. Trong bất kì hoàn cảnh nào, con hãy sống như “ người đồng mình” đã sống. Trước thiên hạ, phải tự tin, vững bước trên đường đời, tự tin khẳng định mình, kế tục xứng đáng những truyền thống cao đẹp của gia đình, quê hương để làm rạng danh cho quê hương, xứ sở.

+ Lời gọi “ Con ơi” đặt trước những điều dặn dò và lời nhắn nhủ “ Nghe con” sau lời dặn khiến lời cha không khô khan cứng nhắc mà thấm thía ân tình, dễ dàng thấm sâu vào hồn con. Lời cha là lời truyền giao thế hệ về lẽ sống ở đời của thế hệ trước với thế hệ sau. Cha yêu con, yêu quê hương tha thiết, tình cha con chan hòa trong tình yêu quê hương, đất nước.

<p>? Phần kết bài cần có nội dung gì? Yc học sinh lên viết phần kết bài. HS đọc và nhận xét, gv nhận xét và chiếu kết bài cho hs tham khảo.</p>	<p>3. Kết bài: Khẳng định lại nghệ thuật và nội dung của bài thơ.</p>
<p>Tham khảo phần kết bài:</p> <p>- Bài thơ được sáng tác theo thể thơ tự do, giọng điệu thiết tha, trù mẩn, hình ảnh cụ thể mà có tính khái quát, mộc mạc mà vẫn gợi cảm, giàu chất thơ, cách dẫn dắt tự nhiên : từ tình cảm gia đình mở rộng tình yêu quê hương, từng những kỉ niệm gần gũi thiêng liêng mà nâng lên thành lẽ sống.</p> <p>- Qua lời nói với con, nhà thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm áp, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Từ đó gợi nhắc về tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương đất nước.</p>	

TIẾT 3 . LUYỆN TẬP (TIẾP)

- **Mục tiêu:** Thông qua làm các đề bài để khắc sâu kiến thức về văn bản đã học.

- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận, dự án.

- **Kĩ thuật:** Động não
- **Cách thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm.

Hoạt động của GV – HS	Nội dung cần đạt
<p>1. Bài tập 1 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức : cá nhân - Câu hỏi ; Trình bày suy nghĩ của em về vai trò của gia đình đối với mỗi con người bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ? - GV hướng dẫn HS lập dàn ý <p>? Nêu nội dung phần mở bài ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vai trò quan trọng của gia đình đối với mỗi con người . <p>? Cần triển khai những luận điểm nào trong phần thân bài ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích : Gia đình là gì ? - Bàn luận : Vì sao gia đình có vai trò quan trọng đối với mỗi con người ? - Đánh giá, mở rộng vấn đề : Khẳng định vai trò của gia đình; Phê phán những kẻ bất hiếu, coi nhẹ gia đình. - Bài học nhận thức và hành động. - GV yêu cầu HS viết bài, GV gọi đọc và sửa lỗi. 	<p>III. Dạng đề nghị luận xã hội</p> <p>1. Bài tập 1</p> <p>* Mở đoạn: Gia đình luôn có vai trò quan trọng trong cuộc đời mỗi con người.</p> <p>* Thân đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: Gia đình là khái niệm chỉ những người cùng chung sống dưới một mái nhà, gắn bó với nhau bằng quan hệ hôn nhân và huyết thống, thường gồm có ông bà, cha mẹ, con cái và cháu chắt. - Bàn luận: Vì sao gia đình có vai trò quan trọng đối với mỗi con người? <p>+ Gia đình là nơi ta sinh ra trong sự đón chờ của ông bà, cha mẹ, ang chị; nơi ta lớn lên mỗi ngày trong tình yêu thương, sự quan tâm, che chở.</p> <p>+ Gia đình với nếp nghĩ, nếp sống riêng sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới tính cách, suy nghĩ, ứng xử và sự phát triển của mỗi người. Không có sự chăm lo, giáo dục của gia đình là một điều kiện thiệt thòi lớn về tinh thần, cũng có thể dẫn tới sự thiếu hụt, lệch lạc trong phát triển nhân cách con người.</p> <p>+ Gia đình là nơi chôn chứa tình yêu thương, cho ta sức mạnh tinh thần quý giá để đứng vững giữa cuộc đời; cũng là nơi sẵn sàng đón lấy ta, cho ta trở về sau những thăng trầm, vấp ngã bên ngoài cuộc đời rộng lớn.</p> <p>+ Ta có thể có nhiều bạn bè nhưng gia đình chỉ có một mà thôi.</p> <p>(Lấy dẫn chứng để làm rõ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, mở rộng vấn đề: <p>+ Gia đình là tài sản quý giá của mỗi người, có vai trò và ý nghĩa to lớn trong cuộc sống mỗi người.</p> <p>+ Phê phán những kẻ bất hiếu, coi nhẹ gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài học: <p>+ Cần trân trọng , biết ơn, xây dựng, gìn giữ hạnh phúc gia đình.</p> <p>+ Liên hệ bản thân với tư cách là một người con , người cháu trong gia đình.</p> <p>* Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề.</p>

<p>2. Bài tập 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức : cá nhân - Câu hỏi : <p>Viết đoạn văn khoảng 200 chữ, trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương, đất nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS lập dàn ý <p>? Nêu nội dung phần mở bài ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu vấn đề cần nghị luận . <p>? Phần thân bài cần triển khai những luận điểm nào ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vai trò quan trọng của quê hương đối với mỗi con người - Trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương, đất nước. - Phản đề - Liên hệ bản thân <p>- GV yêu cầu HS viết bài, gọi đọc, và sửa lỗi.</p>	<p>2. Bài tập 2</p> <p>* Mở đoạn: Nêu vấn đề nghị luận: Mỗi con người chúng ta sống trong xã hội , sống trên đất nước mình, ai ai cũng đều phải có trách nhiệm với quê hương, đất nước.</p> <p>* Thân đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vai trò quan trọng của quê hương đối với mỗi người: + Đó là nơi ta sinh ra, lớn lên, cho ta bầu không khí để thở, con đường để ta đi,, mái trường để học tập.... + Quê hương bồi đắp cho con người những giá trị tinh thần và phẩm chất cao quý: tình làng xóm, tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết, sẻ chia... + Quê hương luôn là điểm tựa vững vàng cho con người trong mọi hoàn cảnh; là nguồn cổ vũ, động viên; là nơi ta trở về sau những ngày tháng bôn ba ngoài cuộc đời rộng lớn. - Trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương đất nước: + Gìn giữ, bảo tồn những giá trị vật chất, tinh thần và văn hóa riêng của quê hương, đất nước. + Xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, ... đưa quê hương, đất nước ngày càng văn minh, giàu mạnh. + Đấu tranh để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của quê hương, đất nước. + Không nói xấu, xuyên tạc, bôi nhọ quê hương đất nước. - Liên hệ bản thân: là một học sinh, em sẽ làm gì để thực hiện trách nhiệm công dân đối với quê hương đất nước. <p>* Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề nghị luận</p>
---	---

III. Củng cố - Hướng dẫn về nhà

- GV củng cố các kiến thức cơ bản
- Hướng dẫn về nhà
- Câu hỏi :

Đọc những câu thơ sau và trả lời câu hỏi:

*“Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ được nhỏ bé được
Nghe con”*

Câu 1: Tìm thành phần biệt lập trong đoạn trích trên?

Câu 2: Điều lớn lao mà người cha muốn truyền cho con qua những lời thơ ấy là gì?

Câu 4: Em hãy tìm ít nhất hai văn bản nói về tình cảm gia đình trong chương trình Ngữ văn 9. Nêu tên tác giả, văn bản?

Câu 5: Theo em việc dùng từ phủ định trong đoạn thơ “Không bao giờ được nhỏ bé được” nhằm khẳng định điều gì?

Câu 6: Từ bài thơ, em hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về vai trò của quê hương đối với mỗi con người?

Gợi ý:

Câu 1: Từ “oi” thuộc thành phần biệt lập: gọi- đáp

Câu 2: Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con qua những lời thơ ấy là: Cha nhắc con “lên đường” đến những chân trời mới, dù ở bất cứ đâu cũng không được sống tầm thường, nhỏ bé, phải luôn giữ lấy cốt cách giản dị, ý chí, nghị lực của người đồng mình và có niềm tin vững bước trên đường đời.

Câu 4: Văn bản : “Chiếc lược ngà” (NQS), “ Bếp lửa” (BV)

Câu 5: Việc dùng từ phủ định trong đoạn thơ “Không bao giờ được nhỏ bé được” nhằm khẳng định lời nhắn nhủ của người cha với con về ý chí, lòng tự tôn, tự hào về dân tộc, quê hương của mình. Phải có ý chí, có bản lĩnh, dám đương đầu với khó khăn, vượt qua thách thức, tự tin vững bước trên đường đời, không yếu hèn, hẹp hòi, ích kỉ, sống sao cho xứng đáng với truyền thống quê hương.

Câu 6:

* **Mở đoạn:** Khái quát ngắn gọn về bài thơ “ Nói với con”: Bài thơ “ Nói với con” của Y Phương đã cho ta thấy cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng tâm hồn con người là gia đình và quê hương, trong đó, quê hương có vai trò và ảnh hưởng lớn tới mỗi người.

* **Thân đoạn:**

- Giải thích: Quê hương là nơi ta sinh ra và lớn lên, nơi có gia đình, họ hàng, những người ta yêu thương nhất, gắn với những kỉ niệm êm đềm thời thơ ấu.

- Phân tích vai trò của quê hương:

+ Quê hương là nơi ta lớn lên, nơi bồi đắp cho mỗi người những giá trị tinh thần và phẩm chất cao quý: tình làng nghĩa xóm, tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết, sẻ chia,.. Đó là những phẩm chất cần có để con người tồn tại và được ghi nhận, được trân trọng trong xã hội.

+ Cũng như gia đình, quê hương, đều thuộc về một đất nước, một dân tộc và được ảnh hưởng bởi nếp nghĩ, nếp sống của quê hương, xứ sở. Ngược lại, mỗi cá nhân cũng góp phần tạo nên những giá trị vật chất, tinh thần cho nơi mình sinh ra và lớn lên.

- Bàn luận:

+ Mỗi người đều có một quê hương, đều thuộc về một đất nước, một dân tộc và được ảnh hưởng bởi nếp nghĩ, nếp sống của quê hương, xứ sở. Ngược lại, mỗi cá nhân cũng góp phần tạo nên những giá trị vật chất, tinh thần cho nơi mình sinh ra và lớn lên.

+ Phê phán những kẻ phản bội, quỵ lương lại với quê hương.

- Bài học:

+ Phải bồi đắp tình yêu quê hương, đề cao lối sống nghĩa tình, thủy chung, uống nước nhớ nguồn.

+ Mỗi người đều phải có trách nhiệm cống hiến xây dựng, phát triển quê hương.

+ Tình yêu quê hương lớn dần lên sẽ trở thành tình yêu Tổ Quốc.

- Nêu phương hướng rèn luyện của bản thân

* **Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề.

Buổi 11

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ : THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

“MÙA XUÂN NHỎ NHỎ”- THANH HẢI

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Tiếp tục củng cố những kiến thức cơ bản về chủ đề thơ hiện đại Việt Nam (II) , trọng tâm là văn bản *Mùa xuân nhỏ nhỏ*, thông qua một số đề bài thực hành tạo lập văn bản.

2. Kỹ năng:

- Củng cố kỹ năng tạo lập văn bản, phân tích, lí giải cảm thụ tác phẩm thơ hiện đại theo đặc trưng thể loại.

3. Thái độ:

- GD lòng yêu cuộc sống và thái độ sống đúng đắn.

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp
- Năng lực thẩm mĩ
- Năng lực tạo lập văn bản .
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực sáng tạo

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1

Hoạt động của GV-HS	Kiến thức cần đạt
<p>? Nhắc lại vài nét về tác giả Thanh Hải?</p> <p>- GV nhấn mạnh phong cách nghệ thuật của Thanh Hải.</p> <p>? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?</p> <p>- HS nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ.</p>	<p>A. Kiến thức cơ bản</p> <p>I. Giới thiệu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>- Là người lính trải qua hai cuộc kháng chiến, là cây bút có công đầu xây dựng nền văn hóa giải phóng miền Nam.</p> <p>- Thơ Thanh Hải trong sáng, giàu cảm xúc.</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>- Viết 11/1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh.</p> <p>II. Giá trị cơ bản</p> <p>1. Nội dung</p> <p>- Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương đất nước và khát vọng được dâng hiến.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>- Cấu tứ bài thơ chặt chẽ, dựa trên sự phát triển của h/a mùa xuân.</p>

	<p>- Thể thơ năm chữ gần với các điệu dân ca; sử dụng vần liền giữa các khổ thơ tạo nên sự liền mạch về cảm xúc; âm hưởng nhẹ nhàng, tha thiết... thể hiện được tâm trạng nhà thơ (vui, say sưa ở đoạn đầu; trầm lắng, thiết tha khi thể hiện khát vọng...)</p> <p>- Kết hợp những hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị từ thiên nhiên với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát...</p>
<p>Hình thức luyện tập: Làm việc theo bàn</p> <p>Hs: Thực hiện yêu cầu, đọc đoạn văn trước lớp.</p> <p>Gv: Chốt kiến thức cơ bản</p> <p>Bài 1. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi</p> <p><i>Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc Oí con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng.</i></p> <p><i>Mùa xuân người cầm súng Lộc giắt đầy quanh lưng Mùa xuân người ra đồng Lộc trải dài nương mạ Tất cả như hối hả Tất cả như xôn xao</i></p> <p>Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?</p> <p>Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ?</p> <p>Câu 3. Đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ gì về cuộc sống có ý nghĩa của mỗi con người?</p>	<p>B. Luyện tập</p> <p>1. Bài tập 1.</p> <p>Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm</p> <p>Câu 2.</p> <p>Đảo ngữ “mọc” ->Tác dụng: Nhấn mạnh vị trí trung tâm và sức sống tiềm tàng của bông hoa xứ Huế.</p> <p>Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “Giọt long lanh”->Tác dụng: “Giọt long lanh rơi” có phải giọt sương, giọt nắng, giọt mưa, hay chính là giọt âm thanh của tiếng chim chiền chiện đã ngưng đọng thành hình, thành khối, thành sức sống mùa xuân có sắc màu long lánh. Rõ ràng, âm thanh tiếng chim vô hình, vô ảnh vốn được cảm nhận bằng thính giác đã được hữu hình, hữu ảnh thành vật thể được cảm nhận bằng thị giác và xúc giác.</p> <p>Điệp cấu trúc câu “Mùa xuân người cầm súng”/ “Mùa xuân người ra đồng”->Tác dụng: Nhấn mạnh hai lực lượng nòng cốt của đất nước là người lính và người nông dân với hai nhiệm vụ là bảo vệ và xây dựng đất nước.</p> <p>Ẩn dụ “lộc”->Tác dụng: chỉ chồi non, lá non. Nhưng “lộc” còn có nghĩa là mùa xuân, là sức sống, là thành quả hạnh phúc. Đặc biệt hơn từ lộc còn là sức sống, là tuổi trẻ, sức thanh xuân tươi mới đầy mơ ước, lí tưởng, đầy những hoài bão và khát vọng cống hiến của tuổi trẻ, sôi nổi trong mỗi tâm hồn con người – tâm hồn của người lính dũng cảm, kiên cường nơi</p>

	<p>lửa đạn bom rơi – tâm hồn của người nông dân cần cù, hăng say tăng gia sản xuất. “Lộc” chính là thành quả hôm nay và niềm tin, hi vọng ngày mai.</p> <p>Câu 3 Đoạn thơ được trích trong bài “Mùa xuân nho nhỏ” của tác giả Thanh Hải gợi cho em nhiều suy nghĩ về ý nghĩa cuộc sống đối với mỗi con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước hòa bình chúng ta phải biết yêu cuộc sống, yêu đất nước, biết ơn những con người Việt Nam cần cù trong lao động, anh dũng kiên cường. Cuộc sống đem đến cho chúng ta sự sống phải biết nâng niu, gìn giữ. - Phải biết tin yêu và tin tưởng rằng Tổ Quốc ta dù trải qua bao thăng trầm biến đổi bởi chiến tranh, bom đạn,... nhưng vẫn ngời sáng lung linh. - Phải biết tự hào, trân trọng gìn giữ và phải ra sức cống hiến, phát triển để nước nhà đi lên và cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc. - Phải biết hóa thân “sống đẹp” để hiến dâng, để phục vụ cho một mục đích cao cả “làm nên đất nước muôn đời”.
--	---

Tiết 2

Luyện tập

Hoạt động của GV-HS	Kiến thức cần đạt
<p>Hình thức luyện tập: Làm việc theo nhóm (4 học sinh)</p> <p>Hs: Thực hiện yêu cầu</p> <p>Gv: Chốt kiến thức cơ bản</p> <p>Bài 2</p> <p>Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu của đề:</p> <p><i>Đất nước bốn ngàn năm</i> <i>Vất vả và gian lao</i> <i>Đất nước như vì sao</i> <i>Cứ đi lên phía trước.</i></p> <p><i>Ta làm con chim hót</i> <i>Ta làm một cành hoa</i></p>	<p>2. Bài tập 2</p> <p>Câu 1. Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm “Mùa xuân nho nhỏ” của tác giả Thanh Hải.</p> <p>Câu 2. “Mùa xuân nho nhỏ” là một nhan đề hay, một ẩn dụ đầy sáng tạo, giàu ý nghĩa đã góp phần thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm - ước nguyện chân thành của nhà thơ Thanh Hải dành cho cuộc đời.</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Mùa xuân” (là danh từ) mang ý nghĩa tả thực - đó là mùa khởi đầu của một năm, là mùa của lộc non lá biếc, của vạn vật sinh sôi nảy nở. - “Mùa xuân” còn mang ý nghĩa ẩn dụ, biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của sự sống và cuộc đời mỗi con người. Mùa xuân hay chính là sức trẻ trong tâm hồn và trí tuệ, là nhiệt huyết và năng lực

<p><i>Ta nhập vào hòa ca Một nốt trầm xao xuyến.</i></p> <p>(Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam)</p> <p>Câu 1. Đoạn thơ được trích từ tác phẩm nào? Cho biết tên tác giả?</p> <p>Câu 2. Em hiểu như thế nào về nhan đề bài thơ?</p> <p>Câu 3. Xác định một biện pháp tu từ mà em thích nhất trong đoạn thơ trên và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ đó.</p> <p>Câu 4. Từ đoạn thơ trên và kiến thức về xã hội, hãy trình bày suy nghĩ khoảng nửa trang giấy về tình cảm và trách nhiệm của mỗi người dân đối với đất nước trong hoàn cảnh hiện nay.?</p> <p>Hình thức luyện tập: Làm việc cặp đôi</p> <p>Học sinh: Làm việc theo yêu cầu, đọc đoạn văn trước lớp</p> <p>Gv: Chốt kiến thức</p>	<p>cống hiến của mỗi người vào mùa xuân lớn của thiên nhiên, của đất nước.</p> <p>- Từ láy "nhỏ nhỏ" làm rõ hơn đặc điểm của mùa xuân rất giản dị, rất khiêm nhường. => Đặt tên cho tác phẩm như thế, Thanh Hải đã thể hiện ước nguyện, khát vọng khiêm nhường mà rất đổi chân thành, tha thiết, cao đẹp. Ông ước muốn làm "mùa xuân nhỏ nhỏ", nghĩa là đem đến tất cả những gì tốt đẹp nhất, tinh túy nhất dù bé nhỏ của mình để hòa vào mùa xuân lớn của cuộc đời, của đất nước.</p> <p>=> Nhan đề bài thơ cũng thể hiện quan niệm về sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng. Ai cũng phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất nước.</p> <p>Câu 3. Học sinh chọn một trong những biện pháp tu từ sau:</p> <p>- Nhân hóa: "vất vả và gian lao", tổ quốc như một người mẹ tần tảo, vất vả và gian lao, đã làm nổi bật sự trường tồn của đất nước. Để có được sự trường tồn ấy, giang sơn gấm vóc này đã thấm bao máu, mồ hôi và cả nước mắt của các thế hệ, của những tháng năm đặng đặng lúc hưng thịnh, lúc thăng trầm. Nhưng dù trở lực có mạnh đến đâu cũng không khuất phục được dân tộc Việt Nam.</p> <p>- So sánh: Biện pháp tu từ so sánh được nhà thơ sử dụng vô cùng đặc sắc, làm ý thơ hàm súc "Đất nước như vì sao / Cứ đi lên phía trước". Sao là nguồn sáng bất diệt của thiên hà, là vẻ đẹp lung linh của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng trong vũ trụ. So sánh như thế, là tác giả đã ngợi ca đất nước trường tồn, tráng lệ, đất nước đang hướng về một tương lai tươi sáng. Hơn nữa, còn thể hiện niềm tin tưởng của tác giả vào tương lai rạng ngời của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- Điệp ngữ "đất nước" được nhắc lại hai lần thể hiện sâu sắc ý vất vả, đất nước vẫn tỏa sáng đi lên không gì có thể ngăn cản được.</p> <p>- Điệp từ "ta" được lặp đi lặp lại thể hiện một ước</p>
---	---

<p>Hình thức luyện tập: Làm việc cặp đôi các câu a,b,c. Câu d làm việc cá nhân</p> <p>Học sinh: Thực hiện câu cầu</p> <p>Gv: Chốt kiến thức cơ bản</p> <p>Bài 3</p>	<p>nguyện chân thành, thiết tha.</p> <p>- Liệt kê: Chim hót, cành hoa, nốt trầm cho thấy ước nguyện giản dị, chân thành.</p> <p>Câu 4.</p> <p>Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.</p> <p>– Nội dung nêu được những ý cơ bản:</p> <p>- "Mùa xuân nho nhỏ" là bài thơ đặc sắc nói về sức cống hiến, khát vọng đóng góp và trở thành người có ích của tác giả Thanh Hải.</p> <p>- Thế hệ trẻ ngày nay, cần ý thức được tầm quan trọng cũng như trách nhiệm của mình đối với vận mệnh của dân tộc và đất nước.</p> <p>- ý thức được vai trò của mình trong việc thay đổi diện mạo, nâng tầm đất nước.</p> <p>- Cần trang bị cho mình sự vững chãi về kiến thức, kỹ năng đáp ứng những yêu cầu cơ bản của xã hội trong công cuộc hiện đại hóa nước nhà.</p> <p>- Người trẻ phải có tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, và ước mơ hoài bão cống hiến. Tất cả sự hưng thịnh, tồn vong của đất nước vì thế thế hệ trẻ phải nỗ lực, cố gắng hết mình ngay từ hiện tại.</p> <p>3. Bài tập 3</p> <p>a. Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm: <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>, của tác giả Thanh Hải</p> <p>b. Từ láy trong đoạn thơ trên: nho nhỏ, xao xuyến. Điệp từ: “ta”, “một”, “dù”.</p> <p>c. Các hình ảnh <i>con chim, một cành hoa, một nốt trầm</i> có những đặc điểm giống nhau:</p> <p>- Là những hình ảnh bình dị, khiêm nhường của thiên nhiên, cuộc sống mang lại niềm vui, vẻ đẹp cho đời một cách tự nhiên.</p> <p>- Là những hình ảnh mang ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ: được cống hiến những gì tốt đẹp, dù nhỏ bé, đơn sơ cho cuộc đời chung.</p> <p>d. * Yêu cầu về hình thức và kỹ năng:</p> <p>- Đúng hình thức: là một đoạn văn ngắn, dài</p>
--	--

<p>Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi</p> <p><i>"Ta làm con chim hót Ta làm một cành hoa Ta nhập vào hoà ca Một nốt trầm xao xuyến.</i></p> <p><i>Một mùa xuân nho nhỏ Lặng lẽ dâng cho đời Dù là tuổi hai mươi Dù là khi tóc bạc".</i></p> <p>(Ngữ văn 9, tập 2)</p> <p>a. Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Tác giả của đoạn thơ trên là ai? (0,5 điểm)</p> <p>b. Chỉ ra các điệp từ và từ láy trong khổ thơ trên (0,5 điểm)</p> <p>c. Các hình ảnh “con chim”, “một cành hoa”, “một nốt trầm” có những đặc điểm gì giống nhau?</p> <p>d. Viết đoạn văn ngắn khoảng 15- 20 dòng về lẽ sống “dâng cho đời”.</p> <p>Hình thức luyện tập: học sinh làm việc cá nhân, đọc đoạn văn trước lớp</p> <p>Hs: Viết đoạn văn, đọc trước</p>	<p>khoảng 15- 20 dòng.</p> <p>- Biết vận dụng các thao tác lập luận; hành văn trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p> <p>* Yêu cầu về nội dung:</p> <p>Chấp nhận những suy nghĩ khác nhau miễn là có sức thuyết phục. Dưới đây là một số gợi ý cơ bản</p> <p>- <i>Dâng cho đời</i> là lẽ sống biết cống hiến một cách tự nguyện, chân thành những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời chung.</p> <p>- Đó là lẽ sống có ý nghĩa tích cực, mang lại niềm hạnh phúc cho chính mình, cho xã hội, xuất phát từ ý thức trách nhiệm, từ tình yêu với cuộc đời. Nhiều bạn trẻ ngày nay có lối sống đẹp dễ ấy.</p> <p>- Xác định nhận thức, hành động đúng cho mọi người. Sống cho đời nhưng không cần ồn ào, phô trương; không nên làm mất đi bản sắc riêng của mình thì mới thực sự có ý nghĩa.</p> <p>4. Bài tập: Đảm bảo các ý cơ bản:</p> <p>* Giải thích khái niệm</p> <p>– “Cho” là biết hi sinh, cống hiến, biết sống vì người khác. “Nhận” là hưởng thụ, đem phần về cho mình, sống chỉ biết có mình.</p> <p>-> Ý nghĩa của câu nói: Sống không phải chỉ biết hưởng thụ, mà phải biết hi sinh, cống hiến, phải biết quan tâm đến mọi người. (Mối quan hệ giữa trách nhiệm và quyền lợi)</p> <p>-> Quan niệm sống đẹp.</p> <p>* Tại sao sống không phải chỉ biết hưởng thụ, mà phải biết hi sinh, cống hiến, phải biết quan tâm đến mọi người?</p> <p>– Thành quả của mỗi người đạt được trong cuộc sống không phải tự dưng có được mà phải trải qua một quá trình. Ngoài sự nỗ lực, phấn đấu của bản thân còn là sự hi sinh, giúp đỡ, cống hiến của bao người.</p> <p>– Vì vậy, lối sống chỉ vì mình, chỉ biết hưởng thụ mà không biết hi sinh, cống hiến là một lối sống ích kỉ, không thể chấp nhận. Xét về mặt đạo lí: đó là sự vô</p>
---	---

<p>lớp</p> <p>Gv: Chốt kiến thức, thu bài những học sinh chưa đọc về nhà chăm.</p> <p>Bài 4</p> <p>Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” cho ta thấy niềm mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa toả hương sắc cho đời của Thanh Hải. Trong bài “Một khúc ca xuân”, Tố Hữu cũng có những suy ngẫm tương tự: “<i>Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình</i>”.</p>	<p>ơn, bội nghĩa. Xét về qui luật phát triển xã hội: đó là lối sống lạc hậu, trì trệ, kìm hãm sự phát triển...</p> <p>– Nêu một số biểu hiện tích cực, phê phán hành động đi ngược lại lối sống đó.</p> <p>* Khẳng định – Bài học rút ra:</p> <p>– Quan niệm sống của Tố Hữu là quan niệm sống đúng đắn ở mọi thời đại.</p> <p>– Hơn ai hết, thanh niên cần phải xác định rõ trách nhiệm, tình thương của mình.</p> <p>– Cần phải biết kết hợp hài hoà giữa quyền lợi và trách nhiệm, giữa “cho” và “nhận”; nhận thức rõ ý nghĩa cao quý khi mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho người khác; cho cộng đồng, đất nước.</p>
---	---

Tiết 3

Luyện tập

Hoạt động của GV-HS	Kiến thức cần đạt
<p>Hình thức luyện tập: Học sinh làm việc cá nhân</p> <p>Hs: Lập dàn ý</p> <p>Gv giới thiệu: Đối với bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”, có một số dạng bài nghị luận văn học cơ bản như sau:</p> <p>- Dạng 1: Trình bày cảm nhận về một đoạn thơ.</p> <p>- Dạng 2: Phân tích đoạn thơ để làm sáng tỏ một nhận định.</p> <p>- Dạng 3: So sánh, đối chiếu hai đoạn thơ (thuộc hai tác phẩm trong chương trình)</p> <p>VD:</p> <p>- Đề 1: Trình bày cảm nhận về 2 khổ thơ đầu bài “Mùa xuân</p>	<p>5. Bài tập 5(Chữa đề 3)</p> <p>A. MỞ BÀI</p> <p>- Giới thiệu về tác giả Thanh Hải</p> <p>- Giới thiệu về bài thơ (Hoàn cảnh ra đời và nội dung cơ bản)</p> <p>- Giới thiệu, trích dẫn nhận định, trích dẫn đoạn thơ</p> <p>B. THÂN BÀI</p> <p>a. Giải thích nhận định</p> <p>- Tiếng lòng: thể giới nội tâm con người.</p> <p>- Thơ: thể loại văn học thuộc phương thức trữ tình.</p> <p>- Thơ là tiếng lòng: ý chỉ nội dung bài thơ là sự giải bày, bộc lộ những rung động, cảm xúc của người làm thơ.</p> <p>=> Ý kiến này đề cập tới đặc trưng quan trọng nhất của thơ ca: là tiếng nói của tình cảm, là tiếng lòng. Mỗi bài thơ là sự đồng cảm, tri âm giữa tác giả và bạn đọc, đó chính là vai trò của tiếng nói tâm hồn trong</p>

<p>nho nhỏ”- Thanh Hải.</p> <p>- Đề 2: Trình bày cảm nhận về 3 khổ thơ cuối bài “Mùa xuân nho nhỏ”- Thanh Hải.</p> <p>- Đề 3.</p> <p>“<i>Thơ là tiếng lòng</i>”(Tổ Hữu)</p> <p>Hãy lắng nghe tiếng lòng của nhà thơ Thanh Hải qua việc phân tích đoạn thơ sau:</p> <p><i>Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc Ơi con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng.</i></p> <p><i>Mùa xuân người cầm súng Lộc giắt đầy quanh lưng Mùa xuân người ra đồng Lộc trải dài nương mạ Tất cả như hối hả Tất cả như xôn xao</i></p> <p>Gv nêu dàn ý chung của đề 1,2:</p> <p>* Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, dẫn dắt, nêu nội dung và trích dẫn đoạn trích.</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Cảm nhận từng khổ thơ theo thứ tự nêu nội dung khổ thơ, phân tích từ nghệ thuật rồi cảm nhận nội dung; tiêu kết lại khổ thơ thứ nhất và dẫn chuyển sang khổ 2...</p> <p>- Đánh giá: Khái quát lại nghệ thuật, nội dung của đoạn thơ;</p>	<p>thơ.</p> <p>b. Chứng minh nhận định</p> <p>b1. Tiếng lòng của Thanh Hải trong khổ thơ đầu là cảm xúc tha thiết, trù mến của tác giả trước bức tranh thiên nhiên khi đất trời vào xuân.</p> <p>+ Hình ảnh vẽ đẹp của mùa xuân xứ Huế được khắc họa qua: hoa tím, sông xanh, bầu trời cao rộng</p> <p>+ Âm thanh tiếng chim chiền chiện báo xuân về như kết tinh thành “từng giọt long lanh”</p> <p>+ Vẻ đẹp của mùa xuân thể hiện qua góc nhìn của tác giả cũng như tấm lòng trân trọng của tác giả trước thiên nhiên, cuộc đời</p> <p>+ Lời trò chuyện thân mật cùng tự nhiên và sự trân trọng sự sống được thể hiện qua hành động “đưa tay hứng” của tác giả</p> <p><i>Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng</i></p> <p>+ Giọt long lanh được hiểu theo nghĩa ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, từ chỗ âm thanh được cảm nhận bằng thính giác chuyển sang cảm nhận bằng thị giác và xúc giác “đưa tay hứng”</p> <p>+ Nghệ thuật đảo ngữ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, nhân hóa...</p> <p>→ Tác giả say đắm trong mùa xuân của thiên nhiên đất trời với tâm thế đón nhận trân trọng</p> <p>b1. Tiếng lòng của Thanh Hải trong khổ thơ thứ hai là cảm xúc của tác giả trước mùa xuân đất nước</p> <p>- Các điệp ngữ “mùa xuân”, “lộc” như trải rộng khung cảnh hiện thực gắn với cuộc sống chiến đấu và lao động của nhân dân.</p> <p>- Mùa xuân đất nước được gợi ra qua hai hình ảnh tiêu biểu: “người cầm súng” và “người ra đồng”. “Người cầm súng” và “người ra đồng” là biểu tượng cho hai nhiệm vụ chiến đấu và lao động để xây dựng bảo vệ tổ quốc.</p> <p>- Điệp từ “tất cả” và điệp cấu trúc câu “tất cả như...” cùng với những từ láy “hối hả”, “xôn xao” gợi lên</p>
--	---

<p>liên hệ với các tác phẩm cùng thể loại hay từng thời kì</p> <p>* Kết bài: Khẳng định lại vấn đề và liên hệ bản thân.</p> <p>Gv chữa cụ thể đề 3, chốt nội dung cơ bản</p>	<p>hình ảnh đất nước vào xuân như bừng lên sức sống với khí thế hồi hả, khẩn trương, tung bừng, nhộn nhịp. Với việc lặp lại cấu trúc câu “Tất cả như” và lối so sánh trực tiếp cũng góp phần diễn tả không khí rộn ràng nhộn nhịp của những năm tháng gian lao mà hào hùng.</p> <p>d. Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn thơ với thể thơ 5 chữ có nhạc điệu trong sáng thiết tha với những hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm; giọng thơ nhỏ nhẹ như lời tâm sự gửi gắm. + Tác giả sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ, so sánh đẹp, sáng tạo, sử dụng điệp ngữ, nghệ thuật đảo trật tự từ. - Đoạn thơ đã thể hiện tiếng lòng của nhà thơ Thanh Hải trước mùa xuân của thiên nhiên và mùa xuân của đất nước. - Cùng với các nhà thơ Hàn Mạc Tử, Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Hồ Chí Minh, nhà thơ Thanh Hải đã góp cho nền thơ ca nước nhà một bài thơ hay, giàu ý nghĩa về mùa xuân. <p>C. KẾT BÀI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại vấn đề - Liên hệ bản thân
---	--

III. Củng cố - Dặn dò

- GV nhấn mạnh kiến thức, kĩ năng cơ bản của buổi học.
- Bài tập về nhà: Viết bài tập 5 thành một bài văn hoàn chỉnh.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BUỔI 12: ÔN TẬP THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM
VĂN BẢN: SANG THU**

Hữu Thỉnh

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức

- HS hiểu được những cảm nhận tinh tế của nhà thơ về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu.
- Vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và những suy nghĩ mang tính triết lí của tác giả.

2. Kỹ năng

Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại. Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một tác phẩm thơ.

3. Thái độ, phẩm chất

+ Yêu quý và bảo vệ thiên nhiên.

GD đạo đức: tình yêu thiên nhiên, đất nước, con người.

=> giáo dục các giá trị tình yêu thương, hạnh phúc, giản dị, tôn trọng, trách nhiệm, khoan dung

4. Năng lực

Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, đọc - hiểu, trình bày vấn đề.

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

A. Hệ thống lại kiến thức đã học (20 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>Hoạt động nhóm tổ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 tổ - Trình bày bằng sơ đồ tư duy: Nêu những hiểu biết về tác giả Hữu Thỉnh và bài thơ Sang thu? <p>Gv nhận xét</p>	<p>I. Giới thiệu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>Nguyễn Hữu Thỉnh (1942) là nhà thơ quân đội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông là nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước, viết hay về những con người, cuộc sống ở làng quê, về mùa thu. <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết cuối năm 1977 - In trong tập " Từ chiến hào đến thành phố" xuất bản 1991. - Nhan đề: <p>+ Gọi khoảnh khắc giao mùa của thiên nhiên, khi đất trời chuyển từ mùa hạ sang mùa thu.</p> <p>+ Gọi khoảnh khắc “sang thu” của đời người, từ tuổi trẻ.</p>
<p>Bằng những hiểu biết và chuẩn bị bài ở nhà, các nhóm lên trình bày nội dung được giao. Lắng nghe và nhận xét phần trình bày của các nhóm bạn.</p> <p>Nhóm 1: nêu những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của khổ thơ đầu?</p>	<p>II. Nội dung, ý nghĩa</p> <p>1. Nội dung</p> <p>* Những tín hiệu giao mùa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tín hiệu mùa thu: Hương ổi, gió se... sương

<p>Nhóm 2: nêu những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của khổ thơ tiếp theo?</p> <p>Nhóm 3: nêu những đặc sắc về nội dung nghệ, nghệ thuật của khổ thơ cuối, ý nghĩa của bài thơ?</p>	<p>chùng chình... → rất đặc trưng của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng bất ngờ, ngỡ ngàng, cảm xúc bàng khuâng. * Giọng thơ nhẹ êm, hình ảnh tiêu biểu gợi tả gợi cảm, NT nhân hoá... <p>=> cảm nhận tinh tế trước sự chuyển mình nhẹ nhàng nhưng rõ rệt của mùa thu trước giờ phút giao mùa. khoảng khắc giao mùa.</p> <p>-> Tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu đất nước.</p> <p>* Cảm nhận không gian đất trời sang thu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sông – dềnh dàng - Chim - vội vã - Mây - vất nửa mình... - Không gian rộng lớn + NT nhân hoá, đối lập → H/ảnh thơ đầy thú vị bởi sự liên tưởng, sáng tạo độc đáo, mới lạ. → không gian sang thu đẹp, quyến rũ, khơi gợi hồn thơ. <p>* Suy ngẫm của nhà thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn nắng - mưa vội - Sấm - bớt bất ngờ - Hàng cây đứng tuổi <p>Những hiện tượng thiên nhiên đặc trưng của mùa hạ giảm dần, nhường chỗ cho sắc thu ngày càng rõ nét; nắng vẫn còn, nhưng mưa nhỏ và ít đi, sấm bớt và nhỏ dần, không còn đủ sức lay động những hàng cây đã bao mùa thay lá.</p> <p>Trong không gian chuyển mùa sang thu của đất trời, con người suy ngẫm về đời người lúc sang thu. “Sấm” chính là ẩn dụ cho những tác động của ngoại cảnh, những bất thường của cuộc đời và “hàng cây đứng tuổi” là ẩn dụ cho những con người từng trải.</p>
--	---

	<p>=> Nhấn mạnh suy ngẫm đầy triết lý của nhà thơ. Từ những biến đổi trong thiên nhiên, trời đất sang thu liên tưởng đến những thay đổi trong cuộc đời con người.</p> <p>2. Ý nghĩa</p> <p>- Bài thơ thể hiện những cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảng khắc giao mùa.</p>
--	---

B. Luyện tập :

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bài tập 1:</p> <p>Hoạt động cá nhân :20 phút</p> <p>Cho câu thơ sau:</p> <p>“<i>Vẫn còn bao nhiêu nắng</i>”</p> <p>a. Chép thuộc lòng ba câu thơ cuối.</p> <p>b. Trong hai câu thơ cuối đoạn thơ vừa chép, tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật này trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm? Cũng trong bài thơ “Sang thu”, các biện pháp nghệ thuật đó đã được sử dụng ở câu thơ nào khác?</p> <p>c. Tác giả muốn gửi gắm suy ngẫm, triết lý nào qua hai câu thơ cuối? Hãy nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của những suy ngẫm, triết lý này trong tình hình đất nước ở thời điểm hiện nay.</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>a. Đã vơi dần cơn mưa Sấm đã bớt bất ngờ Trên hàng cây đứng tuổi.</p> <p>b. - Trong hai câu thơ cuối đoạn thơ vừa chép, tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật: nhân hóa và ẩn dụ.</p> <p>- Tác dụng: câu thơ mang nhiều tầng lớp nghĩa:</p> <p>+ Nghĩa thực: Tiếng sấm khi sang thu không còn đủ sức lay động hàng cây đã bao mùa thay lá.</p> <p>+ Nghĩa ẩn dụ: Con người đã từng trải, từng vượt qua những khó khăn thăng trầm của cuộc sống → vững vàng hơn, chín chắn, điềm tĩnh hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.</p> <p>- Câu thơ cũng có sử dụng hình ảnh nhân hóa và ẩn dụ “Sương chùng chình qua ngõ”</p> <p>c. - Những suy ngẫm, triết lý về cuộc đời và con người qua hai câu thơ cuối: Con người cần phải trải qua những khó khăn thăng trầm của cuộc sống → vững vàng hơn, chín chắn, điềm tĩnh hơn.</p> <p>- Trong tình hình đất nước hiện nay có ý nghĩa quan trọng:</p>

	<p>+ Đất nước đã từng trải qua những năm tháng chiến tranh gian khổ, ác liệt, đau thương → vẫn vững vàng vượt mọi sóng gió, phát triển không ngừng.</p> <p>+ Hiện tại vẫn phải đối mặt với thiếu thốn về vật chất, khó khăn về kinh tế, sự lăm le nhòm ngó chủ quyền dân tộc của các thế lực thù địch ... → kiên cường, giữ vững ý chí, niềm tin, bảo vệ chủ quyền dân tộc và đưa đất nước phát triển mạnh mẽ hơn.</p> <p>- Suy nghĩ, hành động: khâm phục, tự hào, tiếp nối phát huy truyền thống, học tập và rèn luyện đạo đức, sức khỏe ... để trở thành công dân có ích ...</p>
--	---

Tiết 2:**Chia lớp thành 4 nhóm học tập:****Nhóm 1,2 làm phiếu học tập số 1****Nhóm 3,4 làm phiếu học tập số 2****Thời gian: 20 phút****Các nhóm đổi bài****Giáo viên sửa bài, các nhóm chấm theo biểu điểm.**

Giáo viên có thể giao phiếu 1 cho học sinh về làm trước ở nhà. Đến lớp, gv sửa, hs trao đổi bài, chấm điểm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**Bài tập 1:** Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:*Bỗng nhận ra hương ổi**Phả vào trong gió se**Sương chùng chình qua ngõ**Hình như thu đã về*

a. Nêu thông tin về tác giả của văn bản chứa đoạn trích trên.

b. Trong câu thơ “*Sương chùng chình qua ngõ/ Hình như thu đã về*”, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả diễn đạt của biện pháp nghệ thuật ấy.

c. Viết bài văn ngắn (khoảng 300 từ) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của bức tranh mùa thu trên làng quê đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam qua khổ thơ trên.

Gợi ý:

aa. HS nêu một vài thông tin về tác giả Hữu Thỉnh:

- Sinh năm 1942, quê ở huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Là nhà thơ viết nhiều, viết hay về những con người ở nông thôn, về mùa thu.
- Một số tác phẩm: Âm vang chiến hào; Đường tới thành phố; Từ chiến hào đến thành phố

b. - Biện pháp nghệ thuật: nhân hóa *sương chùng chình*

- Tác dụng: nghệ thuật nhân hóa cùng từ láy tượng hình “*chùng chình*” diễn tả sương di chuyển chậm chạp, nhẹ nhàng. Sương giăng mắc khắp không gian làng xóm. Sương như một thiếu nữ duyên dáng, thong thả bước vào ngưỡng cửa mùa thu, rất yếu điệu như đang đợi chờ, đang lưu luyến nửa ở, nửa đi, lưu luyến vẫn vương khi đi qua ngõ nhà ai.

c.

Mở bài

Nêu chính xác và ngắn gọn:

- Thông tin về tác giả Hữu Thỉnh và tác phẩm “*Sang thu*”.
- Nêu cảm nhận khái quát về khổ thơ: Những cảm nhận tinh tế của nhà thơ về bức tranh giao mùa trong không gian gần và hẹp, tại một vườn tược xóm thôn. (Trích dẫn khổ thơ).

Thân bài:

Học sinh có thể làm theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

Vị trí của khổ thơ trong mạch cảm xúc của bài thơ

Vẻ đẹp của khổ thơ là vẻ đẹp trong cảm nhận của tác giả trước những tín hiệu báo thu về ở một không gian nhỏ hẹp tại một vườn tược xóm thôn:

Sang thu ở đây là chớm thu, là thiên nhiên lúc giao mùa, mùa hạ chưa qua mà mùa thu chỉ có những tín hiệu ban đầu. Trước sự thay đổi tinh vi ấy, phải nhạy cảm lắm mới nhận ra được.

- Với Hữu Thỉnh mùa thu bắt đầu thật giản dị:

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

+ HS cảm nhận được vẻ đẹp của hình ảnh *hương ổi*: *Hương ổi* là tín hiệu đầu tiên của mùa thu trong cảm nhận của Hữu Thỉnh. Đây cũng là điểm mới đầu tiên khi viết về mùa thu, khác với thơ xưa, nay thường miêu tả tín hiệu của thu về bằng sắc vàng, bằng hương cốm, lá sen hay nồng nàn hương hoa sữa. Hương ổi là một mùi hương của làng quê thôn dã, giản dị, mộc mạc mà thân quen. Đây là lần đầu tiên mùi hương ổi đi vào trong thơ ca ngọt ngào và tự nhiên đến vậy.

+ Học sinh phân tích cái hay của động từ *phả* mà tác giả sử dụng để miêu tả mùi hương ổi: Đây là một động từ mạnh làm cho hương ổi như sánh lại, quện lại bung tỏa mạnh mẽ vào hơi gió se (làn gió từ lâu được coi là đặc trưng của hồn thu Bắc Bộ) làm

cho cái ấm và cái lạnh giao nhau, làm ấm nồng cả không gian cảnh vật.

- **Nếu hai câu đầu diễn tả cảm giác chưa hẳn đủ tin thì hình ảnh “Sương chùng chình qua ngõ” lại càng lung linh huyền ảo**

+ Học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của hình ảnh *sương* với nghệ thuật nhân hóa và từ láy *chùng chình*:

- Tác giả sử dụng nghệ thuật nhân hóa và từ láy *chùng chình* vừa diễn tả chính xác đặc trưng của làn sương mùa thu vừa có tác dụng gợi hình và gợi tình. Làn sương mùa thu như một nàng thiếu nữ duyên dáng, yếu điệu thướt tha với tâm trạng ngập ngừng, bịn rịn, băng khuâng khi bước sang ngưỡng cửa của mùa thu.

+ Bức tranh mùa thu được cảm nhận bằng khứu giác, thị giác và xúc giác, từ những gì vô hình, mờ ảo, nhỏ hẹp và gần.

- **Khổ thơ còn cho ta thấy tâm trạng ngỡ ngàng của nhà thơ khi chợt nhận thu về:**

+ Tâm trạng của nhà thơ được thể hiện qua từ *bỗng* (một thoáng giật mình bối rối), qua từ *hình như* (một chút mơ hồ mong manh, một sự đoán nhận chưa chắc chắn). Mùa thu yên bình đầu tiên đến với người lính vừa bước ra khỏi chiến tranh khiến nhà thơ không khỏi ngỡ ngàng, một sự ngỡ ngàng mà dường như đã đợi từ lâu lắm.

+ Qua đó, người đọc thấy được tình yêu làng quê tha thiết và tâm hồn nhạy cảm của tác giả.

Đánh giá:

- Nội dung
- Nghệ thuật

Kết bài

- Khái quát giá trị, ý nghĩa của đoạn thơ.
- Bài học liên hệ

Bài tập 2:

Hoạt động cá nhân :20 phút

Trong bài thơ “Sang thu”, Hữu Thỉnh đã viết:

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

a. Nêu hoàn cảnh sáng tác và mạch cảm xúc của bài thơ.

b. Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “dềnh dàng” và hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ trong dòng

- GV chốt kiến thức

a. Hoàn cảnh sáng tác: 1977, đất nước vừa hòa bình, thiên nhiên bắt đầu sang thu.

Mạch cảm xúc: Bất ngờ ngỡ ngàng - say sưa ngắm nhìn - trầm ngâm suy ngẫm

b. Giải nghĩa từ: Dềnh dàng: chậm chạp, thông thả.

Hiệu quả:

Gợi tả dòng sông khi sang thu không còn cuộn cuộn gấp gáp như mùa hè mưa lũ mà chậm chạp, thông thả trôi.

Gợi cảm giác dòng sông như mang tâm trạng

<p>thơ “Sông được lúc dềnh dàng”?</p> <p>c. Bằng cảm nhận tinh tế, nhà thơ Hữu Thỉnh đã diễn tả sự biến đổi của đất trời sang thu ở một không gian cao rộng, nhiều tầng bậc trong khổ thơ thứ hai bài thơ “Sang thu”. Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 - 12 câu theo cách lập luận tổng – phân – hợp làm sáng tỏ nhận xét trên. Trong đoạn văn có sử dụng khởi ngữ và thành phần biệt lập cảm thán.</p> <p>d. Kể tên một bài thơ khác trong chương trình Ngữ văn 9 cùng giai đoạn sáng tác với bài thơ “Sang thu” (ghi rõ tên tác giả).</p>	<p>của con người, đang lắng lại, suy nghĩ, trầm tư về những trải nghiệm đã qua.</p> <p>Cảnh vật được nhân hóa, trở nên sống động, có hồn.</p> <p>c.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không gian rộng mở vừa cao vợi, vừa khoáng đạt - Nghệ thuật nhân hóa, đối: hình ảnh dòng sông, cánh chim -> gợi tả những động thái trái chiều nhau của sự vật nhưng cũng rất đặc trưng cho cảnh sắc sang thu. Song điều thú vị ở đây là: sự vật được cảm nhận ở thời điểm mới chớm (“bắt đầu”), nghĩa là chưa định hình, chưa thu hẳn-> hồn thơ tinh tế, nhạy cảm. - Hình ảnh đám mây : nhân hóa -> chữ “vắt” đã làm lạ hóa. - Gợi hình ảnh lãng mạn: đám mây như một tấm khăn voan trong suốt, nhẹ nhàng buông lơ lửng giữa bầu trời. - Hữu hình hóa bước đi của thời gian: một chữ “vắt” mà làm hiện hình cả khoảnh khắc sang thu, khiến đám mây trở thành nhịp cầu thời gian duyên dáng, yếu điệu nối giữa hai mùa. - Gợi được tình người: dùng dằng, bịn rịn, nửa như lưu luyến mùa hè đầy nắng nửa như rộng mở để đón nhận vẻ tươi mát mơ mộng của mùa thu. - Tình người sang thu: xao xuyến, say sưa trước cảnh đẹp của vạn vật. - Những liên tưởng của Hữu Thỉnh rất mới mẻ và độc đáo. <p>d. <i>Ánh trăng</i> – Nguyễn Duy</p>
--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:

<p>Trong bài thơ “Sang thu”, Hữu Thỉnh đã viết:</p> <p><i>Sông được lúc dềnh dàng</i> <i>Chim bắt đầu vội vã</i></p>

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

- Nêu hoàn cảnh sáng tác và mạch cảm xúc của bài thơ.
- Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “dềnh dàng” và hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ trong dòng thơ “Sông được lúc dềnh dàng”?
- Bằng cảm nhận tinh tế, nhà thơ Hữu Thỉnh đã diễn tả sự biến đổi của đất trời sang thu ở một không gian cao rộng, nhiều tầng bậc trong khổ thơ thứ hai bài thơ “Sang thu”. Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 - 12 câu theo cách lập luận tổng – phân – hợp làm sáng tỏ nhận xét trên. Trong đoạn văn có sử dụng khởi ngữ và thành phần biệt lập cảm thán.
- Kể tên một bài thơ khác trong chương trình Ngữ văn 9 cùng giai đoạn sáng tác với bài thơ “Sang thu” (ghi rõ tên tác giả).

Gợi ý:

a. Hoàn cảnh sáng tác: 1977, đất nước vừa hòa bình, thiên nhiên bắt đầu sang thu.

Mạch cảm xúc: Bất ngờ ngỡ ngàng - say sưa ngắm nhìn - trầm ngâm suy ngẫm

b. Giải nghĩa từ: Dềnh dàng: chậm chạp, thong thả.

Hiệu quả:

Gợi tả dòng sông khi sang thu không còn cuộn cuộn gấp gáp như mùa hè mưa lũ mà chậm chạp, thong thả trôi.

Gợi cảm giác dòng sông như mang tâm trạng của con người, đang lắng lại, suy nghĩ, trầm tư về những trải nghiệm đã qua.

Cảnh vật được nhân hóa, trở nên sống động, có hồn.

c.

- Không gian rộng mở vừa cao vợi, vừa khoáng đạt

- Nghệ thuật nhân hóa, đối: hình ảnh dòng sông, cánh chim -> gợi tả những động thái trái chiều nhau của sự vật nhưng cũng rất đặc trưng cho cảnh sắc sang thu. Song điều thú vị ở đây là: sự vật được cảm nhận ở thời điểm mới chớm (“bắt đầu”), nghĩa là chưa định hình, chưa thu hấn-> hồn thơ tinh tế, nhạy cảm.

- Hình ảnh đám mây : nhân hóa -> chữ “vắt” đã làm lạ hóa.

- Gợi hình ảnh lãng mạn: đám mây như một tấm khăn voan trong suốt, nhẹ nhàng buông lơi giữa bầu trời.

- Hữu hình hóa bước đi của thời gian: một chữ “vắt” mà làm hiện hình cả khoảnh khắc sang thu, khiến đám mây trở thành nhịp cầu thời gian duyên dáng, yếu điệu nối giữa hai mùa.

- Gợi được tình người: dềnh dàng, bịn rịn, nửa như lưu luyến mùa hè đầy nắng nửa như rộng mở để đón nhận vẻ tươi mát mơ mộng của mùa thu.

- Tình người sang thu: xao xuyến, say sưa trước cảnh đẹp của vạn vật.
 - Những liên tưởng của Hữu Thỉnh rất mới mẻ và độc đáo.
- d. Ánh trăng – Nguyễn Duy

Tiết 3:

NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Những cảm nhận tinh tế trong khoảnh khắc giao mùa qua bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh</p> <p>Học sinh hoạt động cá nhân: lập dàn bài cho đề văn</p> <p>Viết đoạn văn cho luận điểm 3</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>MB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nội dung nghị luận: cảm nhận tinh tế trong khoảnh khắc giao mùa được thể hiện trong bài thơ. <p>TB:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cảm nhận tinh tế của nhà thơ về lúc giao mùa qua chuyển biến của cảnh vật. Sự cảm nhận qua nhiều giác quan, nhận ra những dấu hiệu của thu đến dần dần rõ nét: <p>Khổ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra mùa thu là hương ổi phả vào trong gió se lạnh. + Hương ổi được hữu hình trong Sang thu là một cái mới trong thơ, đậm màu sắc dân dã. + Phả: bốc mạnh và tỏa ra thành luồng. Gọi cho người đọc những liên tưởng sâu sắc về màu sắc, về hương thơm từ những trái ổi chín. <p>Vì gió thu se lạnh nên hương ổi càng thêm nồng nàn phả vào đất trời và hồn người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Sương thu”: chứa đầy tâm trạng “chùng chình” như cố ý làm chậm để kéo dài thời gian. Hình ảnh nhân hóa diễn tả rất thơ bước đi chậm chậm của mùa thu về. - Từ “bỗng”: biểu lộ cảm xúc ngạc nhiên, “hình như” : phán đoán một nét thu mơ hồ vừa chợt được phát hiện và cảm nhận. <p>Khổ 2: không gian nghệ thuật của bức tranh</p>

sang thu được mở rộng ở chiều cao và độ rộng của bầu trời với cánh chim bay và mây trôi, ở chiều dài của dòng sông.

- Sông “dềnh dàng” nhẹ trôi như cổ tình làm chậm chạp.
- Chim “vội vã”.
- Hai câu thơ đối nhau nhịp nhàng với hai hình ảnh đối lập. Đó là sự khác biệt của vạn vật trong khoảnh khắc giao mùa. Bức tranh thu trở nên hữu tình, chứa chan thi vị.
- Động từ “vất”: đám mây như kéo dài ra và vất lên, đặt ngang bầu trời, buông thông xuống. Cách miêu tả độc đáo, dùng từ đầy sáng tạo.
- > sự rung động tinh tế của nhà thơ trước cảnh thiên nhiên giao mùa. Nhà thơ đã dựng lại một bức tranh thu với những hình ảnh thân quen, giản dị, tươi tắn, sống động.

- Cảm nhận tinh tế của nhà thơ về thời tiết lúc giao mùa và những suy ngẫm về cuộc đời

- Nắng, mưa, sấm là những hiện tượng thiên nhiên trong thời điểm giao mùa.

- Các từ: “vẫn còn”, “đã voi dần”, “bớt bớt ngò”.

Những hiện tượng thiên nhiên đặc trưng của mùa hạ giảm dần, nhường chỗ cho sắc thu ngày càng rõ nét; nắng vẫn còn, nhưng mưa nhỏ và ít đi, sấm bớt và nhỏ dần, không còn đủ sức lay động những hàng cây đã bao mùa thay lá.

- Sấm, hàng cây đứng tuổi: là ẩn dụ tạo nên ý nghĩa sâu xa hơn, gọi cho người đọc biết bao suy tư về cuộc sống, về con người.

KB: Hữu Thỉnh đã thể hiện một cách đặc sắc những cảm nhận tinh tế để tạo ra một bức tranh chuyển giao từ cuối hạ sang thu nhẹ nhàng, trong sáng nên thơ của vùng nông thôn

	<p>đồng bằng Bắc Bộ.</p> <p>- Bài thơ đã đánh thức tình cảm của mỗi người về tình yêu quê hương đất nước và suy ngẫm về cuộc đời.</p>
--	---

Bài viết tham khảo

Mùa thu luôn là đề tài quen thuộc của thơ ca nhạc họa bao đời nay. Chúng ta từng bắt gặp một mùa thu thôn quê Việt Nam với ‘Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao’ trong thơ của Nguyễn Khuyến, một mùa thu với ‘Lá mơ phai dệt nắng vàng’ của Xuân Diệu. Và đây Hữu Thỉnh cũng đề cập đóng góp một góc thu quê mộc mạc với bài ‘Sang thu’, một bài thơ xinh xắn với những cảm nhận tinh tế, bằng khuâng trong khúc giao mùa cuối hạ sang thu.

Mở đầu khúc giao mùa là những tín hiệu nhẹ nhàng, thân thuộc đến bất ngờ:

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Tín hiệu đầu tiên khi trời đã sang thu mà tác giả cảm nhận được đó là hương ổi phả trong gió se. Có người cảm nhận mùa thu sang từ hương cốm nếp thơm nồng của đất trời tinh tế, có người lại thấy mùa thu hiện hữu bằng những quả hồng nhỏ như những chiếc đèn lồng tí hon lúc lỉu trên cành. Còn Hữu Thỉnh, ông đến với mùa thu bằng hương vị dân dã của trái ổi quê. Cái cảm giác ấy đến thật bất chợt qua từ ‘bỗng’ một trạng thái bất ngờ không hẹn trước. Mùa thu sang trái ổi căng tròn ngày nào bắt đầu chuyển sang giai đoạn chín. Hương ổi nồng nàn trong vườn nhà ai thật quyến rũ đậm đà hương vị quê hương, bình dị mà vô cùng đơn sơ. Động từ ‘phả’ được sử dụng tinh tế gợi cảm. Cũng là lan tỏa, cũng là thổi vào nhưng với động từ phả ta có cảm giác như hương ổi nơi góc vườn nhẹ nhàng, quán quýt trong làn gió se lạnh chớm thu, gợi cảm giác ấm áp, gần gũi mà thân quen lạ thường!

Hương vị mùa thu thật nhẹ nhàng, thoang thoảng nhưng chưa đủ lãng mạn nếu thiếu đi làn sương mỏng manh ban mai:

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về.

Một tín hiệu nữa khi mùa thu về trong cảm nhận của Hữu Thỉnh đó là làn sương mỏng chùng chình qua ngõ. Tính từ cũng là từ láy tượng hình ‘chùng chình’ đã góp phần bộc lộ được nét duyên dáng của mùa thu qua làn sương sớm. Biện pháp nghệ thuật nhân hóa được sử dụng rất tinh tế mà cũng thật tự nhiên. Làn sương trong sớm thu về giống như một người con gái yếu điệu, duyên dáng, nhẹ nhàng lướt qua làng quê, ngõ xóm mang hơi thở của đất trời trong trẻo, thanh thoát biết bao nhiêu. Nàng thu khoác lên mình chiếc áo choàng bằng hơi sương mỏng manh, đầy quyến rũ, cứ chùng chình nửa đi nửa ở khiến cho lòng người say đắm bằng khuâng và những cảm nhận bỗng trở nên

không rõ rệt: “hình như thu đã về”. Trạng thái hồ nghi qua tình thái từ “hình như” cũng thật dễ hiểu bởi các tín hiệu chuyển mùa còn mơ hồ chưa thật rõ nét. Mới chỉ là hương ổi thơm nồng nàn từ góc vườn nhà ai thoang thoảng trong làn gió se lạnh. Mới chỉ là làn sương mỏng nhẹ quấn quýt bước chân người. Đường như thu đến lại dường như chưa, vừa như thực vừa như hư... Sự cảm nhận chưa thật rõ ràng ấy tạo nên nét bàng khuâng rất đáng yêu của tâm trạng. Và chính những điều đó tạo nên sự tinh tế trong thơ Hữu Thỉnh.

Từ hương ổi, gió se, rồi làn sương mỏng manh giăng mắc chốn làng quê, tầm mắt của nhà thơ đã đưa người đọc đến một không gian mênh mang, cao rộng, trong trẻo của mặt đất và bầu trời:

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã*

Các tín hiệu chuyển mùa khổ 2 đã trở nên rõ rệt hơn. Một lần nữa biện pháp nghệ thuật nhân hóa được tác giả sử dụng thật tinh tế. Sang thu, không còn những cơn mưa rào ào ạt của mùa hạ, chính vì vậy mà dòng sông thu cũng như chảy chậm lại, dòng nước lững lờ, chầm chậm, nhẹ nhàng trôi như in bóng mây trời xanh ngắt. Dòng nước trong vắt khiến cho ta có cảm giác với nhìn tận đáy. Lại một lần nữa nhà thơ khéo léo sử dụng tính từ cũng là từ láy gợi hình “dềnh dàng”.

Cái “dềnh dàng” của dòng sông cũng là một nét thu duyên dáng thật đáng yêu. Bức tranh thiên nhiên khi thu về dường như đẹp hơn bởi thấm đượm cảm xúc xao xuyến, bàng khuâng của nhà thơ trước cảnh sắc thiên nhiên quê hương trong dòng chảy thời gian. Sông thì như thế còn những con chim thì lại bắt đầu “vội vã”. Thu về những làn gió cũng đã mang theo hơi hướng lành lạnh và dù cái lạnh chưa thật rõ nét nhưng cũng đủ đàn chim vội vã hơn bay đi tìm chút hơi ấm phương Nam xa xôi. Hai từ láy “dềnh dàng” và “vội vã” chỉ hai trạng thái đối ngược nhau lại được kết hợp rất khéo léo và hài hòa trong hai câu thơ. Nhưng chắc có lẽ bức tranh thu trở nên kết đọng hơn, bùng lên khác lạ là hình ảnh:

*Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

Đám mây được nhà thơ nhân hóa như mang tình người, hồn người. Động từ “vắt” thật hết sức tinh tế, nhạy cảm và khéo léo. Hạ chưa qua hết mà thu đã về, đám mây bồng bềnh trên bầu trời cao kia dường như cũng có cái chùng chình của làn sương sớm, có cái dềnh dàng của dòng sông trôi, để rồi chỉ vắt nửa mình sang thu, còn nửa kia vẫn mang roi rớt cái hơi hướng của mùa hạ. Câu thơ đưa người đọc đến những liên tưởng thật thú vị. Đám mây nhẹ nhàng, thanh thoát cuối trời hết như một tấm khăn voan mỏng của thiếu nữ ngập ngừng chỉ vắt nửa mình sang thu. Đến cảnh vật thiên nhiên còn xao xuyến, bàng khuâng trước sự chuyển biến nhẹ nhàng và tinh tế của đất trời uống chi là

con người. Cảm nhận của Hữu Thỉnh thật vô cùng tinh tế. Một lần nữa tâm trạng xao xuyến băng khuâng của tác giả thổi vào từng câu từng chữ một cách chính xác, tài hoa khiến bức tranh sang thu nơi làng quê thật sinh động và giàu sức gợi tả.

Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa

Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi

Thiên nhiên sang thu tiếp tục được gợi ra bằng những hình ảnh đặc trưng của thời tiết. Nắng thu vẫn còn nhiều, dù không gay gắt, chói chang như mùa hè nhưng cái nắng cũng đủ rót mật nơi làng quê. Mưa không ào ạt, dữ dội như mùa hè mà đã vơi dần. Chỉ là những hiện tượng thời tiết theo quy luật của thiên nhiên thôi nhưng phải có một con mắt quan sát tinh tế, một tâm hồn giao hòa với đất trời mới có thể cảm nhận được. Vào thu, mưa ít đi, sấm nhỏ, thưa hơn không đột ngột vang rền những tia sét tia chớp xé rách bầu trời như hồi tháng sáu tháng bảy nữa. Một hiện tượng thiên nhiên thời tiết bình thường theo quy luật của thiên nhiên được đưa vào thơ một cách nhẹ nhàng đầy ý vị. Nhưng thú vị hơn cả có lẽ là hình ảnh nhân hóa sấm bớt bất ngờ và hàng cây đứng tuổi.

Hàng cây nhìn như già đi, không còn giật mình vì tiếng sấm bất ngờ nữa. Cảnh vật thời tiết đã thực sự thay đổi rồi. Không chỉ là nhân hóa mà đó còn là hình ảnh ẩn dụ hàm ẩn những ý nghĩa sâu xa hơn, gợi cho người đọc biết bao suy tư về cuộc sống, về con người. Hàng cây cũng như con người đã đứng tuổi, đã trải nghiệm nhiều nên vững vàng bình tĩnh hơn trước những tác động bất ngờ của ngoại cảnh, của cuộc đời. Hai câu thơ cuối bài không chỉ đơn thuần là tả cảnh sang thu mà còn chứa biết bao chiêm nghiệm về cuộc sống và con người. Có lẽ vậy mà câu thơ mang hơi thở nồng nàn của đất trời khi chuyển mùa xong vẫn có chiều sâu của triết lý về cuộc đời.

Bức tranh sang thu được cảm nhận bằng nhiều giác quan: khứu giác, xúc giác, cảm giác... nên có hương vị, đường nét, hình khối những chuyển biến tinh tế theo thời gian. Bằng sự sáng tạo nhiều hình ảnh thơ mới lạ, gợi tả được những nét đặc trưng của khoảnh khắc chớm thu như: gió heo may, sương khói, hình ảnh đám mây gợi nhiều liên tưởng thú vị. Với nghệ thuật ngôn ngữ chính xác tài hoa: các từ láy, các từ ngữ gợi tả gợi cảm... Sang thu thực sự là một bức tranh xinh xắn, đẹp đẽ, lãng mạn đầy tâm trạng, mà ở đó, con người mở lòng mình như tha thiết đón chào, nồng nàn, say sưa hòa cùng đất trời tạo nên sự giao cảm tuyệt vời. Đó chính là tiếng lòng ấm áp gửi gắm bao tình cảm quê hương đất nước nồng hậu thiết tha của tác giả.

Đọc sang thu con người dù tâm hồn khô cằn, chai sạn đến đâu cũng rung lên những cảm xúc băng khuâng, xao xuyến, nhẹ nhàng, đáng yêu. Bài thơ thổi hồn vào cảnh vật, đất trời đồng thời cũng chạm đến trái tim người đọc. Cảm ơn nhà thơ đã khiến cho mỗi chúng ta thêm yêu mùa thu quê hương đất nước qua phút giao mùa thú vị này.

III. Củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học
- Viết thành bài văn hoàn thiện

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 13: ÔN TẬP THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM (Tiếp)

Văn bản **VIẾNG LĂNG BÁC** (Viễn Phương)

I. Mục tiêu cần đạt :

- 1. Kiến thức:** Ôn tập, củng cố, khắc sâu kiến thức cơ bản về văn bản “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương
- 2. Kỹ năng:** phát hiện, phân tích, cảm thụ, lập luận để phân tích chi tiết, phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình, dựng đoạn liên quan đến vb...
- 3. Thái độ, phẩm chất:** bồi dưỡng tình yêu, lòng tự hào, cảm phục lãnh tụ; yêu đất nước; sống và làm việc theo tấm gương đạo đức, phong cách HCM ...
- 4. Năng lực:** tự học, tư duy, làm việc nhóm, giao tiếp, giải quyết vấn đề ...

II- Chuẩn bị

1- Giáo viên: Soạn bài theo hệ thống kiến thức: tài liệu, máy chiếu, phiếu học tập...

2- Học sinh: Ôn tập bài.

III- Tiến trình lên lớp.

* **Ôn định lớp**

* **Tổ chức dạy và học ôn tập**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế, định hướng chú ý vào bài học mới.
- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề.
- **Kĩ thuật:** Động não
- **Tiến trình:**

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nghe và xem video bài hát “Viếng lăng Bác”.

? Bài hát trên được nhạc sĩ Hoàng Hiệp phổ nhạc từ bài thơ nào? Của ai?

Bước 2: HS trả lời

Bước 3: HS nhận xét về phần trả lời

Bước 4: GV nhận xét, dẫn vào bài: Ôn tập văn bản “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Tiết 1: Ôn tập kiến thức cơ bản

- **Mục tiêu:** Hs nhớ lại những kiến thức về tác giả, văn bản: hoàn cảnh ra đời, mạch cảm xúc, nội dung, nghệ thuật.....
- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận, dự án,
- **Kĩ thuật:** Động não
- **Cách thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung bài học
<p>HD1: Hướng dẫn HS củng cố kiến thức cơ bản</p> <p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>Qua phần chuẩn bị ở nhà, học sinh thuyết trình các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả - Hoàn cảnh ra đời - Mạch cảm xúc - Nghệ thuật và nội dung của văn bản. - Đọc thuộc lòng văn bản <p>Bước 2: HS trình bày</p> <p>Bước 3: HS khác nhận xét về phần trả lời</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức trên máy chiếu</p>	<p><u>A. Kiến thức cơ bản.</u></p> <p><u>1. Tác giả:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Viễn Phương tên khai sinh là Phan Thanh Viễn, sinh năm 1928, quê ở tỉnh An Giang. - Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, ông hoạt động ở Nam Bộ, là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời chống Mỹ cứu nước. - Thơ Viễn Phương tập trung khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của nhân dân, đất nước trong công cuộc chiến đấu trường kì, gian khổ của dân tộc. - Phong cách sáng tác : cảm xúc sâu lắng, thiết tha ; giọng thơ nhỏ nhẹ, trong sáng ; ngôn ngữ đậm đà màu sắc dân tộc. - Tác phẩm chính: Mắt sáng học trò, (thơ 1970), nhớ lời di chúc (Trường 1972), Như Mây mùa xuân (thơ 1978)... <p><u>2. Tác phẩm:</u></p> <p><u>a-Hoàn cảnh ra đời</u></p> <p>Năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, đất nước thống nhất, lăng chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa khánh thành, tác giả ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ. Bài thơ "Viếng lăng Bác" được sáng tác trong dịp đó, và in trong tập "Như mây mùa xuân" (1978).</p>

b- Bố cục và mạch cảm xúc:

* **Mạch cảm xúc:** đi theo trình tự của một cuộc vào lăng viếng Bác, từ khi đứng trước lăng đến khi bước vào Lăng và trở ra về. Mở đầu là cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương đất nước. Tiếp đó là cảm xúc trước hình ảnh dòng người như bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác. Xúc cảm và suy ngẫm về Bác được gợi lên từ những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng: mặt trời, vầng trăng, trời xanh. Cuối cùng là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương miền Nam, muốn tấm lòng mình vẫn được mãi mãi ở lại bên lăng Bác. Mạch cảm xúc như trên đã tạo nên một bố cục khá đơn giản, tự nhiên và hợp lý của bài thơ.

* **Bố cục:** 4 phần

- Khổ 1: cảm xúc của tác giả trước không gian, cảnh vật bên ngoài lăng.

- Khổ 2: Cảm xúc trước đoàn người vào lăng viếng Bác.

- Khổ 3: Cảm xúc khi vào lăng, nhìn thấy di hài Bác.

- Khổ 4: Những tình cảm, cảm xúc trước lúc ra về.

c- Nghệ thuật :

- Giọng điệu: trầm lắng, thành kính, trang trọng, thiết tha. Nhịp chậm.

- Thể thơ: 8 chữ nhưng có những dòng được kéo dài thành 9 tiếng.

- Từ ngữ: trang trọng, giản dị mà giàu cảm xúc, lắng đọng.

- Hình ảnh thơ: đẹp, sáng tạo có kết hợp hình ảnh thực với hình ảnh ẩn dụ mang tính biểu tượng sâu sắc giàu ý nghĩa (vd: *mặt trời trong lăng, tràng hoa, trời xanh, vầng trăng...*)

d- Nội dung ý nghĩa: Tấm lòng thành kính và niềm xúc động, biết ơn sâu sắc của nhà thơ Viễn Phương và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** Thông qua làm các đề bài để khắc sâu kiến thức về văn bản đã học.
- **Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, thuyết trình, thảo luận, dự án.
- **Kĩ thuật:** Động não, khăn phủ bàn
- **Cách thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm.

HD2: Hướng dẫn HS làm bài tập**PHIẾU HỌC TẬP**

Trong tâm trạng bồi hồi, xúc động, xót xa khi được ra Hà Nội viếng Bác sau ngày giải phóng, nhà thơ Viễn Phương có viết trong bài thơ “VLB” như sau:

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

Câu 1- Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.

Câu 2- Cho biết mạch cảm xúc trong văn bản diễn ra theo trình tự như thế nào?

Câu 3- Trong câu đầu tiên, nếu thay từ “trào” bằng những từ cùng trường từ vựng như “rom róm”, “rung rung”...thì có hợp lí không? Vì sao?

Câu 4- Điệp ngữ “muốn làm” trong khổ thơ trên thuộc kiểu điệp ngữ nào? Điệp ngữ ấy đã góp phần diễn tả ước nguyện và cảm xúc của nhà thơ như thế nào?

? Tìm trong chương trình NV9 những câu thơ cũng sử dụng kiểu điệp ngữ ấy. Ghi rõ tên văn bản, tên tác giả.

Câu 5- Xét về câu tạo, bốn câu thơ trên thuộc kiểu câu gì? Cho biết tác dụng của việc sử dụng kiểu câu đó

Câu 6- Trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, đồng bào cả

B- Bài tập**Bài tập 1**

Câu 1- Hoàn cảnh ra đời (xem lại phần “Kiến thức cơ bản”)

Câu 2- Mạch cảm xúc (xem lại phần “Kiến thức cơ bản”)

Câu 3- Nếu thay từ “trào” bằng từ “rom róm” hoặc “rung rung” thì chưa hợp lí. Vì nếu thay sẽ ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của bài thơ, không diễn đạt hết cảm xúc của tác giả.

- Từ “rom róm”, “rung rung” diễn tả niềm xúc động dâng nhưng còn nhẹ nhàng, kìm nén

- Từ “trào” là động từ diễn tả cảm xúc vỡ òa, niềm xúc động đang trào dâng mãnh liệt không thể kìm nén nổi

Vì vậy, từ “trào” sẽ phù hợp với dòng cảm xúc đang dâng lên theo trình tự chuyển vào lăng viếng Bác - cảm xúc trào dâng mãnh liệt khi nghĩ đến giây phút chia xa nơi Bác yên nghỉ.

-> Từ “trào” thể hiện rõ hơn nỗi buồn thương, tiếc nuối vô hạn, lưu luyến ..của nhà thơ -> Sự tinh tế trong việc sử dụng từ ngữ

Câu 4- Kiểu điệp ngữ: cách quãng. Điệp ngữ ấy đã diễn tả:

- Nguyện ước chân thành, thiết tha, cháy bỏng của tác giả muốn hóa thân, hòa nhập vào cảnh quan bên ngoài lăng để làm đẹp, làm vui nơi Bác yên nghỉ; để được ở bên Bác, được sống xứng đáng với Bác

<p>nước đầu đầu hướng về miền Nam ruột thịt. Địa danh miền Nam còn xuất hiện trong một bài thơ khác em đã học trong chương trình Ngữ Văn 9. Hãy chép lại câu thơ có chứa “miền Nam” và ghi rõ tên tác phẩm, tác giả.</p> <p>Câu 7- Dựa vào khổ thơ trên, viết đoạn văn ngắn (khoảng 12 câu) theo lối tổng - phân - hợp để làm rõ cảm xúc lưu luyến, bịn rịn của nhà thơ Viễn Phương trước khi rời lăng Bác. Trong đoạn văn có sử dụng câu hỏi tu từ và thành phần phụ chú. Gạch chân và chỉ rõ.</p> <p>Bước 1: Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu 1,2,6 suy nghĩ cá nhân, làm miệng - Câu 3,4,5,6 thống nhất ý chính trên phiếu học tập nhóm <p>Bước 2: Trình bày (cá nhân hoặc đại diện nhóm) .</p> <p>Bước 3: Các nhóm nhận xét</p> <p>Bước 4: GV nhận xét và chiếu kết quả</p> <p>Lưu ý: Câu 7- viết đoạn văn</p> <p>Bước 1: Yêu cầu HS phân tích đề, nêu yêu cầu của đề bài, gạch chân những</p>	<p>- Cảm xúc: lưu luyến, bịn rịn không muốn rời xa...</p> <p>* Những câu thơ trong chương trình Ngữ văn 9 cũng sử dụng kiểu điệp ngữ cách quãng:</p> <p>- Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng (<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật</i>)</p> <p>- Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng (<i>Bếp lửa- Bằng Việt</i>)</p> <p>Câu 5- Xét về cấu tạo, 4 câu thơ trên đều là câu rút gọn (rút gọn thành phần chủ ngữ)</p> <p>* Tác dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu ngắn gọn hơn, thông tin nhanh hơn. tránh lặp những từ ngữ. - Nhịp nhanh hơn -> nguyện ước thiết tha, cháy bỏng muốn được hóa thân, được hòa nhập vào cảnh quan bên lăng, được ở bên Bác -> Tâm trạng lưu luyến, bịn rịn không muốn rời xa Bác. - Nguyện ước chân thành đó không phải chỉ riêng của nhà thơ Viễn Phương mà là tình cảm chung của tất cả mọi người. (<i>tính khái quát trong thơ trữ tình</i>) <p>Câu 6- Câu thơ có chứa “miền Nam”: “Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước.” (<i>“Bài thơ về tiểu đội xe không kính” -Phạm Tiến Duật</i>)</p> <p>Câu 7- Viết đoạn văn:</p> <p>* Câu mở đoạn: (Câu chủ đề 1) có chứa:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tác giả, tác phẩm. + Nêu chủ đề đoạn văn: cảm xúc lưu luyến, bịn rịn của nhà thơ Viễn Phương trước khi rời lăng Bác
--	---

<p>từ khóa.</p> <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo câu chủ đề 1 và câu chủ đề 2. - Tạo câu hỏi tu từ và thành phần phụ chú + Câu hỏi tu từ: vd “ Phải chăng nhà thơ muốn làm “cây tre trung hiếu” để được ở mãi bên Bác, sống xứng đáng với Bác?” + Phó từ: vd: đã, sẽ, đang, hãy, đừng, rất, lại... <p>Bước 3: Tìm các ý chính để viết đoạn</p> <p>Bước 4: HS viết đoạn.</p> <p>Bước 5: Trình bày, sửa lỗi (lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt...)</p> <p>* Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo dung lượng theo yêu cầu: khoảng 12 câu. - Trình bày đúng đoạn văn theo lối tổng-phân- hợp - Sử dụng và gạch chân câu hỏi tu từ và thành phần phụ chú một cách hợp lí <p>* Nội dung: bám sát ngữ liệu sgk, khai thác các tín hiệu nghệ thuật (giọng điệu trầm lắng, thiết tha, nhịp nhàng, hình ảnh đẹp mà giản dị, nghệ thuật điệp ngữ, ẩn dụ, kết cấu đầu cuối tương ứng ...) để làm rõ cảm xúc lưu luyến, bịn rịn của nhà thơ Viễn Phương trước khi rời lăng</p>	<p>* Thân đoạn: Triển khai các ý chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>"Mai về... thương trào nước mắt..."</i> + Câu thơ như một lời chào giã biệt + Động từ “trào” -> xúc động trào dâng mãnh liệt (cảm xúc bỗng vỡ òa ko thể kìm nén nổi) khi nghĩ “mai về miền Nam” xa xôi, cách trở, biết bao giờ mới được thăm Bác... - <i>Nguyện ước:</i> <i>Muốn làm:</i> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Con chim hót...</i> - <i>Đóa hoa tỏa hương</i> - <i>Cây tre trung hiếu....</i> + Liệt kê những hình ảnh đẹp, giản dị, gần gũi của thiên nhiên; các từ ngữ chỉ không gian gần: “quanh”, “đâu đây”, “chốn này” + Điệp ngữ “muốn làm” nhắc lại 3 lần -> Nguyện ước chân thành, thiết tha, cháy bỏng muốn hóa thân, hòa nhập vào cảnh quan bên ngoài lăng, muốn ở mãi bên Bác, làm đẹp, làm vui cho Bác, không muốn rời xa Bác .. - Đẹp nhất, cao cả nhất là ước muốn được làm “cây tre trung hiếu”: + Để làm đội quân danh dự ngày ngày đứng canh giấc ngủ bình yên cho Bác. + Ẩn dụ “cây tre trung hiếu”- tre biểu tượng cho phẩm chất của con người Việt Nam trong thời đại mới: trung hiếu. -> nguyện ước sống thủy chung, son sắt với sự nghiệp của Bác, với con đường Bác đã chọn; sống xứng đáng với Bác: trung với nước, hiếu với dân... + Tạo kết cấu đầu cuối tương ứng, làm đậm nét hình ảnh để dòng cảm xúc được trọn vẹn * Câu kết đoạn: (Câu chủ đề 2): Khái quát nội dung cả đoạn.
---	---

	<p>- Khẳng định được thành công về nghệ thuật: ngôn ngữ trang trọng, hình ảnh đẹp...</p> <p>- Khái quát, nâng cao về nội dung, ý nghĩa, tình cảm của mình đối với nhân vật...</p> <p>(Ví dụ:</p> <p>+ Tình cảm của nhà thơ Viễn Phương nói riêng cũng là tình cảm của người dân Việt Nam nói chung dành cho Bác</p> <p>+ Hoặc:...tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao!)</p>
<p>Bước 1: Yêu cầu HS phân tích đề, nêu yêu cầu của đề bài, gạch chân những từ khóa.</p> <p>- Phương thức biểu đạt: Nghị luận văn chương (phân tích)</p> <p>- Vấn đề nghị luận: niềm xúc động, thành kính, xót xa,</p> <p>- Phạm vi: Bài thơ “Viếng lăng Bác”</p> <p>Bước 2: Lập dàn ý</p> <p>? Có mấy cách mở bài? Nêu những nội dung chính trong phần mở bài.</p> <p>(- Cách 2: Mở bài gián tiếp: Dẫn vấn đề: từ chủ đề lãnh tụ kính yêu...)</p> <p>Bước 3: 3 nhóm. Mỗi nhóm trình bày ý chính của 3 khổ thơ. (Khổ 1,2,3) Riêng khổ 4 xem lại câu 7- bài tập 1</p>	<p>Bài tập 2- Phân tích bài thơ Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương</p> <p>1. Mở bài:</p> <p>- Cách 1: mở bài trực tiếp</p> <p>+ Dẫn vấn đề: giới thiệu tác giả, tác phẩm.</p> <p>+ Nêu vấn đề: niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính, vừa tự hào, vừa đau xót của tác giả khi từ Miền Nam mới được giải phóng ra viếng lăng Bác.</p> <p>+ Phạm vi: Văn bản “Viếng lăng Bác”</p> <p>2. Thân bài: Gồm có các luận điểm sau:</p> <p>a- Luận điểm 1: Cảm xúc xúc động, bồi hồi trước cảnh quan bên ngoài lăng (Khổ 1)</p> <p>* Câu thơ mở đầu như một lời thông báo, tâm sự: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”. Từ miền Nam xa xôi, con mới có dịp về thăm Bác sau bao năm tháng mong mỏi, đợi chờ</p> <p>- Cách xưng hô "con - Bác" -> giọng ngọt ngào, tự nhiên của người con miền Nam -> Thái độ vừa tôn kính vừa gần gũi, thân thiết, ấm áp như với người thân yêu, ruột thịt..</p>

- "Thăm" (thay từ "viếng") -> Cách nói giảm nói tránh để giảm nhẹ nỗi đau, như Bác vẫn còn bên ta .

* Hình ảnh đầu tiên cũng là hình ảnh ấn tượng nhất về cảnh quan bên ngoài làng chính là hàng tre:

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! hàng tre xanh xanh VN
Bão táp mưa sa...

+ Tả thực - hàng tre xào xạc, bát ngát trong làn sương sớm bên làng -> gợi khung cảnh quen thuộc của làng quê thanh bình, gần gũi

+ ẩn dụ -> Hàng tre là biểu tượng cho những phẩm chất cao đẹp con người VN với sức sống thanh cao, bền bỉ, khiêm nhường nhưng lại kiên cường, bất khuất, hiên ngang...

+ Câu cảm thán "ôi" (đặt trước hình ảnh hàng tre), điệp từ "hàng tre" -> Bồi hồi, xúc động trào dâng khi thấy hình ảnh quen thuộc của làng quê VN ngay giữa thủ đô Hà Nội, thấy được cả cả dân tộc Việt Nam đang lặng lẽ, bền bỉ bên Bác, bảo vệ bình yên cho giấc ngủ của Người..

b- Luận điểm 2: Niềm thành kính, biết ơn vô hạn của nhà thơ khi cùng dòng người vào lăng Bác (khổ 2)

* Khổ thơ được mở đầu thành công với hai hình ảnh tả thực và ẩn dụ sóng đôi độc đáo:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

- Mặt trời đi qua trên lăng -> mặt trời của thiên nhiên mang sự sống cho muôn vật, muôn loài; mặt trời ấm áp, vĩnh hằng...

- Mặt trời trong lăng: hình ảnh ẩn dụ - Bác Hồ

- 2 hình ảnh sóng đôi, cân xứng với nhau -> làm nổi bật hình ảnh Bác nhằm:

+ Ca ngợi công lao vĩ đại của Người: soi đường, dẫn lối, mang lại độc lập tự do cho Tổ quốc...-> Tấm lòng thành kính, biết ơn vô hạn

+ Ca ngợi tình yêu thương bao la của Người như vầng thái dương ấm áp...

+ Hình ảnh "rất đỏ" -> vừa làm ấm cả không gian vừa ngợi ca nhiệt huyết cách mạng và tình yêu nước nồng nàn của Bác

* Hình ảnh dòng người xếp hàng vào lăng viếng Bác gợi bao xúc động và liên tưởng sâu xa:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.*

- Dòng người vào lăng kéo dài vô tận. Họ đi trong nỗi nhớ thương nặng trĩu...

- Họ kết lại trông như một tràng hoa muôn ngàn hương sắc kéo dài vô tận trước lăng kính dâng lên Bác. Mỗi người là một bông hoa đẹp dâng lên Bác cả tấm lòng thành kính ...

+ Hình ảnh ẩn dụ đẹp, liên tưởng sáng tạo -> tràng hoa tinh thần- tấm lòng biết ơn vô hạn ...

+ Câu thơ kéo dài 9 tiếng (như dòng người kéo dài vô tận, như nỗi nhớ thương vô tận...)

+ Dâng: từ ngữ trang trọng

+ 79 mùa xuân: hoán dụ (79 tuổi), ẩn dụ đẹp (cuộc đời Bác đẹp như những mùa xuân. Chính Bác đã làm nên mùa xuân cho đất nước)

-> Hình ảnh tả thực và ẩn dụ đẹp, lớn lao, trang trọng; giọng thơ trầm, nhịp chập như bước chân lặng lẽ, trang nghiêm của dòng người vào lăng. Họ dâng lên Bác cả tấm lòng thành kính, biết ơn vô hạn ...

c- Luận điểm 3: Niềm xúc động, xót thương vô hạn của nhà thơ khi ở trong lăng (khổ 3)

*Ấn tượng sâu sắc của Viễn Phương về hình ảnh Bác đang yên giấc ngàn thu

*"Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
giữa một vầng trăng sáng dịu hiền"*

- Giấc ngủ bình yên:

+ Cách nói giảm nói tránh -> làm dịu bớt nỗi đau thương, nỗi buồn, như thầm nhủ rằng Bác chỉ đang ngủ- một giấc ngủ dài, bình yên.

+ Gọi tâm hồn thanh thản của Bác sau khi đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời mình cho dân tộc

- Vầng trăng sáng dịu hiền

+ Gọi khung cảnh yên tĩnh, trang nghiêm trong ánh sáng dịu nhẹ trong lăng (không gian, thời gian ngưng đọng...)

+ Ẩn dụ: gọi tâm hồn cao đẹp, sáng trong, hiền từ, thân thiết

<p>Bước 4: Mỗi HS tự chọn ý chính của khổ 1, 2 hoặc khổ 3 để viết thành một đoạn văn</p> <p>Bước 5: Trình bày, sửa lỗi (lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt...)</p>	<p>của Bác</p> <p>+ Gọi những vầng thơ tràn đầy trăng của Bác (sinh thời, Bác với trăng là tri kỉ)</p> <p>* Trong giây phút thanh tĩnh, trang nghiêm ở trong lãng, lòng người như lắng xuống, xót xa:</p> <p style="text-align: center;"><i>Vẫn biết trời xanh là mãi mãi</i> <i>Mà sao nghe nhói ở trong tim</i></p> <p>- Trời xanh là mãi mãi: ẩn dụ -> trường tồn của Bác với non sông đất nước, với thời gian..</p> <p>- Dù vẫn biết là như thế, nhưng nhà thơ vẫn "nghe nhói ở trong tim"</p> <p>+ Từ “nhói” - từ biểu cảm trực tiếp + ẩn dụ chuyển đổi cảm giác -> cảm nhận được nỗi đau quặn thắt, tê tái trong sâu thẳm đáy tâm hồn. Nỗi đau ấy, niềm xót xa ấy cứ trào dâng không thể ngăn nổi, nhói buốt trong tim...</p> <p>- Cụm từ “Vẫn biết”... “mà sao” -> tạo hình ảnh tương phản làm cho lời thơ thêm xúc động, nghẹn ngào. Dù lí trí mách bảo Bác còn đó nhưng con tim không thể không nhói buốt trước sự ra đi của Người ...</p> <p>-> Giọng thơ trang nghiêm, trầm lắng; hình ảnh ẩn dụ đẹp, lớn lao, kì vĩ mang tầm vóc vũ trụ (vầng trăng, bầu trời) -> nghẹn ngào, xót thương vô hạn...</p> <p>d- Luận điểm 4: Niềm lưu luyến, bịn rịn không muốn rời lãng (khổ 4)</p> <p>(Xem lại câu 7- bài tập 1)</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại nghệ thuật và nội dung của bài thơ.</p> <p>- Giá trị bài thơ (trong lòng bạn đọc, trong nền văn chương VN...) hoặc cảm xúc của bản thân...</p>
<p>Viết đoạn văn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về một trong 5 điều Bác Hồ dạy “Yêu Tổ quốc,</p>	<p>Bài tập 3: Gọi ý:</p> <p>a. Mở bài: Dẫn dắt giới thiệu vấn đề</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích:</p> <p>- Yêu Tổ quốc: tình cảm gắn bó, yêu mến tất cả những gì</p>

<p>yêu đồng bào” - đặc biệt của thế hệ trẻ trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>Yêu cầu:</p> <p>Bước 1: Phân tích đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bài: nghị luận (nghị luận đời sống) - Vấn đề nghị luận: Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào - đặc biệt là của thế hệ trẻ hiện nay. - Phạm vi: trong đời sống . <p>Bước 2: HS thảo luận nhóm: lập ý, lập dàn ý (theo nhóm)</p> <p>Bước 3: Đại diện nhóm trình bày dàn bài</p> <p>Bước 4: HS, GV nhận xét, chốt ý chính trên máy chiếu</p> <p>Bước 5: Viết bài hoàn chỉnh (Về nhà làm)</p>	<p>thuộc về đất nước mình: bờ cõi lãnh thổ, con người, thiên nhiên, phong tục tập quán,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu đồng bào: yêu mến, sẻ chia với những con người cùng chung dòng máu, chung nguồn gốc, tổ tiên mình (nói chung, đó là những người người VN – con Lạc cháu Hồng) <p>Đây là tình cảm thiêng liêng, cao cả của mỗi con người</p> <p>-> Khẳng định: lời dạy của Bác hoàn toàn đúng đắn, nhân văn, cao đẹp...</p> <p>(Lựa chọn, nêu được một vài biểu hiện trong các lĩnh vực: công cuộc bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước, trong văn chương, trong công cuộc chống thiên tai, dịch bệnh hiện nay...)</p> <p>* Phân tích và bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là đạo lí truyền thống, là trách nhiệm, nghĩa vụ cao cả của mỗi con người, thể hiện rõ lòng tự tôn dân tộc. .. - Đó là nơi cha ông ta đổ bao mồ hôi, thậm chí cả xương máu để giữ vững từng tấc đất... - Là nơi ta sinh ra, lớn lên, gắn bó với bao kỉ niệm; được sống trong vòng tay yêu thương, đùm bọc của cha mẹ, thầy cô, của những người xung quanh... - Tạo ra sức mạnh đoàn kết toàn dân đẩy lùi mọi khó khăn, nguy hiểm: nạn ngoại xâm, thiên tai, dịch bệnh... - Giúp con người vượt khó khăn để vươn lên trong cuộc sống <p>-> Xây dựng đất nước Việt Nam văn minh, hùng cường, nhân nghĩa ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng, mặt trái -> phê phán... <p>* Trách nhiệm của mỗi người – đặc biệt của thế hệ trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ vững chắc biên giới, chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Tổ quốc. - Xây dựng đất nước giàu mạnh: giữ gìn nền văn hóa cổ truyền; bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống; tiếp thu KHKH để đưa đất nước đi lên trong thời đại 4.0... - Đoàn kết, tương thân tương ái, sẻ chia, giúp đỡ những người xung quanh - đặc biệt trong lúc khó khăn, hoạn nạn... - Đặc biệt: trong đại dịch Covid 19... <p>c. Kết bài: khẳng định ý nghĩa, liên hệ bản thân.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, TÌM TÒI MỞ RỘNG

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn

- Phương pháp: Giải quyết vấn đề, vấn đáp

- Kỹ thuật: Động não, dự án

+ Khái quát lại nội dung bài học.

+ HS trình bày bài hát “Viếng lăng Bác” của nhạc sĩ Hoàng Hiệp

+ Về nhà: viết hoàn chỉnh bài tập 3 vào vở.

+ Chuẩn bị: Ôn tập bài “Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 14: NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN HOẶC ĐOẠN TRÍCH

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Những yêu cầu đối với bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).
- Cách tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

2. Kỹ năng

- Nhận diện được bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) và kỹ năng làm bài nghị luận thuộc dạng này.
- Đưa ra được những nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) đã học trong chương trình.
- Rèn kỹ năng làm bài văn nghị luận văn học: phân tích, nhận xét, đánh giá, tổng hợp khái quát hóa. Kỹ năng so sánh đối chiếu giữa nghị luận thơ với nghị luận truyện có gì giống và khác nhau.

3. Thái độ, phẩm chất

- Có ý thức nhận xét đánh giá khi gặp một tác phẩm truyện, đoạn trích.

4. Năng lực

* Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác.

* Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực sáng tạo, cảm thụ, thưởng thức cái đẹp.

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

A. Hệ thống lại kiến thức đã học

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>* GV cùng HS ôn lại kiến thức về nghị luận tác phẩm truyện/ đoạn trích.</p> <p>? Nhắc lại thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích?</p> <p>HS trả lời cá nhân.</p> <p>? Lấy VD minh họa: Phân tích nhân vật bé Thu trong truyện ngắn "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng.</p> <p>? Căn cứ vào đâu để đưa ra những nhận xét và đánh giá trong bài văn nghị luận của mình?</p>	<p>I. Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích là trình bày những suy nghĩ đánh giá nhận xét của mình về những vấn đề của tác phẩm truyện: toàn bộ tác phẩm, nhân vật chủ đề, nội dung, nghệ thuật đặc sắc...của tác phẩm hoặc đoạn trích. - Những nhận xét, đánh giá phải xuất phát từ giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. - Những nhận xét đánh giá phải được triển khai thành các luận điểm, luận cứ rõ ràng, lập

<p>? Cách triển khai nhận xét, đánh giá trong bài văn nghị luận ntn? HS TL cá nhân.</p> <p>? Khi làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện/ đoạn trích cần đạt được những ý cơ bản nào? - GV tổ chức cho HS lấy những VD minh họa.</p>	<p>luận thuyết phục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài nghị luận cần có bố cục mạch lạc, lời văn chuẩn xác, gợi cảm. <p>II. Cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)</p> <ul style="list-style-type: none"> * Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm/đoạn trích và nêu ý kiến đánh giá riêng của mình. * Phân tích, đánh giá tác phẩm/ đoạn trích theo yêu cầu của đề: <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích các khái niệm, từ ngữ trong đề bài (nếu cần thiết) để xác định đúng vấn đề cần nghị luận (→ giới thuyết luận đề). - Phân tích tác phẩm/ đoạn trích theo các phương diện của vấn đề. <p>Mỗi ý kiến nhận xét về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của đoạn trích hay tác phẩm triển khai thành một luận điểm. Trong từng luận điểm sử dụng các luận cứ (lí lẽ và dẫn chứng) làm sáng tỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, đoạn trích. - Đánh giá vai trò, ý nghĩa của tác phẩm/ đoạn trích trong việc thể hiện vấn đề nghị luận, thể hiện tư tưởng, tài năng, phong cách nghệ thuật của tác giả; đánh giá về ý nghĩa, vị trí, vai trò của tác phẩm trong sự nghiệp tác giả, trong giai đoạn văn học, đối với thời đại.
<p>Ví dụ: Cảm nhận của em về đoạn trích "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng.</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng được viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ trong thời kì kháng chiến chống Mĩ và được đưa vào tập truyện cùng tên. - Văn bản đoạn trích là ở phần giữa câu chuyện, tập trung thể hiện sâu sắc và cảm động tình cha con của ông Sáu và bé Thu qua những tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí. 	

- Đó không chỉ là một tình cảm muôn thuở, có tính nhân bản bền vững, mà còn được thể hiện trong hoàn cảnh ngặt nghèo, éo le của chiến tranh và trong cuộc sống nhiều gian khổ, hi sinh của người cán bộ cách mạng. Vì thế, tình cảm ấy càng đáng trân trọng và đồng thời nó cũng cho thấy những nỗi đau mà chiến tranh gây ra cho cuộc sống bình thường của mọi người.

* **Thân bài:** Tình cảm cha con sâu nặng

Luận điểm 1: Thái độ, tình cảm của bé Thu trước và sau khi nhận ra ông Sáu là cha

- Hoàn cảnh : Ông Sáu đi kháng chiến, xa nhà nhiều năm. Ông chưa được biết mặt đứa con gái – bé Thu. Tám năm sau, một lần về thăm nhà, trước khi nhận công tác mới, ông được gặp con nhưng bé Thu nhất định nhận ông Sáu là cha.

- Thái độ của Thu :

+ Thoạt đầu, khi thấy ông Sáu vui mừng vô vậ nhận bé Thu là con, Thu tỏ ra lảng tránh và lạnh nhạt, xa cách. (D/c : Nhìn anh Sáu với cặp mắt xa lạ và cảnh giác, dứt khoát không chịu kêu tiếng “ba”)

+ Cô bé đã có thái độ ngang ngạnh, thậm chí hỗn xược với ông Sáu :D/c :mặc cho người thân khuyên nhủ, tạo tình thế bắt buộc (chất nước nồi cơm) để bé Thu phải nhận cha, nhưng đều thất bại. Thu từ chối sự quan tâm của anh Sáu (hất đồ miếng trứng cá khỏi chén cơm, khi cha đánh -> không khóc, bỏ về nhà ngoại)

+ Được bà ngoại trò chuyện, tìm ra lí do, cô bé đã thay đổi hẳn thái độ.

+ Về nhà để chia tay ba, Thu cảm thấy hối lỗi (chỉ đứng nhìn, đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu, khe khẽ nói. Thu muốn nhận ba nhưng không dám gần Ba vì trót làm ba giận (vẽ mặt nó sầm lại buồn rầu, nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa)

+ Thật bất ngờ, sau lời chào từ biệt của người cha là tiếng kêu “Ba..a...a...ba!” như xé ruột của bé Thu. Em đã thể hiện tình cảm yêu quý cha một cách mãnh liệt (hôn ba cùng khắp, hôn cả vết sẹo dài bên má như muốn níu giữ ba).Thực chất bé Thu rất giàu tình cảm và trong trắng - khi biết ba đánh giặc bị thương thì ân hận vì đã không chỉ nhận ba và khao khát được kêu ba. Tình huống ấy tạo xúc động cho mọi người.

Trước khi ba lên đường, cô bé đã cất tiếng gọi ba và thể hiện tình cảm yêu quý một cách mãnh liệt (D/c)

=> Qua đoạn trích, người đọc nhận ra vẻ đẹp tâm hồn của bé Thu: yêu thương cha nhưng rạch ròi xấu - tốt, cá tính mạnh mẽ và cũng rất hồn nhiên ngây thơ. Thực chất hai thái độ trái ngược là sự thống nhất trong tính cách nhân vật. Qua những diễn biến tâm lí của bé Thu được miêu tả trong truyện, ta thấy tác giả rất am hiểu tâm lí trẻ em và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến, trân trọng.

Luận điểm 2: Tình cảm của ông Sáu dành cho con

- Nỗi khao khát gặp lại con sau ba năm xa cách.

+Khi gặp lại con, không chờ xuống cập bến, ông đã “nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc

xuống tạt ra, bước vội vàng với những bước dài rồi dừng lại kêu to: Thu! Con” Anh vừa bước vào vừa khom người đưa tay đón chờ con... Anh không ghì nổi xúc động....

+ Khi bé Thu sợ hãi bỏ chạy, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy.

- Nỗi khổ và niềm vui trong ba ngày về thăm nhà.

+ Trước thái độ lạnh nhạt, ông đã đau khổ, cảm thấy bất lực: Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vồ về con. Nhưng càng vồ về, con bé càng đẩy ra. Anh mong được nghe một tiếng ba của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Anh đau khổ lắm nhưng chỉ “nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười vì “khổ tâm đến nỗi không khóc được”.

+ Có lúc giận quá, không kìm được, ông đã đánh con và cứ ân hận mãi về việc làm đó (sau này ở chiến khu)

+ Hôm chia tay, nhìn thấy con đứng trong góc nhà, ông muốn ôm con, hôn con nhưng “sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy” nên “chỉ đứng nhìn nó” với đôi mắt “triu mến lẫn buồn rầu”...

+ Cho đến khi nó cất tiếng gọi Ba, ông xúc động đến phát khóc và “không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc của con”.

- Xa con, ông luôn nhớ con trong nỗi day dứt, ân hận ám ảnh vì mình đã lỡ tay đánh con.

- Ông dồn hết tình yêu thương vào việc làm một cây lược ngà cho con.

+ Tác giả diễn tả tình cảm của ông Sáu xung quanh chuyện ông làm chiếc lược: từ những cảm xúc của ông khi kiếm được khúc ngà: “từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hốt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà”. Rồi sau đó, anh dồn hết tâm trí và công sức vào công việc: “anh cưa từng chiếc lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc”. Trên sống lưng có khắc một hàng chữ nhỏ.....Trong hàng chữ ấy là bao nhiêu triu mến yêu thương anh dành cho con gái. Chiếc lược trở thành một vật quý giá, thiêng liêng để mỗi khi nhớ con: “anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt”. Cây lược xoa dịu được nỗi ân hận vì đánh con.

+ Nhưng rồi ông đã hi sinh khi chưa kịp trao cho con chiếc lược. Trước khi hi sinh, ông dồn hết sức lực còn lại gửi người bạn mang cây lược về cho con gái

=> Câu chuyện về chiếc lược ngà làm người đọc cảm động vì tình cha con thắm thiết, đẹp đẽ. Nhưng cảm động hơn nữa, nó còn khiến cho ta nghĩ đến những đau thương, mất mát, éo le mà con người phải gánh chịu vì cuộc chiến tranh.

Luận điểm 3: Nghệ thuật kể chuyện đặc sắc của tác phẩm:

- Cốt truyện chặt chẽ với nhiều bất ngờ nhưng hợp lí
 - + Bé Thu không nhận ra cha khi ông Sáu về thăm nhà
 - + Bé Thu biểu lộ tình cảm thật mãnh liệt với người cha trước lúc chia tay...
 - + Nguyên nhân dẫn đến những sự việc ấy đã được tác giả giải thích một cách giản dị mà xúc động
- => Sự bất ngờ càng gây hứng thú cho người đọc.
- Sự gặp gỡ tình cờ nhân vật - người kể chuyện với bé Thu (bấy giờ là cô giao liên dũng cảm) trong một lần ông cùng đoàn cán bộ đi theo đường dây giao liên vượt qua một quãng nguy hiểm ở Đồng Tháp Mười.
 - Lựa chọn ngôi kể phù hợp: truyện được kể qua lời của một nhân vật trong tác phẩm: Ông Ba - người bạn thân của ông Sáu. Cách lựa chọn ngôi kể như vậy vừa tạo ra ấn tượng khách quan vừa có sức thuyết phục, bởi người kể chuyện không chỉ là người chứng kiến và kể lại câu chuyện mà còn bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ với các nhân vật. Những ý nghĩ, cảm xúc của người kể chuyện làm người đọc hiểu rõ hơn các sự việc và đồng cảm với các nhân vật trong truyện, tăng thêm chất trữ tình và sức thuyết phục của truyện.
 - Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật (nhất là trẻ thơ) chính xác, hợp lí, tinh tế
 - Ngôn ngữ tự nhiên, lời kể hấp dẫn
 - Kể xen miêu tả. Giọng kể giàu cảm xúc, chân thực, sinh động, đầy sức thuyết phục.
- * Kết bài:**
- Truyện đã thể hiện thật cảm động tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh
 - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, xây dựng tình huống bất ngờ, tự nhiên, hợp lí, cách miêu tả tính cách nhân vật đặc sắc, thể hiện tình cảm sâu sắc của tác giả: cảm thông, sẻ chia, trân trọng.

Tiết 2:

B. Luyện tập :

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số dạng đề cụ thể và phương pháp làm: Dạng 1: Nghị luận về một nhân vật trong tác phẩm truyện - Nhận diện dạng đề: Đề 1: <i>Cảm nhận</i> của em về nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long.	III. Các dạng bài cụ thể 1. Nghị luận về một nhân vật trong tác phẩm truyện

Đề 2: *Phân tích* nhân vật Vũ Nương trong TP "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ.

Đề 3: Suy nghĩ của em về nhân vật bé Thu trong truyện ngắn "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng.

- Hướng dẫn HS viết mở bài: đề 3

Cách 1: Nguyễn Quang Sáng là cây bút đa tài viết nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim. Ông hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam bộ. Nhắc đến ông ta không thể nhắc đến TP "Chiếc lược ngà". Truyện được viết năm 1966, thời điểm cuộc k/c chống Mỹ đang diễn ra ác liệt, sau này in trong tập truyện cùng tên của Nguyễn Quang Sáng. TP viết về tình cha con cảm động trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh, qua đó ngợi ca tình phụ tử thiêng liêng và tố cáo tội ác của chiến tranh. ND ấy được đặc biệt thể hiện ở nhân vật bé Thu – một cô bé cá tính, yêu cha mãnh liệt.

Cách 2: Tình cảm gia đình là một trong những đề tài được quan tâm nhiều trong các tác phẩm văn học trong giai đoạn chiến tranh. Bởi thế đã có không ít tác giả khai thác đề tài này. Một trong số đó phải kể đến Nguyễn Quang Sáng với truyện ngắn "Chiếc lược ngà". TP viết về tình cha con cảm động trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh, qua đó ngợi ca tình phụ tử thiêng liêng và tố cáo tội ác của chiến tranh. ND ấy được đặc biệt thể hiện ở nhân vật bé Thu – một cô bé cá

* **Mở bài:** Giới thiệu được về nhân vật cần nghị luận.

Cách 1: Giới thiệu tác giả (bằng 1, 2 ý tiêu biểu), tác phẩm (hoàn cảnh sáng tác, nội dung khái quát) → nhân vật cần nghị luận.

Cách 2: Khái quát vấn đề → nhân vật cần nghị luận.

Vũ Nương trong "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ.

Đề 2: Cảm nhận của em về sự gan dạ, dũng cảm của cô thanh niên xung phong Phương Định trong "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.

- GV hướng dẫn HS cách làm bài cụ thể với dạng đề này.

GV lấy VD cho việc lưu ý khi viết luận điểm 2: VD khi viết **đề 1** khi phân tích chủ đề cần viết như sau:

- Vẻ đẹp của nàng Vũ Nương trước hết được thể hiện ở hình thức...

- Không chỉ vậy, vẻ đẹp của nàng còn được nhà văn đặc biệt thể hiện ở phẩm chất, tâm hồn:

+ Trước hết đó là vẻ đẹp của một người vợ thủy chung, yêu chồng.

+ Đó còn là vẻ đẹp của người con dâu hiếu thảo.

+ Không chỉ vậy, vẻ đẹp của VN còn thể hiện là một người mẹ rất mực yêu con.

+ Vẻ đẹp ấy còn thể hiện ở việc nàng là một người phụ nữ coi trọng nhân phẩm, ân nghĩa.

* **Mở bài:** Nêu được chủ đề cần nghị luận.

- Cách 1: Tác giả → tác phẩm (chỉ nêu HCST) → chủ đề.

- Cách 2: Khái quát → Chủ đề.

* **Thân bài:**

- Luận điểm 1: Khái quát – giới thuyết luận đề.

- Luận điểm 2: Phân tích chủ đề.

Lưu ý:

+ Chỉ phân tích những gì liên quan đến chủ đề.

+ Phải gọi được tên chủ đề vào đầu luận điểm.

- Luận điểm 3: Đánh giá.

+ Nghệ thuật.

+ Chủ đề.

* **Kết bài:**

- Chốt lại chủ đề.

- Cảm nghĩ (tránh lặp lại với ý nghĩa chủ đề ở

	LĐ 3: đánh giá)
<p>Dạng 3: Nghị luận về một đoạn truyện:</p> <p>- Nhận diện dạng đề:</p> <p>Đề 1: Cảm nhận của em về đoạn văn sau trong truyện ngắn "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ:</p> <p><i>" Về đến nhà chàng la um lên cho hả giận..... nàng gieo mình xuống sông mà chết".</i></p> <p>Đề 2: Phân tích đoạn trích sau trong truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long: <i>"Anh thanh niên bật cười khanh khách.... những người khác đáng cho bác vẽ hơn".</i></p> <p>- GV hướng dẫn HS cách làm bài cho dạng đề này.</p> <p>GV lưu ý HS: <i>Cách làm phần phân tích giá trị NT:</i></p> <p>+ Cần tìm ra được những nét tiêu biểu về nghệ thuật của đoạn trích (nhà văn đã đặt nhân vật vào hoàn cảnh nào → phải chỉ rõ; nhân vật được xây dựng ntn → phải chỉ rõ)</p> <p>+ Phải có sự phân tích chứ không gọi thành tên như đánh giá nghệ thuật trong phân tích nhân vật hay phân tích chủ đề.</p>	<p>3. Nghị luận về một đoạn truyện</p> <p>* Mở bài:</p> <p>Giới thiệu tác giả (bằng 1, 2 ý tiêu biểu), tác phẩm (hoàn cảnh sáng tác, nội dung khái quát) → Đoạn trích mà đề yêu cầu cần nghị luận.</p> <p>* Thân bài: (đi phân tích trực tiếp đoạn trích)</p> <p>- Luận điểm 1: Phân tích.</p> <p>+ Giá trị nội dung đoạn trích.</p> <p>+ Giá trị nghệ thuật đoạn trích.</p> <p>- Luận điểm 2: Đánh giá ý nghĩa của đoạn trích trong việc góp phần tạo nên thành công</p>

	của tác phẩm, trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm. (Không đánh giá nghệ thuật).
--	--

Tiết 3:**Luyện tập :**

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV hướng dẫn HS làm dàn ý chi tiết một số đề.	- Lập được dàn ý chi tiết.

Đề 1: Hãy phân tích nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long. Nhân vật ấy giúp em hiểu thêm nét đẹp gì ở những con người lao động?

A – Mở bài:

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút văn xuôi đáng chú ý trong những năm 60 – 70, chỉ chuyên viết về truyện ngắn và kí. “Lặng lẽ Sa Pa” là một truyện ngắn nhẹ nhàng có cốt truyện đơn giản nhưng thật thú vị và ẩn chứa bên trong nhiều ý vị sâu sắc. Tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của những con người lao động bình thường mà cao cả, những con người đầy quan tâm, đầy trách nhiệm đối với đất nước mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác quan trắc khí tượng. Nhân vật anh thanh niên chỉ hiện ra trong chốc lát nhưng vẫn là điểm sáng nổi bật nhất của bức tranh về phẩm chất và tâm hồn tốt đẹp của con người mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc mà tác giả tập trung thể hiện.

B – Thân bài:**1. Hình ảnh anh thanh niên**

Anh không xuất hiện từ đầu mà chỉ hiện ra trong cuộc gặp gỡ chốc lát với bác lái xe, ông họa sĩ, cô gái trẻ khi xe của họ dừng lại nghỉ. Chỉ chốc lát nhưng cũng đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận một ấn tượng, một kí họa chân dung về anh, rồi dường như anh lại khuất lấp vào giữa mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở củ núi rừng Sa Pa.

Anh còn hiện ra qua cái nhìn và sự cảm nhận của các nhân vật khác, đặc biệt là ông họa sĩ già và anh cũng tự bộc lộ qua cuộc gặp gỡ ngắn ngủi với mọi người

* Hoàn cảnh sống và làm việc của anh thật đặc biệt.

- Quanh năm suốt tháng, anh sống một mình trên đỉnh núi cao, giữa cỏ cây và mây mù lạnh lẽo.

- Hơn nữa lại phải làm việc trong điều kiện khắc nghiệt. Công việc của anh là đo gió, đo mưa, tích mây, đo chấn động mặt đất góp phần vào việc dự báo thời tiết hàng

ngày, phục vụ sản xuất và chiến đấu.

→ Quả thực, điều kiện sống và làm việc đó là một thử thách lớn đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao hành động. Nhưng anh vẫn vượt qua được. Cái gì đã giúp anh vượt qua được hoàn cảnh ấy ? Đó là ý chí, nghị lực, những phẩm chất và sức mạnh bên trong của nhân vật đã giúp anh vượt lên tất cả để sống một cuộc đời đầy ý nghĩa.

* Anh thanh niên có những suy nghĩ và quan niệm đúng đắn về cuộc sống và công việc:

- Anh sống gắn bó với sự nghiệp của đất nước, rất có trách nhiệm với cuộc đời.
- Anh có những suy nghĩ rất đẹp về ý nghĩa của cuộc sống, về hạnh phúc trong đời.

Với anh hạnh phúc là trong công việc.

- Anh rất yêu công việc của mình.

→ Những suy nghĩ đẹp ấy khiến anh thêm yêu cuộc sống và con người xung quanh, “thấy cuộc đời đẹp quá!”, giúp anh có thêm nghị lực để sống một cuộc sống đẹp, đầy ý nghĩa, gắn bó với mọi người dù một mình đơn độc làm việc trên núi cao.

* Anh thanh niên còn là người biết hành động đẹp.

- Anh đã đề ra cho mình nhiệm vụ công tác và đã vượt mọi khó khăn thử thách để đạt được kết quả tốt nhất.

- Điều đáng quý là anh thanh niên nói rất thành thật.

* Anh thanh niên còn có phong cách sống rất đẹp

Anh tổ chức cuộc sống của mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, phong phú cả vật chất và tinh thần, một cuộc sống chủ động, làm chủ mình và có ích cho đời.

- Anh biết sống cho sự nghiệp chung lớn lao và cũng biết sống cho riêng mình. Anh trọng cái đẹp : anh trồng hoa, một vườn hoa đầy màu sắc.

- Anh còn đọc sách ngoài những giờ làm việc.

- Không chỉ say mê công việc, say mê đọc sách , anh thanh niên còn là một con người rất đáng mến ở sự cởi mở, chân thành với mọi người.

- Dù vậy, trong cuộc sống, anh là một người rất khiêm tốn, luôn đề cao người khác.

2. Nhân vật ấy giúp em hiểu thêm nét đẹp ở những con người lao động ở chốn Sa Pa :

Đó là hình ảnh những con người lao động mới với phong cách sống đẹp, suy nghĩ đẹp, sống có lý tưởng, quên mình vì cuộc sống chung, vô tư, lặng thầm, cống hiến hết mình cho đất nước, say mê, miệt mài, khẩn trương làm việc.

Họ có tấm lòng nhân hậu thật đáng quý, có tác phong sống thật đẹp. Cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp biết bao.

C – Kết bài:

Thế đấy, trong cái “lặng lẽ” của Sa Pa trên đỉnh Yên Sơn bốn mùa mây phủ mấy ai biết được có một chàng trai đang sống, đang âm thầm làm việc. Người cán bộ trẻ ấy được

Nguyễn Thành Long xây dựng khá sắc nét với những đặc điểm, suy nghĩ, hành động tích cực, một mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ hi sinh nhưng cũng thật trong sáng, đẹp đẽ. Những trang viết của Nguyễn Thành Long khiến ta thêm yêu con người và cuộc sống, thấy được trách nhiệm của mình với sự nghiệp chung của đất nước. Tâm hồn và những việc làm của anh thanh niên trong truyện đã gieo vào lòng em nhiều tình cảm, thôi thúc em muốn cống hiến, muốn làm gì đó có ích cho xã hội như như một nhà thơ đã nói: “Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”.

Đề 2: Phân tích truyện ngắn “Lặng lẽ sa pa” của Nguyễn Thành Long để thấy vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa và con người Sa Pa.

A - Mở bài:

- Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút văn xuôi truyện ngắn đáng chú ý trong văn học Việt Nam hiện đại. Ông là một cây bút cần mẫn trong lao động nghệ thuật, lại rất chú trọng trong thâm nhập thực tế. “LLSP” chính là kết quả của một chuyến đi thực tế của ông.

- Truyện được viết ra năm 1970, trong không khí cả nước đang hào hùng đánh Mỹ và quyết tâm thắng Mỹ, miền Bắc bên cạnh nhiệm vụ trực tiếp đánh Mỹ và chi viện trực tiếp cho Miền Nam còn phải đẩy mạnh công cuộc xây dựng CNXH làm cơ sở vững chắc để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

- Truyện đầy chất thơ: cái thơ mộng, vẻ huyền ảo lung linh của thiên nhiên Sa Pa quyện chặt với cái đẹp của tâm hồn con người - lớp trí thức trẻ đang ngày đêm lo nghĩ và làm việc hết mình cho đất nước, cho cách mạng. Chất thơ còn nằm trong vẻ đẹp của mối quan hệ giữa con người với nhau trong cách dựng truyện của tác giả, thấm đến từng chi tiết truyện.

B- Thân bài:

1. Giới thiệu cốt truyện, nhân vật

- “LLSP” có cốt truyện đơn giản, xoay quanh cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ già, cô kỹ sư trẻ với anh thanh niên làm công tác ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi nhưng đã để lại nhiều cảm xúc và ấn tượng tốt đẹp cho cô gái và ông họa sĩ già về những con người làm việc say mê mà thắm lặng cho đất nước mà tiêu biểu là anh thanh niên - nhân vật chính của truyện - trong cái lặng lẽ của Sa Pa, nơi mà người ta tưởng như chỉ có sự nghỉ ngơi.

- Các nhân vật phụ (ông họa sĩ, cô gái, bác lái xe) không chỉ tham gia vào câu chuyện mà còn góp phần làm nổi rõ nhân vật chính và chủ đề của truyện.

- Truyện có một chất thơ bàng bạc toát lên từ các chi tiết, từ khung cảnh thiên nhiên Sa Pa đẹp như những bức tranh và chất thơ ấy còn ở chính trong tâm hồn các nhân vật với những suy nghĩ, cảm xúc thật trong sáng, đẹp đẽ. Chất thơ của truyện lại đi liền với chất họa. Truyện cũng có thể xem là những bức tranh đẹp, những bức tranh về cảnh

thiên nhiên Sa Pa, về cuộc gặp gỡ giữa ba nhân vật và bức chân dung kí họa về nhân vật chính – anh thanh niên

2. Vẻ đẹp thiên nhiên Sa Pa

-Trước hết, ”LLSP” là một bức tranh thiên nhiên thơ mộng, huyền ảo, độc đáo làm say đắm lòng người.

- Vẻ đẹp Sa Pa bắt đầu bằng những rừng đào với những đường núi quanh co uốn lượn kề bên con thác trắng xóa.

- Sa Pa còn đẹp và thơ mộng hơn bởi những cánh đồng cỏ trong thung lũng, những đàn bò lang cổ đeo chuông đang thung thắt gặm cỏ

- Trong khung cảnh rộng lớn của thiên nhiên, đất trời, điểm xuyết những tia nắng thật kì lạ.

- Mây Sa Pa cũng được tác giả tả rất nhiều và rất lạ.

- Không chỉ có vậy, Sa Pa còn được tô điểm thêm những màu sắc tươi sáng của các loại cây lạ, và nhất là các loại hoa.

=>Phong cảnh Sa Pa đẹp biết nhường nào. Được ngắm nhìn thiên nhiên Sa Pa ta có cảm giác như được chiêm ngưỡng những tác phẩm hội họa lung linh, kì ảo. Con mắt nhìn tinh tế của trái tim nghệ sĩ biết yêu và rung động trước cái đẹp của Nguyễn Thành Long và bút pháp lãng mạn đã chọn lọc được những nét đẹp tiêu biểu của thiên nhiên Sa Pa, khơi gợi trong lòng ta một tình yêu quê hương đất nước.

3. Vẻ đẹp của con người Sa Pa

Truyện không chỉ là một bức tranh lãng mạn về cảnh đẹp thiên nhiên Sa Pa, mà còn ngợi ca những con người đang say mê lao động với lòng nhiệt huyết đáng trân trọng.

- Truyện ”LLSP” đưa ra bốn nhân vật: bác lái xe, ông họa sĩ, cô kĩ sư mới ra trường và anh thanh niên ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét. Anh thanh niên là nhân vật chính của truyện không chỉ xuất hiện ngay từ đầu truyện mà chỉ hiện ra trong cuộc gặp gỡ chốc lát giữa các nhân vật kia với anh, khi xe của họ dừng lại nghỉ. Nhân vật ấy chỉ hiện ra trong chốc lát, đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận một ấn tượng, một ”kí họa chân dung” về anh, rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. Nhân vật anh thanh niên hiện ra đủ để cho mọi người nhận được rằng ”Trong cái im lặng của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước.

a. Nhân vật anh thanh niên

- Hoàn cảnh sống và làm việc của anh khá đặc biệt.

- Điều gì đã giúp anh có thể vượt lên được hoàn cảnh ấy?

- + Trước hết đó là ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề, thấy được công việc thầm lặng ấy là có ích cho cuộc sống, cho mọi người.
- + Anh đã có những suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống của con người:
- + Cuộc sống của anh không cô đơn, buồn tẻ còn vì anh có một nguồn vui khác nữa ngoài công việc – đó là niềm vui đọc sách mà anh thấy như lúc nào cũng có người bạn để trò chuyện.

+ Anh tổ chức, sắp xếp cuộc sống một mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, chủ động; nào trồng hoa, nào nuôi gà, tự học và đọc sách ngoài giờ làm việc.

- Ở người thanh niên ấy còn có những nét tính cách và phẩm chất rất đáng mến.

=> Tóm lại, chỉ bằng một số chi tiết và chỉ cho xuất hiện trong khoảnh khắc của truyện, tác giả đã phác họa được chân dung nhân vật chính với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc

- Nhân vật anh thanh niên còn được hiện ra qua sự nhìn nhận, suy nghĩ, đánh giá của các nhân vật khác: bác lái xe, ông họa sĩ, cô gái. Qua cách nhìn và cảm xúc của mỗi người, hình ảnh anh thanh niên hiện ra thêm rõ nét và đáng mến hơn.

b. Bác lái xe: qua lời kể của nhân vật này, ông họa sĩ và cô gái trong truyện cũng như người đọc được kích thích sự chú ý, đón chờ sự xuất hiện của anh thanh niên – nhân vật chính của truyện mà theo lời của bác lái xe là “một trong những người cô độc nhất thế gian”. Cũng qua lời kể của bác mà ta biết được những nét sơ lược về nhân vật chính và nỗi “thèm” được gặp người của anh khi mới lên sống một mình trên đỉnh núi cao quanh năm lạnh lẽo chỉ có cỏ cây và mây mù...

c. Nhân vật ông họa sĩ già: Đây là nhân vật rất gần với quan điểm trần thuật của tác giả. Qua những quan sát, ý nghĩ của ông họa sĩ già - một người từng trải cuộc sống và am tường nghệ thuật – nhân vật chính hiện ra rõ nét và đẹp hơn đồng thời lại khơi gợi thêm nhiều khía cạnh ý nghĩa về cuộc sống, về nghệ thuật...

d. Nhân vật cô gái: Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, những điều anh nói, cả chuyện anh kể về những người khác đã khiến cô “bàng hoàng”, cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh” và quan trọng hơn nữa là về con đường mà cô đã lựa chọn, cô đang đi tới (việc lên công tác ở miền núi). Đây là cái “bàng hoàng” đáng lẽ cô phải biết khi yêu, nhưng bây giờ cô mới biết, nó còn giúp cô đánh giá đúng hơn mối tình nhạt nhẽo mà cô đã từ bỏ và yên tâm hơn về quyết định đó của mình. Đó là sự bừng dậy của những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi người ta gặp được những ánh sáng đẹp để tỏa ra từ cuộc sống, từ tâm hồn của người khác. Cùng với sự “bàng hoàng” ấy là một tình cảm hàm ơn với người thanh niên, không phải chỉ vì bó hoa to mà anh tặng cô một cách hết sức vô tư mà còn vì “một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ

mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô”

=> Tóm lại, thông qua những cảm xúc và suy nghĩ cùng thái độ cảm mến của các nhân vật phụ, hình ảnh nhân vật anh thanh niên được hiện ra càng rõ nét và đẹp hơn, gợi ra nhiều ý nghĩa như là đã được lọc qua thứ ánh sáng tâm hồn trong trẻo và rực rỡ khiến hình ảnh ấy rạng rỡ hơn, ánh lên nhiều sắc màu hơn. Đây là một thủ pháp nghệ thuật mà tác giả đã sử dụng thành công trong việc xây dựng nhân vật chính của truyện.

e. Ngoài ra, trong tác phẩm còn có những nhân vật không xuất hiện trực tiếp mà chỉ được giới thiệu gián tiếp, nhưng cũng góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm.

- Đó là ông kĩ sư vườn rau Sa Pa hàng ngày ngồi trong vườn chăm chú quan sát lấy mật của ong rồi tự tay thụ phấn cho hàng vạn cây su hào để hạt giống làm ra tốt hơn.

- Đó là anh cán bộ nghiên cứu đã 11 năm ròng túc trực chờ sét để lập bản đồ sét tìm tài nguyên cho đất nước.

- Họ tạo thành cái thế giới những con người như anh thanh niên ở trạm khí tượng, những con người miệt mài lao động khoa học trong lặng lẽ mà khấn trương vì lợi ích của đất nước, vì cuộc sống của mọi người.

* Khái quát, đánh giá

Truyện “LLSP” ngợi ca những con người lao động như anh thanh niên làm công tác khí tượng và cái thế giới những con người như anh. Tác giả muốn nói với người đọc: “Trong cái lặng im của Sa Pa (...), có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước”. Đồng thời qua câu chuyện về anh thanh niên, tác phẩm cũng gợi ra những vấn đề về ý nghĩa và niềm vui của lao động tự giác, vì những mục đích chân chính đối với con người: dù trong hoàn cảnh đơn độc giữa thiên nhiên vắng lặng quanh năm mà con người vẫn không cô đơn, buồn tẻ một khi người ta tìm thấy ý nghĩa của công việc và cuộc sống của mình.

C - Kết bài:

“Lặng lẽ Sa Pa” quả là một truyện ngắn đầy chất thơ của Nguyễn Thành Long. Nó ngân nga nhẹ nhàng thơ mộng trong ngòi bút tả cảnh với những bức tranh lung linh, kì ảo, nó đắm thắm âm áp, lắng sâu trong câu văn tả tình với những mẫu chuyện xúc động, đáng yêu. Cảnh mơ màng lung linh, còn con người như ta đã thấy, mỗi chân dung, mỗi lời nói, ý nghĩ, hành động đều như ngân lên những vang âm ngọt ngào, êm ái. Tất cả như làm nên cái chất thơ của con người, của cuộc sống. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu, âm thanh, êm ái như một bài thơ...

Đề 3: Cảm nhận về nhân vật ông Sáu trong đoạn trích « Chiếc lược ngà » của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

A. Mở bài :

- Truyện « Chiếc lược ngà » được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, tại chiến trường Nam Bộ trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt. Truyện

viết trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt nhưng lại tập trung nói về tình người - cụ thể ở đây là tình cha con trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Đặc biệt tình là tình cảm của ông Sáu - người cha cán bộ cách mạng đối với đứa con gái nhỏ - Bé Thu thật sâu sắc và cảm động.

B. Thân bài :

1. Tóm tắt qua về cuộc đời của ông Sáu : Ông Sáu là một nông dân Nam Bộ giàu lòng yêu nước đã tham gia hai cuộc kháng chiến (đánh Pháp và đánh Mĩ), và đã anh dũng hi sinh. Ông Sáu là một người cha hi sinh cả cuộc đời để gìn giữ tình cha con bất diệt. Vì cuộc chiến đấu chung của dân tộc, ông Sáu đã mang vết sẹo trên mặt, đã hi sinh cả vẻ đẹp của một thời trai trẻ. Đây là nỗi đau thể xác. Một ngày về thăm nhà, ông lại phải trải qua nỗi đau về tinh thần : đứa con gái duy nhất ông hằng mong nhớ, không chịu nhận ông cha, không một lời gọi « ba ». Cho đến phút cuối cùng trước lúc chia tay, ông mới được hưởng hạnh phúc của người cha. Nhưng phút ấy ngắn ngủi quá. Để rồi cuối cùng ông vĩnh viễn phải xa con. Ông đã ngã xuống lặng thầm mà không một lời trăng trối, không một nắm mồ, không bia mộ...

2. Trong những ngày về phép thăm nhà.

- Ra đi đánh giặc từ năm 1946, mãi đến năm 1954 hoà bình lập lại, ông mới được về phép thăm nhà và quê hương một vài ngày. Ngày ra đi bộ đội, đứa con gái bé bỏng thân yêu của ông mới lên một tuổi, ngày về thì con bé đã tám, chín tuổi. *Cái khao khát của một người lính sau những năm dài vào sinh ra tử trở lại quê hương, được gặp lại vợ con, được nghe con cất tiếng gọi « ba » một tiếng cũng không được trọn vẹn. Đó là bi kịch thời chiến tranh.*

+ Gặp lại con sau nhiều năm xa cách với bao nỗi nhớ thương nên ông Sáu không kìm được nỗi vui mừng trong phút đầu nhìn thấy đứa con. Ông vừa bước, vừa khom người đưa tay chờ đón con”, có lẽ ông rất vui, rất xúc động và hạnh phúc, tin rằng đứa con sẽ đến với mình. Nhưng bé Thu đã từ chối, chạy và kêu thét lên gọi má. Ông Sáu vô cùng buồn bã, thất vọng, đau đớn.

+ Trong hai ngày phép ngắn ngủi, ông Sáu không đi đâu chỉ quanh quẩn ở nhà với con, chăm sóc con nhưng bé Thu không nhận cha khiến ông vô cùng buồn.nhưng ông sẵn lòng tha thứ cho con. Tình yêu thương của người cha dành cho con trở nên bất lực khi ông Sáu đánh con bé một cái vào mông vì nó đã hất miếng trứng cá mà ông gấp ra khỏi bát cơm làm cơm văng tung toé.....Bom đạn giặc đã làm thay đổi hình hài ông. Vết sẹo dài trên má phải - vết thương của chiến tranh – đã làm cho đứa con gái thương yêu, bé bỏng không nhận ra bóng dáng người cha nữa !

- Cho đến lúc chia tay vợ con lần thứ hai để bước vào một cuộc chiến đấu mới, ông mới được một khoảnh khắc hạnh phúc khi đứa con gái ngây thơ chợt nhận ra ba mình và kêu thét lên: “Ba..... ba!”. Trước cử chỉ của bé Thu, “anh Sáu một tay ôm

con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”. Đó là giọt nước mắt sung sướng, hạnh phúc của một người cha cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình. Và ông Sáu đã ra đi với nỗi thương nhớ vợ con không thể nào kể xiết.

3. *Tình cảm của ông Sáu với con đã được thể hiện phần nào trong chuyện về phép thăm nhà, nhưng biểu hiện tập trung và sâu sắc ở phần sau của truyện, khi ông Sáu ở trong rừng tại khu căn cứ.*

- Trước hết là nỗi nhớ thương xen lẫn sự day dứt, ân hận ám ảnh ông suốt nhiều ngày vì ông đã đánh con khi nóng giận. Ông Sáu đúng là một người cha hiền lành, nhân hậu, biết nâng niu tình cảm cha con. Mang lời hẹn ước của con gái ra đi : “*Ba về, ba mua cho con một cây lược ngà nghe ba!*” đã thúc đẩy ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà dành cho con. Ông quả là một người cha chiều con và luôn biết giữ lời hứa với con, đó là biểu hiện tình cảm trong sáng và rất sâu nặng

- Kiếm được khúc ngà, anh vui sướng như đứa trẻ được quà, rồi để hết tâm trí, công sức vào việc làm cây lược, cưa răng, chuốt bóng, khắc chữ... tỉ mỉ, cần mẫn, công phu. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân - nghệ nhân chỉ sáng tạo một tác phẩm duy nhất trong cuộc đời. Cho nên nó không chỉ là chiếc lược xinh xắn và quý giá mà đó là chiếc lược kết tụ tất cả tình phụ tử mộc mạc mà đậm thắm, sâu xa, đơn sơ mà kì diệu làm sao! Cây lược ngà ấy chưa trải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng ông. Nó trở thành vật thiêng, an ủi ông, nuôi dưỡng trong ông tình cha con và sức mạnh chiến đấu. Hằng đêm, ông đã nhìn ngắm chiếc lược, cố mài lên mái tóc, cho chiếc lược thêm bóng, thêm mượt. Tác giả không miêu tả rõ song người đọc vẫn hình dung cái kỉ vật nhỏ bé mà thân thương ấy, mỗi ngày một đẹp lên, trắng ngà, toả sáng lung linh. Đó là biểu tượng trắng trong, quý giá, bất diệt của tình cha con giữa ông Sáu và bé Thu. Chiếc lược nhỏ bé mà thiêng liêng đã làm dịu nỗi ân hận và ánh lên niềm hi vọng khắc khoải sẽ có ngày anh Sáu được gặp lại con, trao tận tay nó món quà kỉ niệm này.

- Nhưng tình cảnh thật đáng thương, anh không kịp đưa cây lược ngà đến tận tay cho con, người cha ấy đã hi sinh trong một trận càn. Trước khi vĩnh biệt con, ông Sáu vẫn nhớ chiếc lược, đã chuyển nó cho người bạn như một cử chỉ chuyển giao sự sống, một sự uỷ thác, là ước nguyện cuối cùng của người bạn thân: ước nguyện của tình phụ tử. Điều đó đúng như ông Ba nói: “chỉ có tình cha con là không thể chết được”. Đó là điều trắng trời không lời, nó rõ ràng và thiêng liêng hơn cả một lời di chúc.

=> Hình ảnh ông Sáu, hình ảnh người cha trong chuyện “Chiếc lược ngà” là hình ảnh sâu nặng về tình cha – con. Ông Sáu quả là một người cha chịu nhiều thiệt thòi nhưng vô cùng độ lượng và tận tụy vì tình yêu thương con, một người cha để bé Thu suốt đời yêu quý và tự hào. Chiếc lược ngà với dòng chữ mãi mãi là kỉ vật, là nhân chứng về nỗi đau, về bi kịch đầy máu và nước mắt đã để lại nhiều ám ảnh bi thương

trong lòng ta. Ông Sáu là người lính của một thể hệ anh hùng mở đường đi trước đã nếm trải nhiều thử thách, gian khổ và hi sinh.

C. Kết bài

Câu chuyện về chiếc lược ngà làm người đọc cảm động vì tình cha con thấm thiết, đẹp đẽ. Nhưng cảm động hơn nữa, nó còn khiến cho ta nghĩ đến những đau thương, mất mát, éo le mà con người phải gánh chịu vì cuộc chiến tranh. Ông Sáu đã hi sinh trong những ngày đen tối và gian khổ. Ngôi mộ ông là “ngôi mộ bằng” giữa rừng sâu. Nhưng chỉ có tình cha con là không thể chết được.

Đề 4: Cảm nhận tình yêu làng quê thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến ở nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.

A. Mở bài:

Kim Lân là nhà văn hiện đại Việt Nam có sở trường về truyện ngắn. Ông vốn am hiểu sâu sắc và gắn bó với nông thôn và người nông dân. Vì thế, ông được xem là nhà văn của nông thôn, của người dân quê Việt Nam với những vẻ đẹp mộc mạc và đậm đà. Ra đời vào năm 1948 - thời kì đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, “Làng” của Kim Lân đã xây dựng rất thành công hình tượng người nông dân thời kì Cách mạng mà tình yêu làng quê đã hoà nhập trong lòng yêu nước và tinh thần của người dân kháng chiến. Ông Hai Thu - nhân vật chính của truyện có những nét tình cảm cao đẹp và đáng quý đó.

B. Thân bài:

*** Tình yêu làng nói chung**

- Ở mỗi người nông dân, quả thực tình yêu làng quê là bản chất có tính truyền thống. Yêu làng, gắn bó với làng, tự hào về làng của mình vốn là tâm lý rất quen thuộc có tính gốc rễ. Vậy nên, người nông dân thường tự hào, hãnh diện về làng:

Làng ta phong cảnh hữu tình

Dân cư giang khúc như hình con long

*** Luận điểm 1: Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi đi tản cư.**

- Cũng như bao con người Việt Nam khác ông Hai cũng có một quê hương để yêu thương, gắn bó. Làng chợ Dầu luôn là niềm tự hào, kiêu hãnh của ông. Kháng chiến bùng nổ, người dân phải xa làng đi tản cư, ông Hai cũng theo dòng người ấy sơ tán đến một miền quê xa xôi, heo lánh. Ông Hai thực sự buồn khi phải xa làng. Ở nơi tản cư, lòng ông đau đáu nhớ quê, cứ “ nghĩ về những ngày làm việc cùng anh em”, ông nhớ làng quá. Ông Hai luôn khoe và tự hào về cái làng Dầu không chỉ vì nó đẹp mà còn bởi nó tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc. Ông luôn tìm cách nghe tin tức về kháng

chiến “chẳng sót một câu nào”. Nghe được nhiều tin hay, những tin chiến thắng của quân ta, ruột gan ông cứ múa cả lên, náo nức, bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc.

*** Luận điểm 2: Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc:**

- Nhưng khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc thì bao nhiêu tình cảm tốt đẹp ấy trong ông Hai bỗng nhiên biến thành những nỗi lo âu, dằn vặt.

+ Khi nghe tin quá đột ngột, ông Hai sững sờ, xấu hổ và uất ức: “cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”. Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông còn cố chưa tin cái tin ấy”. Nhưng rồi những người tản cư đã kể rành rọt quá, lại khẳng định họ “vừa ở dưới ấy lên” làm ông không thể không tin. Niềm tự hào về làng thế là sụp đổ tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Cái mà ông yêu quý nhất nay cũng đã lại quay lưng lại với ông. Không chỉ xấu hổ trước bà con mà ông cũng tự thấy ông mất đi hạnh phúc của riêng ông, cuộc đời ông cũng như chết mất một nửa.

+ Từ lúc ấy trong tâm trí ông Hai chỉ còn có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó thành một nỗi ám ảnh day dứt. Ông tìm cách lảng tránh những lời bàn tán và cúi gằm mặt xuống ra về. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông “cúi gằm mặt mà đi”, về đến nhà ông nằm vật ra giường, rồi tủi thân nhìn đàn con, “nước mắt ông lão cứ giàn ra”. Bao nhiêu câu hỏi dồn về xoắn xuýt, bủa vây làm tâm trạng ông rối bời trong cơn đau đớn, hụt hẫng đến mê dại, dờ dẩn và gay gắt.. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy.

+ Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu. Ông quanh quẩn ở nhà, nghe ngóng tình hình bên ngoài. “Một đám đông tùm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam -nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”

+ Nhưng chính lúc này, tình cảm đẹp trong con người ông Hai lại càng được bộc lộ rõ hơn bao giờ hết. Những đau đớn, dằn vặt, sự hổ thẹn đến tột cùng đã đẩy ông Hai vào một tình huống phải lựa chọn. Quê hương và Tổ Quốc, bên nào nặng hơn? Quê hương đáng yêu, đang tự hào... Nhưng giờ đây.... dường như mới chỉ nghĩ tới đó, lòng ông Hai đã nghẹn ắng lại. Tình yêu quê hương và tình yêu tổ quốc xung đột dữ dội trong lòng ông. Một ý nghĩ tiêu cực thoáng qua trong đầu: Hay là quay về làng. Nhưng rồi ông cảm thấy “rợn cả người”. Ông đã từng nhớ làng da diết, từng ao ước được trở về làng. Nhưng “vừa chớm nghĩ, lập tức ông lão phản đối ngay” bởi vì “về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ”. Cuối cùng ông đã quyết định: “không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Như vậy, tình yêu làng dầu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu, cũng không thể mạnh hơn tình yêu đất nước.

+ Chuẩn mực cho tình yêu và niềm tự hào về quê hương, đối với ông Hai lúc bấy giờ là cuộc kháng chiến. Tuy đau xót tưởng chừng bế tắc nhưng trong cõi thẳm sâu của tấm lòng, người nông dân ấy vẫn hướng về kháng chiến, vẫn tin ở những điều tốt đẹp, cố giữ cho tâm hồn không vẩn đục, để đón đợi một điều gì đỡ đau đớn, tuyệt vọng hơn.

+ Khi tâm sự với đứa con nhỏ còn rất ngây thơ, nghe con nói: “Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”, nước mắt ông Hai cứ giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má, giọng ông như nghẹn lại: “ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ?”. Phải chăng, trong tâm hồn người nông dân chất phác ấy vẫn không phút nào nguôi ngoai nỗi nhớ quê hương, yêu quê hương và nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương rời xa công việc chiến đấu chung của đất nước bấy giờ? Tâm sự với đứa con, ông Hai muốn bảo con nhớ câu “nhà ta ở làng chợ Dầu”. Đồng thời ông nhắc con- cũng là tự nhắc mình “ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”. Tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng thật sâu nặng, bền vững và thiêng liêng: *“Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai”*.

*** Luận điểm 3: Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng kháng chiến (Niềm vui của ông Hai khi tin đồn được cải chính).**

- Đến khi biết đích xác làng Dầu yêu quý của ông không phải là làng Việt gian, nỗi vui mừng của ông Hai thật là vô bờ bến: “Ông cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người”, mặt ông “tươi vui, rạng rỡ hẳn lên”. Đối với người nông dân, căn nhà là cơ nghiệp của cả một cuộc đời, vậy mà ông sung sướng hể hả loan báo cho mọi người biết cái tin “Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ” một cách tự hào như một niềm hạnh phúc thực sự của mình. Đó là nỗi lòng sung sướng trào ra hồn nhiên như không thể kìm nén được của người dân quê khi được biết làng mình là làng yêu nước đầu cho nhà mình bị giặc đốt. Tình yêu làng của ông Hai thật là sâu sắc và cảm động.

- So với lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao trước cách mạng tháng Tám, rõ ràng ta thấy ông Hai có những điểm tiến bộ vượt bậc trong nhận thức, tâm hồn, tình cảm và tính cách. Đó chính là nhờ vào đường lối giác ngộ cách mạng của Đảng, Bác Hồ mà học có được. Lão Hạc và ông Hai có những điểm tính cách khác nhau nhưng họ vẫn có những phẩm chất của những người nông dân giống nhau, đều hiền lành, chất phác, lương thiện. Khi cách mạng tháng Tám thành công đã đem đến sự đổi đời cho mỗi người nông dân. Từ một thân phận nô lệ phụ thuộc họ trở thành một người tự do làm chủ cuộc đời, làm chủ đất nước. Từ đó đã củng cố và làm nền tảng vững chắc cho tình yêu quê hương, đất nước, trở thành một tình cảm vững bền, thiêng liêng sâu nặng, nồng cháy. => Trong hoàn cảnh toàn dân đang hướng tới cuộc kháng chiến chống pháp, bảo vệ độc lập dân tộc, ông Hai đã biết đặt tình yêu đất nước lên trên tình yêu cá nhân của mình với làng chợ Dầu, ông dành tất cả cho cách mạng. Đó

chính là nét đẹp trong con người ông Hai nói riêng và người nông dân Việt Nam nói chung.

- Văn hào I li a, E ren bua có nói: ...” *Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu đồng quê trở nên lòng yêu tổ quốc.* Ông Hai đúng là một con người như thế. Niềm vui, nỗi buồn của ông đều gắn bó với làng. Lòng yêu làng của ông chính là cội nguồn của lòng yêu nước.

*** Luận điểm 4: Nghệ thuật xây dựng nhân vật ông Hai**

- Nhà văn Kim Lân đã khá thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai, một lão nông cần cù, chất phác, yêu mến, gắn bó với làng quê như máu thịt.

+ Nhà văn đã chọn được một tình huống khá độc đáo là sự thử thách bên trong bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

+ Tâm lý nhân vật được nhà văn miêu tả cụ thể, gợi cảm qua các diễn biến nội tâm, qua các ý nghĩ, cảm giác, hành vi, ngôn ngữ. Đặc biệt là nhà văn đã diễn tả đúng và gây được ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật.

C. Kết bài:

Qua truyện ngắn “Làng”, tác giả đã khắc họa thành công hình tượng một người nông dân yêu làng, yêu nước hồn nhiên chất phác nhưng xúc động. Hình tượng nhân vật ông Hai vừa phản ánh chân thực

III. củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học.
- Giao bài tập về nhà: Chọn một đề viết thành bài văn hoàn chỉnh.

BUỔI 15	Ngày soạn: Ngày dạy:
----------------	---------------------------------------

LUYỆN TẬP NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN, ĐOẠN TRÍCH

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Mục tiêu:

- Giúp HS củng cố các kiến thức về yêu cầu viết bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).
- Biết cách tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

2. Kỹ năng

- Rèn luyện các kỹ năng tìm hiểu đề, tìm ý, làm dàn ý, kỹ năng viết bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

3. Thái độ : Có ý thức học tập bộ môn.

4. Năng lực: HS biết cách tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- Gv HDHS hệ thống kiến thức đã học về cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (đoạn trích)	I. Lý thuyết : 1. Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể. ... Các nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích trong bài nghị luận phải rõ ràng, đúng đắn, có luận cứ và lập luận chặt chẽ, thuyết phục. 2. Dàn ý chung - Mở bài: + Giới thiệu về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, + Nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình. - Thân bài: Nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm theo một trình tự nhất định, (phân tích, giải thích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực, trong tác phẩm và những tác phẩm khác). - Kết bài: Nêu nhận định, đánh giá chung của mình về tác phẩm truyện

<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS định hướng yêu cầu của đề, cách làm bài: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu bài + Vấn đề Nghị luận + Yêu cầu + Phạm vi dẫn chứng - GV hướng dẫn lập dàn ý chi tiết. - HS thực hiện theo nhóm (theo cặp) - GV gọi một số nhóm trình bày dàn ý, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) - GV nhận xét, chốt dàn ý. - GV lưu ý HS các nhiệm vụ của 3 phần MB, TB, KB. Đặc biệt lưu ý HS những nội dung cần làm rõ của phần thân bài để HS ghi nhớ. 	<p>II. Bài tập.</p> <p>Đề 1: Truyện ngắn làng của Kim Lân gọi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp.</p> <p>Dựa vào đoạn trích trong Ngữ văn 9, tập một, để trình bày ý kiến của em</p> <p>1. Tìm hiểu đề :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bài: Nghị luận về tác phẩm truyện (đoạn trích) (Dạng bài trình bày ý kiến về tác phẩm truyện (đoạn trích) - Vấn đề nghị luận: <i>những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp qua truyện ngắn « Làng » của Kim Lân</i> - Yêu cầu: Nêu ý kiến - Phạm vi dẫn chứng: Truyện ngắn “Làng” <p>2. Lập dàn ý :</p> <p>A- Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu vấn đề Nghị luận. <p>B- Thân bài</p> <p>* Khái quát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện ngắn <i>Làng</i> sáng tác năm 1948 trong thời kì đầu kháng chiến chống Pháp. Tác phẩm tập trung đi khai thác tình cảm cao đẹp của toàn dân tộc: tình cảm yêu quê hương đất nước. Với người nông dân thời đại cách mạng và kháng chiến thì tình yêu làng xóm, quê hương đã hoà nhập trong tình yêu nước, tinh thần kháng chiến. Tình cảm đó vừa có tính truyền thống vừa có những chuyển biến mới. - Thành công của nhà văn Kim Lân là đã diễn tả tình cảm, tâm lí chung ấy trong sự thể hiện sinh động và độc đáo ở một con người, nhân vật ông Hai. Ở ông Hai tình cảm chung đó mang rõ màu sắc riêng, in rõ cá tính chỉ riêng chỉ ông mới có. <p><u>a. Trước hết, tình yêu làng, một bản chất có tính truyền thống trong ông Hai.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu làng, gắn bó với làng, tự hào về làng của mình vốn là tâm lý rất quen thuộc có tính gốc rễ của người nông dân. - Với ông Hai, ông hay khoe về làng, đó là niềm tự hào sâu sắc về làng quê. - Cái làng Chợ Dầu với ông Hai có một ý nghĩa cực kì quan trọng trong cả đời sống vật chất và tinh thần. Bởi làng chợ Dầu vốn là nơi ông sinh ra, nơi ông chôn rau cắt rốn, gắn bó suốt mấy chục năm nay. <p><u>b. Sau cách mạng, đi theo kháng chiến, ông đã có những chuyển biến mới trong tình cảm.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Hai luôn khoe và tự hào về cái làng Dầu không chỉ vì nó giàu đẹp mà còn bởi nó tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc. - Ông luôn tìm cách nghe tin tức về kháng chiến “chẳng sót một câu nào”. Nghe được nhiều tin hay, những tin chiến thắng của quân ta, ruột gan ông cứ múa cả lên, náo nức, bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc
---	---

trong đầu óc.

c. Tình yêu làng gắn bó sâu sắc với tình yêu nước của ông Hai bộc lộ sâu sắc khi ông nghe tin làng mình theo giặc.

- Khi nghe tin quá đột ngột, ông Hai sững sờ, xấu hổ và uất ức: “cô ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”.

- Về đến nhà ông nằm vật ra giường, rồi tủi thân nhìn đàn con, “*chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư?*”, rồi “nước mắt ông lão cứ giàn ra”. Bao nhiêu câu hỏi dồn về xoắn xuýt, bủa vây làm tâm trạng ông rối bời trong cơn đau đớn, hụt hẫng đến mê dại.

- Ba bốn ngày sau, ông không dám ra ngoài. Cái tin nhục nhã ấy choán hết tâm trí ông thành nỗi ám ảnh khủng khiếp. ...

- Tình cảm yêu nước và yêu làng còn thể hiện sâu sắc trong cuộc xung đột nội tâm gay gắt: Đã có lúc ông muốn quay về làng vì ở đây tủi hổ quá, vì bị đẩy vào bế tắc khi có tin đồn không đâu chứa chấp người làng chợ Dầu. Nhưng tình yêu nước, lòng trung thành với kháng chiến đã mạnh hơn tình yêu làng nên ông đã đi đến quyết định dứt khoát: “*Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù*”. Nói cứng như vậy nhưng thực lòng ông đau như cắt. Có thể nói đây là nét chuyển biến mới trong tâm lí của người nông dân thời kì kháng chiến chống Pháp.

- Tình cảm đối với kháng chiến, đối với cụ Hồ được bộc lộ một cách cảm động nhất khi ông chúi nỗi lòng vào lời tâm sự với đứa con út ngây thơ. Những lời tâm sự của ông với con thực chất là những lời ông tự nhủ với chính mình, giải bày nỗi lòng mình nhằm khẳng định: Tình yêu sâu nặng đối với làng chợ Dầu; đồng thời cũng khẳng định lòng thủy chung, trung thành với CM, với kháng chiến mà biểu tượng là cụ Hồ.

d. Khi cái tin kia được cải chính, gánh nặng tâm lí tủi nhục được trút bỏ, ông Hai tốt cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu.

- Đến khi biết đích xác làng Dầu yêu quý của ông không phải là làng Việt gian, nỗi vui mừng của ông Hai thật là vô bờ bến: “Ông cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người”, mặt ông “tươi vui, rạng rỡ hẳn lên”. Đối với người nông dân, căn nhà là cơ nghiệp của cả một cuộc đời, vậy mà ông sung sướng hả hê loan báo cho mọi người biết cái tin “Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí “*Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước*” của người nông dân lao động bình thường.

3. Đánh giá nghệ thuật :

- Tác giả đặt nhân vật vào những tình huống thử thách bên trong để nhân vật bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

- Miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại.

Ngôn ngữ của Ông Hai vừa có nét chung của người nông dân lại vừa

<p>- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề 2</p> <p>? Xác định yêu cầu của đề ? Dạng đề ? Phạm vi dẫn chứng ?</p> <p>- GV hướng dẫn HS xây dựng dàn ý cho dạng bài..</p> <p>- HS ghi bài, ghi nhớ cách làm.</p> <p>- GV cần lưu ý HS cách làm của dạng bài này : nhiệm vụ của 3 phần MB, TB , KB so sánh với đề 1 để HS ghi nhớ.</p>	<p>mang đậm cá tính nhân vật nên rất sinh động.</p> <p>C- Kết bài:</p> <p>- Qua nhân vật ông Hai, người đọc thấm thía tình yêu làng, yêu nước rất mộc mạc, chân thành mà vô cùng sâu nặng, cao quý trong những người nông dân lao động bình thường.</p> <p>- Sự mở rộng và thống nhất tình yêu quê hương trong tình yêu đất nước là nét mới trong nhận thức và tình cảm của quần chúng cách mạng mà văn học thời kháng chiến chống Pháp đã chú trọng làm nổi bật. Truyện ngắn Làng của Kim Lân là một trong những thành công đáng quý.</p> <p>Đề 2: Phân tích nhân vật ông Hai trong đoạn trích sau: <i>“Ông lão ôm thẳng con út lên lòng, vỗ nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:</i> <i>.....</i> <i>Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi</i> <i>được đôi phần.”</i> <i>(Trích Làng - Kim Lân, Ngữ văn lớp 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.169 - 170)</i></p> <p>1. Tìm hiểu đề :</p> <p>- Kiểu bài: Nghị luận về tác phẩm truyện (đoạn trích) (Dạng bài nghị luận về 1 đoạn của tác phẩm truyện (đoạn trích))</p> <p>- Vấn đề nghị luận: <i>nhân vật ông Hai qua đoạn truyện ông Hai trò chuyện với cu Húc trong truyện ngắn « Làng » của Kim Lân</i></p> <p>- Yêu cầu: Phân tích</p> <p>- Phạm vi dẫn chứng: Truyện ngắn “Làng” (Tập trung vào đoạn trích truyện)</p> <p>2. Lập dàn ý :</p> <p>2.1. MB:</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm</p> <p>- Nêu vấn đề nghị luận và giới hạn nghị luận.</p> <p>2.2. TB:</p> <p>a. <i>Khái quát tình huống truyện, vị trí đoạn trích.</i> b. <i>Phân tích đoạn trích - cuộc trò chuyện giữa ông Hai với thằng cu Húc.</i></p> <p>* Đầu tiên ông ôm nhẹ nó vào lòng, khẽ vỗ nhẹ vào lưng nó hỏi: Húc kia, con là con ai? Thế nhà ta ở đâu?</p> <p>- Ông hỏi con về nhà: Ông muốn khắc ghi vào lòng con “Chợ Dầu” là quê hương, là nơi chôn rau cắt rốn mà không ai được phép quên. Nói với con điều ấy, ông Hai tự khẳng định tình yêu của mình với làng chợ Dầu. Đó là nơi ông sinh ra, gắn bó với ông biết bao vui buồn, thăng trầm</p> <p>* Rồi ông Hai hỏi con tiếp: “Con có thích về làng Chợ Dầu ko?”</p> <p>- Lời hỏi ấy của ông Hai ta cảm nhận được nỗi nhớ làng của ông. Cái tin làng ông theo tây đã khiến ông đau đớn tủi hổ. Vì thế nỗi nhớ làng, tình yêu làng làm sao ông dám bày tỏ cùng ai khi nó đã mang danh là làng theo Tây</p> <p>* Câu hỏi tiếp theo của ông Hai:</p>
--	---

	<p>- À thấy hỏi con nhé, con ủng hộ ai? Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:</p> <p>- Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm.</p> <p>=> Câu trả lời của thằng con như nói hộ lòng ông, cởi bỏ mọi bế tắc trong nội tâm ông. Ngôi làng ấy là máu thịt, gắn bó với ông suốt mấy chục năm qua là sa ông không khỏi đau đớn khi buộc phải đưa ra sự lựa chọn. Vì vậy, Kim Lân đã rất tinh tế khi để ông Hai thủ thủ lòng mình: “Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh con nhỉ”</p> <p>- Lời thủ thủ đó chính là ông Hai tự mình oan cho mình, khẳng định sự lựa chọn đau đớn nhưng đây dứt khoát. Những suy nghĩ của ông Hai đã cho thấy tấm lòng thủy chung của ông với kháng chiến, với cách mạng mà ủng hộ cụ Hồ là biểu tượng cho điều đó</p> <p>- Tấm lòng thủy chung, với kháng chiến, với cách mạng của ông Hai thật sâu sắc, bền chặt, thiêng liêng “có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai”</p> <p>c. Ý nghĩa đoạn trích:</p> <p>+ Lời tâm sự với đứa con út phần nào vơi bớt nỗi lòng của ông Hai. Đồng thời, ông muốn khắc sâu tình yêu làng, yêu nước trong trái tim bé bỏng của con trai ông.</p> <p>+ Lời tâm sự của ông Hai thể hiện thiêng liêng, sâu nặng với làng Chợ Dầu và tấm lòng chung thủy với kháng chiến, với Cách mạng của ông Hai.</p> <p>d. Giá trị nghệ thuật</p> <p>- Lời kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ.</p> <p>- Ngôi bút phân tích tâm lí sắc sảo.</p> <p>- Kết hợp hài hòa ngôn ngữ độc thoại, đối thoại</p> <p>- Hình ảnh, chi tiết giàu sức gợi.</p> <p>2.3. KB:</p> <p>- Ông Hai tiêu biểu cho tầng lớp nông dân thời kì kháng chiến chống Pháp.</p> <p>- Qua nhân vật ông Hai trong tác phẩm nói chung và trong cuộc trò chuyện với thằng cu Húc nói riêng, tác giả muốn biểu đạt một cách thấm thía, xúc động tình yêu làng, yêu nước sâu sắc của người nông dân trong kháng chiến chống Pháp.</p>
--	---

Tiết 2.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề 3</p> <p>? Xác định yêu cầu của đề ?</p> <p>Dạng đề ?</p> <p>Phạm vi dẫn chứng ?</p>	<p>Đề 3.</p> <p>Vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong “<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>” của Nguyễn Thành Long.</p> <p>1. Tìm hiểu đề :</p> <p>- Kiểu bài: Nghị luận về tác phẩm truyện (đoạn trích)</p> <p>(Dạng bài nghị luận về một nhân vật trong tác phẩm truyện (đoạn trích)</p> <p>- Vấn đề nghị luận: <i>vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn « Lặng lẽ Sa Pa » của Nguyễn Thành Long</i></p> <p>- Yêu cầu: Không có yêu cầu cụ thể</p>

<p>- GV hướng dẫn lập dàn ý chi tiết.</p> <p>- HS làm việc cá nhân.</p> <p>- GV gọi một số HS trình bày dàn ý, các bạn khác nhận xét, bổ sung (nếu có)</p> <p>- GV nhận xét, chốt dàn ý, định hướng nội dung cơ bản của đề bài :</p> <p>(Mở bài : có nhiệm vụ gì ? Thân bài : cần triển khai những nội dung nào ? (khi triển khai về đẹp của nhân vật cần chú ý những vẻ đẹp nào ? và sắp xếp theo trình tự nào ?) Kết bài cần làm gì ?).</p>	<p>- Phạm vi dẫn chứng: Truyện ngắn « Lặng lẽ Sa Pa » của Nguyễn Thành Long</p> <p>2. Lập dàn ý :</p> <p>2.1.Mở bài</p> <p>- Giới thiệu: tác giả Nguyễn Thành Long và truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa”</p> <p>- Giới thiệu nhân vật anh thanh niên và nhận xét, đánh giá khái quát về nhân vật.</p> <p>2. 2. Thân bài</p> <p>* Giới thiệu khái quát về nhân vật</p> <p>- Anh thanh niên là nhân vật trung tâm của truyện, nhưng chỉ sau lời giới thiệu của bác lái xe anh mới xuất hiện. Và anh cũng chỉ xuất hiện trong 30 phút ngắn ngủi nhưng đã đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận một ấn tượng, một “kí họa chân dung” về anh.</p> <p>- Anh có hoàn cảnh sống và làm việc hết sức khó khăn, gian khổ.</p> <p>+ Anh sống một mình “<i>trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, bốn bề chỉ có cây và quanh năm cây và mây mù lạnh lẽo</i>”. Phải làm việc vào lúc nửa đêm, phải đối mặt với cái giá rét như cắt da cắt thịt của vùng núi cao.</p> <p>+ Phải đối mặt với sự cô đơn, nỗi “thèm người”</p> <p>* Về đẹp của nhân vật</p> <p>- Anh có lí tưởng sống đẹp: tự nguyện lên miền núi nhận công tác, gắn mình với công tác khí tượng trên đỉnh núi cao, làm việc trong hoàn cảnh đặc biệt như vậy. Anh biết làm chủ bản thân, làm chủ hoàn cảnh sống của mình...</p> <p>- Có tình yêu nghề và tinh thần trách nhiệm cao với công việc</p> <p>+ Công việc của anh: “<i>đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất và chiến đấu</i>”. Không nặng nhọc nhưng gian khổ, đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác và tinh thần trách nhiệm cao.</p> <p>+ Công việc gian khổ nhưng anh lại rất yêu nghề. Anh thấy công việc thầm lặng của mình có ích cho Tổ quốc, anh đã tìm thấy niềm vui trong công việc, coi công việc như người bạn, là nguồn vui của cuộc sống, anh tìm thấy mối dây liên mật thiết giữa công việc của anh, cuộc sống của anh với mọi người.</p> <p>+ Yêu nghề tới mức mê say nên anh có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, có những suy nghĩ đẹp và đúng đắn về công việc, về hạnh phúc</p> <p>- Biết tạo ra một cuộc sống nền nếp, gọn gàng, đẹp và thơ mộng</p> <p>+ Một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm...; một vườn hoa nhỏ, một chuồng gà và hàng rào bao quanh càng khiến cho khung cảnh vừa trở nên bình dị, gần gũi vừa rất thi vị, phong phú về vật chất và tinh thần.</p> <p>+ Anh biết tạo ra những niềm vui đích thực và ý nghĩa. Anh đọc sách hàng ngày. Sách giúp anh ở gần hơn với con người, với cuộc sống, với đất nước</p> <p>- Luôn cởi mở, chân thành và quan tâm tới người khác</p> <p>+ Anh kể cho ông họa sĩ, cô kĩ sư nghe về công việc, tâm sự với họ về cuộc sống của mình và những người bạn ở Sa Pa lặng lẽ.</p> <p>+ Anh hái bó hoa rực rỡ sắc màu để tặng người con gái chưa hề quen biết, biểu vợ bác lái xe củ tam thất bởi anh nghe nói “<i>bác gái vừa mới ốm dậy</i>”,</p>
---	---

	<p>pha trà mời khách. Trước khi chia tay anh còn biếu ông họa sĩ và cô kĩ sư làn trứng để ăn đường.</p> <p>- Đức tính khiêm tốn đáng trân trọng</p> <p>+ Anh cũng cho rằng sự đóng góp của mình thật nhỏ bé, thấy ngại trước lời ngợi ca của bác lái xe.</p> <p>+ Anh thấy vẫn chưa bằng người bố vì chưa được đi bộ đội, trực tiếp cầm súng chiến đấu. Đối với anh, những người chiến sĩ trên chiến trường mới thực sự là anh hùng.</p> <p>+ Anh khâm phục những người như ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa hay anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét.</p> <p>* Nghệ thuật xây dựng nhân vật</p> <p>+ Tác giả xây dựng tình huống bất ngờ, hợp lí. Tạo ra tình huống ấy, tác giả còn để cho nhân vật chính hiện lên trực tiếp qua lời nói, hành động, suy nghĩ và tiếp gián qua cảm xúc và ấn tượng của các nhân vật khác, từ đó khai thác được hết nét đẹp của nhân vật.</p> <p>+ Nhà văn đã kết hợp tự sự với trữ tình và những ý kiến bình luận, giúp nâng cao ý nghĩa cũng như làm nổi bật chiều sâu của nhân vật.</p> <p>+ Cũng như những tác phẩm khác của mình, Nguyễn Thành Long viết “Lặng lẽ Sa Pa” với một văn phong hết sức nhẹ nhàng, đầy chất thơ. Cốt truyện đơn giản, những chi tiết chân thực tinh tế, giàu chất hội họa.</p> <p>+ Ngôi kể thứ ba nhưng toàn bộ điểm nhìn đều dưới con mắt nhà họa sĩ vừa tinh tế, nhạy cảm, vừa từng trải, sâu sắc. Nhờ vậy truyện có chiều sâu suy tưởng lại thể hiện được tình cảm, suy nghĩ của nhà văn.</p> <p>* Đánh giá</p> <p>+ Thành công của nhà văn là khám phá ra nét đẹp con người trong thời đại mới. Anh thanh niên chính là hình ảnh điển hình của người lao động mới, của thế hệ trẻ Việt Nam trong giai đoạn chống Mỹ: giản dị, chân thành, giàu lý tưởng; âm thầm cống hiến, lặng lẽ hi sinh cho đất nước.</p> <p>+ Hình ảnh anh thanh niên giúp mỗi người suy nghĩ về bổn phận, trách nhiệm của mình: Hòa bình không có nghĩa là nghỉ ngơi, là hưởng thụ mà còn phải tiếp tục làm việc, tiếp tục cống hiến để xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn... .</p> <p>2. 3. Kết bài :</p> <p>- Khẳng định giá trị, ý nghĩa của tác phẩm và hình tượng nhân vật.</p> <p>- Liên hệ ...</p>
--	--

Tiết 3.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề 3	<p>Đề 4. Cảm nhận về nhân vật Phương Định qua đoạn truyện sau:</p> <p><i>Văng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khối đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các</i></p>

anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cử đàng hoàng mà bước tới.

.....
Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái, đến vàng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo, Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xẻ không khí, lao và rít vô hình trên đầu.

(Lê Minh Khuê, theo Ngữ văn 9, tập hai, NXB GDVN, 2017, tr. 117-118)

? Xác định yêu cầu của đề ?
 Dạng đề ?
 Phạm vi dẫn chứng ?

1. Tìm hiểu đề :

- Kiểu bài: Nghị luận về tác phẩm truyện (đoạn trích)
 (Dạng bài nghị luận về một đoạn trích truyện trong tác phẩm truyện (đoạn trích)
- Vấn đề nghị luận: ***nhân vật Phương Định qua lần phá bom đầy nguy hiểm trong truyện ngắn « Những ngôi sao xa xôi » của Lê Minh Khuê***
- Yêu cầu: Cảm nhận
- Phạm vi dẫn chứng: ***truyện ngắn « Những ngôi sao xa xôi » của Lê Minh Khuê***

2. Lập dàn ý :

2.1. Mở bài :

- Giới thiệu nhà văn Lê Minh Khuê, tác phẩm : “Những ngôi sao xa xôi”
- Truyện kể về 3 nữ TNXP Nho, chị Thao, Phương Định làm công tác trinh sát mặt đường trên một trọng điểm của tuyến đường Trường Sơn. Trong đó, có nhân vật Phương Định, một cô gái Hà Nội đã để lại nhiều cảm xúc nơi người đọc với những phẩm chất vô cùng cao đẹp. Vẻ đẹp ấy của phương định được thể hiện rõ nét qua đoạn văn....

2.2. Thân bài :

- a. Khái quát** hoàn cảnh ra đời: truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê sáng tác năm 1971 lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.
- Vị trí nội dung của đoạn văn: Đoạn văn trên nằm ở phần giữa tác phẩm khuet lại khung cảnh và công việc phá bom của Phương Định và hai nữ đồng đội ở một cao điểm trên đường Trường Sơn . Qua đó làm nổi bật vẻ đẹp của Phương Định nhất là lòng dũng cảm của cô trong lần phá bom đầy nguy hiểm
- b. Cảm nhận về nhân vật PĐ**
- * Luận điểm 1: Trước hết là hoàn cảnh sống và chiến đấu của Phương Định vô cùng gian khổ và nguy hiểm:**
 - Phương định cùng hai người đồng đội sống...
 - Công việc của cô là hàng ngày phai chạy trên cao điểm.....Đặc biệt vùng đất nơi cô làm nhiệm vụ phá bom vô cùng nguy hiểm bởi sự khốc liệt của chiến tranh, không khí

- GV hướng dẫn lập dàn ý chi tiết.
- HS thực hiện theo nhóm (theo cặp)
- GV gọi một số nhóm trình bày dàn ý, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)
- GV nhận xét, chốt dàn ý.
- GV cần lưu ý HS cách làm của dạng bài này : nhiệm vụ của 3 phần MB, TB , KB để HS ghi nhớ

nơi đây thì vắng lặng, cây còn lại xơ xác, đất nóng, khói đen thì vờ vờ thành từng cụm,....

=> Đó là một hiện thực đầy khốc liệt, đầy mùi chiến tranh, không có màu xanh của sự sống, chỉ thấy tử thần luôn rình rập.

*** Luận điểm 2: Tuy sống trong hoàn cảnh nguy hiểm ấy của chiến tranh nhưng ở PD luôn toát lên những phẩm chất vô cùng cao đẹp, đáng trân trọng**

- Phương Định là một cô gái có tình cảm tha thiết đối với đồng đội, nhất là với các chiến sĩ lái xe trên con đường mòn vào mặt trận, các chiến sĩ ở các cao điểm gần nơi mà các cô công tác.
- Là một cô gái xuất thân từ Hà Nội, lãng mạn, giàu xúc cảm, cho nên, khi làm công việc phá bom, Phương Định không tránh khỏi cảm xúc bình thường ở nơi con người: cô cảm thấy hồi hộp, căng thẳng và có chút sợ hãi.
- Lúc đến gần quả bom :

+ Trong không khí căng thẳng và vắng lặng đến rợn người cô có chút sợ hãi, đi khom, nhưng sau đó cảm thấy ánh mắt của các chiến sĩ đang rời theo mình thì cô không sợ nữa, không đi khom nữa , lòng tự trọng của cô đã chiến thắng nỗi sợ hãi

- Và khi đã ở bên quả bom, kề sát với cái chết có thể đến tức khắc, từng cảm giác của cô như cũng trở nên sắc nhọn hơn và căng như dây đàn : « thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi, tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí ! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành ». Thân chết nằm chực ở đó chờ phút ra tay. Cô tự nhủ mình phải nhanh hơn, mạnh hơn nữa, cô không được phép chậm chễ một giây.
- . Sau đó « tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mình xuống cái lỗ đã đào, chôn ngòi, khoả đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình »
- Tiếp đó là cảm giác căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom. Trong lúc chờ đợi căng thẳng ấy cô đã tự hỏi: liệu mình có nổ, bom có nổ không ? Không thì làm cách nào để chôn mình lần thứ hai ?
- Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thanh trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu. Bốn quả bom đã nổ. Thắng rồi ! Nhưng một đồng đội đã bị bom vùi ! Máu túa ra từ cánh tay Nho, túa ra, ngấm vào đất. Da xanh, mắt nhắm nghiền, quần áo đầy bụi... ». Nhưng không ai được khóc trong giờ phút rất cần sự cứng cỏi của mỗi người.
- Cái công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim ấy không chỉ đến một lần trong đời mà đến hàng ngày, là công việc thường ngày của Phương Định cùng đồng đội : « Quen rồi. Một ngày

<p>- Gv chốt lại cho HS các dạng bài nghị luận về tác phẩm truyện, đoạn trích và ở mỗi dạng bài HS cần làm như thế nào để HS ghi nhớ.</p>	<p>tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít : ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. » , cô luôn cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ thật tốt .</p> <p>- <i>Liên hệ với tác phẩm</i> : “Khoảng trời hồ bom” của Lâm Thị Vĩ Dạ .</p> <p><u>c. Đánh giá nghệ thuật :</u></p> <p>- Bằng cách lựa chọn ngôi kể phù hợp: Ngôi kể thứ nhất – Phương là người kể chuyện, đồng thời là nhân vật chính</p> <p>- Cách kể chuyện tự nhiên, có sự đan xen giữa hiện tại và hồi tưởng quá khứ</p> <p>- Nghệ thuật xây dựng nhân vật, nhất là miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.</p> <p>- Ngôn ngữ giản dị, vừa mang tính khẩu ngữ vừa đậm chất trữ tình.</p> <p>- Câu văn ngắn, nhịp điệu dồn dập, gợi không khí chiến trường.</p> <p>=> Qua đó truyện đã làm nổi bật vẻ đẹp của 3 nữ TNXP . Họ là hình ảnh tiêu biểu cho những nữ thanh niên xung phong thời kì kháng chiến chống Mỹ, tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam yêu nước, dũng cảm, bất khuất hiên ngang vượt qua mọi khó khăn thử thách để góp phần vào chiến thắng vĩ đại của dân tộc 30/04/1975, làm nên huyền thoại trên tuyến đường Trường Sơn.</p> <p>2.3. Kết bài :</p> <p>+ Phương Định, một hình tượng đẹp, có ý nghĩa tiêu biểu về người thanh niên Việt Nam trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Cùng với những hình tượng nghệ thuật khác như hình tượng anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa, người chiến sĩ lái xe trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính... thì nhân vật Phương Định đã góp phần phong phú hóa hình tượng cao đẹp của con người Việt Nam trong chiến đấu.</p> <p>+ Ý nghĩa : Khơi gợi trong lòng người đọc sự khâm phục , niềm tự hào về vẻ đẹp của con người VN trong lịch sử đặc biệt là tuổi trẻ VN trong kháng chiến chống Mỹ :</p> <p>“ Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước Mà lòng phơi phới dậy tương lai”</p> <p>+ Liên hệ, suy nghĩ của bản thân</p>
---	---

III. Củng cố - Dặn dò

- Học bài, nắm vững kiến thức cơ bản về cách làm bài văn về tác phẩm truyện (đoạn trích) và hoàn thành viết 4 đề văn trên hoàn chỉnh

Ngày soạn:
BUỔI 16:

Ngày dạy:

ÔN TẬP TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM
VĂN BẢN : NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

- Lê Minh Khuê-

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Học sinh được củng cố và nâng cao những kiến thức về văn bản: "Những ngôi sao xa xôi".

2. Kỹ năng: qua tiết ôn tập, học sinh được rèn luyện các kỹ năng:

- Cảm thụ tác phẩm
- Nghị luận về các vấn đề trong tác phẩm

3. Thái độ, phẩm chất:

- Trân trọng những phẩm chất: dũng cảm, tình yêu nước và sự hi sinh của lớp người đi trước cho cuộc sống hòa bình hôm nay.
- Biết rèn luyện bản thân hướng tới những giá trị tích cực trong cuộc sống.

4. Năng lực:

- HS được phát triển năng lực hợp tác, tư duy độc lập, phân tích, tổng hợp và phát hiện vấn đề.
- Nâng cao năng lực nghị luận về một tác phẩm văn học.

II. Tiến trình lên lớp:

A. HT kiến thức cơ bản:

Hoạt động của GV- HS	Kiến thức cần đạt
?Nhắc lại những hiểu biết của em về tác giả?	<p>I- Kiến thức chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lê Minh Khuê, sinh năm 1949, quê Tỉnh Gia – Thanh Hoá - Là thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. - Thuộc thế hệ nhà văn thời kỳ chống Mỹ, bắt đầu viết văn vào đầu những năm 70. - Những sang tác của bà có sự chuyển biến rõ nét qua hai giai đoạn: <ul style="list-style-type: none"> + Trước 75: Viết về cuộc sống, chiến đấu của TNXP, bộ đội trên đường Trường Sơn. + Sau 75: Viết về những chuyển biến đời sống XH và con người trên tinh thần đổi mới. - Sở trường: Viết về truyện ngắn với ngòi bút miêu tả kinh tế, đặc sắc (đặc biệt là nhân vật nữ). - Phong cách sáng tác: Truyện ngắn của Lê Minh Khuê thể hiện một ngòi bút dung dị, giàu nữ tính; một

<p>Nhắc lại thông tin về: ? Hoàn cảnh sáng tác văn bản?</p> <p>? Ý nghĩa nhan đề văn bản?</p> <p>? Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?</p>	<p>giọng điệu đa sắc thái: khi thì tự hào, ngợi ca; khi lại mỉa mai, châm biếm; lúc lại trữ tình, suy tư; ngôn ngữ mang màu sắc trong trẻo.</p> <p>- Tác phẩm chính: Cao điểm màu hạ (1978); Đoàn kết (1980); Bi kịch nhỏ (1993); Một mình qua đường (tập truyện – 2006).</p> <p>2. Tác phẩm:</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>- Truyện “Những ngôi sao xa xôi” là một trong những tác phẩm đầu tay của nhà văn Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.</p> <p>- Tác phẩm được đưa vào tuyển tập “Nghệ thuật truyện ngắn thế giới” và xuất bản ở Mỹ.</p> <p>b. Ý nghĩa nhan đề văn bản:</p> <p>- “Những ngôi sao xa xôi” vừa mang ý nghĩa cụ thể, vừa gợi đến ý nghĩa tượng trưng:</p> <p>+ Nó gắn liền với hình dung, tưởng tượng của Phương Định về những ngọn đèn trên quảng trường thành phố và những ngọn đèn đỏ lung linh như những ngôi sao trong truyện cổ tích về xứ sở thần tiên chợt hiện lên trong cảm xúc của Phương Định.</p> <p>+ “Những ngôi sao” thường nhỏ bé, không dễ nhận ra, và ở lại ở một vị trí xa xôi, vì thế nó đòi hỏi phải khám phá, kiếm tìm mới phát hiện được vẻ đẹp sức cuốn hút của nó.</p> <p>+ “Những ngôi sao” gợi vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng, mơ mộng và lãng mạn của những thiếu nữ Hà thành trẻ trung, xinh đẹp.</p> <p>+ “Những ngôi sao xa xôi” là ước mơ, khát vọng về một cuộc sống hòa bình giữa khoảnh khắc bàng hoàng của bom đạn, chiến tranh, dường như trở nên xa xôi.</p> <p>+ “Những ngôi sao” còn là biểu tượng cho vẻ đẹp sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong tâm hồn của những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn nói riêng và chống Mỹ nói chung: lạc quan, yêu đời, dũng cảm, kiên cường.</p> <p>“Những ngôi sao xa xôi” là một nhan đề đậm chất lãng mạn, đặc trưng cho văn học Việt Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước.</p> <p>c. Giá trị nội dung:</p> <p>Truyện “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” của Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần</p>
---	---

<p>? Nêu những nét chính về nhân vật Phương Định?</p> <p>? Nhắc lại những hiểu biết của em về ba cô TNXP trong tác phẩm: những điểm chung và nét riêng?</p>	<p>dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.</p> <p>d. Giá trị nghệ thuật:</p> <p>Truyện “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” của Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.</p> <p>II. Kiến thức trọng tâm:</p> <p>1. Nhân vật Phương Định:</p> <p>a. Hoàn cảnh xuất thân: là một cô gái Hà Nội, xinh xắn</p> <p>b. Hoàn cảnh sống và chiến đấu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sống trong hang, dưới chân cao điểm, nơi tập trung nhiều bom đạn, rất nguy hiểm. - Công việc: hằng ngày quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu những vị trí bom chưa nổ và phá bom. <p>c. Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần dũng cảm, thái độ bình tĩnh vượt lên mọi hiểm nguy. - Có tình đồng đội, đồng chí nồng ấm. - Hồn nhiên trong sáng, giàu mơ mộng: <p>2. Ba cô TNXP:</p> <p>a. Những điểm chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chung nhiệm vụ, chung hoàn cảnh sống và chiến đấu. - Họ đều có những phẩm chất tốt đẹp: dũng cảm, lạc quan, hồn nhiên, có trách nhiệm cao với công việc, tình đồng chí, đồng đội gắn bó (tham khảo phần 1.c - phẩm chất của Phương Định) <p>b. Những nét riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật Phương Định: <ul style="list-style-type: none"> + là cô gái Hà Nội, xinh xắn, trẻ trung, hồn nhiên. + Cô thích hát dân ca, hay bịa lời cho những bài hát. + Có tâm hồn nhạy giàu mơ mộng. - Nhân vật Thao: <ul style="list-style-type: none"> + Đây là cô gái lớn tuổi nhất trong nhóm, là đội
---	---

	<p>trường tổ trình sát mặt đường.</p> <p>+Chị thích thêu thùa, thích hát dù toàn hát sai lời, sai nhạc, thích làm đẹp, hay tỉa tóc lông mày nhỏ như cái tăm, cương quyết, mạnh mẽ, táo bạo. Chị không sợ bom đạn, chỉ đạo công việc dứt khoát nhưng lại rất sợ máu và vết.</p> <p>- Nhân vật Nho: nhỏ nhẹ, dịu dàng, duyên dáng " như một que kem trắng"</p>
--	--

II- Luyện tập:

GV chia lớp thành bốn nhóm, mỗi nhóm thảo luận một bài tập, sau đó trình bày:

DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

“Chúng tôi có ba người. Ba cô gái. Chúng tôi ở trong một hang dưới chân cao điểm. Con đường qua trước hang, kéo lên đồi, đi đến đâu đó, xa ! Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lẫn lộn. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất...”

Đọc đoạn văn trên và thực hiện các yêu cầu sau :

Câu 1: Đoạn trích trên được trích trong tác phẩm nào ? Tác giả ?

Câu 2: “*Chúng tôi*” ở đoạn trích trên là những nhân vật nào ? Họ làm những công việc gì? Nêu những nét đẹp chung trong tính cách của những nhân vật ấy.

Câu 3: Xét theo cấu tạo, câu văn “ Ba cô gái” thuộc kiểu câu gì?

Câu 4: Trong đoạn văn tác giả sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Câu 5: Em có nhận xét gì về hoàn cảnh sống của ba cô gái trong đoạn trích?

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Đoạn trích thuộc tác phẩm “*Những ngôi sao xa xôi*”, tác giả Lê Minh Khuê.

Câu 2:

- “*Chúng tôi*” gồm những nhân vật : Phương Định, Nho và Thao. Họ làm nhiệm vụ trinh sát mặt đường ở một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Công việc của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom.

- Những nét đẹp chung trong tính cách của những nhân vật này: sự hồn nhiên, trong sáng, dũng cảm, lạc quan.

Câu 3: Xét theo cấu tạo, câu văn “ Ba cô gái” thuộc kiểu câu đặc biệt.

Câu 4: Trong đoạn văn tác giả sử dụng biện pháp tu từ liệt kê: “ *những thân cây bị tước khô cháy*”, “*những cây nhiều rễ nằm lẫn lộn*”, “*những tảng đá to*”, “*một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất...*”

Phép liệt kê đã làm rõ khung cảnh hoang tàn nơi tuyến đường Trường Sơn, qua đó cho thấy sự khốc liệt của chiến tranh.

Câu 5: Hoàn cảnh sống của ba cô gái :

- Ba cô gái ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, giữ một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhiều nhất bom đạn, sự nguy hiểm và ác liệt, từng ngày từng giờ phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ. Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc: “Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lằn lóc. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất”. Đó là hiện thực đầy mùi chiến tranh, không có màu xanh của sự sống, chỉ thấy thân chết luôn rình rập.

=> Hoàn cảnh sống của họ rất gian khổ, khắc nghiệt, đầy nguy hiểm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: *“Việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Người ta gọi chúng tôi là tổ trinh sát mặt đường. Cái tên gọi sự khát khao làm nên những sự tích anh hùng. Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản. Chúng tôi bị bom vùi luôn. Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng trắng lóa lên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là “những con quỷ mắt đen”.*

Câu 1: Đoạn văn trên là lời kể của ai? Kể về điều gì? Nêu phương thức biểu đạt của đoạn văn?

Câu 2: Câu: “Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là “những con quỷ mắt đen” dùng biện pháp tu từ gì? Biện pháp tu từ ấy giúp chúng ta hiểu gì về các nhân vật?

Câu 3: Câu văn trên gọi liên tưởng đến những câu thơ nào trong bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật? Vì sao?

Câu 4: *“Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh”*. Cách đặt câu văn có gì đặc biệt?

Câu 5: Chỉ ra hai phép liên kết trong đoạn văn?

Câu 6: Viết đoạn văn quy nạp nêu cảm nghĩ của em về nhân vật “tôi”. Trong đoạn có sử dụng phép thế và một thành phần biệt lập.

Câu 7: Từ tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi” trình bày suy nghĩ của em về lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay (Bài viết khoảng nửa trang giấy thi)

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1: Đoạn văn trên là lời kể của nhân vật chính - Phương Định. Cô kể về công việc có nhiều khó khăn, gian khổ, hiểm nguy của mình và đồng đội mình. Phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả.

Câu 2: Câu văn dùng biện pháp ẩn dụ, nói quá, so sánh. Cụ thể đây là kiểu ẩn dụ hình thức. Biện pháp tu từ này giúp chúng ta hiểu thêm về tinh thần lạc quan của các cô gái trong hoàn cảnh khốc liệt của cuộc chiến tranh. Họ tự vẽ chân dung ngộ nghĩnh của mình để vui cười .

Câu 3: Câu văn trên làm ta liên tưởng đến câu thơ của Phạm Tiến Duật: “Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”. Bởi giống nhau ở tinh thần ngạo nghễ trước lao lung, ở cốt cách kiên cường và lòng lạc quan trong chiến đấu.

Câu 4: “*Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh*”. Câu văn trên là câu rút gọn chủ ngữ

Câu 5: Hai ít nhất phép liên kết trong đoạn văn:

- Phép lặp(bom, chúng tôi), phép nối(do đó), phép thế(cái tên, những lúc đó),
- Phép liên tưởng(bom-tổ trinh sát mặt đường- anh hùng- cao điểm),
- Phép trái nghĩa(hai con mắt lấp lánh>< khuôn mặt nhem nhuốc)

Câu 6:

- Hình thức: Đoạn văn quy nạp, sử dụng phép thế, một câu cảm thán, và từ ngữ dùng làm phép thế.

- Nội dung: Làm nổi bật nhân vật Phương Định với những nét tính cách: Vô tư, hồn nhiên, nhạy cảm, yêu đời, ...dũng cảm, gan dạ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, chăm sóc, yêu quý, gắn bó với đồng đội., tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời chống Mỹ cứu nước.

* Đoạn văn tham khảo:

Phương Định - trong truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê, **sáng tác năm 1971**, là nữ thanh niên xung phong có nhiều phẩm chất đáng quý. **Cũng như** các cô gái thanh niên xung phong khác, Phương Định sống và chiến đấu trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm, nơi tập trung nhiều bom đạn nhất, sự nguy hiểm và ác liệt. Công việc: cùng đơn vị nữ thanh niên xung phong hằng ngày quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu những vị trí bom chưa nổ và phá bom. Mỗi ngày, có thể phải phá bom từ 3 đến 5 lần. Phương Định là cô gái Hà Thành trẻ trung, xinh đẹp, tâm hồn trong sáng. Phương Định là nữ thanh niên xung phong dũng cảm, can trường, tinh thần trách nhiệm cao. Vào đây mới được ba năm, một khoảng thời gian không dài nhưng cũng đủ để cô quen với bom đạn chiến đấu và hi sinh. Cô nói về công việc của mình: “ Việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom” . Đó là những công việc hết sức nguy hiểm nhưng được cô nói gọn gàng, nhẹ nhàng, giản dị mà cũng thật anh hùng. Công việc đủ gian khổ và nguy hiểm, nhưng với Phương Định được sống và chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc, cô coi đó là trách nhiệm, nghĩa vụ là niềm hạnh phúc của tuổi trẻ khi được hiến dâng cuộc đời mình cho đất nước.

Phương Định là cô gái giàu tình cảm, giàu tình đồng chí, đồng đội. Từ già Thủ đô yêu dấu để vào với Trường Sơn, Phương Định luôn dành tình yêu thương, sự quan tâm cho những người đồng đội. Tóm lại, với việc chọn ngôi kể thứ nhất, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, trẻ trung đầy nữ tính, giàu tính khẩu ngữ, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, chân thực, đời thường...Lê Minh Khuê đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc về nhân vật Phương Định.

Câu 7:

* Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận

* Thân đoạn:

- Giải thích: Lí tưởng sống là lẽ sống, mục đích cao nhất của cuộc sống mà mỗi người hướng tới.

- Bàn luận:

+ Vì sao mỗi người cần có lí tưởng sống?

. Có lí tưởng, con người sẽ có hướng phấn đấu để vươn lên.

. Lí tưởng sống cao đẹp là điều kiện để con người sống có ý nghĩa; giúp con người hoàn thiện vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách.

. Người sống có lí tưởng sống cao đẹp sẽ mang lại nhiều giá trị, giúp ích cho cộng đồng, xã hội đất nước.

+ Biểu hiện của lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay

. Ra sức học tập, nâng cao kiến thức và rèn luyện kĩ năng.

. Phát triển kinh tế, làm giàu cho gia đình, quê hương đất nước(các chiến sĩ canh giữ biên giới, hải đảo)

+ Đánh giá, mở rộng vấn đề:

. Đánh giá: Lí tưởng sống là điều cần thiết đối với mỗi người, đặc biệt đối với người trẻ,

. Mở rộng vấn đề: Một bộ phận không nhỏ trong giới trẻ Việt Nam hiện nay đang sa đà vào ăn chơi, hưởng thụ rất ích kỉ, sống không có mục tiêu, lí tưởng. Chúng ta cần lên án và loại bỏ tư tưởng này.

- Liên hệ bản thân: Là học sinh, em cần làm gì để sống một cuộc đời có ý nghĩa?

* **Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: (...) *Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ. Tôi ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bỏ ra mà cười một mình.*

Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì

các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!” (...)

(Lê Minh Khuê – Sách Ngữ văn 9, tập 2)

Câu 1: Những câu văn này được rút từ tác phẩm nào? Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ấy. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2: Chỉ rõ phép liên kết hình thức được sử dụng trong đoạn văn?

Câu 3: Xác định câu có lời dẫn trực tiếp và câu đặc biệt, khởi ngữ trong đoạn trích trên.

Câu 4: Giới thiệu ngắn gọn (*không quá nửa trang giấy thi*) về nhân vật tôi trong tác phẩm đó.

Câu 5: Chỉ rõ biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn và nêu tác dụng?

Câu 6: Nhân vật “tôi” trong đoạn trích là ai? Qua đoạn văn em có cảm nhận gì về nhân vật đó?

Câu 7: Kể tên một tác phẩm khác viết về người chiến sĩ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 9 và ghi rõ tên tác giả.

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1:

- Những câu văn này được rút trong tác phẩm “*Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê. Đây là một trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

- Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Tự sự

Câu 2:

- Phép lặp: “Tôi”, “tôi là”

- Phép nối: “ còn”

Câu 3:

- Câu có lời dẫn trực tiếp : ...Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo : “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!” (...)

- Câu đặc biệt trong đoạn trích : Im ắng lạ.

- Khởi ngữ “ mắt tôi”.

Câu 4: Truyện “*Những ngôi sao xa xôi*” được trần thuật từ ngôi thứ nhất. Người kể chuyện cũng là nhân vật chính: nhân vật “tôi” (Phương Định). Cô và các đồng đội của mình đã sống và chiến đấu ở trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm của tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhiều bom đạn nguy hiểm nhất.

Phương Định là một cô gái Hà Nội, có một thời học sinh hồn nhiên, vô tư bên người mẹ trong một căn buồng nhỏ ở một đoạn đường phố yên tĩnh trong những ngày thanh bình trước chiến tranh. Những kỷ niệm ấy luôn sống lại trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn của cô trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường.

Vào chiến trường đã ba năm, đã quen với thử thách, giáp mặt hàng ngày với cái chết, nhưng cô vẫn không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những mơ ước về tương lai. Cô gái nhạy cảm, hồn nhiên này hay mơ mộng và thích hát. Phương Định cũng yêu mến những đồng đội trong tổ và trong cả đơn vị của mình, đặc biệt cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những người chiến sĩ mà hằng đêm cô gặp trên trọng điểm của con đường vào mặt trận.

Phương Định nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Cô tự đánh giá : “Tôi là con gái Hà Nội... Một cô gái khá ... Có hai bím tóc dày, mềm ... một cái cổ cao, kiêu hãnh... một đôi mắt xa xăm...”.

Công việc của cô nơi chiến trường hết sức nguy hiểm. Sau mỗi trận bom, cô phải lao ra trọng điểm, đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và dùng những khối thuốc nổ đặt vào cạnh nó để phá. Đó là một công việc phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự bình tĩnh và dũng cảm. Nhưng với cô, công việc ấy đã trở thành việc thường ngày.

Hình ảnh Phương Định được nhà văn miêu tả sinh động, tinh tế. Đó là hình ảnh một cô gái thanh niên xung phong tiêu biểu cho những người thanh niên Việt Nam thời chống Mỹ.

Câu 5: - Biện pháp tu từ so sánh -> để nhấn mạnh vẻ đẹp thanh thoát, có phần kiêu kì của Phương Định.

Câu 6: Nhân vật “tôi” trong đoạn trích là Phương Định. Qua đoạn văn có thể thấy Phương Định là một cô gái khá xinh đẹp, tự ý thức được giá trị của bản thân, lạc quan yêu đời.

Câu 7: Tác phẩm viết về người chiến sĩ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 9:

Về truyện :

- “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng
- Một trong những nhân vật chính là Thu – một cô giao liên thời kháng chiến chống Mỹ.

Về thơ :

- “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật
- Nhân vật trữ tình trong bài thơ : người chiến sĩ lái xe vận tải quân sự trên đường mòn Trường Sơn thời chống Mỹ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi: .. “*Những cái xảy ra hàng ngày: máy bay rít, bom nổ. Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét. Đất dưới chân chúng tôi rung. Máy cái khăn mặt mắc ở dây cũng rung. Tất cả, cứ như lên cơn sốt. Khói lên, và cửa hang bị che lấp. Không thấy mây và bầu trời đâu nữa.*”

Chị Thao cầm cái thước trên tay tôi, nuốt nốt miếng bích quy ngon lành: “ Định ở nhà. Lần này nó bỏ ít, hai đĩa đi cũng đủ”, rồi kéo tay áo Nho, vác xẻng lên vai và đi ra cửa.

Tôi không cãi chị. Quyền hạn phân công là ở chị. Thời gian bắt đầu căng lên. Trí não tôi cũng không thua. Những gì đã qua, những gì sắp tới... không đáng kể nữa. Có gì lý thú đâu, nếu các bạn tôi không quay về?...Điện thoại réo. Đại đội trưởng hỏi tình hình. Tôi nói như gắt vào máy:

- Trinh sát chưa về!

Không hiểu vì sao mình không gắt nữa.”

(Ngữ văn 9, tập II, NXB Giáo Dục,

2010)

Câu 1: Nêu ngắn gọn nội dung đoạn trích?

Câu 2: Tìm hai câu rút gọn trong đoạn trích và nêu hiệu quả của việc sử dụng câu rút gọn đó?

Câu 3: Tìm lời dẫn trực tiếp có trong đoạn trích?

Câu 4: Qua đoạn trích em thấy được nét đẹp gì của nhân vật “ tôi”?

Câu 5: Tình đồng chí, đồng đội của những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm “ Những ngôi sao xa xôi” và những hiểu biết xã hội em hãy suy nghĩ về sức mạnh của tinh thần đoàn kết trong cuộc sống hiện nay.

Gợi ý:

Câu 1: Đoạn trích đã tái hiện lại những cảnh tượng bom đạn chiến tranh khốc liệt trên tuyến đường Trường Sơn. Ở nơi đó có những nữ thanh niên xung phong dũng cảm chiến đấu, phá bom. Họ có tình đồng đội keo sơn, họ vô cùng gắn bó, yêu thương, quan tâm hết mực đến nhau.

Câu 2:

- Câu rút gọn:

+ *Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét*

+ *Không thấy mây và bầu trời đâu nữa.*

- Tác dụng: Tránh được lỗi lặp từ và thông tin được nhanh hơn, gây được ấn tượng mạnh về cảnh tượng bom nổ cũng như sự nguy hiểm mà các cô gái phải đối mặt hằng ngày.

Câu 3: Lời dẫn trực tiếp có trong đoạn trích: “ *Định ở nhà. Lần này nó bỏ ít, hai đĩa đi cũng đủ*”

Câu 4: Nét đẹp của nhân vật “tôi” : Tính kỉ luật(nghe lời phân công của chị Thao), tinh thần trách nhiệm với công việc và tình đồng chí, đồng đội.

Câu 5: Tình đồng chí, đồng đội của những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm “ Những ngôi sao xa xôi” nêu được những suy nghĩ của mình về sức mạnh của tinh đoàn

kết: giúp con người hòa nhập, gắn kết trong cộng đồng, tạo nên sức mạnh lớn lao để vượt qua khó khăn, đạt được thành công trong mọi hoàn cảnh.

*** Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề nghị luận

Tham khảo câu mở đoạn: Đoàn kết là một trong những phẩm chất cần có của mỗi con người.

*** Thân đoạn:** Cần đảm bảo các ý sau:

- **Giải thích:** Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất cả về tư tưởng và hoạt động nhằm thực hiện một mục tiêu chung, mang lại lợi ích cho cả tập thể cũng như từng cá nhân.

- **Bàn luận:**

+ Vì sao chúng ta cần có tinh thần đoàn kết?

. Đoàn kết giúp huy động được nhiều nguồn lực cả về vật chất, trí tuệ và tinh thần, tạo nên sức mạnh to lớn giúp cho tổ chức, tập thể dễ dàng vượt qua khó khăn, thử thách để chinh phục mục tiêu.

. Mỗi cá nhân đều có điểm mạnh và điểm yếu riêng nhưng khi kết hợp với những người khác, cùng chung mục tiêu, chí hướng thì họ có thể bù đắp, hỗ trợ cho nhau, mỗi người một việc đúng sở trường sẽ đạt hiệu quả cao.

. Đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau sẽ giúp rút ngắn thời gian làm việc

(Lấy ví dụ trong văn học và thực tế để làm sáng tỏ. Ví dụ trong ca dao, tục ngữ hay “Câu chuyện bó đũa”)

+ Biểu hiện:

. Thời chiến: Cả nước từ trẻ đến già, từ lớn đến bé, không kể nam hay nữ, từ thành thị đến nông thôn, miền xuôi tới miền ngược,...tất cả đều đồng lòng đứng lên chống giặc bảo vệ nền độc lập của đất nước.

. Thời bình:

Cả nước chung tay phát triển kinh tế, xây dựng đất nước ngày càng phát triển vững mạnh.

Tinh thần, tương thân, tương ái mỗi khi đồng bào gặp khó khăn: nạn đói, lũ lụt, hỏa hoạn, giải cứu thực phẩm,...

Trong cuộc sống hằng ngày, sự sẻ chia, quan tâm, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau cũng chính là biểu hiện của tinh thần đoàn kết.

- **Đánh giá, mở rộng:**

+ Đánh giá: Tinh thần đoàn kết là sức mạnh quý giá của mỗi tập thể, mỗi quốc gia, dân tộc mà chúng ta cần phải có, cần phải bồi đắp.

+ Mở rộng vấn đề:

. Phê phán những tư tưởng, hành động chia rẽ, phá hoại tập thể.

. Đồng thời, cần phân biệt đoàn kết với a dua, kết bè kết phái và bao che.

. Để tạo được khối đoàn kết, mỗi người cần phải đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, biết cảm thông, chia sẻ, dám dấn thân và hi sinh, không so đo, tính toán thiệt hơn.

+ Bài học, liên hệ bản thân.

. Cần sống đoàn kết, chan hòa với mọi người và hành động tích cực vì lợi ích chung của tập thể.

. Liên hệ bản thân.

* **Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề

Tham khảo câu kết đoạn: Tóm lại, tinh thần đoàn kết là một trong những điều kiện để tạo nên thành công.

DẠNG BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Đề 1:

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng từ 15 đến 20 dòng) trình bày cảm nhận của em về tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ qua truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.

Gợi ý:

1. Yêu cầu về hình thức: đảm bảo hình thức một đoạn văn
2. Yêu cầu về nội dung: đoạn văn đảm bảo yêu cầu về nội dung: trình bày cảm nhận về tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ qua truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê:

- Mở đoạn: Giới thiệu chung về tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước qua hình ảnh các cô thanh niên xung phong trong truyện " Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.

-Phát triển đoạn: Hoàn cảnh cuộc chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt, họ vẫn vươn lên và tỏa sáng những phẩm chất cao đẹp:

+ Trẻ trung, trong sáng, hồn nhiên, yêu thương nhau trên tinh thần đồng chí, đồng đội.

+ Tâm hồn mơ mộng, lãng mạn, lạc quan.

+ Vượt qua mọi gian khổ, hi sinh, dũng cảm chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ để bảo vệ Tổ quốc.

- Kết đoạn: qua hình ảnh những cô TNXP, ta thấy được vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ: sống có lí tưởng, có mục đích, có trách nhiệm, có trái tim yêu nước nồng nàn.

Đề 2: *Cảm nhận của em về vẻ đẹp của các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện " Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.*

a. Yêu cầu về hình thức: viết thành một bài văn

b. Yêu cầu nội dung: trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện " Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê theo yêu cầu về bố cục của một bài nghị luận văn học:

1. Mở bài: Nêu những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm; giới thiệu khái quát về các nhân vật:

- Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Trong những năm chiến tranh, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên con đường đổi mới.

- Truyện " Những ngôi sao xa xôi" ở trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

- Truyện đã xây dựng được vẻ đẹp của ba cô TNXP trên tuyến đường Trường Sơn thời kì chống Mĩ.

2. Thân bài: Lần lượt trình bày các luận điểm:

2.1. Hoàn cảnh sống và làm việc của ba cô TNXP: Công việc của họ là trinh sát mặt đường gặp nhiều khó khăn nguy hiểm. Họ phải làm việc dưới mưa bom bão đạn, phải phá bom thông đường để những đoàn quân tiến vào giải phóng miền Nam.

2.2. Vẻ đẹp chung của các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn:

-Đó là những cô gái tuổi đời còn trẻ. Vì nhiệm vụ giải phóng miền Nam, họ đã không tiếc tuổi xuân chiến đấu, cống hiến cho đất nước.

- Họ mang lí tưởng chiến đấu để thống nhất Tổ Quốc nên đều giàu tinh thần trách nhiệm, dũng cảm, coi thường gian khổ.

- Họ đều rất lạc quan, hồn nhiên, có tình đồng chí đồng đội gắn bó, có tình yêu đất nước.

2.3. Vẻ đẹp riêng của các cô gái thanh niên xung phong:

- Nhân vật Phương Định.

+ Đây là cô gái Hà Nội trẻ trung yêu đời. Phương Định thích ngắm mình trong gương, là người có ý thức về nhan sắc của mình. Cô có hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Đôi mắt màu nâu, dài dài, hay nheo nheo như chói nắng...

+ Phương Định là nhân vật kể chuyện xưng tôi đầy nữ tính. Cô đẹp nhưng không kiêu căng mà có sự thông cảm, hoà nhập. Cô thích hát dân ca quan họ Bắc Ninh, dân ca ý, đặc biệt hát bài Ca Chiu Sa. Cô có tài bịa lời cho những bài hát. Những bài hát về cuộc đời, về tình yêu và sự sống cất lên giữa cuộc chiến tranh ác liệt tôn thêm vẻ đẹp của những cô thanh niên xung phong có niềm tin vào cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc.

+ Phương Định là cô gái dũng cảm. Hành động phá bom của cô cùng đồng đội đã góp phần thông mạch giao thông. Cảnh phá bom vừa hồi hộp, vừa căng thẳng, cho người đọc hình dung cuộc chiến tranh tàn khốc như thế nào nhưng cô vẫn bình tĩnh vì một ngày ít nhất các cô phải phá bom ba lần, đó là chuyện thường tình. Có lúc Phương Định nghĩ đến cái "chết" nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính liệu mình có nổ, bom có nổ không?

+ Phương Định là cô gái dễ thương, hay xúc động. Chứng kiến cảnh trận mưa đá cô nhớ về Hà Nội, nhớ mẹ, nhớ cái cửa sổ, nhớ những ngôi sao, nhớ quảng trường lung linh... Những hoài niệm; kí ức dội lên sâu thẳm càng chứng tỏ sự nhạy cảm trong tâm hồn cô gái Hà Nội mơ mộng, lãng mạn, thật đáng yêu.

-Nhân vật Thao

+ Đây là cô gái lớn tuổi nhất trong nhóm, là đội trưởng tổ trinh sát mặt đường. ở chị có những nét dễ nhớ ấn tượng. Chị cũng tỉa tóc lông mày nhỏ như cái tăm, cương quyết,

mạnh mẽ, táo bạo. Chị không sợ bom đạn, chỉ đạo công việc dứt khoát nhưng lại rất sợ máu và vết.

+ Chị yêu thương đồng đội đúng vai trò của người chị cả. Khi Nho bị thương, chị rất lo lắng, săn sóc tận tình từng hớp nước, cốc sữa. Tình đồng đội sưởi ấm tâm hồn những cô gái lúc khó khăn nhất.

+ Chị Thao cũng thích hát dù hát sai lời và sai nhạc. Tiếng hát yêu đời, cất lên từ cuộc chiến tranh để khẳng định bản lĩnh, sức mạnh, niềm tin vào lí tưởng của thanh niên thời đại những năm chống Mỹ.

- Nhân vật Nho: xuất hiện trong thời điểm quan trọng của câu chuyện. Đó là lúc phá bom, khi ranh giới của sự sống và cái chết gần kề gang tấc. Nho nhỏ nhẹ, dịu dàng, duyên dáng " Trông nó nhẹ mát mẻ như một que kem trắng"

2.4. Khái quát nghệ thuật xây dựng nhân vật:

Truyện "**Những ngôi sao xa xôi**" của Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

2.5. Mở rộng, nâng cao, liên hệ.

- Mở rộng, nâng cao: vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam không chỉ được tái hiện ở những trang viết của Lê Minh Khuê mà còn được khắc họa trong rất nhiều tác phẩm. Đó là vẻ đẹp của những cô TNXP trong "Khoảng trời hố bom" của Lâm Thị Mỹ Dạ. Là vẻ đẹp của anh thanh niên trong "Lặng lẽ Sa-pa" của Nguyễn Thành Long, là những phẩm chất cao quý của anh bộ đội Cụ Hồ trong những trang viết của Chính Hữu ("Đồng chí"), của Phạm Tiến Duật ("Bài thơ về tiểu đội xe không kính")... Tất cả góp phần khắc họa nên vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến gian khổ nhưng hào hùng.

- Liên hệ bản thân:

+ Đọc "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê, chứng kiến những khó khăn, gian khổ mà các cô TNXP phải trải qua, cảm nhận được vẻ đẹp tỏa sáng từ phẩm chất của thế hệ trẻ VN thời chống Mỹ, em thêm cảm phục, mến yêu và trân trọng những hi sinh của lớp lớp cha anh cho cuộc sống hòa bình hôm nay.

+ Để xứng đáng với những hi sinh của cha ông cho Tổ Quốc, em luôn nỗ lực học tập, trau dồi đạo đức, rèn trí, luyện tài để thành người có ích, xây dựng đất nước thêm giàu đẹp.

3. kết luận:

- Khẳng định lại phẩm chất của các nhân vật nữ thanh niên xung phong.

- Cảm nhận chung về các nhân vật

Đề 3: Cảm nhận về nhân vật Phương Định.

*Gợi ý làm bài:

a. Yêu cầu về hình thức: viết thành một bài văn

b. Yêu cầu nội dung: trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật Phương Định trong truyện "**Những ngôi sao xa xôi**" của Lê Minh Khuê theo yêu cầu về bố cục của một bài nghị luận văn học:

1. Mở bài: Nêu những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm; giới thiệu khái quát về nhân vật:

- Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Trong những năm chiến tranh, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên con đường đổi mới.

- Truyện " Những ngôi sao xa xôi" ở trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

- Truyện đã xây dựng được vẻ đẹp của ba cô TNXP trên tuyến đường Trường Sơn thời kì chống Mĩ, nổi bật nhất là nhân vật Phương Định.

2. Thân bài: Lần lượt trình bày các luận điểm:

2.1. Giới thiệu chung

- Nguồn gốc xuất thân

- Ngoại hình

2.2. Nêu hoàn cảnh, công việc của nhân vật:

3. Những phẩm chất:

3.1. Trước hết, đó là vẻ đẹp của tinh thần dũng cảm, thái độ bình tĩnh, vượt lên mọi hiểm nguy:

+ Chạy trên cao điểm bị bom đạn cày nát, còn ẩn giấu những quả bom chưa nổ - cũng có nghĩa là nó sẽ nổ bất cứ lúc nào, cũng có nghĩa là đối mặt với thân chết. Nhưng chị vẫn thật bình thản, thậm chí còn thấy thú vị, dù trên mình còn có vết thương chưa lành miệng.

+ Tư thế đàng hoàng, thái độ bình tĩnh, thao tác thành thạo khi phá bom.

+ Có những lúc cũng nghĩ đến cái chết nhưng chỉ "mờ nhạt", còn ý nghĩ cháy bỏng là : "liệu mình có nổ, bom có nổ không ? Không thì làm thế nào để châm mìn lần thứ hai ?" .

Mục đích hoàn thành nhiệm vụ luôn được Phương Định đặt lên trên hết.

3.2. Trong chị luôn thường trực một tình cảm đồng chí, đồng đội nồng ấm.

- Tấm lòng vị tha, luôn quan tâm đến đồng chí, đồng đội

+ Lo lắng, sốt ruột khi đồng đội lên cao điểm chưa về.

+ Luôn trù mến yêu thương bạn bè (cách Phương Định nhận xét về Nho, phát hiện ra vẻ dễ thương: "nhẹ, mát như một que kem trắng" của bạn, việc chị rất hiểu các sở thích và tâm trạng của chị Thao...)

+ Chăm sóc Nho tận tình khi cô bị thương.

- Ngược lại, chị cũng rất cần sự cổ vũ động viên của đồng đội

+ Thấy ấm lòng và tự tin hơn khi cảm thấy ánh mắt dõi theo, khích lệ của các anh chiến sĩ pháo binh.

+ Rất yêu mến và cảm phục tất cả những người chiến sĩ mà chị gặp hằng đêm trên trọng điểm của con đường vào mặt trận.

3.3. Nét nổi bật, cũng là điểm hấp dẫn nhất của nhân vật này với người đọc là tâm hồn trong sáng giàu mơ mộng, là sự hồn nhiên như trẻ thơ của chị:

- Chị hay hát, hay cười một mình hay ngắm mình trong gương. Chị có cái điệu đàng của một cô gái Hà Nội, nhưng là cái điệu thật đáng yêu vì nó hồn nhiên và vô cùng chân thực.

- Phương Định là con gái Hà Nội vào chiến trường. Chị vừa qua tuổi học sinh vô tư lự. Giữa chiến trường khói lửa, chị vẫn hay nhớ lại những kỉ niệm êm đềm bên mẹ trong căn gác nhỏ, nhớ về thành phố tuổi thơ.

- Sự hồn nhiên tập trung nhất ở phần cuối truyện, khi chị bắt gặp cơn mưa đá...

4. Biểu tượng của nhân vật:

- Vẻ đẹp của các cô thanh niên xung phong nói chung, Phương Định nói riêng cũng chính là biểu tượng cho thế hệ trẻ VN thời chống Mỹ: họ có tuổi đời rất trẻ, tâm hồn trong trẻo, đầy ước mơ, khát vọng nhưng không vì thế mà họ chịu khuất phục trước bom đạn của kẻ thù. Họ đối diện với hiểm nguy bằng một thái độ ung dung tự tại, bằng lòng dũng cảm, bằng tinh đồng chí đồng đội gắn bó keo sơn, tình yêu quê hương, Tổ quốc,

5. Đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật:

- Cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung.

- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật

=> truyện “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng cũng rất lạc quan, hồn nhiên của các cô thanh niên xung phong nói chung, Phương Định nói riêng.

BÀI VIẾT THAM KHẢO

Viết về người lính và chiến tranh là nguồn cảm hứng của rất nhiều nhà thơ, nhà văn. Với Phạm Tiến Duật, ta thấy được sự trẻ trung, ngang tàng của các chiến sĩ Trường Sơn qua “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Gặp “Khoảng trời hố bom” của Lâm Thị Mỹ Dạ, ta lại bắt gặp những cô gái mở đường không tiếc thân mình “đánh lạc hướng thù hứng lấy luồng bom”. Và đến với “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê, ta lại không khỏi thán phục trước tinh thần dũng cảm, tinh đồng đội nồng ấm, tâm hồn lạc quan trong sáng của ba nữ thanh niên xung phong. Trong đó, Phương Định là nhân vật để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong lòng người đọc.

Phương Định là một cô gái Hà nội, vừa từ già tuổi học trò bước vào chiến trường. Ấn tượng đầu tiên về cô là vẻ ngoài đáng yêu, trẻ trung, xinh xắn và đầy sức sống. Cô tự nhận xét, đánh giá về bản thân: “Tôi là một cô gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn...”. Đặc biệt, cô thích ngắm mình trong gương, nhất là đôi mắt: “Nó dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng” và được các anh lái xe khen: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!” Đó là vẻ đẹp đầy nữ tính, mang chiều sâu tâm hồn của một cô gái trẻ.

Phương Định cùng Nho và Thao – những cô gái thanh niên xung phong sống trên cao điểm mìn mông khói bụi Trường Sơn và bom đạn hủy diệt của kẻ thù. Công việc của chị và đồng đội trong tổ trinh sát mặt đường là “đo khối lượng đất đá lấp hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom” để bảo vệ con đường cho những đoàn xe băng về phía trước, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Công việc của chị thật vinh quang nhưng cũng đầy gian khổ, hiểm nguy. Song chính hoàn cảnh gian khó hiểm nguy ấy đã làm cho những phẩm chất đáng quý của chị ngời sáng lung linh.

Cảm nhận đầu tiên về nhân vật Phương Định là vẻ đẹp của tinh thần dũng cảm, thái độ bình tĩnh vượt lên mọi hiểm nguy. Phương Định cùng những người bạn của mình sống và chiến đấu giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Sau mỗi trận bom, chị cùng đồng đội phải lao ra trọng điểm, đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và phá bom. Mặc dù đã quen với công việc nguy hiểm này nhưng mỗi lần phá bom vẫn là một thử thách tột độ với thần kinh của Phương Định và đồng đội. Dù vậy, mỗi khi không cần phải đi khom, cô vẫn “đàng hoàng mà bước tới”. Sống giữa nơi sự sống và cái chết luôn gần kề, Phương Định và đồng đội đã bình tĩnh, ung dung một cách lạ thường. Họ nói về công việc hiểm nguy bằng một giọng điệu bình thản: "Có ở đâu như thế này không: Đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang âm ỉ xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng có nhiều quả bom chưa nổ, nhưng nhất định sẽ nổ... Rồi khi xong việc, quay lại nhìn đoạn đường một lần nữa, thở phào, chạy về hang".

Sự dũng cảm, thái độ bình tĩnh vượt lên trên mọi hiểm nguy của Phương Định thể hiện rõ nét nhất trong những lần phá bom. Những khi Phương Định làm việc, ống kính của Lê Minh Khuê như quay cận cảnh: đất rắn, tiếng xéng va chạm vào vỏ quả bom nghe sắc lạnh đến ghê người. Lúc ấy, chị luôn nhắc nhở mình “phải nhanh hơn chút nữa”, nếu không, quả bom nóng lên sẽ rất nguy hiểm. Xác định được tính chất nguy hiểm, song với tinh thần dũng cảm, chị đã vượt qua tất cả. Thái độ bình tĩnh khi phá bom là vẻ đẹp đáng quý ở những cô thanh niên xung phong nói chung và Phương Định nói riêng. Có những lúc, chị cũng nghĩ đến cái chết nhưng là cái chết mờ nhạt. Còn cái chính là “Liệu mình có nổ, bom có nổ không?... Làm thế nào để châm mìn lần thứ hai?” Mục đích hoàn thành nhiệm vụ luôn được chị đặt lên trên hết.

Trong chị luôn thường trực tình đồng đội, đồng chí nồng ấm. Khi Nho và chị Thao ở trên cao điểm, chị ở nhà trực máy nhưng trong lòng Phương Định luôn căng thẳng như chính mình đang phải đối diện với hiểm nguy: “Có gì lí thú đâu, nếu các bạn của tôi không quay về”. Sự lo lắng ấy khiến chị cáu với cả đại đội trưởng khi anh gọi điện hỏi tình hình.

Tình đồng chí, đồng đội khiến Phương Định hiểu rõ từng người trong tổ trinh sát như hiểu thành viên trong gia đình: Chị Thao thích ghi bài hát, thích tĩa đôi lông mày nhỏ như que tăm, hiểu được trong công việc chị rất cương quyết, táo bạo nhưng chị lại rất sợ máu và vắt... Còn Nho thích ăn kẹo, trông dễ thương như một que kem trắng nhưng rất gan dạ, dũng cảm...

Không chỉ dành tình cảm với đồng đội trong tổ trinh sát mặt đường, Phương Định còn dành tình cảm đặc biệt với các anh bộ đội. Dù làm ra vẻ kiêu kì nhưng với Phương Định, “những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ”. Tình cảm đồng đội, đồng chí đã góp phần tạo nên vẻ đẹp của Phương Định, là ngọn lửa sưởi ấm, là nguồn động viên khích lệ các chị thêm vững lòng trên mặt trận đầy gian nguy này.

Vào chiến trường đã ba năm, làm quen với những thử thách hiểm nguy, giáp mặt hàng ngày với cái chết nhưng ở Phương Định không mất đi sự hồn nhiên trong sáng, giàu mơ mộng: "Tôi thích nhiều bài hát, dân ca quan họ dịu dàng, dân ca Ý trữ tình giàu có". Những khi rỗi rãi, chị thường hát nghêu ngao, đôi khi bịa cả lời để hát. Dù trong

công việc chị dũng cảm là thế, nhưng giữa chiến trường khói lửa, chị vẫn hay nhớ nhà, nhớ mẹ, nhớ những kỉ niệm tuổi thơ, kỉ niệm về bạn bè, mái trường...

Sự hồn nhiên của Phương Định thể hiện rõ nhất ở phần cuối truyện, khi chị bắt gặp cơn mưa đá. Chị “vui thích cuồng cuồng”, “những niềm vui con trẻ của tôi lại nở tung ra, say sưa, tràn đầy”. Lúc ấy, ta không còn thấy một cô thanh niên xung phong kiên cường, dũng cảm, chỉ thấy một con người hồn nhiên như trẻ thơ khiến người đọc càng cảm thấy mến yêu.

Vẻ đẹp của các cô thanh niên xung phong nói chung, Phương Định nói riêng cũng chính là biểu tượng cho thế hệ trẻ VN thời chống Mỹ. Bước chân vào chiến trường, những chàng trai, cô gái thanh niên xung phong tuổi đời còn rất trẻ, tâm hồn trong trẻo, đầy ước mơ, khát vọng. nhưng không vì thế mà họ chịu khuất phục trước bom đạn của kẻ thù. Họ đối diện với hiểm nguy bằng một thái độ ung dung tự tại, bằng lòng dũng cảm, bằng tinh đồng chí đồng đội gắn bó keo sơn. Có thể nói, bom đạn giặc chỉ có thể hủy diệt sự sống, nhưng không thể hủy diệt được tình yêu quê hương, Tổ quốc, không thể hủy diệt được vẻ đẹp tâm hồn họ. Nơi những mảnh đất bị bom đạn cày xới lại là nơi những phẩm chất tốt đẹp của những anh bộ đội, những chị thanh niên xung phong luôn ngời sáng, lung linh.

"Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai".

Bằng cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung, đặc biệt là nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, truyện “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng cũng rất lạc quan, hồn nhiên của các cô thanh niên xung phong nói chung, Phương Định nói riêng. Qua nhân vật này, chúng ta càng thêm hiểu, cảm phục, mến yêu thế hệ trẻ Việt Nam nói chung, những cô thanh niên xung phong nói riêng trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm tháng đánh Mỹ gian khó nhưng hào hùng.

III. Củng cố- dặn dò:

- Nắm vững các kiến thức đã học về tác phẩm.
- Tập viết các đoạn bài nghị luận về tác phẩm.

BÀI TẬP VỀ NHÀ:

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

“ Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng”

Câu 1: Điều gì đã được kể trong đoạn văn? Em có nhận xét gì về cách đặt câu trong đoạn văn và nêu tác dụng của cách đặt câu đó?

Câu 2: Văn bản được kể bằng lời kể của ai? Ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể đó?

Câu 3: Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn?

Câu 4: Câu “Nhanh lên một tí!” thuộc kiểu câu gì xét theo cấu tạo? Xét theo mục đích

nói, nó thuộc kiểu câu nào?

Câu 5: “Một dấu hiệu chẳng lành.” Xét theo cấu tạo thuộc kiểu câu gì?

Câu 6: Cảm nhận của em về tinh thần của nhân vật trong đoạn văn trên bằng một đoạn văn từ 3-5 câu

Gợi ý

Câu 1:

- Đoạn văn kể về tinh thần của nhân vật Phương Định khi phá bom nổ chậm.
- Cách đặt câu đặc biệt ở chỗ: có những câu ngắn, câu tách ra từ một câu hoàn chỉnh như : Đất rắn... Nhanh lên một tí!... Một dấu hiệu chẳng lành.

-> Tác dụng: Việc đặt các câu ngắn liên tiếp nhau, trong đó có các câu đặc biệt tạo nhịp điệu nhanh, dồn dập, thể hiện tính chất khẩn trương, gấp gáp, căng thẳng trong công việc phá bom của ba cô gái cũng như tâm trạng hồi hộp, căng thẳng của ba nhân vật.

Câu 2: Truyện kể theo ngôi thứ nhất, người kể là Phương Định, nhân vật chính trong tác phẩm. Điều đó rất thuận lợi trong việc biểu hiện thế giới tâm hồn, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật và phù hợp với nội dung tác phẩm, tăng tính chân thật cho câu chuyện.

Câu 3: Biên pháp tu từ trong đoạn văn là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “ Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi”. Tiếng động vốn phải dùng tai để nghe, nhưng lại được Phương Định cảm nhận bằng xúc giác “ sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi”. Phép ẩn dụ đã gọi tả được sự nguy hiểm đến rợn người của những trái bom, của công việc mà Phương Định đang làm, đồng thời cho thấy giác quan nhạy bén của cô.

Câu 4: - Xét theo cấu tạo câu “Nhanh lên một tí!” thuộc kiểu câu rút gọn chủ ngữ. Xét theo mục đích nói, nó thuộc kiểu câu cầu khiến.

Câu 5: “Một dấu hiệu chẳng lành.” Xét theo cấu tạo thuộc kiểu câu đặc biệt.

Câu 6: Đoạn văn tham khảo:

- Đoạn văn trên được trích trong văn bản “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê đã rất thành công trong việc thể hiện tinh thần của nhân vật khi phá bom(1). Khi thực hiện công việc phá bom có nghĩa là cận kề với cái chết làm cho cảm giác của nhân vật Phương Định cũng trở nên sắc nhọn hơn(2). Cô hồi hộp, lo lắng trong từng hành động(3). Những hành động trong khi phá bom của PĐ cho thấy sự dũng cảm, quyết tâm phá bom mặc dù công việc ấy rất nguy hiểm đến tính mạng(4).

Ngày soạn:
BUỔI 17

Ngày dạy:

ÔN TẬP HỌC KỲ II

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức

Củng cố, hệ thống lại các kiến thức về tiến việt, văn học trong học kỳ II.

2. Kỹ năng

Rèn kĩ năng phát hiện, vận dụng từ ngữ trong đạt câu, giao tiếp.

Nắm bắt, cảm nhận vận dụng nội dung tư tưởng từ các tác phẩm văn học vào thực tế.

Biết làm các bài đọc hiểu.

3. Thái độ, phẩm chất

Giáo dục sự ham mê sáng tạo và tìm tòi học hỏi khi viết và nói.

Yêu thích văn học, đời sống.

4. Năng lực

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực tự học.

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc, viết.

II. Tiến trình lên lớp

Tiết 1:

A. Hệ thống lại kiến thức đã học (15 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Hình thức: báo cáo, thảo luận.	I.Hệ thống kiến thức

<p>Kỹ thuật : tiếp sức</p> <p>GV: Yc hs các nhóm nộp sản phẩm (4 nhóm)</p> <p>Chọn hai nhóm lên báo cáo, các nhóm tiếp sức bổ sung</p> <p>Nhận xét, gv chốt kiến thức.</p> <p>? Hệ thống các đơn vị kiến thức tiếng việt trong học kỳ II?</p> <p>? Hệ thống các tác phẩm văn học và nội dung cần nắm về văn bản trong học kỳ II?</p> <p>HS trình bày theo sơ đồ tư duy</p>	<p>1. Tiếng việt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi ngữ, các thành phần biệt lập (tình thái, cảm thán, phụ chú, gọi đáp) - liên kết câu và liên kết đoạn văn - Nghĩa tường minh và hàm ý. <p>-> các đơn vị trên cần nắm (khái niệm, phân loại, cách nhận diện, chuyển đổi)</p> <p>2. Văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại, PTBD, bố cục, tóm tắt, tình huống truyện. - Nội dung, nghệ thuật, chủ đề, hoàn cảnh sáng tác. - Đặc điểm nhân vật ...
--	---

B. Luyện tập (30')

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, nhóm. - HS thực hiện, nhận xét, bổ sung. - Thời gian: 30' <p>Bài tập 1: Đề 1: Trong bài thơ “Viếng lăng Bác” Viễn Phương viết : “Kể trang hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”.</p> <p>Dựa trên hiện tượng chuyển nghĩa của từ, từ “mùa xuân” có thể thay thế cho từ nào? Theo phương thức chuyển nghĩa nào? Việc thay thế từ trên có tác dụng diễn đạt như thế nào?</p> <p>Bài 2: Tìm các thành phần tình thái,</p>	<p>Gợi ý :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi một năm xuân đến, con người lại thêm một tuổi. Cho nên " 79 mùa xuân " cũng được hiểu là 79 tuổi, 79 năm trong một đời người. - Nếu để từ " tuổi " thì chỉ nói được Bác Hồ đã sống 79 năm, thọ 79 tuổi, câu thơ chỉ thuần túy chỉ tuổi tác. - Còn dùng từ " Xuân " có nghĩa là : cả cuộc đời Bác là 79 năm cống hiến cho nhân dân, 79 năm dành cho đất nước để đất nước có sắc xuân. Thêm nữa, kết "tràng hoa dâng 79 mùa xuân " gọi thêm sắc xuân bên lăng Bác. Và từ " mùa xuân " như làm cho xúc cảm của câu thơ, âm điệu câu thơ thêm mượt mà, sâu lắng, thiết tha. Câu thơ hay, ý thơ trở nên đa nghĩa và sâu sắc hơn nhiều-> chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ. <p>Gợi ý:</p>

<p>cảm thán trong những câu sau đây :</p> <p>a, <i>Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những tiếng kia</i> <i>nhieu.</i></p> <p>(Kim Lân, Làng)</p> <p>b, <i>Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.</i></p> <p>(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)</p> <p>c, <i>Ông lão bỗng ngừng lại ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chẳng nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế</i> <i>được.</i></p> <p>(Kim Lân, Làng)</p> <p>Bài 3: Viết một đoạn văn ngắn nói về cảm xúc của em khi đọc xong một tác phẩm văn học, trong đó có chứa thành phần tình thái hoặc cảm thán.</p> <p>*Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS viết được đoạn văn có sử dụng thành phần tình thái hoặc cảm thán (tùy sự sáng tạo của học sinh) - Trình bày cấu trúc đúng theo kết cấu của đoạn văn, có nội dung theo một tác phẩm cụ thể. - Hình thức: trình bày sạch sẽ, khoa học. 	<p>a, Thành phần tình thái: <i>có lẽ</i></p> <p>b, Thành phần cảm thán: <i>Chao ôi</i></p> <p>c, Thành phần tình thái: <i>Chả nhẽ</i></p>
--	---

Tiết 2:

- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm
- Thời gian: 20'

Phiếu học tập số 1:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan của mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "ba" như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy

thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”.

(Nguyễn Quang Sáng – Chiếc lược ngà, SGK Ngữ văn 9, tập một, trang 198)

Câu 1: (1.0 điểm) Xác định phép liên kết hình thức và từ ngữ liên kết trong các câu: “Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”

Câu 2: (0.5 điểm) Câu văn “Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa” sử dụng phép tu từ gì?

Câu 3: (0.5 điểm) Theo em, vì sao tác giả lại nhấn mạnh chi tiết bé Thu “hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”?

Câu 4: (1.0 điểm) Em có nhận xét gì về tình cảm bé Thu đối với ông Sáu được thể hiện qua đoạn trích trên?

Gợi ý:

Câu 1: Phép liên kết: Lặp từ ngữ

Từ liên kết: Nó

Câu 2: Biện pháp tu từ: liệt kê

Câu 3: Nhấn mạnh chi tiết bé Thu hôn lên vết thẹo dài trên mặt ba, nhằm: Bé Thu được nghe bà ngoại giảng giải, Thu hiểu vết thẹo trên mặt ba là chứng tích tội ác của kẻ thù. Sự nghi ngờ được giải tỏa, nó cảm thấy ân hận, hối tiếc. Tình cảm dành cho cha trào dâng trong phút chia tay. Con bé cuống quýt, hối hận, ăn năn hôn lên cả vết thẹo. Với con bé, tất cả những gì thuộc về ba, nó đều yêu thương tha thiết.

Câu 4: Bé Thu là người có tình yêu thương cha tha thiết, mãnh liệt. Khi những băn khoăn được giải tỏa tình yêu đó được bùng cháy mạnh mẽ, mãnh liệt.

Phiếu học tập số 2:

Đọc đoạn trích sau:

Việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất phải lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Người ta gọi chúng tôi là tổ trinh sát mặt đường. Cái tên gọi sự khát khao làm nên những sự tích anh hùng. Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản. Chúng tôi bị bom vùi luôn. Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng trắng lóa trên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là “những con quỷ mắt đen”.

Câu 1: Đoạn văn trên là lời kể của ai? Kể về điều gì? Người kể đoạn truyện này giữ vai trò như thế nào trong tác phẩm.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên là gì?

Câu 3: Chỉ ra hai phép liên kết trong đoạn văn trên?

Câu 4: Cách đặt câu văn "Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh" có gì đặc biệt

Câu 5: Câu “Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là những con quỷ mắt đen” dùng biện pháp tu từ gì? Biện pháp tu từ ấy giúp chúng ta hiểu gì về các nhân vật?

Câu 6: Xác định câu có chứa thành phần khởi ngữ trong đoạn văn trên.

Gợi ý:

Câu 1: Đoạn văn trên là lời kể của nhân vật Phương Định.

- Kể về công việc của 3 cô gái (Nho, Thao, Phương Định) trong tổ trinh sát mặt đường

- Người kể đoạn truyện này giữ vai trò là nhân vật chính trong tác phẩm (Phương Định).

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên là: tự sự và miêu tả

Câu 3: Hai phép liên kết trong đoạn văn trên là phép nối (do đó) và phép thế (lúc đó).

Câu 4: Cách đặt câu văn "Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh" đặc biệt vì đây là câu rút gọn chủ ngữ.

Câu 5: Câu “Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là những con quỷ mắt đen” dùng biện pháp tu từ ẩn dụ. Việc sử dụng biện pháp tu từ này cho thấy tinh thần lạc quan, có trách nhiệm cao với công việc của ba cô gái.

Câu 6: Câu có chứa thành phần khởi ngữ trong đoạn văn trên là: " Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản."

Phiếu học tập số 3:

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi dưới

"Lại một đợt bom. Khởi vào hang. Tôi ho sặc sụa và tức ngực. Cao điểm bây giờ thật vắng. Chỉ có Nho và chị Thao. Và bom. Và tôi ngồi đây. Và cao xạ đặt bên kia quả đồi. Cao xạ đang bắn. Tiếng súng ở dưới đất lên quả là có hiệu lực. Không gì cô đơn và khiếp sợ hơn khi bom gào thét chung quanh mà không nghe một tiếng trả lời nào dưới đất."

Câu 1: Nhân vật “tôi” trong đoạn trích trên là ai? Việc lựa chọn nhân vật này làm người kể chuyện trong truyện ngắn trên có tác dụng gì?

Câu 2: Xác định liên kết câu và chỉ ra từ liên kết trong câu "Lại một đợt bom....Cao xạ đang bắn"

Câu 3: Cách đặt câu trong đoạn văn có gì đặc biệt? Tác dụng của cách đặt câu như vậy đối với việc diễn tả nội dung của đoạn văn.

Câu 4: Trong đoạn trích trên, sự xuất hiện của " các anh cao xạ " đã tác động thế nào đến tâm trạng nhân vật " tôi " ?

Gợi ý:**Câu 1:**

- Nhân vật “tôi” trong đoạn trích trên là Phương Định .
- Việc lựa chọn nhân vật này làm người kể chuyện trong truyện ngắn trên có tác dụng:

- + Tạo thuận lợi để tác giả đi sâu miêu tả thế giới nội tâm nhân vật
- + Tạo điểm nhìn phù hợp để miêu tả hiện thực cuộc chiến đấu ở một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn.
- + Làm cho câu chuyện mang màu sắc chủ quan, trở nên gần gũi, đáng tin cậy,...

Câu 2: Phép liên kết được sử dụng trong câu "Lại một đợt bom....Cao xạ đang bắn" là:

- Phép lặp từ "cao xạ".
- Phép nối: từ "và".

Câu 3: Đoạn văn có cách đặt câu rất lạ:

- Câu đặc biệt: “Lại một trận bom”.
- Những câu đơn ngắn.
- Những câu được tách ra từ một câu: “Và bom. Và tôi ngồi đây. Và cao xạ đặt bên kia quả đồi”.

=> Cách đặt câu như vậy có tác dụng diễn tả được sự dồn dập, căng thẳng của trận đánh cũng như tâm trạng nhân vật.

Câu 4: Trong đoạn trích trên, sự xuất hiện của " các anh cao xạ " đã tác động đến tâm trạng nhân vật " tôi " là: Nhân vật Phương Định cảm nhận được ánh nhìn dõi theo của các anh cao xạ, vì các anh không thích dáng đi khom, nên cô đã thẳng người bước đi. Cô muốn hiên ngang đối diện với thử thách, bởi cô có lòng tự trọng của một nữ thanh niên xung phong góp phần vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc đáng tự hào.

Tiết 3:

- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm
- Kỹ thuật chạy tiếp sức
- Thời gian: 20'

Nhóm 1+3: Trong phần đầu, tác giả dùng đại từ “Tôi”, sang phần sau, tác giả lại dùng đại từ “Ta”. Em hiểu như thế nào về sự chuyển đổi đại từ nhân xưng ấy của chủ thể trữ tình trong bài “Mùa xuân nho nhỏ”- Thanh Hải?

*** Gợi ý:**

- Sự chuyển đổi đại từ nhân xưng đó không phải là sự ngẫu nhiên vô tình mà là dụng ý nghệ thuật tạo nên hiệu quả sâu sắc
- Đó là sự chuyển từ cái “tôi” cá nhân nhỏ bé hoà vào cái “ta” chung của cộng đồng, nhân dân, đất nước. Trong cái “Ta” chung vẫn có cái “tôi” riêng, hạnh phúc là sự

hoà hợp và cống hiến. Thể hiện niềm tự hào, niềm vui chung của dân tộc trong thời đại mới

- Sự chuyển đổi diễn ra rất tự nhiên, hợp lí theo mạch cảm xúc

Nhóm 2+4:

- Viết đoạn văn khoảng 10 câu trình bày cách hiểu của em về hai câu thơ cuối bài " Sang thu" (Hữu Thỉnh):

*Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.*

Gợi ý:

Trong đoạn văn này người viết cần trình bày được cách hiểu hai câu thơ cả về nghĩa cụ thể và về nghĩa ẩn dụ.

- Tầng nghĩa cụ thể - nghĩa tường minh diễn tả ý: sang thu, mưa ít đi, sấm cũng bớt. Hàng cây không còn bị giật mình vì những tiếng sấm bất ngờ nữa. Đó là hiện tượng tự nhiên.

- Tầng nghĩa thứ hai (ẩn dụ): suy ngẫm của nhà thơ về dân tộc, về con người: khi đã từng trải, con người đã vững vàng hơn trước những tác động bất ngờ của ngoại cảnh, của cuộc đời.

- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân trình bày miệng trước lớp.

Chú ý gv rèn kỹ năng trình bày, năng lực cảm nhận văn học cho học sinh.

- Thời gian: 20'

Bài 1: Theo em nếu không có văn nghệ đời sống con người sẽ ra sao ?

Gợi ý : Thực chất đây là câu hỏi về tác dụng, ý nghĩa của văn nghệ đối với con người nhưng từ tình huống giả định “nếu không có văn nghệ ...”. Dựa vào tác dụng và ý nghĩa của văn nghệ đối với con người mà Nguyễn Đình Thi đã nêu để phân tích :

- Nhận thức, đời sống tinh thần của con người sẽ ra sao nếu không có văn nghệ ?

- Nếu không có văn nghệ thì mối quan hệ giữa con người với con người với cuộc sống sẽ ra sao ?

- Văn nghệ có tác dụng gì đối với đời sống sinh hoạt khắc khổ hàng ngày, đối với tâm hồn cảm xúc của chúng ta ?

Bài 2: Em hãy phân tích nội dung phản ánh, thể hiện của văn nghệ bằng một đoạn văn ngắn.

Gợi ý : Học sinh viết thành đoạn văn ngắn đảm bảo các ý chính sau :

- Tác phẩm văn nghệ phản ánh đời sống thông qua cái nhìn của người nghệ sĩ. Văn nghệ tập trung khám phá, thể hiện chiều sâu tính cách, số phận con người, thế giới bên trong của con người. Nội dung tác phẩm văn nghệ còn là tư tưởng, tấm lòng của nghệ sĩ gửi gắm trong đó.

- Tác phẩm văn nghệ không cất lên những lời thuyết lí khô khan mà chứa đựng tất cả những say sưa, vui buồn, yêu ghét, mơ mộng của nghệ sĩ. Nó mang đến cho chúng ta bao rung động, bao ngỡ ngàng trước những điều tưởng chừng rất quen thuộc.

- Nội dung của văn nghệ còn là rung cảm và nhận thức của từng người tiếp nhận. Nó sẽ được mở rộng, phát huy vô tận qua từng thế hệ người đọc, người xem.

Tóm lại, nội dung chủ yếu của văn nghệ là hiện thực mang tính cụ thể, sinh động, là đời sống tình cảm của con người qua cái nhìn và tình cảm có tính cá nhân của người nghệ sĩ.

Bài 3: *Cảm nhận của em về tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ qua truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê bằng một bài văn ngắn.*

Gợi ý:

1. Mở bài

- Giới thiệu chung về tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước qua hình ảnh các cô thanh niên xung phong trong truyện " Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.

2. Thân bài

- Hoàn cảnh cuộc chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt, họ vẫn vươn lên và toả sáng những phẩm chất cao đẹp.

+ Trẻ trung, trong sáng, hồn nhiên, yêu thương nhau trên tinh thần đồng chí, đồng đội.

+ Tâm hồn mơ mộng, lãng mạn, lạc quan.

+ Vượt qua mọi gian khổ, hi sinh, dũng cảm chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ để bảo vệ Tổ quốc.

3. Kết bài

Tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ, sống có lí tưởng, có mục đích, có trách nhiệm, có trái tim yêu nước nồng nàn.

III. củng cố - Dặn dò (5')

? Nhắc lại nội dung cần nắm trong buổi ôn (trọng tâm kiến thức văn học, tiếng việt)

- Giao bài tập về nhà: HS hoàn thành bài cảm nhận về nhân vật Phương Định.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 18: ÔN TẬP HỌC KỲ II (tiếp)**(Phần Tập làm văn)****I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức:

- Ôn tập củng cố cách làm bài văn nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng hệ thống hóa kiến thức.

- Kỹ năng xác định đề, lập dàn bài văn nghị luận vào thực hành viết đoạn văn, lập dàn ý cho bài văn nghị luận.

- Kỹ năng trình bày, lắng nghe một cách tự tin, hiệu quả.

3. Thái độ, phẩm chất

- Tích cực, tự giác học tập, khái quát hóa kiến thức.

- Bồi dưỡng tinh thần chăm chỉ, trách nhiệm và các phẩm chất cao đẹp khác.

4. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực trình bày, lắng nghe và viết được đoạn văn, bài văn nghị luận.

II. Tiến trình lên lớp**Tiết 1:****A. Ôn tập nghị luận xã hội (15 - 20 phút)**

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, nhóm.</p> <p>GV nêu câu hỏi:</p> <p>? Trong kiểu bài NLXH các em được tìm hiểu những dạng bài nào?</p> <p>- Dạng NL về một sự việc, hiện tượng đời sống.</p> <p>- Dạng NL về một vấn đề tư tưởng đạo lý.</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm và phát phiếu bài tập cho HS (thời gian: 3 phút).</p> <p>Nhóm 1:? Thế nào là bài văn NL về một sự việc, hiện tượng đời sống?</p>	<p>I. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI</p> <p>1. Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống</p> <p>a. Khái niệm</p> <p>- <i>Khái niệm:</i> Nghị luận về một sự việc hiện</p>

<p>? Nêu một số sự việc, hiện tượng tiêu biểu?</p> <p>Nhóm 2: Trình bày dàn ý của bài văn nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống.</p>	<p>tượng trong đời sống xã hội là bàn về một sự việc hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen hay đáng chê, hoặc nêu ra vấn đề đáng suy nghĩ.</p> <p>+ Ví dụ: hiện tượng tiêu cực: vi phạm ATGT, bạo lực học đường, đại dịch AIDS, đại dịch Covid 19...; hiện tượng tích cực: những người vượt lên số phận(Nick Vujicic, em Phạm Thị Mỹ...), bảo vệ môi trường, hiến máu nhân đạo, ...</p> <p>b. Dàn ý:</p> <p>- MB: Giới thiệu vấn đề nghị luận.</p> <p>- TB:</p> <p>+ Giải thích từ khóa</p> <p>+ Nêu thực trạng, biểu hiện: xuất hiện ở đâu, trong thời gian nào, mức độ ảnh hưởng ra sao</p> <p>+ Nguyên nhân(khách quan và chủ quan)</p> <p>+ Tác động, ảnh hưởng(hậu quả đối với sự việc tiêu cực, kết quả, ý nghĩa đối với hiện tượng tích cực)</p> <p>+ Giải pháp(ngăn chặn sự việc tiêu cực, phát huy sự việc tích cực)</p> <p>- KB: Khái quát vấn đề nghị luận và bày tỏ thái độ bản thân.</p>
<p>Nhóm 3:</p> <p>? Thế nào là bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý?</p> <p>? Em hiểu thế nào là tư tưởng, đạo lý?</p> <p>Nêu một vài tư tưởng, đạo lý mà em biết?</p> <p>Nhóm 4: Trình bày dàn ý của bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý</p>	<p>2. Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý</p> <p>a. Khái niệm:</p> <p>- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng đạo đức, lối sống của con người.</p> <p>- Tư tưởng là những ý nghĩ, quan điểm của con người đối với hiện thực khách quan, xã hội. Đạo lý chính là đạo đức, lối sống... của con người trong cuộc sống.</p> <p>+ Ví dụ: lý tưởng sống, ước mơ, lòng yêu nước, nhân ái, tình mẫu tử, tình anh em, tình thầy trò...</p> <p>b. Dàn ý:</p> <p>- MB: Giới thiệu vấn đề nghị luận</p> <p>- TB:</p> <p>+ Giải thích khái niệm, nêu biểu hiện</p> <p>+ Khẳng định, chứng minh tính đúng sai của</p>

	<p>vấn đề (lý lẽ và dẫn chứng)</p> <p>+ Bàn luận, đánh giá: nêu ý nghĩa, phê phán những biểu hiện sai lệch, ca ngợi những biểu hiện đúng; mở rộng vấn đề</p> <p>+ Rút ra bài học nhận thức và hành động</p> <p>- KB: khẳng định, khái quát vấn đề, lời nhắn gửi đến mọi người</p>
<p>GV nêu những vấn đề cần lưu ý để hs viết tốt bài văn NLXH</p> <p>1. Đọc kỹ đề</p> <p>- Mục đích: Hiểu rõ yêu cầu của đề, phân biệt được tư tưởng đạo lý hay hiện tượng đời sống.</p> <p>- Phương pháp xác định: Đọc kỹ đề, gạch chân dưới từ, cụm từ quan trọng để giải thích và xác lập luận điểm cho toàn bài. Từ đó có định hướng đúng mà viết bài cho tốt.</p> <p>2. Lập dàn ý</p> <p>- Giúp ta trình bày văn bản khoa học, có cấu trúc chặt chẽ, hợp logic.</p> <p>- Kiểm soát được hệ thống ý, lập luận chặt chẽ, mạch lạc.</p> <p>- Chủ động dung lượng các luận điểm phù hợp, tránh lan man, dài dòng. Mỗi luận điểm thường viết thành một đoạn văn.</p> <p>3. Dẫn chứng phù hợp</p> <p>- Dẫn chứng phải có tính thực tế và thuyết phục (<i>người thật, việc thật</i>), không lấy những dẫn chứng chung chung (<i>không có người, nội dung, sự việc cụ thể</i>).</p> <p>- Đưa dẫn chứng phải thật khéo léo và phù hợp (<i>tuyệt đối không kể lể dài dòng</i>).</p> <p>4. Lập luận chặt chẽ, lời văn cô đọng, giàu sức thuyết phục</p> <p>- Cảm xúc trong sáng, lành mạnh.</p> <p>- Đề bài văn thấu tình đạt lý thì phải thường xuyên tạo lối viết song song (<i>đồng tình, không đồng tình; ngợi ca, phản bác...</i>).</p>	<p>II. NHỮNG VẤN ĐỀ LƯU Ý KHI LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI</p> <p>1. Đọc kỹ đề</p> <p>2. Lập dàn ý</p> <p>3. Dẫn chứng phù hợp</p> <p>4. Lập luận chặt chẽ, lời văn cô đọng, giàu sức thuyết phục</p> <p>5. Bài học nhận thức và hành động cụ thể, có tính khả thi, ko sáo rỗng</p> <p>6. Hình thức và độ dài văn bản cần phù hợp với yêu cầu đề bài</p>

5. Bài học nhận thức và hành động

- Sau khi phân tích, chứng minh, bàn luận... thì phải rút ra cho mình bài học.

- Thường bài học cho bản thân bao giờ cũng gắn liền với rèn luyện nhân cách cao đẹp, đấu tranh loại bỏ những thói xấu ra khỏi bản thân, học tập lối sống...

6. Độ dài cần phù hợp với yêu cầu đề bài

- Khi đọc đề cần chú ý yêu cầu đề (*hình thức bài làm là đoạn văn hay bài văn, bao nhiêu câu, bao nhiêu chữ...*) từ đó sắp xếp ý tạo thành bài văn hoàn chỉnh.

III. Luyện tập(20 - 25 phút)

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

- Bài tập có kèm theo đáp án

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm</p> <p>Nhóm 1, 2 lập dàn ý cho đề bài:</p> <p>Bài tập 1: Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trong thế hệ trẻ hiện nay</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p><u>Gợi ý:</u></p> <p>1. Mở bài</p> <p>Trong cuộc sống này bên cạnh những tấm lòng nhân ái thì vẫn còn đó những con người sống ích kỉ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với người thân, gia đình và cộng đồng, đặc biệt được thể hiện trong giới trẻ hiện nay.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a) Giải thích hiện tượng</p> <p>- <i>Vô cảm</i> là không có cảm giác, không có tình cảm, không xúc động trước một sự vật, hiện tượng, một vấn đề gì đó trong đời sống. Bệnh vô cảm là căn bệnh của những người không có tình yêu thương, sống dửng dưng trước nỗi đau của con người, xã hội, nhân loại...</p> <p>- <i>Hiện tượng sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với người thân, gia đình và cộng đồng trong thế hệ trẻ hiện nay</i> là biểu hiện tiêu cực trong đời sống của giới trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước. Hiện tượng này thu hút mọi quan tâm và gây ra nhiều bức xúc cho xã hội.</p>

b) Bàn luận**(1) Thực trạng:**

- Hiện đang là một xu hướng của rất nhiều học sinh, thanh niên: sống ích kỉ, ham chơi, chỉ biết đòi hỏi, hưởng thụ không có trách nhiệm với gia đình, xã hội. Thậm chí có bạn trẻ tìm đến cái chết chỉ vì cha mẹ không đáp ứng các yêu cầu của mình...

(2) Nguyên nhân

- Xã hội phát triển, nhiều các loại hình vui chơi giải trí. Nền kinh tế thị trường khiến con người coi trọng vật chất, sống thực dụng hơn
 - Do phụ huynh nuông chiều con cái...
 - Nhà trường, xã hội chưa có các biện pháp quản lí, giáo dục thích hợp

(3) Hậu quả

- Con người trở thành kẻ ích kỉ, vô trách nhiệm, vô lương tâm, chỉ biết sống cho mình mà không quan tâm đến người thân và những người xung quanh.
 - Không biết cảm thông, chia sẻ, yêu thương với những cảnh ngộ bất hạnh trong cuộc đời.
 - Bị xã hội coi thường, bị mọi người xa lánh.

(4) Biện pháp

- Thế hệ trẻ cần xác định lí tưởng sống, mục đích sống đúng đắn, sống tử tế với người thân và mọi người xung quanh.
 - Mọi suy nghĩ, hành động, lời nói của mình đều phải xuất phát từ lòng nhân ái.
 - Tích cực tham gia vào những phong trào, những hoạt động mang ý nghĩa xã hội rộng lớn...

c) Bài học nhận thức và hành động

- Nhận thức: sống trong đời sống cần có tình yêu thương, biết quan tâm chia sẻ với người thân, với cộng đồng; không nên sống thờ ơ, vô cảm, ích kỉ.
 - Bài học hành động:
 + Mỗi học sinh cần xác định đúng nhiệm vụ học tập và tu dưỡng đạo đức, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.
 + Hãy ra sức chống bệnh vô cảm qua việc làm, học tập hằng ngày của mình. Hãy quan

	<p>tâm giúp đỡ bạn bè. Hãy chia sẻ những gì mình có thể cho những cuộc đời bất hạnh quanh ta để trái tim và cuộc sống này tràn ngập yêu thương.</p> <p>3. Kết bài</p> <p>Mỗi người chúng ta hãy yêu thương, chia sẻ và gắn bó với cộng đồng. Điều đó sẽ chống được bệnh vô cảm và làm cho cuộc đời của con người có ý nghĩa hơn.</p>
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập (nhóm, cá nhân, tổ..)</p> <p>Nhóm 3, 4 lập dàn ý cho đề bài:</p> <p>Bài tập 2: Trình bày suy nghĩ về sức mạnh của tình yêu thương con người trong xã hội hiện nay.</p> <p><i>Ví dụ MB:</i></p> <p>Mỗi chúng ta ai cũng đã từng nghe câu tục ngữ “Thương người như thể thương thân”, đó là một nghĩa cử rất cao đẹp của con người. Trong cuộc sống chúng ta cần mở lòng để yêu thương và giúp đỡ những người xung quanh khó khăn hơn ta. Khi chúng ta yêu thương người khác thì chúng ta sẽ được yêu thương và được quý mến hơn. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu thương con người.</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p><u>Gợi ý:</u></p> <p>a) Mở bài: Nêu vấn đề cần nghị luận: Ý nghĩa của tình yêu thương</p> <p>b) Thân bài</p> <p>* Giải thích tình yêu thương là gì ?</p> <p>- Tình yêu thương là một khái niệm chỉ một phẩm chất tình cảm, vẻ đẹp tâm hồn của con người. Đó là tình cảm thương yêu, chia sẻ và đùm bọc một cách thấm thiết.</p> <p>+ Yêu thương con người là sự quan tâm, giúp đỡ của chúng ta đối với những người xung quanh</p> <p>+ Là làm những điều tốt đẹp cho người khác và nhất là những người gặp khó khăn hoạn nạn.</p> <p>+ Là thể hiện tình cảm yêu thương và quý mến người khác.</p> <p>* Biểu hiện của tình yêu thương</p> <p>- Trong gia đình:</p> <p>+ Ông bà thương con cháu, cha mẹ thương con, con thương cha mẹ</p> <p>+ Cha mẹ chấp nhận hi sinh, cực nhọc để làm việc vất vả và nuôi dạy con cái nên người</p> <p>+ Con cái biết nghe lời, yêu thương cha mẹ là thể hiện tình yêu thương của mình đối với ba mẹ</p> <p>+ Tình yêu thương còn thể hiện ở sự hòa thuận quý mến lẫn nhau giữa anh em với nhau.</p> <p>- Trong xã hội:</p> <p>+ Tình yêu thương thể hiện ở tình yêu đôi lứa</p> <p>+ Tình yêu thương con người là truyền thống đạo lý</p> <p>+ Tình thương dành cho những con người có</p>

	<p>số phận đau khổ, bất hạnh.</p> <p>+ Quan tâm, chia sẻ vật chất cho những người sống khó khăn, thiếu thốn, cần sự giúp đỡ ở quanh mình.</p> <p>+ Lên án, đấu tranh chống lại những thế lực đầy dọ, bóc lột, ngược đãi con người.</p> <p>* Ý nghĩa của tình yêu thương</p> <p>- Sưởi ấm tâm hồn những con người cô đơn, đau khổ, bất hạnh, truyền cho họ sức mạnh, nghị lực để vượt lên hoàn cảnh.</p> <p>- Tạo sức mạnh cảm hoá kì diệu đối với những người “lầm đường lạc lối”; mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin và cơ hội để có cuộc sống tốt đẹp hơn;</p> <p>- Là cơ sở xây dựng một xã hội tốt đẹp, có văn hóa.</p> <p>* Phê phán:</p> <p>- Phê phán những người trong xã hội sống thiếu tình thương, vô cảm, đứng đưng trước nỗi đau chung của đồng loại; những kẻ ích kỉ, chỉ biết lo cho cuộc sống của bản thân mình mà không quan tâm đến bất cứ ai.</p> <p>* Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Tình yêu thương có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống</p> <p>- Chúng ta hãy nâng niu hạnh phúc gia đình; hãy sống yêu thương, biết sẻ chia, đồng cảm với những cảnh ngộ trong cuộc đời.</p> <p>c) Kết bài</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề: Tình yêu thương có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người, là lẽ sống của mỗi người</p> <p>- Rút ra bài học: Mỗi người chúng ta phải biết yêu thương lẫn nhau, yêu thương đồng loại.</p>
--	---

Tiết 2:

B. Ôn tập Nghị luận văn học

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm, cá nhân</p> <p>Nhóm 1:</p> <p>? Thế nào là bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?</p>	<p>I. Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ</p> <p>1. Khái niệm:</p> <p>Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là cách trình bày nhận xét đánh giá của mình về nội dung, nghệ thuật đoạn thơ, bài thơ ấy.</p>

<p>? Nêu những yêu cầu cần đạt về nội dung và hình thức của bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ?</p> <p>Nhóm 2:</p> <p>? Trình bày dàn ý của bài NL về một đoạn thơ, bài thơ?</p>	<p>2. Yêu cầu:</p> <p>+ Về nội dung: Nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ được thể hiện qua ngôn từ, giọng điệu, ... Bài nghị luận cần phân tích các yếu tố ấy để có những nhận xét đánh giá cụ thể, xác đáng.</p> <p>+ Về hình thức: Bài viết cần có bố cục mạch lạc, rõ ràng; có lời văn gợi cảm, thể hiện rung động chân thành của người viết.</p> <p>3. Dàn ý:</p> <p>+ Mở bài: Giới thiệu tác giả, đoạn thơ, bài thơ và bước đầu nêu nhận xét đánh giá của mình (nếu phân tích một đoạn thơ nên nêu rõ vị trí của đoạn thơ ấy trong tác phẩm và khái quát nội dung cảm xúc của nó)</p> <p>+ Thân bài: Lần lượt trình bày những suy nghĩ, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ ấy.</p> <p>+ Kết bài: Khái quát giá trị, ý nghĩa của đoạn thơ, bài thơ.</p>
<p>Nhóm 3:</p> <p>? Thế nào là bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích?</p> <p>? Nêu những yêu cầu cần đạt về nội dung và hình thức của bài nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích?</p> <p>Nhóm 4:</p>	<p>II. Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.</p> <p>1. Khái niệm:</p> <p>Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể.</p> <p>2. Yêu cầu:</p> <p>+ Về nội dung: Những nhận xét đánh giá về truyện phải xuất phát từ ý nghĩa của cốt truyện, tính cách, số phận của nhân vật và nghệ thuật trong tác phẩm được người viết phát hiện và khái quát.</p> <p>Các nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện (hay đoạn trích) trong bài nghị luận phải rõ ràng, đúng đắn, có luận cứ và lập luận thuyết phục.</p> <p>+ Về hình thức: Bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) cần có bố cục mạch lạc, có lời văn chuẩn xác, gợi cảm.</p> <p>3. Dàn ý:</p> <p>+ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu</p>

<p>? Trình bày dàn ý của bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích?</p>	<p>sơ bộ ý kiến đánh giá của mình. + Thân bài: Nêu các luận điểm chính về nội dung và các nghệ thuật của tác phẩm. Phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực. + Kết bài: Nêu nhận định, đánh giá chung của mình về tác phẩm truyện (đoạn trích)</p>
<p>GV nêu những vấn đề cần lưu ý để hs viết tốt bài văn NLVH:</p> <p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cần nắm vững nội dung kiến thức tác phẩm. – Đọc kỹ đề, gạch chân dưới những từ ngữ quan trọng trong đề. Phải hiểu đề thì đang hỏi ta điều gì? – Xác định đề thi thuộc dạng đề thi nào? Chứng minh một nhận định hay phân tích một hình tượng, một đoạn thơ, một bài thơ... hay so sánh đối chiếu giữa các tác phẩm với nhau. <p>2. Các nội dung bài làm:</p> <p>I. Mở bài: nêu được yêu cầu của đề bài. Nghĩa là đề thi yêu cầu như thế nào thì phải dẫn vào vấn đề như thế. Tránh lỗi viết mở bài mà không làm nổi bật được yêu cầu của đề.</p> <p>II. Thân bài: có thể chia thành các ý:</p> <p>1. Khái quát về tác giả (phong cách sáng tác), tác phẩm, xuất xứ: (nếu các em đã đưa phần tác giả lên mở bài thì phần khái quát có thể không cần nữa; hoặc phần khái quát sẽ dùng để nói hoàn cảnh sáng tác)</p> <p>2. Nội dung phân tích, cảm nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trong phần nội dung của bài làm, học sinh phải xác lập được các luận điểm chính rồi từ đó dựa vào các thao tác: chứng minh, bình luận, phân tích, cảm nhận... để làm rõ luận điểm. – Nên viết đoạn văn theo lối diễn dịch hoặc tổng-phân-hợp để ý được rõ ràng. 	<p>III. NHỮNG VẤN ĐỀ LƯU Ý KHI LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VH.</p>

<p>– Đối với thơ hay truyện thì phải lấy nghệ thuật để phân tích phần nội dung (Nhất là phân tích thơ).</p> <p>– Khi hành văn, cần tránh những câu từ sáo rỗng. Cần viết thật cô đọng, giọng văn phải kết hợp được chất lý luận và suy tư cảm xúc.</p> <p>– Tránh gạch bỏ quá nhiều trong bài làm, làm bản bài làm sẽ gây phản cảm cho người chấm.</p> <p>– Để tăng chiều sâu cho bài viết, cần có sự so sánh, đối chiếu giữa nhân vật này, nhân vật kia, tác phẩm này, tác phẩm nọ. Cần đưa một số lời phê bình, nhận định văn học vào trong bài làm. Cần có dẫn chứng thêm ngoài tác phẩm. Những yếu tố vừa nói trên đây sẽ làm cho bài văn của các em thêm phong phú và có chiều sâu, chắc chắn sẽ được giám khảo cân nhắc mà cho điểm cao.</p> <p>3. Phân đánh giá, liên hệ, mở rộng: tổng kết những giá trị nghệ thuật, nội dung của đoạn trích hoặc tác phẩm.</p> <p>- Liên hệ, mở rộng với những tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề, cùng thời gian sáng tác... để bài viết được sâu sắc hơn</p> <p>III. Kết bài: Cố gắng viết cho lắng đọng, vì sẽ có cảm tình rất lớn với người chấm (giống như khi ca sĩ hát, cuối bài hát thường rất hay, mà hay thì tiếng vỗ tay không ngớt)</p>	
---	--

IV. Luyện tập:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân, cặp đôi.</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Bài tập 1: Em hãy đặt 5 đề bài NLVH về các tác phẩm đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 8 và lớp 9?</p> <p>HS viết ra giấy và trao đổi với bạn cùng cặp để cùng</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p>

nhận xét, đánh giá và sửa lỗi (nếu có). GV gọi một vài cặp trả lời, nhận xét và rút kinh nghiệm cho các em.	
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm, cá nhân, tổ..</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Bài tập 2: Chọn ra đáp án đúng cho mỗi câu hỏi sau:</p> <p>1. Đề nào trong số các đề văn sau không thuộc dạng bài nghị luận văn học?</p> <p>A. Phân tích lí tưởng sống của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long).</p> <p>B. Từ câu thơ của Tố Hữu: “Lẽ nào vay mà không trả-sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình?” (Một khúc ca), em có suy nghĩ gì về lí tưởng sống của thanh niên hiện nay?</p> <p>c. Hình tượng người phụ nữ Việt Nam trong XHPK qua hai tác phẩm: “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và “Truyện Kiều” của Nguyễn Du?</p> <p>D. Khát vọng tự do trong bài thơ “Khi con tu hú” của Tố Hữu.</p> <p>2. Phân tích vẻ đẹp của người lao động mới trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận thuộc kiểu đề nào?</p> <p>A. Phân tích một bài thơ</p> <p>B. Phân tích một vấn đề trong tác phẩm</p> <p>C. Phân tích nhân vật</p> <p>D. Phân tích hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm thơ</p> <p>3. Với đề bài Phân tích vẻ đẹp của người lao động mới trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận, người viết cần sử dụng những thao tác lập luận nào?</p> <p>A. Phân tích, giải thích</p> <p>B. Phân tích, bình luận</p> <p>C. Phân tích, bình giảng, chứng minh</p> <p>D. Phân tích, chứng minh</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>Đáp án:</p> <p>1. B</p> <p>2. D</p> <p>3. C</p>

Tiết 3:

B. Ôn tập Nghị luận văn học(tiếp)

IV. Luyện tập(tiếp)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Nhóm 1, 2:</p> <p>Bài tập 3: Lập dàn ý cho đề bài sau:</p>	<p>- GV chốt kiến thức</p> <p>Đáp án:</p> <p>I. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm</p>

<p>Cảm nhận 7 câu thơ đầu trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu?</p>	<p>- Nêu cảm nhận chung ND, NT của đoạn thơ và chép lại đoạn thơ.</p> <p><u>II. Thân bài</u></p> <p><u>1. Khái quát:</u></p> <p>- Bài thơ ra đời năm 1948 trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp</p> <p>- Với những lời thơ mộc mạc, giản dị, ý thơ đậm thắm, tg đã khắc họa thành công h/ả người lính Cụ Hồ trong cuộc k/c chống P. Đoạn thơ mở đầu đã để lại bao xúc động bởi ta hiểu được cơ sở hình thành nên tình đồng chí. Họ đã gắn kết với nhau bởi rất nhiều điểm chung: chung giai cấp, nhiệm vụ, lí tưởng, chung khó khăn, thiếu thốn.</p> <p><u>2. Cảm nhận:</u></p> <p>a, Tình đồng chí của người lính bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân:</p> <p>- Ngay từ những câu thơ mở đầu, tác giả đã lí giải cơ sở hình thành tình đồng chí thấm thiết, sâu nặng của anh và tôi – của những người lính Cách mạng:</p> <p><i>“Quê hương tôi nước mặn đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.”</i></p> <p>+ Thành ngữ “nước mặn đồng chua”, hình ảnh “đất cày lên sỏi đá”</p> <p>+ Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện</p> <p>=> Các anh ra đi từ những miền quê nghèo đói, lam lũ - miền biển nước mặn, trung du đồi núi, và gặp gỡ nhau ở tình yêu Tổ quốc lớn lao. Các anh là những người nông dân mặc áo lính – đó là sự đồng cảm về giai cấp.</p> <p>- Cũng như giọng thơ, ngôn ngữ thơ ở đây là ngôn ngữ của đời sống dân dã, mộc mạc:</p> <p><i>“Anh với tôi đôi người xa lạ Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”.</i></p> <p>=> Đến từ mọi miền đất nước, vốn là những người xa lạ, các anh đã cùng tập hợp trong một đội ngũ và trở nên thân quen.</p> <p>b. Cùng chung mục đích, lí tưởng chiến đấu:</p> <p><i>“Súng bên súng, đầu sát bên đầu”</i></p> <p>- Điệp từ, hình ảnh sóng đôi mang ý</p>
---	--

nghĩa tượng trưng.

=> Tình đồng chí, đồng đội được hình thành trên cơ sở cùng chung nhiệm vụ và lí tưởng cao đẹp. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu, các anh đã cùng tập hợp dưới quân kì, cùng kề vai sát cánh trong đội ngũ chiến đấu để thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng của thời đại.

c. Cùng chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn:

- Mỗi tính từ kĩ của những người bạn chí cốt được biểu hiện bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị, gợi cảm:

“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.

- Chính trong những ngày gian khó, các anh đã trở thành tri kỉ của nhau, để cùng chung nhau cái giá lạnh mùa đông, chia nhau cái khó khăn trong một cuộc sống đầy gian nan.

-> Tình cảm đồng chí được kết tinh ở dòng thơ thứ 7: **"Đồng chí"** - câu thơ chỉ có 2 tiếng kết hợp với dấu chấm than như một tiếng gọi thốt lên từ tận đáy lòng với bao t/c trù mền trân trọng. Đó cũng chính là một phát hiện, một khẳng định về một tình cảm vô cùng thiêng liêng. Hai tiếng *"Đồng chí"* ngắn gọn nhưng không khô khan bởi nó là kết tinh của rất nhiều tình cảm: tình người, tình đồng đội, tình tri kỉ. Nó như gói gọn mọi cung bậc cảm xúc để phát triển thành thứ tình cảm mới vô cùng thiêng liêng.

+ *"Đồng chí"* - câu thơ được tách thành một dòng riêng, có vị trí đặc biệt. Nó như một bản lề gắn kết hai phần bài thơ, vừa khép lại ý của bảy câu thơ trên: cùng hoàn cảnh xuất thân, cùng lí tưởng thì trở thành đồng chí của nhau. Đồng thời nó cũng mở ra ý tiếp theo: Đó chính là biểu hiện cụ thể và cảm động của tình đồng chí ở mười câu thơ sau.

3. Đánh giá, liên hệ, mở rộng:

- Khái quát nội dung, nghệ thuật

- Liên hệ: hình ảnh người lính trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ qua bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật...

	<p>III. Kết bài: Khổ thơ kết thúc nhưng lại mở ra những suy nghĩ mới trong lòng người đọc. Bởi nó đã khơi gợi lại những kỷ niệm đẹp, những tình cảm tha thiết gắn bó yêu thương để hình thành nên tình đồng chí mà chỉ có những người đã từng là lính mới có thể hiểu và cảm nhận hết được. Bài thơ đã ca ngợi tình đồng chí hết sức thiêng liêng như là một ngọn lửa vẫn cháy mãi, bập bùng, không bao giờ tắt.</p>
<p>- Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm. - HS thực hiện: Nhóm 3, 4:</p> <p>Bài tập 4: Lập dàn ý cho đề bài sau: Cảm nhận của em về nhân vật Phương Định trong đoạn trích sau: “...Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vờ vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ theo dõi mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đằng hoàng mà bước tới. Quả bom nằm lạnh lùng lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng... Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng. Chị Thao thổi còi. Như thế là đã hai</p>	<p>- GV chốt kiến thức (Đáp án)</p> <p>I. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về tác giả Lê Minh Khuê. - Giới thiệu về tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi”. - Giới thiệu nội dung đoạn trích và nêu cảm nhận chung về nhân vật Phương Định: lòng dũng cảm, gan dạ trong một lần phá bom. <p>II. Thân bài:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái quát hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và giới thiệu chung về nv Phương Định 2. Cảm nhận về đẹp nhân vật trong đoạn trích: <ul style="list-style-type: none"> - Khung cảnh và không khí chưa đầy sự căng thẳng... - Lúc đến gần quả bom => Lòng dũng cảm của cô được kích thích bởi sự tự trọng khiến cô bình tĩnh và can đảm. - Lúc đặt mìn, phá bom => gan dạ, dũng cảm - Lúc chờ bom nổ và cảnh bom nổ => Phương Định hiện lên là một người có tinh thần trách nhiệm cao. 3. Đánh giá chung: <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật: miêu tả tâm lí nhân vật – tâm lí Phương Định đạt đến độ tinh tế nhất. Ngôn ngữ trần thuật qua nhân vật chính làm cho tác phẩm có giọng điệu, ngôn ngữ tự nhiên gần với khẩu ngữ, trẻ trung, nữ tính... <p>=> Có thể nói, gan dạ, dũng cảm là nét nổi bật trong phẩm chất của Phương Định, của biết bao người con gái, người trai khi đến với</p>

mười phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong, mềm. Tôi khỏa đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình.

Hồi còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom...

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đừng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng.

Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái, đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”..

(Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi, Ngữ văn 9, tập hai, trang 117-118)

chiến trường ác liệt, tham gia vào việc chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc.
III. Kết bài: Khẳng định vấn đề

III. củng cố - Dặn dò

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học
- Giao bài tập về nhà: Viết hoàn chỉnh bài văn vừa lập dàn ý vào vở.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Buổi 19: LUYỆN ĐỀ

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức

- Ôn tập, củng cố kiến thức Văn học, tiếng Việt.
- Vận dụng kiến thức làm bài văn nghị luận xã hội, nghị luận văn học

2. Kỹ năng

- Luyện đề, có ý thức vận dụng những kiến thức đã học vào đề bài.
- Nhạy bén khi làm nhiều dạng đề khác nhau.

3. Thái độ, phẩm chất

- Nghiêm túc vận dụng kiến thức vào việc làm các bài tập trong đề bài.

- Đọc kỹ, cẩn thận trong khâu tiếp nhận đề bài.

4. Năng lực

- Đọc, viết làm bài kiểm tra.

II. Tiến trình lên lớp

Gv hướng dẫn học sinh đọc, tiếp cận đề bài, giải đề theo đúng thời gian quy định

ĐỀ 1

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

(I) *Mỗi người đều có một ước mơ riêng cho mình. Có những ước mơ nhỏ nhoi như của cô bé bán diêm trong truyện cổ An-đéc-xen: một mái nhà trong đêm đông giá buốt. Cũng có những ước mơ lớn lao làm thay đổi cả thế giới như của tỷ phú Bill Gates. Mơ ước khiến chúng ta trở nên năng động một cách sáng tạo./ Nhưng chỉ mơ thôi thì chưa đủ. Ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi đi kèm với hành động và nỗ lực thực hiện ước mơ... Tất cả chúng ta đều phải hành động nhằm biến ước mơ của mình thành hiện thực.*

(II) [...] Ngày bạn thôi mơ mộng là ngày cuộc đời bạn mất hết ý nghĩa. Những người biết ước mơ là những người đang sống cuộc sống của các thiên thần. Ngay cả khi giấc mơ của bạn không bao giờ trọn vẹn, bạn cũng sẽ không phải hối tiếc vì nó. Như Đôn Ki-hô-tê đã nói: “Việc mơ những giấc mơ diệu kỳ là điều tốt nhất một người có thể làm”.

(III) Tôi vẫn tin vào những câu chuyện cổ tích - nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp. Hãy tự tin tiến bước trên con đường mơ ước của bạn.

(Trích Quà tặng cuộc sống, NXB TP.HCM, 2016, tr. 56-57)

Câu 1 (0,5 điểm): Trong đoạn trích trên, tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2 (0,5 điểm): Tác giả đã chứng minh những ước mơ riêng của mỗi người bằng dẫn chứng nào trong đoạn (I)?

Câu 3 (1,0 điểm): Gọi tên và nêu dấu hiệu của phép liên kết trong các câu văn sau: *Có những ước mơ nhỏ nhoi như của cô bé bán diêm trong truyện cổ An-đéc-xen: một mái nhà trong đêm đông giá buốt. Cũng có những ước mơ lớn lao làm thay đổi cả thế giới như của tỷ phú Bill Gates.*

Câu 4 (1,0 điểm): Em có đồng tình với ý kiến “Tất cả chúng ta đều phải hành động nhằm biến ước mơ của mình thành hiện thực” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 đến 20 dòng) trình bày suy nghĩ về vai trò của ước mơ trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm): Cảm nhận của em về tình cảm mà người cha dành cho con trong tác phẩm “*Chiếc lược ngà*” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Từ đó liên hệ với thực tế

cuộc sống hoặc với một tác phẩm khác cũng viết về đề tài gia đình để thấy được sức mạnh của tình cảm gia đình.

.....**Hết**.....

ĐÁP ÁN ĐỀ THI

Câu	Nội dung yêu cầu	Điểm
I.	ĐỌC - HIỂU	3,0
1	Phương thức biểu đạt: Nghị luận.	0,5
2	Tác giả đã chứng minh những ước mơ riêng của mỗi người bằng dẫn chứng nào trong đoạn (I): <i>Có những ước mơ nhỏ nhoi như của cô bé bán diêm trong truyện cổ An-đéc-xen: một mái nhà trong đêm đông giá buốt. Cũng có những ước mơ lớn lao làm thay đổi cả thế giới như của tỷ phú Bill Gates.</i> (Hoặc học sinh chỉ nêu vẫn cho điểm tối đa: Giác mơ của cô bé bán diêm trong truyện cổ An-đéc-xen và ước mơ của tỷ phú Bill Gates.)	0,5
3	Phép nối: <i>Cũng</i> Phép lặp: <i>ước mơ</i>	0,5 0,5
4	- Bày tỏ rõ quan điểm: có thể đồng tình hoặc không đồng tình một phần - Lí giải phải thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25 07,5
II.	LÀM VĂN	7,0
1.	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày về vai trò của ước mơ trong cuộc sống.	2,0
a.	<i>Đảm bảo cấu trúc đoạn văn:</i> Có đủ các phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.	0,25
b.	<i>Xác định đúng vấn đề nghị luận :</i> Vai trò của ước mơ trong cuộc sống.	0,25
c.	<i>Triển khai vấn đề nghị luận thành một đoạn văn theo những cách khác nhau nhưng cần tập trung làm rõ vai trò của ước mơ trong cuộc sống. Có thể theo hướng sau:</i> - Ước mơ: là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được. - Ước mơ có ý nghĩa vô cùng lớn lao trong cuộc đời mỗi người: là ngọn đèn thấp lên niềm hi vọng về một tương lai hạnh phúc, là động	1,0

	<p>lực để con người cố gắng phấn đấu vươn lên đạt được thành công. Người có ước mơ sẽ cảm nhận được ý nghĩa tươi đẹp của cuộc sống, tha thiết tận hưởng và tận hiến, sống có ích....</p> <p>- Nếu không có ước mơ, con người sẽ sống không có mục đích, không có lý tưởng, sống an phận buông xuôi, thậm chí chán nản, bế tắc. Nếu ước mơ quá nhỏ bé, tầm thường thì cuộc sống trở nên nhạt nhẽo, vô vị....</p> <p>- Tuy vậy, theo đuổi ước mơ không có nghĩa là bất chấp tất cả, xa rời thực tế, hướng tới những điều viễn vông hão huyền, có hại và nguy hiểm. Ước mơ đẹp phải gắn liền với những điều thiết thực, có ý nghĩa. Để thực hiện ước mơ phải không ngừng nỗ lực vươn lên từng ngày, gắn với hành động thiết thực,...</p> <p><i>Lưu ý: Thí sinh có thể trình bày những suy nghĩ khác miễn là hợp lý, có sức thuyết phục, không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt	0,25
	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
2.	Cảm nhận của em về tình cảm mà người cha dành cho con trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Từ đó liên hệ với thực tế cuộc sống hoặc với một tác phẩm khác cũng viết về đề tài gia đình để thấy được sức mạnh của tình cảm gia đình.	5,0
	a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Tình cảm sâu nặng của ông Sáu dành cho con.	0,25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; biết vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể:</p> <p>* Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm:</p> <p>- Nguyễn Quang Sáng là một trong những cây bút tiêu biểu của văn xuôi Việt Nam thời kì chống Mỹ. Tác phẩm của ông tập trung thể hiện cuộc sống của con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình.</p> <p>- Truyện ngắn <i>Chiếc lược ngà</i> được viết năm 1966, in trong tập truyện cùng tên. Tác phẩm thể hiện cảm động tình cha con sâu nặng và cao</p>	0,5

	<p>đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh.</p> <p>* Phân tích tình cảm sâu nặng của ông Sáu dành cho con:</p> <p>- Hoàn cảnh nhân vật:</p> <p>+ Vì chiến tranh, ông Sáu phải xa con đi kháng chiến suốt 8 năm. Khi có dịp về thăm con thì con lại không nhận cha. Đến lúc con cất tiếng gọi <i>ba</i>, ông Sáu phải lên đường trở về căn cứ. và người cha ấy đã hi sinh mà chưa kịp trao lại chiếc lược ngà – kỉ vật thiêng liêng cho con.</p> <p>+ Đặt nhân vật trong cảnh ngộ éo le của cuộc chiến tranh, tác giả đã thể hiện cảm động tình cha sâu nặng của ông Sáu.</p> <p>- Tình cảm sâu nặng của ông Sáu dành cho con:</p> <p>+ Lúc xa con đi kháng chiến: mong nhớ con, trông chờ được gặp con.</p> <p>+ Trong những ngày nghỉ phép:</p> <p>☞ Cuống quýt, xúc động lúc mới gặp con để rồi hụt hẫng, thất vọng khi con bỏ chạy.</p> <p>☞ Mong con gọi tiếng <i>ba</i> nhưng con bị tổn thương khiến bé chẳng bao giờ gọi; càng vỗ về, quan tâm càng bị con xa lánh, lạnh lùng. Tình cảm yêu con bị tổn thương khiến ông Sáu buồn bã, khổ tâm, giận quá lỡ tay đánh con.</p> <p>☞ Hạnh phúc, yêu thương xen lẫn xót xa khi con cất tiếng gọi <i>ba</i> trong giờ phút chia tay.</p> <p>+ Khi trở lại căn cứ:</p> <p>☞ Ân hận, khổ tâm vì đã đánh con.</p> <p>☞ Dồn tất cả yêu thương, mong nhớ làm cây lược ngà cho con.</p> <p>☞ Vẫn đau đáu nghĩ đến con, dành trọn vẹn tình cảm cho con đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời.</p> <p>*. Đánh giá chung:</p> <p>- Tình cảm sâu nặng của ông Sáu dành cho con được thể hiện bằng hình thức nghệ thuật độc đáo: Nhân vật hiện lên qua lời kể mộc mạc, chân thật của người kể chuyện là ông Ba (bạn thân của ông Sáu); đặt nhân vật vào tình huống bất ngờ nhưng tự nhiên, hợp lí; miêu tả tâm lí, tình cảm nhân vật sâu sắc; sáng tạo hình ảnh chiếc lược ngà mang nhiều ý nghĩa.</p> <p>- Tình cảm ông Sáu dành cho con luôn thường trực đau đáu và được bộc lộ trong nhiều hoàn cảnh với những cung bậc cảm xúc khác nhau. Đó là tình cha con sâu nặng và cảm động, cao đẹp và bất diệt trong cảnh ngộ éo le của cuộc chiến tranh.</p> <p>- Qua việc thể hiện tình cảm cha con sâu nặng của ông Sáu dành cho</p>	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,75</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
--	--	---

	<p>con, nhà văn đã khẳng định và ca ngợi tình phụ tử thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy góp phần tạo nên sức mạnh đưa dân tộc ta vượt lên sự hủy diệt tàn bạo của chiến tranh, chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.</p> <p>*. Liên hệ:</p> <p>Học sinh có thể liên hệ với thực tế đời sống (nêu ra những câu chuyện, hiện tượng có thực trong đời sống) hoặc liên hệ với một tác phẩm khác cũng viết về đề tài tình cảm gia đình (trong hoặc ngoài SGK). Trên cơ sở đó khẳng định sức mạnh của tình cảm gia đình: gia đình là nơi dựa yêu thương, là điểm tựa tinh thần giúp con người vượt qua những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống,...</p>	
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc về chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo có suy nghĩ riêng, sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
<p align="center">Điểm tổng cộng: 10,0 điểm</p>		

----- HẾT -----

ĐỀ 2

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU

Câu 1 (2.0 điểm) Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :

“ Anh dừng lại một tiệm bán hoa để mua hoa gửi tặng mẹ qua đường bưu điện. Mẹ anh sống cách chỗ anh ở khoảng 300km. Khi bước ra khỏi xe, anh thấy một bé gái đang đứng khóc bên vỉa hè. Anh đến bên và hỏi nó sao lại khóc.

- Cháu muốn mua một bông hồng để tặng mẹ cháu - nó nức nở - nhưng cháu chỉ có 75 xu trong khi giá bán hoa hồng đến 2 dolar.

Anh mỉm cười và nói với nó:

- Đến đây chú sẽ mua cho cháu.

Anh liền mua hoa cho cô bé và đặt một bó hồng để gửi cho mẹ anh. Xong xuôi, anh hỏi cô bé có cần đi nhờ xe về nhà không.

Nó vui mừng trả lời:

- Dạ, chú cho cháu đi nhờ xe đến nhà mẹ cháu.

Nó chỉ đường cho anh lái xe đến nghĩa trang, nơi có phần mộ vừa đắp. Nó chỉ vào ngôi mộ và nói:

- Đây là nhà của mẹ cháu.

Nói xong, nó ân cần đặt bông hoa hồng lên mộ.

Tức thì anh quay lại tiệm bán hoa hủy bỏ dịch vụ gửi hoa và mua một bó hoa hồng thật đẹp. Suốt đêm đó anh đã lái xe một mạch 300km về nhà để trao tận tay mẹ bó hoa”

(Quà tặng cuộc sống)

- Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên?
- Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?
- Theo em, hai nhân vật: em bé và anh thanh niên, ai là người con hiếu thảo? Vì sao?
- Bài học mà em tâm đắc nhất từ văn bản trên?

PHẦN II: LÀM VĂN

Câu 2. (3,0 điểm)

.... Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:

- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thủ:

- Ủ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ...

(Trích *Làng*- Kim Lân, Ngữ văn 9, tập một)

Từ lời trò chuyện của ông Hai với đứa con út, hãy viết một bài văn nghị luận ngắn với chủ đề “Niềm tin”.

Câu 3. (5,0 điểm):

Cảm nhận của em về vẻ đẹp nhân vật Phương Định trong đoạn trích “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê (SGK Ngữ văn 9 - Tập 2).

GỢI Ý ĐÁP ÁN

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (2,0đ)	a. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0.25
	b. - Ngôi kể: Thứ ba	0,25
	c. - Trong câu chuyện trên, cả cô bé và anh thanh niên đều là những người hiếu thảo.	0.25
	- Vì cả hai đều nhớ đến mẹ, đều biết cách thể hiện lòng biết ơn và tình yêu với mẹ.	0.25
	d. Bài học-(HS có thể chọn 1 trong 2 bài học dưới đây): - Cần yêu thương, trân trọng, hiếu thảo với các đấng sinh thành, nhất là người mẹ đã chịu nhiều vất vả, hi sinh vì con cái ...	1.0

	- Trao và tặng là cần thiết nhưng trao và tặng như thế nào mới là ý nghĩa, và để người nhận thật sự vui và hạnh phúc	
2 (3,0 đ)	<p>a. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách làm kiểu bài nghị luận xã hội. - Bảo đảm bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. - Luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, lập luận chặt chẽ. - Trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, diễn đạt lưu loát. <p>b. Yêu cầu về kiến thức:</p> <p>Trên cơ sở nắm được nội dung truyện ngắn <i>Làng</i> của Kim Lân, hình tượng nhân vật ông Hai và những hiểu biết về kiến thức xã hội, học sinh cần có các ý cơ bản sau:</p> <p><i>a. Mở bài:</i> Dẫn dắt giới thiệu vấn đề</p> <p><i>b. Thân bài:</i></p> <p>* <i>Khái quát về đoạn trích:</i> Trong truyện ngắn <i>Làng</i> của Kim Lân, ông Hai là nhân vật chính. Ông là một người nông dân yêu làng, yêu nước, gắn bó thủy chung với cách mạng với Cụ Hồ. Khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc làm Việt gian, ông vô cùng tủi hổ, đau vật, đau đớn. Ông nói chuyện với đứa con út để tạo dựng, củng cố và khẳng định niềm tin vào Cụ Hồ, vào kháng chiến.</p> <p>* <i>Giải thích:</i> Niềm tin là cảm giác đĩnh ninh, chắc chắn về một điều gì đó. Có thể là tin vào một người hay một sự vật, sự việc nào đó; tin vào chính mình. Bởi vì họ nghĩ điều đó là đúng và đáng tin tưởng.</p> <p>* <i>Bàn luận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Niềm tin là một phẩm chất cao đẹp và cần thiết. Niềm tin tiếp thêm cho con người sức mạnh để con người có ước mơ, mục đích cao đẹp; mở ra những hành động tích cực vượt lên những khó khăn, thử thách; giúp con người gạt bỏ những thành công. - Niềm tin giúp mọi người yêu cuộc sống, yêu con người, hy vọng vào những điều tốt đẹp. - Đánh mất niềm tin thì con người sẽ không có ý chí nghị lực để vươn lên, không khẳng định được mình, mất tự chủ, mất tất cả, thậm chí mất cả sự sống. - Phê phán những con người không có niềm tin, mới và vấp, thất bại lần đầu đã gục ngã, buông xuôi. - Niềm tin còn được củng cố nhờ sự cổ vũ, động viên của những người xung quanh. <p>* <i>Bài học nhận thức và hành động:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mọi người phải xây dựng niềm tin trong cuộc sống. Tin tưởng vào khả năng, năng lực của bản thân, tin tưởng vào những điều tốt đẹp. - Phải dám nghĩ, dám làm, tự tin, yêu đời, yêu cuộc sống. - Phải tránh xa các tệ nạn xã hội, phải luôn làm chủ bản thân. 	<p>0,25</p> <p>1,0</p> <p>0,75</p> <p>0,75</p>

	<p>c. <i>Kết bài</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết luận: khẳng định ý nghĩa, tầm quan trọng của niềm tin. - Liên hệ bản thân. 	0,25
3 (5,0 đ)	<p>* Yêu cầu về kỹ năng: Biết làm bài văn cảm nhận có bố cục rõ ràng; lập luận chặt chẽ; hành văn lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p> <p>* Yêu cầu về kiến thức: Trên cơ sở hiểu biết chung về tác giả Lê Minh Khuê và văn bản “Những ngôi sao xa xôi” để cảm nhận về đẹp của nhân vật Phương Định. Dưới đây là một số định hướng cơ bản:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vẻ đẹp của nhân vật Phương Định. 2. Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật Phương Định: <ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp ngoại hình: Là nữ sinh Hà Nội trẻ trung, xinh đẹp. - Vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất: <ul style="list-style-type: none"> + Phương Định có lí tưởng sống cao đẹp, anh hùng, quả cảm, luôn bất chấp mọi hiểm nguy, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Biểu hiện trong hoàn cảnh sống, thực hiện nhiệm vụ, các tình huống, đặc biệt là Phương Định trong lần phá bom). + Phương Định có tình cảm đồng chí, đồng đội nồng ấm: Biểu hiện ở sự quan tâm, chia sẻ, giành tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau trong các tình huống hiểm nguy. + Có tâm hồn trong sáng, trẻ trung, yêu đời: Thích tỏ ra kiêu kì, làm duyên; khi đón mưa đá vui thích cuồng cuồng, nhớ nhà, nhớ mẹ; thích hát, thích ngồi bó gối mơ màng... 3. Đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật: <p>Hình tượng nhân vật thể hiện tài năng nghệ thuật của Lê Minh Khuê: Miêu tả nhân vật bằng bút pháp lãng mạn, lí tưởng hoá nhân vật; hoá thân vào nhân vật, trao điểm nhìn trần thuật của Phương Định để diễn tả tâm lí của nhân vật; lối văn giản dị, hóm hỉnh, lời trần thuật tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của hình tượng nhân vật: <p>Phương Định là hình ảnh sống động về những người anh hùng không tiếc tuổi xuân xương máu của mình để đấu tranh giành độc lập tự do cho Tổ quốc. Nhà văn xây dựng nhân vật nhằm ngợi ca, thể hiện sự ngưỡng mộ trước vẻ đẹp tiềm tàng của tuổi trẻ Việt Nam, của lực lượng nữ thanh niên xung phong trong kháng chiến chống Mĩ. Thông qua nhân vật nhà văn khẳng định sức sống mãnh liệt của dân tộc ta trước những thử thách cam go của thời đại. Liên hệ...</p> 	<p>0.5</p> <p>0.75</p> <p>0.75</p> <p>0.75</p> <p>0.75</p> <p>0.75</p> <p>1.0</p> <p>0.5</p>

--	--	--

III. Củng cố - Dặn dò

- Tự chấm bài của mình theo thang điểm và đáp án giáo viên hướng dẫn
- Về nhà: Tự luyện đề số 2 theo thời gian quy định.

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

BUỔI 20: LUYỆN ĐỀ (TIẾP THEO)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Giúp hs

Củng cố, khắc sâu hơn những kiến thức đã học ở 3 phân môn Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn ở Ngữ văn 9.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng tổng hợp, luyện giải đề thi
- Rèn kỹ năng đọc-hiểu, phân tích, cảm thụ văn bản cũng như các chi tiết, hình ảnh đặc sắc

3. Thái độ, phẩm chất:

- Yêu mến thơ văn dân tộc.
- Sống có trách nhiệm, yêu quê hương đất nước.
- Tự giác, hứng thú trong học tập

4. Năng lực:

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.
- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

II. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

PHÒNG GD & ĐT
TRƯỜNG THCS

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120 phút)

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4.0 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỉ. Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới. (1)

Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò của con người lại càng nổi trội...” (2)

(Trích “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới”, Vũ Khoan, SGK Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2016)

Câu 1(0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

Câu 2(0.5 điểm): Chỉ ra và gọi tên thành phần biệt lập được sử dụng trong câu văn: “Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất”?

Câu 3(1.0 điểm) : Chỉ ra và gọi tên các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn (1)?

Câu 4(1.25 điểm): Giải thích ý nghĩa của từ “hành trang”? Tại sao tác giả cho rằng “Trong những hành trang ấy, sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất”?

Câu 5(0.75điểm): Từ đoạn trích trên, bản thân em thấy mình cần phải chuẩn bị hành trang gì cho tương lai phía trước?

II. PHẦN LÀM VĂN (6.0 ĐIỂM)

Câu 1 (2,0 điểm): Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về tầm quan trọng của làm việc có kế hoạch.

Câu 2 (4,0 điểm): Trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa”, nhà văn Nguyễn Thành Long đã viết về nhân vật anh thanh niên như sau:

Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia.

Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ vất vả đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào giờ “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dừng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liên trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toé toé, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”.

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đứng đưa khe khẽ, nói:

- Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.

Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích trên. Từ đó, hãy liên hệ với hình ảnh những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê để thấy được vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam.

----- HẾT -----

PHÒNG GD & ĐT
TRƯỜNG THCS

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120 phút)

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

Phần 1	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC - HIỂU	4,0

	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là : Nghị luận.	0,5
	2	Thành phần biệt lập được sử dụng trong câu văn: “ <i>Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất</i> ” là: Thành phần tình thái “Có lẽ”	0,5
	3	Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn (1) là: - Phép lặp : “thế kỉ”, “thiên niên kỉ” - Phép thế: “trong thời khắc như vậy”	0,5 0,5
	4	- Ý nghĩa của từ “ <i>hành trang</i> ” là đồ dùng mang theo và các thứ trang bị khi đi xa. Ở đây, tác giả Vũ Khoan dùng với nghĩa là hành trang tinh thần như tri thức, kĩ năng, thói quen...để đi vào một thế kỉ mới. - Tác giả cho rằng “ <i>Trong những hành trang ấy, sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất</i> ” vì + Con người là chủ nhân của đất nước, mọi hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội đều do con người xây dựng và phát triển nên. Điều ấy có nghĩa, xã hội có vận hành, có tồn tại và phát triển được hay không chính là phụ thuộc vào con người. + Đặc biệt trong thế kỉ mới (sự phát triển vũ bão của khoa học công nghệ, trong một nền kinh tế tri thức) vai trò của con người lại càng quan trọng.	0,5 0,5 0,25
	5	Bản thân em thấy mình cần phải chuẩn bị hành trang gì cho tương lai phía trước? + Chuẩn bị về tri thức, học vấn. + Chuẩn bị về kĩ năng. + Hình thành những thói quen tốt.	0,75
II		LÀM VĂN	6,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về tầm quan trọng của làm việc có kế hoạch	2,0
		* Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về văn nghị luận xã hội để tạo lập đoạn văn. Đoạn văn phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc, giàu sức thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.	
		* Yêu cầu cụ thể: a) Nội dung trình bày:	1,25
		- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tầm quan trọng của làm việc có kế hoạch	0,25
		- Giải thích: Làm việc có kế hoạch là thực hiện công việc theo một bản dự kiến nội dung và cách thức hành động, phân bố thời gian cụ thể để hoàn thành một công việc nhất	0,25

	định.	
	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ suy nghĩ về vấn đề cần nghị luận, kết hợp lí lẽ và dẫn chứng. + Làm việc kế hoạch giúp chúng ta hình dung trước các công việc cần làm, phân phối thời gian hợp lí để tránh bị động, bỏ quên, bỏ sót các công việc cần làm. + Nhờ làm việc có kế hoạch giúp ta chủ động trong công việc, đảm bảo cho công việc được tiến hành thuận lợi và đạt kết quả. Cùng với quá trình làm việc ấy là sự điều chỉnh những việc chưa được, chưa phù hợp, xác định khả năng, lợi ích của công việc. Thậm chí còn mở ra những cơ hội mới từ việc nhìn rõ và làm chủ những định hướng đã vạch sẵn. + Làm việc có kế hoạch giúp ta tự tin, chủ động, tỉnh táo trong công việc, đạt đến hiệu quả cao nhất. Không chỉ vậy, khi làm việc với một kế hoạch cụ thể còn giúp ta tiết kiệm được công sức, tránh được những tổn thất không đáng có. + Người làm việc có kế hoạch luôn hoàn thành tốt công việc, tạo được động lực, niềm tin tưởng ở người khác. 	0,75
	b) Hình thức trình bày:	0,5
	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận gồm 3 phần: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. - Lập luận chặt chẽ, mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. 	
	c) Sáng tạo:	0,25
	Thể hiện quan điểm riêng, sâu sắc, sáng tạo, có cách diễn đạt độc đáo...	
2	Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích trên. Từ đó, hãy liên hệ với hình ảnh những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i> ” của Lê Minh Khuê để thấy được vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam.	4,0
	* Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng bài văn nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc, giàu sức thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.	
	* Yêu cầu cụ thể:	
	a) Nội dung trình bày:	3,0
	- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích và nhân vật anh thanh niên	0,5
	- Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên	2,0
	+ Yêu nghề, có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm cao	0,5

	<p>trong công việc.</p> <p>+ Ý thức sâu sắc về mục đích, lí tưởng sống</p> <p>+ Khao khát gặp gỡ mọi người, nổi thềm người rất đáng yêu => chân thành, cởi mở, hiếu khách</p> <p>+ Ham đọc sách, chủ động làm phong phú đời sống tinh thần của mình.</p> <p>+ Nghệ thuật khắc họa nhân vật</p>	<p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0,25</p> <p>0.5</p>
	- Liên hệ với hình ảnh những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i> ” của Lê Minh Khuê	0,25
	<p>+ Những cô gái trong tác phẩm “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” của Lê Minh Khuê là những nữ thanh niên xung phong trong tổ trinh sát mặt đường, sống và chiến đấu trong hoàn cảnh hết sức khó khăn khắc nghiệt.</p> <p>+ Ba cô gái mỗi người một tính cách nhưng đều ngời sáng các vẻ đẹp đáng quý (vẻ đẹp phẩm chất anh hùng, tình đồng chí đồng đội, sự hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng)</p>	
	- Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam	0,25
	<p>+ Thế hệ trẻ Việt Nam mang trong mình lối sống cống hiến với mục đích, lí tưởng sống cao đẹp.</p> <p>+ Họ đã đóng góp những âm thanh đẹp vào bản hòa ca của dân tộc</p>	
	b) Hình thức trình bày:	0,75
	<p>- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc.</p> <p>- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	
	c) Sáng tạo:	0,25
	<p>- Thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p> <p>- Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo.</p>	

Lưu ý chung:

1. Đây là đáp án mở, thang điểm không quy định điểm chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của các phần nội dung nhất thiết phải có.
2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm ở từng ý hay cả bài khi đáp ứng yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể.
3. Cho điểm lẻ tới 0,25; không làm tròn điểm số của bài.

----- HẾT -----

PHÒNG GD & ĐT
TRƯỜNG THCS

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120 phút)

ĐỀ SỐ 2

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4.0 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

*“Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: **đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền.** Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mẩn mẩn, cát lạo xạo trong miệng.*

Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái, đến vàng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”

Câu 1 (0.75 điểm). Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Tác giả là ai? Đoạn trích sử dụng kết hợp những phương thức biểu đạt nào?

Câu 2 (0.75 điểm). Nhân vật xưng “tôi” trong đoạn trích là ai? Người đó làm công việc gì? Tính chất công việc ra sao?

Câu 3 (1.0 điểm). Những từ in đậm là lời độc thoại hay độc thoại nội tâm? Hãy phân tích hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng hình thức ngôn ngữ đó.

Câu 4 (0.5 điểm). Theo em, câu văn “*Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần.*” có hàm ý gì?

Câu 5 (1.0 điểm). Em cảm nhận được vẻ đẹp phẩm chất nào của nhân vật “tôi” được bộc lộ trong đoạn trích.

II. PHẦN LÀM VĂN (6.0 ĐIỂM)

Câu 1 (2.0 điểm). Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vai trò của ước mơ đối với tuổi trẻ.

Câu 2 (4.0 điểm). Cảm nhận của em về hai khổ thơ sau:

“*Mọc giữa dòng sông xanh*

Một bông hoa tím biếc

Ôi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng”

(Trích “*Mùa xuân nho nhỏ*” – Thanh Hải)

“*Bỗng nhận ra hương ổi*

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về”

(Trích “*Sang thu*” – Hữu Thỉnh)

PHÒNG GD & ĐT THÀNH PHỐ
TRƯỜNG THCS

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120 phút)

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

Phần 1	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC - HIỂU	4,0
	1	- Văn bản: “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i> ”	0,25
		- Tác giả: Lê Minh Khuê	0,25
		- Phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm.	0,25
	2	- Nhân vật xưng “tôi” trong đoạn trích là Phương Định.	0,25
		- Công việc của Phương Định: Làm trinh sát mặt đường, hàng ngày chạy trên cao điểm đo khối lượng đất đá, lắp hố bom, đếm số bom chưa nổ và phá bom.	0,25
		- Tính chất công việc: Vô cùng gian khổ và hiểm nguy.	0,25
	3	- Những từ ngữ in đậm trong đoạn trích là lời độc thoại	0,5

		<p>nội tâm của Phương Định.</p> <p>- Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng hình thức ngôn ngữ đó: + Nhân vật tự bộc lộ tâm trạng trần trụi của mình một cách chân thực, tự nhiên, khách quan, sinh động.</p> <p>+ Từ đó làm nổi bật tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh vững vàng của cô trong công việc đầy hiểm nguy.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
	4	<p>Câu văn “<i>Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần.</i>” có hàm ý:</p> <p>- Phương Định và đồng đội phải phá bom rất nhiều lần trong ngày.</p> <p>- Công việc của họ đầy hiểm nguy, cuộc sống vô cùng khắc nghiệt.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
	5	<p>Cảm nhận về đẹp phẩm chất của nhân vật “<i>tôi</i>” được bộc lộ trong đoạn trích:</p> <p>- Tinh thần trách nhiệm cao trong công việc:</p> <p>- Bản lĩnh vững vàng, dũng cảm, kiên cường:</p> <p>=> Vẻ đẹp tiêu biểu của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
II		LÀM VĂN	6,0
	1	Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vai trò của ước mơ đối với tuổi trẻ.	2,0
		<p>* Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về văn nghị luận xã hội để tạo lập đoạn văn. Đoạn văn phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc, giàu sức thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.</p>	
		<p>* Yêu cầu cụ thể:</p> <p>a) Nội dung trình bày:</p>	1,25
		- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Vai trò của ước mơ đối với tuổi trẻ.	0,25
		- Giải thích: Ước mơ là những điều tốt đẹp trong tương lai mà con người luôn hướng tới, mong muốn khao khát đạt được nó.	0,25
		<p>- Bàn luận:</p> <p>- Ước mơ có vai trò vô cùng quan trọng đối với con người, đặc biệt là với tuổi trẻ:</p> <p>+ Giúp các bạn trẻ định hướng tương lai, sống có mục đích, vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, thử thách để đạt được thành công.</p> <p>+ Giúp người trẻ tạo động lực sống có ý nghĩa với tập thể, xã hội, cộng đồng.</p> <p>- Để thực hiện được ước mơ, con người cần trang bị cho</p>	0,75

	<p>mình những kiến thức và kĩ năng cần thiết. Đồng thời cũng cần cả lòng kiên trì và ý chí để thực hiện và theo đuổi ước mơ.</p> <p>- Phê phán những người sống không có ước mơ, hoài bão, lí tưởng...</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động</p>	
	<p>b) Hình thức trình bày:</p> <p>- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận gồm 3 phần: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0,5
	<p>c) Sáng tạo:</p> <p>Thể hiện quan điểm riêng, sâu sắc, sáng tạo, có cách diễn đạt độc đáo...</p>	0,25
2	<p>Cảm nhận của em về hai khổ thơ đầu trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” – Thanh Hải và “Sang thu” – Hữu Thỉnh</p>	4,0
	<p>* Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng bài văn nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc, giàu sức thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.</p>	
	<p>* Yêu cầu cụ thể:</p> <p>a) Nội dung trình bày:</p>	3,0
	Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm, hai đoạn trích thơ	0,5
	Cảm nhận về đẹp của từng đoạn trích thơ (<i>phân tích có kèm dẫn chứng</i>)	2,0
	<p>- Khổ thơ đầu bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” – Thanh Hải: Cảm xúc trước vẻ đẹp của mùa xuân đất trời + Bức tranh thiên nhiên mùa xuân xứ Huế tươi đẹp, bình dị, sống động.</p> <ul style="list-style-type: none"> Cảm nhận bằng thị giác, thính giác, xúc giác. Màu hoa tím biếc nổi bật trên dòng sông xanh mang vẻ đẹp nhẹ nhàng mà tươi mới, sống động. Âm thanh tiếng chim chiền chiện vui tươi mà rộn rã Liên tưởng độc đáo: “giọt long lanh” thể hiện vẻ đẹp, sức sống mùa xuân. <p>+ Cảm xúc thiết tha, yêu thiên nhiên, khát khao cuộc sống mãnh liệt</p> <ul style="list-style-type: none"> Tiếng gọi ơi, từ “chi, mà”, phép nhân hóa thể hiện lòng yêu thiên nhiên, cuộc sống tha thiết của nhà thơ 	1.0

	<ul style="list-style-type: none"> • “Đưa tay hứng” : sự trân trọng, nâng niu, say mê, ngây ngất trước vẻ đẹp mùa xuân của tác giả. <p>- Khổ thơ đầu của bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh</p> <p>+ Bức tranh thiên nhiên mùa thu nên thơ, thanh bình, yên ả lúc giao mùa</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tín hiệu của mùa thu được cảm nhận tinh tế qua khứu giác, xúc giác, thị giác. • Các tín hiệu: Hương ổi mộc mạc, thân quen của làng quê phả trong không gian; gió se lạnh mơn man làn da; sương chùng chình như ngập ngừng, chậm rãi, giăng mắc <p>+ Tình yêu thiên nhiên qua cảm nhận tinh tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cảm xúc bất ngờ, tự nhiên: Bỗng... • Bâng khuâng, ngỡ ngàng trước bước chuyển mình của thu : Hình như... <p>(HS có thể có những cảm nhận và diễn đạt khác nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục)</p>	1.0
	Nhận xét về bức tranh thiên nhiên qua hai khổ thơ	0,5
	<p>- Giống nhau:</p> <p>+ Đều là những bức tranh thiên nhiên đẹp</p> <p>+ Thể hiện tâm hồn yêu thiên nhiên, nhạy cảm, tinh tế</p> <p>+ Sử dụng từ ngữ gợi hình, gợi cảm, thể thơ 5 chữ, giàu hình ảnh, cảm xúc.</p>	0,25
	<p>- Khác nhau:</p> <p>+ “Mùa xuân nho nhỏ” là bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong tâm tưởng, giàu sức sống, bộc lộ khát khao sống, khát khao hòa nhập cuộc sống của nhà thơ.</p> <p>Giọng điệu tâm tình, tha thiết kết hợp ngôn ngữ giản dị, hình ảnh cụ thể, hữu hình.</p> <p>+ “Sang thu” là bức tranh thiên nhiên mùa thu lúc giao mùa từ cuối hạ sang đầu thu ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ đẹp, thanh bình</p> <p>Giọng điệu nhẹ nhàng, êm ả, cùng những từ ngữ đặc sắc và rung động</p>	0,25
	b) Hình thức trình bày:	0,75
	<p>- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc.</p> <p>- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	
	c) Sáng tạo:	0,25
	- Thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	

	- Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo.	
--	---	--

Lưu ý chung:

1. Đây là đáp án mở, thang điểm không quy định điểm chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của các phần nội dung nhất thiết phải có.
2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm ở từng ý hay cả bài khi đáp ứng yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể.
3. Cho điểm lẻ tới 0,25; không làm tròn điểm số của bài.

----- HẾT -----

PHÒNG GD & ĐT
TRƯỜNG THCS

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120 phút)

ĐỀ SỐ 3**I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (3.0 ĐIỂM):**

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

*“Nắng trong mắt những ngày thơ bé
Cũng xanh mơn như thể lá trầu
Bà bỏ cau thành tám chiếc thuyền cau
Chở sớm chiều tóm tét
Hoàng hôn đọng trên môi bà quanh thăm
Nắng xiên khoai qua liếp vách không cài
Bóng bà đổ xuống đất đai
Rủ châu châu, cào cào về cháu bắt
Rủ rau má, rau sam
Vào bát canh ngọt mát
Tôi chan lên suốt dọc tuổi thơ mình.”*

(Trích “*Thời nắng xanh*”, Trương Nam Hương, dẫn theo vannghequandoi.com.vn)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định thể thơ của văn bản?

Câu 2 (1.0 điểm): Trong văn bản, tác giả đã nhớ lại những gì trong thời thơ bé?

Câu 3 (1.0 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: “*Nắng trong mắt những ngày thơ bé/Cũng xanh mơn như thể lá trầu*”?

Câu 4 (0,5 điểm): Bài thơ khơi gợi trong tâm hồn em tình cảm gì? (Trả lời bằng một đoạn văn từ 3 đến 5 dòng).

II. PHẦN LÀM VĂN (7.0 ĐIỂM):

Câu 1 (2.0 điểm).

Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của những việc làm thiện nguyện trong cuộc sống.

Câu 2 (5.0 điểm).

Người cha muốn nhắn nhủ với con điều gì qua đoạn thơ:

*Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con*

(Trích : “Nói với con” – Y phươg, SGK Ngữ văn 9, tập II)

PHÒNG GD & ĐT
TRƯỜNG THCS

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021
Môn Ngữ văn 9 (Thời gian: 120 phút)

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

Phần 1	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC - HIỂU	3,0
	1	Thể thơ của văn bản là : tự do	0.5

	2	Tác giả đã nhớ lại những hình ảnh thời thơ bé là: - Người bà bồng bế, nhai trầu - Nắng xiên khoai qua vách liếp - Đi bắt châu chấu, cào cào - Bát canh rau má, rau sam ngọt mát	1,0
	3	- Biện pháp tu từ: Học sinh có thể nêu 1 trong 2 biện pháp tu từ sau: + So sánh : nắng – lá trầu + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: nắng- xanh mơn - Tác dụng: + Làm cho lời thơ sinh động, hấp dẫn, giàu sức gợi hình, gợi cảm. + Thể hiện cảm xúc và cách nhìn đặc biệt của người cháu về màu nắng trong kỉ niệm, gắn liền với hình ảnh người bà, với những kỉ ức thời thơ bé không thể nào quên.	0,25 0,25 0,5
	4	- Hình thức: 1 đoạn văn 3-5 dòng , diễn đạt mạch lạc. - Nội dung Học sinh nêu những cảm xúc của bản thân về: - Tình cảm gia đình - Tình yêu quê hương Ví dụ: Đoạn thơ khơi gợi trong tâm hồn mỗi người tình yêu với quê hương, những kỉ ức quý giá thời thơ ấu bên những người thân thương. Đó là những tình cảm chân thành, hồn hậu, vốn sẵn có trong tâm hồn mỗi người, chỉ cần một tín hiệu đã đủ khơi dậy cả một miền kỉ niệm khó quên.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn khoảng 200 chữ bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của những việc làm thiện nguyện trong cuộc sống.	2,0
		* Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về văn nghị luận xã hội để tạo lập đoạn văn. Đoạn văn phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc, giàu sức thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.	
		* Yêu cầu cụ thể: <i>a) Nội dung trình bày:</i>	1,25

		- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Ý nghĩa của những việc làm thiện nguyện trong cuộc sống.	0,25
		Giải thích: Việc làm thiện nguyện là dùng thời gian của mình, của cải của mình để góp cho cộng đồng xã hội. Trong cuộc sống chúng ta vẫn có quy luật là luật nhân quả, cho và nhận. Nhưng thực chất bạn cho đi là bạn đang nhận lại.	0,25
		Bàn luận: - Ý nghĩa của những việc làm thiện nguyện trong cuộc sống + Làm thiện nguyện nói là cho nhưng thật chất là nhận, bạn nhận nhiều hơn rất nhiều; + Làm việc thiện nguyện đem lại lợi ích cho cả cộng đồng và cả bản thân; + Làm thiện nguyện sẽ giúp cho bạn sự bình an, niềm vui và niềm hạnh phúc lan tỏa, giúp cho bạn cảm thấy cuộc đời này đáng sống và cảm thấy mình sống có ý nghĩa. - Bài học nhận thức và hành động: + Về nhận thức: làm thiện nguyện chính là việc không thể thiếu trong cuộc sống; + Về hành động: đi làm từ thiện, làm việc tốt; đấu tranh, lên án những hành vi vô cảm, trục lợi...	0,75
		b) Hình thức trình bày:	0,5
		- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận gồm 3 phần: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. - Lập luận chặt chẽ, mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	
		c) Sáng tạo: Thể hiện quan điểm riêng, sâu sắc, sáng tạo, có cách diễn đạt độc đáo...	0,25
	2	Người cha muốn nhắn nhủ với con điều gì qua đoạn thơ: <i>Người đồng mình thương lắm con ơiNghe con</i>	5.0
		* Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng bài văn nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc, giàu sức thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính	

	liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.	
	* Yêu cầu cụ thể:	
	a) Nội dung trình bày:	4,0
	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích và vấn đề cần nghị luận.	0,5
	- Phân tích	2.5
	+ Cha nhắc nhở con về những đức tính tốt đẹp, đáng tự hào của “người đồng mình”	1.75
	<ul style="list-style-type: none"> • Người đồng mình giàu ý chí, nghị lực, luôn biết lo toan và mơ ước dẫn cuộc sống còn biết bao vất vả cực nhọc • Người đồng mình gắn bó thủy chung với quê hương, • Người đồng mình biết chấp nhận thực tế, sống phóng khoáng và mạnh mẽ, tràn trề sinh lực • Người đồng mình giàu lòng tự tôn dân tộc, bền bỉ lao động, biết giữ gìn bản sắc, truyền thống để dựng xây quê hương 	0.75
	+ Cha gửi gắm mong ước, niềm tin nơi con	
	<ul style="list-style-type: none"> • Cha mong con tuy thô sơ da thịt nhưng không bao giờ được sống tầm thường, nhỏ bé trước mọi người. • Gia đình, quê hương là hành trang để con tự tin trên đường đời. 	
	- Đánh giá chung	1,0
	+ Ý nghĩa lời cha nói với con:	0,5
	<ul style="list-style-type: none"> • Khuyên con đạo lý làm người: gắn bó thủy chung với quê hương • Khuyên con biết giữ gìn bản sắc, truyền thống dân tộc • Khuyên con biết nuôi dưỡng niềm tin, ý chí từ trong gian khổ • Thể hiện tình yêu và niềm tin cha dành cho con 	
	+ Nghệ thuật:	0.5
	<ul style="list-style-type: none"> • Giọng điệu đầm thắm trữ tình, vừa đậm chất sử thi kiêu hãnh, vừa chân chất mộc mạc, vừa sâu lắng tâm tư • Ý thơ dẫn dắt tự nhiên, hình ảnh thơ cụ thể mà khái 	

		quát, mộc mạc giản dị mà cũng tràn đầy chất thơ	
		• Các biện pháp tu từ	
		b) Hình thức trình bày:	0,75
		- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. - Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc. - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	
		c) Sáng tạo:	0,25
		- Thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. - Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo.	
<p>Lưu ý chung: 1. Đây là đáp án mở, thang điểm không quy định điểm chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của các phần nội dung nhất thiết phải có.</p> <p>2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm ở từng ý hay cả bài khi đáp ứng yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể.</p> <p>3. Cho điểm lẻ tới 0,25; không làm tròn điểm số của bài.</p>			

III, Củng cố, Dặn dò

- Củng cố lại cách làm bài đọc - hiểu
- Suru tầm một số đề thi tuyển sinh vào lớp 10 của các sở GD (kèm theo đáp án) trong mấy năm gần đây để buổi sau giới thiệu cả lớp tham khảo.

